

# NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẬP-CHÍ

## LỊCH-SỬ TÂY-SƠN

Than ôi ! Cơ tạo xoay vần, việc đời may rủi, người về chín suối, tiếng dề nghìn thu, ta sùng-bái anh-hùng, ta sùng-bái Tây-sơn, ta ở trăm năm sau, ta mộng-tưởng đến việc trăm năm trước. Anh em Tây-sơn ra đời đương quang thế-kỷ thứ 19, bên Âu-châu nước Mĩ có ông Hoa-thịnh-dồn, nước Pháp có ông Nã-phá-luân ; Âu-Á anh-hùng, đồng-thời xuất-hiện. Cái chí-khí, cái tư-tưởng, cái mao-hiền tinh-thần, cái tiến thủ địa-bộ, tướng cũng không kém gì nhau. . .

Tiền-tổ trước vốn là họ Hồ, cùng với Quý-Lý cùng họ khác phái, quê ở xã Thái-lão, huyện Hưng-nguyên, tỉnh Nghệ-an, quãng vua Lê Thân-tôn niên-hiệu Thuận-đức, chúa Nguyễn chúa Trịnh đánh nhau, tổ nhà Tây-sơn theo quân chúa Nguyễn vào ngụ tại Tây-sơn phủ Qui-nhân, tỉnh Bình-định, truyền bốn đời đến Hồ Phi-Phúc, Phi-Phúc đổi làm Nguyễn Phúc-Thắng, sinh được ba trai: trưởng là Văn-Nhạc, thứ là Văn-Huệ, thứ ba là Văn-Lã, ba anh em có Văn-Huệ là xuất-sắc hơn. Huệ tóc quăn mũi lõ, râu rậm che cả mép, mắt sáng như đuốc, tiếng âm như chuông, người có thao-lược, giỏi hơn Nguyễn-Nhạc. Nhạc tinh hay đánh bạc, thường đi buôn-bán với người Mán Thổ, nhân qua núi An-dương được một cái gương, tự-phụ là thần-kiếm của trời cho, đi đâu vẫn thường đeo đi, đối với người

ngoài mao-xung mình là dòng-dội chúa Nguyễn. Thỏ máu ở đây tương là thực, khoán-đãi có ý biệt-nhãn hơn người thường.

Bấy giờ Trương Phúc - Loan sai Nguyễn Nhạc làm chức hiện-lại ở tuần Văn-dồn. Nhạc thu được bao nhiêu tiền thuê vào sông đỏ đen thua mất cả, người đốc-trung là người Đàng bắt phải bồi-thường, Nhạc sợ trốn, thường cùng với em là Nguyễn Huệ đi ăn cướp ở trại Tây-sơn. Quan trấn-thủ ở đây, sức ai bắt được Nguyễn Nhạc sẽ được trọng-thưởng.

Nhạc trốn chạy vào rừng nhân gặp có người giáo-học tên là Hiến ở kinh Phú-xuân trước làm gia-khách cho người Trương Văn-Hạnh, Hạnh bị phải Trương Phúc - Loan giết, người Hiến sợ vạ lây đến mình trốn vào Qui-nhân ngụ ở ấp An-thái, đặt trường dạy học và dạy cả nghề võ. Anh em Nhạc dẫn nhau đến học người Hiến khen là người có đại-tài, bèn truyền cho binh-thư binh-pháp. Một hôm Hiến bảo Nhạc rằng : « Lời sấm có câu rằng : *« Tây khởi nghĩa, bắc thu công. »* Người là người Tây-sơn, gặp cơ-hội này cũng có thể đại-hi-vọng. » Nhạc nghe lời lấy làm thích-chí, tự nghĩ mình được cái thần-kiếm trời đã ứng cho, tự dấy mới có tư-tưởng độc-lập.

Đương triều Cảnh-hung năm thứ 23 (1762), Nhạc bắt đầu khởi-binh ở Tây-sơn, viết bốn chữ : Nguyễn Nhạc

vĩ vương, ở trên đỉnh núi, tối đêm treo đèn lồng ánh sáng, ai đi qua lại trông thấy cũng lấy làm thần-kỳ.

Gặp khi ấy trời làm kém tối, Nguyễn Nhạc sai đảng-thuộc đi ăn cướp các nhà giàu, được bao nhiêu tiền thóc, đem về tán-cấp cho cùng-dinh, dân-dinh ai cũng lấy làm hoan-nghênh, đi đến đâu phủ-dụ người ta, theo đông như kiến, vũ-dực ngày thêm mạnh, thanh-thế ngày thêm to, quan địa-phương không thể kiểm-chế được.

Một hôm Nhạc sai người làm một cái cối mình ngồi bên trong, sai thủ-hạ mỗi người dự-bị con dao giắt trong lưng, khiêng cối đến phủ, phao-ngón rằng đã tróc-nã được biện Nhạc đem về để xin lĩnh thưởng. Nguyễn Khắc là quan trấn-thủ, tưởng là thật, sai lính ra truyền khiêng cối vào để quan xem rồi sẽ thưởng công. Khi khiêng vào tận nơi, quan trấn-thủ và quan-quân đứng xem chung quanh, Nguyễn Nhạc thừa-cơ bất-ý phá cối tung ra ngoài cùng với thủ-hạ cầm dao chém tứ-tung; trong phủ quan-quân kinh sợ, đều chạy tán-loan. Nguyễn Nhạc liền chiếm giữ phủ-thành, hiệu-dụ quân-sĩ rằng: « Tướng Chúa Nguyễn là Trương Phúc-Loan tàn-bạo, công-nhiên hối-lộ, không biết giữ phép triều - đình, dân-hạt nhiều người ta-oán, ta nay dấy quân trừ hại cũng là trên vì nước, dưới vì dân, chính là việc nghĩa-cử, chư-quân phải nghe lệnh ta truyền, ai có công ta sẽ trọng-thưởng, nếu trái lệnh đã có gươm ta đây. »

Giữ được phủ-thành, bèn sai quân-sĩ đi đánh cướp các đồn, thồ-hào đâu đấy đều qui-phục, lương-thực khí-giới trong tay đã sẵn-sàng cả.

Đương bấy giờ Trịnh Sâm vẫn có ý đem quân vào Nam đánh chúa Nguyễn, chợt nghe Tây - sơn nổi loạn mà Trương Phúc-Loan ở đó làm nhiều điều

trái ngược, liền sai Hoàng Ngũ-Phúc đem 33 dinh tướng-sĩ và quân thủy quân bộ Thanh-Nghệ các đạo quân vào Nam giúp loạn.

Hoàng Ngũ-Phúc vâng mệnh xuất tướng-sĩ kéo vào đóng ở xã Hồ-sá, thanh-thuyết vào đánh nghịch-thần Trương Phúc - Loan, tôn - thất chúa Nguyễn là lũ người Nguyễn-Ly bắt Trương Phúc - Loan đem nộp cho Hoàng Ngũ - Phúc tại hành - dinh. Ngũ - Phúc mới đưa thư cho chúa Nguyễn rằng: « Nghịch-thần nay đã trừ xong, còn giặc Tây-sơn tội cũng không thể dung được, nghĩ xin hội binh ở Phú-xuân, định ngày tiến đánh. » Chúa Nguyễn là Phúc-thuần nghi là mưu Ngũ-Phúc lừa mình, bèn sai Nguyễn Cử đem binh chống, Ngũ-Phúc hô tướng-sĩ đốc các đạo binh, kéo thẳng vào kinh-thành Thuận-hóa. Chúa Nguyễn thua cùng với Hoàng-tôn là Phúc-Ánh (vua Gia-long) chạy ra Quảng-nam. Ngũ-Phúc lại tiến binh đến đánh Quảng - nam, quân chúa Nguyễn trận ấy cũng thua, đem hoàng-tôn và cung-quyển chạy thuyền vượt bể vào Gia-dịnh. Chúa Trịnh được tin báo-tiếp có lời uy-lạo quân-sĩ, ba quân đều lấy làm cảm-khích.

Lời uy-lạo rằng :

« Bóng thỏ lập-loè, lâu rồng thưa  
« nhật ; khúc địch mơ-màng nơi viễn  
« thú, bông lau lắc-rắc sở thir-kỳ. Trước  
« nhà vàng con hỉ-thước chằng-bằng,  
« tiếng tấu-công sớm dậy ; ngoài dậm  
« tia tiếng đề - quyền ánh - ỏi, người  
« hành-dịch mới về.

« Xuất-xa mấy nãi ân-cần,

« Đệ-đồ và: lời khoản-khúc ;

« Ta nay vâng nền gian-dại, nổi  
« dấu hiển-thừa, lòng lệ-tinh sớm áo  
« trưa cơm, chút tắc hăng chắm bóng  
« ha ; đường lý-chính trong vẫn ngoài  
« vũ, gần xa khắp vô hơi xuân.  
« Chiêu-yên đã thỏa chốn nhận-hồng

« lười luật chút còn loài cáo thỏ. Sáu  
 « bảy huyện non cao bang thẳm, lung-  
 « lao thói dữ quấy dân lành ; ba mươi  
 « năm thành rộng hào sâu, nấn-ná  
 « ngày chày nên thế cả. Một giải áo  
 « riềng ngăn đức-giáo, diềm nốt ruồi  
 « dăm bận thanh - binh ; giống can-  
 « thường bao dễ dung nào, việc chinh-  
 « chiến át chẳng được chớ.

« Vậy phải trao gươm khiên-tướng,  
 « xuống lệnh ra quân, trước là nối  
 « chí đức tiên-vương, công kinh-hoạch  
 « bảy lâu còn chưa trọn, sau nữa  
 « thông uy ngoài tuyết-vực, lòng úy-  
 « hoài đầu dấy lựa cho phu.

« Nghìn trùng gióng-giã xa-xôi ;

« Ba đạo nhọc-nhắn ái-ngại.

« Hăm-hở mác vàng ngựa sắt, trăm  
 « tướng một lòng ; ruồi-giông chân  
 « tuyết đầu sương, ba quân cùng sức.  
 « Trải gió tắm mưa dầm-giã, trèo non  
 « lặn suối pha-phôi. Mừng Thanh vừa  
 « được buổi gác yên, (xứ thượng-du quân  
 « Mán mộ) Thanh-khách để tranh các  
 « lợi mỏ xuân trước chưa tan mầu  
 « chướng-vụ ; Trình-quang lại trải tuần  
 « gối mác, (Tinh-quang là Lê Duy-Mật),  
 « thu sau thêm quyền sức nham-yên ;  
 « gian-nan ai vẽ nên đồ, hiềm-viên để  
 « đo được đất. Lạnh-lùng hơi chấn  
 « sương dệm giá, giầy cừu sẽ chạnh  
 « kẻ vu-giao ; nhạt-nhèo thay cơm ống  
 « nước bầu, cần thịt chẳng quên  
 « người mĩ - thất. Da cật ngựa  
 « chút hề phân khổ, giao đầu ghềnh  
 « bao đã đồng-cam. Đoàn cần-lao  
 « muôn dặm xem gầu, Mai-dịch ngăn  
 « dài lời lối cánh ; niềm trử-vọng năm  
 « canh chất nặng. Thiên-sơn chày kíp  
 « thừa treo cung.

« Mừng thấy gió nhạt chông gai,  
 « thét vang hiệu lệnh ; chước ly-gián

« dẫu ruột tâm cũng rối, thế bức-  
 « cùng cho vai cánh nên mòn. Lũ  
 « hoàn-lương ngậm cỏ ra đầu, thành  
 « Quý nửa đêm tuyết lợt ; loài  
 « nghịch-mệnh nghe hơi rợn gáy, non  
 « Cồn một trận lửa tan. Giúp thiêng  
 « trên đội đức thiên-địa tổ-lôn, gắng  
 « sức dưới cây lòng tướng-thần sĩ-lốt.  
 « Lăn mây tiết cục bóng sen nhị,  
 « công tri-khu thể Hán kham đèn ;  
 « vậy một nhà rồng dấy mưa tuôn,  
 « lòng thế-tất tiệc Chu ngó thỏ. Trước  
 « sau tả bề cần-khở, dưới trên hưởng  
 « phúc thái-bình.»

Chúa Trịnh đã đuổi đánh được  
 chúa Nguyễn, lúc ấy Nguyễn Nhạc  
 cùng với đảng-thuộc là Tập-đình người  
 tỉnh Quảng-dông, đem quân thuyền  
 vào đánh Ngũ-Phúc ở Quảng-nam,  
 Nhạc thua trận, kéo quân ra hàng,  
 Ngũ-Phúc biết Nguyễn Nhạc là người  
 có thao-lược, trao cho chức Tráng-  
 tiết tướng-quân.

Nhạc đã giữ binh-quyền, sai em là  
 Nguyễn Huệ thay mình đi đánh Phú-  
 an, có công-trang đặc-cách cho chức  
 tiễu-n-phong tướng-quân. Năm ấy Ngũ-  
 Phúc tuổi già, có ý yếm việc quân, mới  
 ủy quyền cho anh em Nguyễn Nhạc,  
 rồi trở về Bắc, đi đến nửa đường  
 bệnh chết.

Chúa Trịnh nghe tin Ngũ-Phúc chết,  
 sai gia-khách là Nguyễn Hữu-Chỉnh  
 (làm chức thư-ký) đem sắc-phong  
 cho Nguyễn Nhạc làm chức trấn-thủ  
 Quảng - nam. Không ngờ anh em  
 Nguyễn Nhạc thừa-cơ thu cả binh-  
 quyền và lương-xương, rồi đem quân  
 phòng-triệt các nơi đồn-ái cướp đánh  
 Phú-an, Bình-thuận, đắp thành Đồ-  
 bàn (1) tự xưng là vua Tây-sơn, Nguyễn  
 Huệ xưng là Long-tương tướng-quân,

(1) Đồ-bàn là thành cũ nước Xiêm, vua Gia-long lên ngôi mới cải là Bình-định, quan  
 dài sáu trăm ba trượng tám thước, cao một trượng một thước, thuộc huyện Tuy-viễn, sau  
 lại đổi thành làm dinh-ly.

Nguyễn Huệ đem quân vào đánh chúa Nguyễn ở thành Gia-dịnh. Chúa Nguyễn Phúc-Thuần chết trận, Nguyễn Phúc-Ánh thua chạy, Nguyễn Huệ giữ thành bắt quan tham-tâu Nguyễn Đăng-Tường, khoản-dãi rất là long-trọng. Đăng-Tường không chịu khuất, Huệ hỏi : « Tiên-sinh trước đã bị thua « ở Quảng-nam, nay không ngờ ta lại « bắt được tiên-sinh, nay ta muốn dãi « tiên-sinh lấy lễ tân-sư, cũng muốn « để sau này trong-dạng, thế mà tiên-  
« sinh không chịu khuất. ý tiên-sinh « lại toan vì chúa Nguyễn đề đồ « khôi - phục hay sao ? Nhưng lần « này chắc tiên - sinh cũng không « thể thoát được cái phạm - vi của « ta. » Đăng - Tường nói : « Trương-phu ở đời lấy trung-hiếu làm trước, cũng thông đặc táng là mệnh trời, ngày nay ta chỉ có việc chết, mi hỏi làm gì ? » Huệ giận sai người đem giết.

Phúc - Thuần chết, Phúc - Ánh nổi ngôi chúa Nguyễn, bị Tây-sơn kéo quân đánh cửa Cần-giờ, phải chạy ra Hà-tiên, sau lại thua trận chạy ra Lát-giang, toan lội qua sông để lánh nạn, nhưng sợ sóng ấy nhiều cá voi và sóng to gió lớn không thể lội qua được. May bên sông có con bò bèn cưỡi lên lưng, ra đến giữa sông, nước chảy mạnh quá, bò chìm mất, nhờ có cá voi rước lên trên bờ, bèn chạy ra Mỹ-thọ đưa bà Quốc-mẫu trốn ngụ ở đảo Phú-quốc, thuộc tỉnh Vĩnh-long, nhân đó về sau duyên-hải chỗ nào thấy cá voi chết thời sắc phải làm ma.

Năm mậu-tuất triều Cảnh-hưng thứ 39 Nguyễn Nhạc xưng đế, niên - hiệu Thái-đức, sai Nguyễn Thoa đem quân vây chúa Nguyễn ở Phú-quốc. Chúa Nguyễn phải chạy ra đảo Côn-lôn, Nguyễn Huệ lại đem chiến-thuyền đến vây chung-quanh đảo 3 vòng, tự-nhiên mưa to gió lớn, sấm chớp mù-mịt cả bốn phương trời, chúa Nguyễn may

thoát được nạn, sau Tây-sơn lại đem quân đến Cần-giờ đánh chúa Nguyễn, Chúa Nguyễn thua chạy, chỉ có trung-thần 5, 6 người theo chạy vượt bể.

Khi đến Xiêm-la, sai Chu Văn-Tiếp đưa bức thư nói với bà Thứ-phi vua Xiêm xin đem quân cứu-viện, bà Thứ-phi nhận được thư nói với vua Xiêm rằng : « Chúa Nguyễn bị Tây-sơn đánh chiếm lấy kinh-thành, bà quốc-mẫu phải phiêu-lưu ở đảo Phú-quốc, nay đến đây ý muốn nhờ binh-uy nhà vua, nhưng không biết vua có nghe không, nên ngần-ngại chưa dám nói. » Vua Xiêm nói : « Xiêm Việt tuy là hai nước, nhưng nghĩa hôn-nhân cũng như một nhà, nay đã cậy đến ta thời ta cũng hết sức ra tay giúp đỡ. » Bèn sai hai tướng là Triệu Lô, Triệu Thương đem hai vạn quân dân chúa Nguyễn về nước, quân đi đến Long-hồ không ngờ Nguyễn Huệ đã đem quân phục đón đánh, quân Xiêm chết hơn vạn người, hai tướng bỏ chạy về nước. Chúa Nguyễn chạy về Phú-quốc rước bà Quốc mẫu và cung-quyển lại sang nước Xiêm lưu ở thành Vong-các, sau biết quân Xiêm không có thể địch được với Tây-sơn, bèn nói với ông Bá-da-lộc (người nước Pháp) xin nước Pháp đem binh đề đồ khôi-phục.

Nguyễn Huệ đã đuổi được quân Xiêm, Nhạc bèn sai Huệ tiết-chế thủy bộ các đạo binh, nhân gặp được Cống-Chỉnh bỏ chúa Trịnh về Qui-nhơn, khuyên Nguyễn Nhạc rằng ngoài Bắc Trịnh Xâm xử chỗ gia-dình không có trật-tự, bỏ con trưởng là Trịnh Khải, lập con thứ là Trịnh Cán, ba phủ kiêu-binh nổi loạn, người Trịnh Khải giết tướng chúa Trịnh là Hoàng Đình-Báo, chắc sau này nội-loạn không yên, trong Nam thì chúa Nguyễn lưu ở Xiêm-la, kinh Phú-xuân không có phòng-bị, thừa - cơ ấy đem quân vào đó lấy thành quyết được. Nguyễn Nhạc nghe lời vừa ý gặt đầu, bèn sai

Cống-Chỉnh và Vũ Văn-Nhâm theo Nguyễn Huệ đem các đạo quân đến phá đồn Hải-vân, (thuộc Quảng-nam), liền kéo vào giữ thành Thuận-hóa. Người Hoàng Đình-Thể đem quân chống đánh bị chết trận, Phạm Ngô-Cầu kéo quân ra hàng, các tướng ở đồn Cát-doanh, (thuộc Quảng-trị), đồn Động-hải, (thuộc Quảng-bình) nghe tin Ngô Cầu đã ra hàng Tây-sơn đều bỏ đồn chạy.

Cống-Chỉnh lại khuyên Nguyễn Huệ : « Nay đã thừa-thắng, mau mau kéo quân ra Bắc. » Huệ nói : « Ta e chúa Trịnh vẫn còn đương đồ, chưa có cơ đánh. » Chỉnh nói : « Kiêu đất chúa Trịnh có câu : *Không vương không bá quyền khuyh thiên-hạ, truyền hai trăm năm, tiêu-tường gây vạ.* Kể từ Trịnh Kiểm đến nay lịch-số đã hết rồi ; vả nay Hà-bắc ba phủ-binh kiêu tướng lười, không ai cùng lòng với chúa Trịnh, tôi quyết có cơ đánh được. » Huệ nói : « Anh-tài ở Hà-bắc còn nhiều người giỏi. » Chỉnh nói : « Hà-bắc anh-tài có một mình tôi, tôi đi thời không còn ai nữa. » Huệ hỏi : « Đem quân ra đây lấy cơ gì cho được danh chính ngôn thuận, để phu lòng người. » Chỉnh nói : « Mượn cơ phủ Lê diệt Trịnh, đem công-lý bực-bạch với thiên-hạ thì ai là không theo. » Huệ nói : « Như thế cũng có lẽ, nhưng chỉ sợ mình chuyên-chế, đối với Nguyễn Nhạc thời nói thế nào. » Chỉnh nói : « Kiêu chế là lỗi nhỏ, may ra mà đem quân đi được công-ìto thời kiêu-chế có hề chi. Sách có chữ : Tướng quân ở ngoài quân mệnh cũng có điều không chịu. » Phương-chi đối với Nguyễn Nhạc vẫn là tình anh em, thời Kiêu-chế cũng được đứng ngại. Huệ gạt đầu, lập-tức nhất-đạo đưa thư

báo cho Nguyễn Nhạc biết, nhất-đạo sai Nguyễn Chỉnh đem quân thuyền ra bề vào cửa Đại-an (thuộc Nam-dinh), tiến quân cướp lấy kho lương ở Vị-hoàng để dự-bị cho quân ăn.

Huệ lại sai em là Nguyễn Lã lưu đóng ở thành Thuận-hóa. Minh suất quân thủy quân lục kéo ra sau để ứng-tiếp với quân Chỉnh. Lúc ấy kéo quân đi qua Thanh-Nghệ, các chỗ đồn trấn, chỗ thời bỏ thành chạy, chỗ thời bỏ giáo ra hàng, thanh-thế nô-nức khắp cả mọi nơi không ai dám địch. Quân đến Vị-hoàng hợp với quân Chỉnh, gặp gió đông-nam thuận buồm kéo thẳng đến Long-tường, tướng chúa Trịnh là Đình lịch-Nhượng đem quân hãn-ngự ở cửa Luộc. Nguyễn Huệ cho người thám được tình-hình, nhân ban đêm trời tối mù-mịt, đưa sáu cái thuyền chiến đi trước làm giả quân gõ chèo vào cửa Luộc, thuyền chèo quanh đi quanh lại, người Nhượng tưởng là quân Huệ đem súng bắn tự nửa đêm cho đến khi mọc mặt trời, mới biết là bị lừa. Khi quân Huệ đến tận nơi thời quân người Nhượng hết cả súng đạn, sợ bỏ đồn chạy.

Đoạn rồi Huệ đưa hịch truyền cho các đạo tướng-quân rằng Tây-sơn đem quân ra đây chủ-ý diệt Trịnh phủ Lê, chứ không có sự tranh-cướp gì, các đạo binh-tướng không được nao-dộng. Bèn tiến quân phá đồn Thúy-ái, đồn Vạn-xuân (thuộc huyện Thanh-trì) lại toan kéo quân thẳng vào thành Thăng-long, khi mới đến bến Tây-luông, Trịnh Khải đem binh chống giữ, lập trận lửa phun, quân Trịnh Khải sợ nóng bỏ chạy về phủ, về đến nơi thì đã thấy cờ Tây-sơn cắm ở trên mặt thành, Trịnh Khải đâm cổ chết. (1)

(1) Lúc bấy giờ có câu : « Một mình vừa chống vừa chèo, không ai tát nước đỡ nghèo một khi » là ý nói khi Trịnh Khải bị quân Nguyễn Huệ đuổi, tự-vệ bỏ tan cả, chỉ có một mình chạy ra bờ sông, gặp một chiếc đò nát vừa chở vừa chạy ra bắc-ngạn, khi trở về đã thấy cờ Tây-sơn cắm trên mặt thành, phát bực mà chết.

Nguyễn Huệ vào yết vua Lê (tức là Hiền-tôn) đem hiến đình-tịch tâu xin hết sức phù-tá nhà Lê, vua Lê phong cho chức Nguyên-súy Oai-quốc-công và gả công-chúa cho. Nguyễn Nhạc nghe tin Nguyễn Huệ đã diệt được họ Trịnh giữ thành Thăng-long, sợ Huệ tranh quyền cướp nước của mình, vội vàng đem tướng-sĩ ra Bắc. Khi đến Thăng-long vua Hiền-tôn vừa mất, vua Mẫn-đế (tức là Chiêu-thống) lên ngôi, vua suất trăm quan ra đón Nguyễn Nhạc ngoài cửa thành, Nhạc sai bộ-tướng tâu hôm sau sẽ vào châu. Rồi kéo luôn quân thẳng đến dinh Nguyễn Huệ đóng chốt xem tình-hình thế nào, Huệ ra rước vào dinh đề từ-tạ lỗi mình chuyên-chế, Nhạc nói : « Tướng-quân ở ngoài có việc gì ích-lợi cho nhà nước thời tùy-tiện mà làm cũng được, chỉ hiềm vì một nỗi đem quân vào đóng nơi trọng-địa ta lấy làm lo sợ, nên phải thân-suất tướng-sĩ ra đây đề dự-phòng, nay Hà-bắc đã yên, nên xin quân về. » Huệ vâng lời và xin mật-miru dừng đề Cống-Chính biết, vì là Chính ra đánh Hà-bắc có công-trạng tự dấy có ý lộng-quyền ngạo-mạn, nên cho ở đây không nên cho về.

Ngày mai Nguyễn Nhạc vào mừng vua Lê, vua ủy-lao có ý muốn lưu ở lại giúp việc nước. Nhạc mặt ngoài vâng mệnh, nhưng đã chót mưu với Nguyễn Huệ đưa quân về Nam, định đêm hôm ấy cùng với Nguyễn Huệ đem các quân-sĩ kéo về, đến sớm mai Cống-Chính mới biết, vội-vàng đi thuyền theo vào Nghệ-an định theo Nguyễn Huệ về. Huệ ủy-dụ rằng : « Nghệ-an là chỗ trọng-trấn, các đạo quân trong Nam ngoài Bắc tiến-thoái tất phải qua đây. Vậy phải cần có nhiều người ở đây đề dự-phòng, ta cho người cùng với Nguyễn Tuấn lưu lại đợi ta tìm được người khác ra thay rồi sẽ cho người về. »

Kéo quân về Nam, Nguyễn Nhạc xưng đế ở Qui-nhơn, phong Nguyễn Huệ làm Bắc-bình-vương ở Thuận-hóa, Nguyễn Lễ làm Đông-dinh-vương ở Gia-dịnh. Đương lúc ấy anh em hòa-hợp tướng cũng có cơ thiên-hạ về tay Tây-sơn, chỉ nhân vì sự Nguyễn Huệ thu được cửa-cải ở phủ chúa Trịnh không chia cho Nguyễn Nhạc, Nhạc vẫn không bằng lòng, khi Huệ ở Bắc, Nhạc ở nhà thông-dâm với vợ Nguyễn Huệ, sau lộ truyền ra, Huệ lấy làm căm-tức, đem binh đến Qui-nhơn vây Nguyễn Nhạc hơn hai tháng hết cả lương ăn, Nhạc thế cùng lên mặt thành gọi Huệ khóc rằng : « Dây đậu nấu củ đậu, đậu khóc ở trong chỗ ; anh em cùng máu-mủ, nhẩn lòng chi, hỡi chú !, Huệ nghe lời bèn bãi binh giảng-hòa.

Dựng hòa-ước chia địa-giới, Nhạc cai-trị từ Quảng-nghĩa trở về Nam, Huệ cai-trị từ Thăng-long ? trở về Bắc.

Bấy giờ Trịnh Lệ, Trịnh Bồng thừa-cơ anh em Tây-sơn đương lúc hiềm-khích, không có lưu ý gì đến ngoài Bắc, anh em họ Trịnh suất đảng đánh nhau đề tranh nối ngôi, vua Lê ngăn cấm không được sợ có nguy-biến đến nơi, chiếu đòi Cống-Chính đem binh Nghệ-an về phòng-bị trong cấm-dinh, Chính vâng chiếu thanh-ngôn mộ được quân ở Nghệ hơn một vạn đem về Kinh-sư, đốt phủ chúa Trịnh, hơn mười ngày lửa mới tắt. Trịnh Lệ sợ trốn, Trịnh Bồng chạy ra Kinh-bắc. Vua Lê sắc cho Cống-Chính làm chức Đại-tư-đồ, phong là Bằng-quốc-công đề thay quyền chúa Trịnh, Chính từ đấy chuyên-chế lộng-quyền mở phủ riêng theo như thế-lệ chúa Trịnh vậy.

Nguyễn Huệ nghe tiếng đòi Cống-Chính về Nam, Chính quyết ý không về, tự nghĩ :

*Đường trời rộng mở thênh-thênh,  
Ta đây cũng một triều-dinh kềm ai !*

Nguyễn Huệ giận nói : « Fên ấy bé người to con mắt, dám chống với ta hay sao ? Đi cùng bốn bề chín chu, về nhà lại sợ chuột chù cắn chân ! » Liền sai Ngô Văn-Sở hiệp đồng với trấn-thủ Nghệ-an là Vũ Văn-Nhâm đánh phá Thanh-hóa, độ sông Mã-giang, qua núi Tam-diệp, liền đến sông Thanh-quyết truyền cho tướng - sĩ quyết bắt cho được cừ-khôi Nguyễn Chỉnh.

Chỉnh nghe tin báo-cấp, liền đem quân ở Thăng-long và các đạo tướng-sĩ hơn 3 vạn đắp giậu lũy để phòng-triệt phía bắc-ngạn con sông ấy, lại sai con là Nguyễn Hữu-Du đem chiến-thuyền hơn 50 chiếc, đóng ở cửa Luộc. Nhân gặp mùa đông trời rét như cắt, quân-sĩ đều ngồi sưởi củi cho ấm, không có dự-phòng.

Người Vũ - Nhâm khiến quân-sĩ những người có can-dảm xé giậu lên vào, dòm chỗ nào có lửa sáng xông vào tận nơi chém chết kẻ mấy trăm người, lại thừa lúc ban đêm mật-sai quân-sĩ lội sông đem dây buộc vào thuyền quân Hữu-Du kéo sang bãi bên Nam, rồi phát pháo-hiệu, quân trong thuyền đương ngủ nghe hiệu pháo tưởng là pháo-hiệu quân mình, bèn hô nhau bắn sang nam-ngạn, không ngờ quân mình lại bắn quân mình, đâm xuống sông chết như rác. Cống-Chỉnh biết quân mình thua, lùi về giữ Chu-kiều đánh trống thu quân, thì chư-quân kinh sợ đã chạy gần hết, chỉ còn 3 trăm quân. Chỉnh bèn lùi về Thăng-long cao-cấp.

Nguyễn Huệ suất quân kéo binh vào thành, vua Chiêu-thống nghe tin run sợ, liền sai Duy - Trụ đưa bà Hoàng-thái-hậu cùng cung-quyển xa-giá chạy ra Kinh-bắc. Vua đi bộ theo sau gặp quân hung-dồ, đón đường ăn cướp, trong lưng có đồ gì bị cướp lấy hết cả, khoanh-khắc Cống-Chỉnh mới chiêu-tập được vài nghìn quân đưa

vua chạy qua sông đến Kinh-bắc núi Mục-sơn thuộc huyện An-thế. Vũ - Nhâm lại đem quân đuổi đánh Cống-Chỉnh. Chỉnh ngã ngựa bị bắt đem về thành Thăng-long phân thây.

Nguyễn Chỉnh người Đông - hải, tỉnh Nghệ-an, đỗ cử-nhân, gọi là Cống-Chỉnh, có tài thao-lược, từ-phương bát-diện, cũng là một tay gian-hùng. Trước làm môn-hạ Hoàng Ngũ-Phúc, kể làm thư-ký cho chúa Trịnh. Khi Trịnh-Xâm mất, tướng-thần là Hoàng Đình-Bảo âm-mưu phẫn-lập, quân ba phủ giết người Bảo, Cống-Chỉnh sợ va lây thác cố đem thuyền ra bề để tuần-phòng, rồi dẫn cả gia-quyển vào Quỳnh-nhân. Tây-sơn dùng làm gia-tướng ủy cho binh-quyền, Chỉnh bèn mưu với Tây-sơn đem quân ra Bắc giúp yên ba phủ và đánh họ Trịnh.

Thời bấy giờ Hà-bắc có câu : « Cống rần cắn gà nhà ». Sau bị người Vũ Nhâm xui Tây-sơn bỏ Cống-Chỉnh. Chỉnh lại về với nhà Lê, vua Lê phong làm Bạng-quốc-công, nhân thế mời tung-hoành ở ngoài Bắc, đem lòng phản-đối với Tây-sơn, cho nên Tây-sơn trách Cống-Chỉnh lại có câu : « Ai đưa con sáo qua sông, mà cho con sáo xô lồng bay cao ! Bay cao thời mặc bay cao, lưới trời cũng rộng thoát nào được đâu ! » Than ôi ! Con người trở mặt xuôi ngược ngược xuôi, con tao trêu người đảo-diên diên-dảo, lạ thay cho Cống-Chỉnh. Sống cũng ở Tây-sơn, chết cũng ở tay Tây-sơn, công không ai bằng Cống-Chỉnh, tội cũng không ai bằng Cống-Chỉnh, thực cũng đáng vui đáng mừng, đáng thương đáng tiếc, đáng chê đáng cười.

*Làm tôi cứ ở cho trung,  
Chớ ở hai lòng sau hóa dờ dang !*

Cống-Chỉnh chết, chiến-tướng là Vũ Văn-Nhâm con rể Nguyễn Nhạc cậy công kiêu-hãnh, Ngô Văn-Sở mật đưa thư nói với Nguyễn Huệ rằng : « Nay Văn-

Nhâm có ý mưu làm phản.» Nguyễn Huệ vẫn đã tình-nghi, liền đem quân-sĩ ra Thăng-long bắt Vũ Văn-Nhâm giết, rồi toan thi-hành cưỡng-bách chính-thể, bắt những bầy-tôi nhà Lê dâng tờ biểu, lập mình lên ngôi, quan Tham-tri là Nguyễn Huy-Tường, không chịu ký tên uống thuốc độc chết, còn các đình-thần xem ra nhiều người không thuận việc ấy bèn thôi.

Cử Lê Duy-Cân là con cháu nhà Lê làm giám-quốc dễ phụng-sự tôn-miếu, khiến Ngô Thời-Nhiệm (con Ngô Thời-Sĩ người Thanh-oai) trao cho quan-chức theo Ngô Văn-Sở trông coi ngoài Bắc rồi dẫn quân về Nam, đoạn rồi vua Lê Chiêu-thống chạy sang Long-châu, bà Lê thái-hậu chạy sang Tàu khất binh đưa về khôi-phục.

Nhà Thanh sai Lương-Quảng Tổng-đốc là Tôn Sĩ-Nghị cùng với Đề-đốc Văn-nam và Qui Xuyên đem 20 vạn binh do đường Quảng-tây vào Lạng-son thẳng đến bắc-ngạn sông Nhi-hà, quân đi đến đâu tướng tá đều hàng-phục cả. Sĩ-Nghị lại sai bắc cầu nối qua sông, đặt tướng-dinh ở Tây-luông, tự Hà-nội đến xã Thượng-phúc lập đồn đặt súng, gài địa-lòai-phục ở bên đồn để làm kế bảo-hiểm, Ngô Văn-Sở sợ quân Tàu thế mạnh lùi đóng ở núi Tam-điệp sai bộ-thuộc vào Nam cáo-cấp.

Nguyễn Huệ cười nói rằng : « Việc gì phải xương-hoàng làm vậy, quân Tàu có muốn nộp xác thì đến đây, ta đây không sợ, trước chính vị-hiệu đề tiếp - phục nhân - tâm, rồi sẽ liệu, không đi đâu mà vội. » Bèn lập đàn ở Bàn-son thuộc Thuận-hóa xưng hoàng-đế, kiến-nguyên là Quang-trung sai bộ-thuộc các quan làm lễ dâng-quang ban tiệc yến.

Tiệc xong rồi thân-đốc tướng-sĩ cử đại-binh ra Bắc, và trước sai bộ-tướng

chạy ngựa đưa thư cho Sĩ-Nghị tỏ xin ra hàng, rồi kéo ra Nghệ-an mộ được dân-dinh thêm ba nghìn người dùng làm trung-quân, còn quân ở Quảng-Thuận chia làm tả-hữu, tiền, hậu, 4 dinh, được hơn 20 vạn, kéo ra Tam-điệp hội với quân người Sở, người Sở mở tiệc khao tướng-sĩ, có lời ứ-dự rằng : « Trước nước ta đã bị quân Tàu áp-chế, nay Tôn Sĩ-Nghị mượn tiếng giúp nhà Lê, kỳ-thực mưu chiếm nước ta, vậy ta phải ra tay trừ hại yên dân, quân-sĩ cũng nên đem mình hi-sinh cho nước để khỏi phụ lòng ta, còn như lũ người Sở ở ngoài Bắc, sai phải không đắc-lực đáng có tội, nhưng ta cũng một lần có-thứ để được đời-tội-lập công. » Lũ người Sở cùng chư - quân đều vỗ tay hô vạn-tuế, bấy giờ bèn chia các đạo binh người Sở đi tiên-phong, suất các quân thủy vượt bể vào sông Lục-dầu, Tả-tướng-quân là người Tuyết, kéo ra Hải-dương đông-đạo đề ứng-tiếp, người Lộc kéo ra Lạng-son đề triệt lối quân Tàu, Hữu-tướng-quân là người Mưu đem binh-mã đi xuyên-son ra Chương-đức kéo qua làng Nhân-mục (huyện Thanh-tri) đánh vào đồn Điền-châu, người Bảo đốc-suất trận voi trận ngựa noi đường Sơn-minh kéo đến xã Đại-áng đề ứng-tiếp với quân Nguyễn-Mưu.

Khi ấy Sĩ-Nghị sai Hứa Thử-Hanb đem quân từ-dục chia đóng các địa-diện xã Hà-hồi (thuộc Thượng-phúc), xã Ngọc-hồi (thuộc Thanh-tri) đề đánh Tây-son.

Nguyễn Huệ đầu trống năm, thân-đốc quân-sĩ lập trận voi đi trước xông vào trận-tiền, tay cầm siêu-đao chém tứ-tung, quân Sĩ-Nghị sợ chạy tán-lạc, người bị dao chém, người bị voi giẫm chết, người thời bị địa-lòai-phục bắn chết, còn thời lùi vào trong lũy súng bắn ra ngoài như hoa mưa.

Nguyễn Huệ sai mỗi người đem một bó rạ để làm lá chắn xông vào trong

lũy quyết đánh thù-tử, Huệ mặc áo chiến-bào nhuộm khói súng đen như mực, thế mà vẫn hăng-hái, hô quân đánh phá các đồn lũy, chiến-trương của Tôn Sĩ-Nghị là Hứa Thế-Hạnh, Trương Văn-Long đều bị chết trận, quân-sĩ chết kể hơn vạn người.

Vua Lê ở chỗ quân dinh Tôn Sĩ-Nghị nghe tin quân nước Tàu thua; cuội ngựa theo Tôn Sĩ-Nghị chạy đi qua sông, chạy ra Nam-quan. Quân-sĩ thua chạy tranh cầu sang sông, cầu gãy rơi xuống đầy một khúc sông rất những xác người.

Nguyễn Huệ hô quân-sĩ đuổi đến cửa Nam-quan thanh-ngôn quyết đuổi giặc Tàu giết hết mới thôi. Tỉnh Quảng-tây nghe tiếng giặc Tây-sơn tràn sang, già trẻ kinh sợ, bỏ cả nhà cửa mà chạy, trong 300 dặm, không còn thấy khói người, thanh-thế lừng-lẫy khắp cả nước Tàu, đều lấy làm nguy-biến.

Sĩ-Nghị về nước tâu vua nhà Thanh xin thêm quân sang cứu, vua Thanh sai Phúc An - Khang thay chức Lương-Quảng Tổng-đốc, đề đốc-suất binh-mã 50 vạn đề kinh-lý việc An-Nam. Quân người An-Khang mới đến Quảng-tây, quân-sĩ nghe tin sồn cả tóc gáy.

Nguyễn Huệ nghiêm-nhiên không có ý gì kinh sợ, gọi Ngô Thời-Nhiệm bảo rằng: Nay vua Thanh không có chủ-ý giúp nhà Lê, chẳng qua mượn tiếng đề mưu lợi nước ta đó mà thôi, người cần đem vàng lụa lót cho An-Khang làm kế hoãn-binh.

Ngô Thời-Nhiệm không dám đi, Huệ bảo rằng: «Ta nghe người có học-thức, có cau-đảm, nay nhà nước có việc người lại sợ chết hay sao?» Bắt-đắc dĩ phải vàng lời đem vàng lụa sang Quảng-tây vào yết An-Khang, Khang nhận được vàng lụa bèn mặt tâu vua Thanh rằng: «Nay con cháu nhà Lê đã cắt tóc, ăn mặc theo nước Tàu,

muốn lưu ở đây không có ý muốn cầu-cứu nữa. Dầu bắc nam duy mệnh, phận làm tôi có dám quản đầu, nhưng chỉ ngại về tôn-tướng hao binh lại thêm bận lòng thành-chủ, nghĩ xin cho Tây-sơn đầu-hàng, trước là thỏa-thuận nhân-tâm, sau là dẹp yên việc nước.

Tâu vào, vua Thanh ưng lời, đòi Huệ vào triều, Huệ đem cháu ngoại là Phạm Duyên mặt cũng giống mình, thay đem lễ-vật vào cống Yên-kinh, vua Thanh sắc phong cho làm An-Nam Quốc-vương và ban thưởng rất hậu.

Đương khi ấy giặc Tàu có hội Thiên-địa và giặc bè là Tàu-ô đều qui-hàng với Nguyễn Huệ, Huệ đều dung-nạp, lũ giặc ấy thường thường đi lại ngoài bè, tầu bè nước Tàu không ai dám đi qua, tỉnh-thần Lương-Quảng cũng sợ Nguyễn Huệ quật-cường không dám hỏi đến, Huệ lại đưa thư cho vua Tàu hỏi cuội đời nhà Lê nước Tàu chiếm cứ ba động thuộc tỉnh Tuyên-quang, xin đòi lại.

Vua Thanh không trả lời.

Huệ lại dâng biểu vào Yên-kinh mượn tiếng cầu-hòa đề xem tình-thế nước Tàu, hư thực thế nào. Có ý mưu đánh nước Tàu, rồi chế thuyền bằng đồng đề chở voi, cân mỗi cái thuyền chở được bao nhiêu voi, và luyện-tập quân-sĩ, dự-bị lương-xương toan cử đại-binh đề chiếm lấy Lương-Quảng, không may gặp bệnh, nói rằng: «Nếu trời cho ta, sống 3 năm nữa, nước Tàu tuy mạnh đến thế nào, ta cũng không sợ, Lương-Quảng tất về tay ta». Nói được vài hôm bệnh chết.

Con là Nguyễn Toàn nối ngôi, kiến-nguyên Cảnh-thịnh.

Bấy giờ nước Đại-Pháp đem quân giúp chúa Nguyễn đánh Nguyễn Nhạc. Nhạc thua trận cầu cứu Nguyễn Quang-Toản, Toản sai bộ tướng là

Phạm Quang - Hưng đem binh đến Qui-nhân cứu-viện, chúa Nguyễn thua chạy, Quang-Hưng thừa-cơ giữ thành Qui-nhân, Nguyễn Nhạc bực chết.

Quang - Toàn phong con Nguyễn Nhạc là Nguyễn Bảo tước Hiến-công, cho một huyện Phù-ly để làm thái-áp.

Chúa Nguyễn cử binh tiến giữ kinh-thành Phú-xuân, rồi kéo luôn quân ra đánh ngoài Bắc, Quang-Toàn bỏ thành chạy, bắt được dư-dãng đưa về Thăng-long. Cha con Nguyễn Huệ truyền ngôi vừa được 14 năm chẵn. Nền bấy giờ có

câu : « Đầu cha lấy làm chân con, mười bốn năm tròn hết kiếp thì thôi. » Nghĩa là Nguyễn Huệ kỹ-nguyên là Quang-trung 光中, con là Quang-Toàn kỹ-nguyên là Cảnh - thịnh 景盛, chữ quang 光 thời chữ tiểu 小 ở trên, chữ cảnh 景 thời chữ tiểu 小 ở dưới, đầu chữ quang đem làm đuôi chữ cảnh, thế là đầu cha lấy làm đuôi con ; hai cha con truyền nối vừa được 14 năm.

THIỆN-DÌNH

## MÔI THƯƠNG-TÂM CỦA NGƯỜI BẠN GÁI

(Tu-tưởng về đời)

Một buổi chiều thu ta đến thăm bạn gái. Phu-nhân là một vị dài-các phong-lưu còn trẻ tuổi.

Ta đến, thấy bạn tựa án thư-phòng, dương ngồi ngẫm-nghĩ, bức khăn là cầm tay, hai hàng châu-lệ lã-chã tuôn rơi.

Ta giật mình kinh-ngạc, vừa thương, vừa lạ hỏi rằng :

— Phu-nhân ngày nay trong cảnh vinh-hoa phú-quí, lại dương độ trẻ-trung. Chẳng hay có điều gì thương-tâm mà đến nỗi ngậm-ngùi như vậy

Bạn gạt lệ, cầm tay thở dài, bảo ta rằng :

— Chao ôi ! bạn gái ơi ! Cái tâm-sự này ai biết cho nhau ? Ta thua ngầy thơ đã nếm mùi tân-khổ. Kịp thời khôn lớn, đóa hoa chưa biết có ngày xuân, thì đã sa chân vào thế-giới lệ. Từ ấy đến nay, ngọn sóng thời-gian, con trào cảnh-ngộ, nhân-tình thế-sự xui nên, từng phen xô-lộn đảo-diên lòng, khiến cho ta những ngậm-ngùi hòm sớm, đi về châu-lệ, phôi-pha quên cả vui cười thế-gian. Than ôi ! Ai chẳng tưởng

rằng : hồng tía dương thời, duyên xuân chưa xẻ, thì một tấm lòng xuân, hoa kia cũng thường nở-nức đi về với xuân. Kia xem : hôn-hở xa xa, bạn gái bày vai vui-vẻ cả, phấp sôn tô-diêm rợn thiều-quang. Mà vì đâu ? Riêng ta một mảnh áo xuân, sắc sàu xẫm lẩn cả màu tươi. Năm năm xuân đến, ta chỉ thấy oanh ca hót khúc đoạn-trường, mảnh sàu liêu rử, tơ vương rối bời ! Một hồ lệ bên lòng, hầu nghiêng cho hết, lại tràn đầy. Miệng đắng lòng cay, quanh năm chỉ khóc, ta còn biết đâu cái buổi thanh-xuân là buổi vỗ tay cười.

« Kiếp trần đeo-đuôi, nay lo mai nghĩ, nửa đau thân-thể, nửa thương cuộc đời, khăn thấm lệ cũ rồi lại mới, một tấm lòng son tan-nát cả !

« Nghĩ như tấm lòng đã nát, thời đâu có đua-dòi len-lỏi đi tìm thú vui, cũng không còn biết vui đâu mà đến ? Bao những cuộc vui của đời, ta không vui được. Vinh-hoa phú-quí càng suông-tẻ lòng ! Thời thời có nói-năng gì, kiếp sinh đã lỡ, cuộc đời cũng thôi ! Ta bấy nay đã đành là một kẻ sống

không hi-vọng, tan gan, nát ruột ở thế-gian. Kiếp này ta chỉ còn mong khóc cho hết nước mắt, để khỏi phải mang giọt lệ ra đời lần thứ hai nữa mà thôi ! Có kẻ hỏi ta : lai-sinh ước sẽ làm gì ? — Chao ôi ! Nếu biết đâu là chốn thiên-dinh, ta quyết sẽ đến kêu xin đức Ngọc-hoàng Thượng-đế, bảo cho ta biết : lai-sinh còn có thân này nữa không ? Vì bằng kiếp sau còn lại ra đời, thì ta xin một chết kiếp này, chết thay cho cả muôn đời kiếp sau ! Nghĩ một kiếp làm người đã phí bao nhiêu lệ, lòng nào còn tưởng đến lai-sinh ! »

Bạn ta nói đến đấy, lại bưng mặt nước-nở khóc, nghẹn lời không ra tiếng. Ta cũng ruột gan rối-bời, vô-về hỏi dồn bạn :

— Làm sao đến thế này ? Đoạn khổ tình buồn từ đâu mang lại ? Thương ai ? Nhớ ai ? Mất gì ? Tiếc gì ? Khóc vì đời ? Hay đau vì mình ? Thế nào ? Thế nào thì cũng nói rõ cho nhau biết chứ ! Không tin được bạn này hay sao ? Nữ nào một mối thương-tâm cứ vùi sâu trong dạ để mà âm-thầm mai tối một mình như vậy ?

Bạn nghe lời ta, ngừng mặt lên, hai ngón lệ còn như in nét thấm, đưa mắt xa trông cõi chân trời, thở dài một tiếng như xé lòng nhau, rồi cất giọng thiết-tha mà rằng :

— Hỏi ta khóc vì đời ? Hay đau vì mình ư ? Ta cũng không biết được rằng vì đâu mà ta khóc. Nhưng có một điều ta biết hơn cả : là hầu như bao nhiêu tình sâu, cảnh thảm, nỗi buồn nỗi khổ ở thế-gian này, dồn lại là một mối thương-tâm của ta cả !

« Than ôi ! nghĩ kiếp phù - sinh mong-manh như giấy, một vóc mai gầy, cái thân da-bệnh này, ta liệu ăn cướp được độ bao nhiêu ngày ở thế-gian ? Mà đời-đoạn xa gần, ôm lòng khóc mãi, để hao tuế nguyệt, cho hoài tuổi xanh. Dầu rằng nhi - nữ tâm-thường, ta cũng biết đến câu « an-

phận ». Thế thời sao chẳng cứ phong kín tấm lòng gửi chốn thâm-khuê ; khóa cánh song-the,ngăn tầm con mắt, thì có phải một đời được yên vui suag-sương, không biết đến bề trần sóng gió, cảnh đời nắng mưa không ? Ôi ! ai xui, ai khiến cho mình buông mắt quá chân trời, tung lòng ngoài chín cõi, để đến nỗi mang lấy khối sầu muôn kiếp, khối hận nghìn thu này ?

« Kể từ biết khóc đến giờ, dồn xem châu-lệ, thời bấy lâu nay ta khóc đã nhiều rồi ! Con chim chết cồng ngày đông ; con sâu chết khô ngày hạ ; cánh hoa tàn, chiếc lá rụng, cũng là có cướp được ít nhiều nước mắt của ta tháng ngày. Lệ ta dễ sa, lòng ta dễ cảm. Như vậy thời bao nhiêu những cảnh thương-tâm, đoạn-trường ở đời này, còn có cảnh nào là cảnh ta không hòa nước mắt ? Ta mà không khóc, là ta không biết đấy thôi ; ta mà đã biết, thì thế nào ta cũng phải khóc. Ôi ! trời xanh kia hỏi thù oán gì nhau ? Vốn đã biết ta là một kẻ đa-sầu, đa-cảm, đa-tình ; sao chẳng vì nhau cắt dây trần-lụy, cho lên « cõi phúc », để xa cõi đời ? Nữ nào lại xô nhau vào làng nhân-thế, để ta thấy cảnh thương-tâm phải khóc suốt đời !

« Than ôi ! biết bao những điều trông thấy mà đau - đớn lòng !... Kia ! Cái thảm - trạng những cuộc chiến - tranh lưu - huyết, máu chảy thành sông, thây chồng thành núi kia, cũng là suối lệ bên lòng ta đó ! Họ vác gươm, vác giáo, cưỡi tàu-bay, lặn tàu-ngầm, xe súng, tải đạn ra chỗ chiến-trường ; họ đâm, họ chém, họ bắn giết lẫn nhau. Quân thù chết cả. Nổi khúc khải-ca, họ trở về hơn-hở thành-công. Tiệc yến khao quân, muôn phần há dạ. Mà lòng riêng ta những đau-đớn xót-xa như vò. Mỗi tên hòn đạn, nào có tiếp đến thân ta. Vậy có can gì mà ta đau - đớn ? Những kẻ thương-tích đầy mình, vết gươm, dấu đạn, nằm chết phơi thây ở chốn sa-

trường kia ; há có phải người yêu, anh em thân-thích, họ hàng gì ta. Họ người nước nào ta cũng không biết. Hoặc người Xiêm, người Nhật, người Tàu, người Anh, người Đức, người Pháp, người Ấn-độ, Hòa-lan, hay đầu đầu nữa, cùng đến đánh nhau, rồi chết ở đấy. Song cũng không dây-dương gì đến ta. Thế thì việc gì mà ta phải xót, phải thương ?

« Vậy thời ta đau-dớn xót-xa về cơ gì ?

« Ôi ! ta chỉ giận cái bụng tàn-nhẫn của giống người mà lòng riêng ta phải đau-dớn xót-xa đó thôi.

« Làm sao ? Làm sao mà phải giết lẫn nhau kia chứ ? Địa-cầu là địa-cầu chung, muôn giống sinh-vật cùng sống với nhau một cõi đời, cha chung tất cả là ông Tạo-hóa kia, có thiên-tư gì đâu ? Ban cho giống nào cũng có cái lợi-quyền được hưởng cái sinh-thú tự-do vậy-vùng như nhau cả. Đã sinh ra đời, tất là có quyền được sống. Trừ ra nghĩa-vụ có ép chết, tật-bệnh có làm chết, mệnh trời có bắt chết, mới phải chết. Còn như cứ theo cái công-lý ở đời này, thì các giống sinh-vật thế-gian, từ loài người cho đến loài sáu-bộ, dù khôn, dù dại, dù khỏe, dù yếu, dù thể nào mặc lòng, cũng không giống nào được ý-thể riêng mà vượt quyền Tạo-hóa, làm hại đến cái sinh-mệnh của kẻ đồng loại mình, hoặc của loài sinh-vật khác. Cái lẽ ấy, dù Tạo-hóa huyền-mặc không bảo ta mặc lòng, nhưng trong nhân-loại, những hạng người giàu lòng bác-ái, có cái tư-tưởng siêu-quần trác-việt, tất phải nghĩ đến. Thế mà sao không nghĩ ?

« Ôi ! trời chung, đất chung, sông bể có loài tôm cá ; rừng núi có loài cầm thú ; đất bằng, ruộng tốt tụ-hợp loài người. Tưởng rằng năm tháng cùng nhau, cũng vui-vẻ lắm. Nên nghĩ lấy thân nhau, yêu nhau, nắng mưa che chở cho nhau, đề cùng vui cái sống ở

đời, và tô-diễm cho non sông Tạo-hóa thêm vui, thêm đẹp mới phải. Thế mà sao lại không biết nghĩ âu-yếm thương nhau. Đã không nghĩ thương yêu nhau thì chớ, mặc con chim nó bay, mặc con cá nó lội, mặc con hươu, con nai nó lững-thững ở chốn rừng xanh, mình cứ diễm-nhiên như khách qua đường có được không ? Lỗi nó nó ở ; hang nó nó nằm. Bận gì đến mình ?

« Làm sao người đi săn kia lại nhắm súng bắn con chim vô-tội nó đang bay liệng lưng trời ? Thấy nó yếu mà ăn-hiếp nó chẳng ? Hay cho rằng nó khác loài mà giết nó đi ? Vô-lý lắm ! Quyền mình sinh được ra nó đấy ư ? Chết một con chim ấy, không làm gì thật. Nhưng làm thiệt mất một sinh-vật của thế-gian rồi đó. Ai cho phép mình được tàn - nhẫn thế ? Có phải rằng chỉ ác không ! Hai nữa, dùng cái cường-quyền để ăn - hiếp một loài yếu - ớt không đủ sức chống lại được với mình, cũng là hèn lắm. Giết được con chim ấy, xách đem về, vật lòng nướng trứ, ăn ngon lắm nhỉ ! Nhưng có một điều thẹn, và nỗi đau-dớn đấy có biết không ? Thẹn vì làm sao ? Thẹn rằng : Mình là người, nó là chim, giống loài tuy có khác, nhưng cũng cùng là bạn chung nhau một địa-cầu cả, năm tháng thường vẫn thấy nhau, mà mình bất-cố liêm-xỉ, nở mũi mặt làm hại nó ư ? Lại thêm đau-dớn nỗi : nó đang bay, đang liệng, đang sơn sơ vui sống, cũng biết yêu đời, thiết đời như mình, mà mình nở nhân-tâm làm chết nó đi để ăn thịt nó, để mà sướng lấy một mình. Ôi ! hỡi người đi săn kia ơi ! chống tay nghĩ phỏng cam lòng ấy chẳng ?

« Thiết-tưởng người đi săn đã không nên hại con chim, thì người với người lại càng không nên hại nhau lắm.

« Than ôi ! ta thật náo lòng ! Càng nghĩ đến loài người tàn-ác bao nhiêu, càng thêm buồn, thêm chán cái sinh-

thú ở đời này bấy nhiêu. Nào loài người có phải riêng chỉ làm hại giống sinh-cầm sinh-thú khác để vụ cái « sống » của mình đâu. Người với người kia, cùng loài đầu đội trời, chân đạp đất cả, mà họ cũng không muốn cho nhau cùng chung hô-hấp cái sinh-khí ở thế-gian này ; chỉ lúc nào cũng làm-le uống máu, ăn thịt nhau. Nhỏ hẹp như trong một xóm, lớn rộng đến cả thế-giới, nơi nào, chỗ nào, giống người cũng có mang cái dã-tâm ấy cả. Hễ làm hại được nhau thì lấy làm thỏa-thích lắm. Không hiểu rằng những hạng người ấy, lương-tâm họ vui đi đâu ? lòng nhân-ái ném bỏ chỗ nào, mà bụng-dạ đến nỗi hiềm-ác tàn-nhân thế ?

« Thực ra thì loài người không đến nỗi khổ, mà bề trần đau đến nỗi là « trầm-luân ». Chỉ tại giống người lại tự mình gieo tai, gieo họa, làm đau, làm khổ lẫn nhau mà thôi.

« Ôi ! những tiếng thở dài trong nhân-loại, những giọt châu giọt lệ lăn-chả ở chốn nhân-gian ! Nào ai cảm ? Ai thương ? Ta làm sao khéo dư nước mắt khóc nỗi đau đau. Ngửa tay hứng cả lấy những đoạn-trường nhân-thế, để riêng làm mối thương đau của mình ? Thương thay cái đau lòng của ông vua mất nước kia ; đời luân-lạc của khách giang-hồ nọ ; cảnh bơ-vơ của đứa trẻ mồ-côi ; thân đầy-dọa của người tù-tội ; đốn cả lại : nhân-gian bao nỗi đoạn-trường, cùng trong chín khúc đoạn-trường của ta ! Than ôi ! Người đời cứ khổ, mà ta thì cứ khóc. Song ta khóc mãi, nước mắt của ta cũng có một ngày sẽ đến hết. Bối sao ? Ta khi buồn tiếng thở ra, thời giọt lệ kia cũng sẽ được tạ với đoạn-trường mà đi. Riêng chỉ thương cho cái nỗi khổ của nhân-loại. Còn tương-tàn tương-hại, xâu-xé lẫn nhau, thì trên mặt đất thế-gian này, còn có giống người, còn đời-dời khổ mãi, biết bao giờ đã thôi !

Tuy vậy, nghĩ đến giọt lệ của ta, cũng đáng thương lắm thay. Nào có được nghỉ-ngơi một giây một phút nào đâu. Dầu khi vui, vui vấp với đời ; mà nỗi riêng, riêng vẫn khóc thầm trong dạ, giọng cười ngoài môi. Từ xưa đến nay, khóc ngấm, khóc ngấm, há có riêng chi truyện giữa đời. Biết bao những việc đã qua, từ muôn nghìn năm về trước, ghi trong sử-sách, còn não lòng ta đến mãi giờ ! Than ôi ! Chẳng may mà biết khóc thế này, thực cũng là một điều khổ-tâm cho ta quá. Chẳng những đã hao châu-lệ, lại tan-nát lòng. Giả-sử có thuật gì ước mà thấy được, thì ta xin nguyện sẽ thành-tâm, ước cho nhân-loại sau này : đừng ai có nước mắt ! »

Bạn ta như sáng như mê, nói rồi lại nói. Ta vừa toan tìm câu an-ủi, chưa kịp cất lời, thì phu nhân đã lại tiếp theo mà rằng :

— Chao ôi ! Văn-minh cho lắm để làm gì ? Máy-móc càng nhiều, số dân thất-nghiệp càng ngày càng lắm ; cơm chẳng có ăn, áo không có mặc tha-phương cầu-thực, luân-lạc bơ-vơ. Khoa-học càng cao, nhân-tâm càng biển ; giống người càng ngày càng tàn-ác hơn lên. Thử ngẫm mà xem : ngồi hăm trong nhà thí-nghiệm kia, nghĩ chế ra hơi ngạt, thuốc nổ, chẳng qua chỉ để giết nhau, chứ làm gì ? Hễ giở sử-xanh ước thử cuộc binh-dao, cổ kim trái đã bao hồi can-qua ! Ba quân bãi chiến-trường xưa, những ma không đầu thừa trước, hỏi nay còn được là ma ? Hay thác sinh kiếp khác đoạ-dây, đã lại chết đi, chết lại, mấy mươi lần tan hồn, nát xác với viên tạc-dạn văn-minh kia rồi !

« Ôi ! cơ-tâm lắm lắm, tai-va càng nhiều. Ta tuy đốt-nát, nhưng vì được thay quyền Tạo-hóa chủ-trương loài người, thì quyết dám sẽ mượn lửa mặt trời, xa-xa phóng-hỏa, thiêu cho cháy hết cả những sách khoa-học của

người đời ở thế-gian này đi. Vì làm sao mà lòng ta cảm thế? Vì người đời bây giờ không cầu học để biết cái đạo làm người nữa. Mà thực ra thì chỉ chăm học để giỏi cái thuật giết người mà thôi! Càng học giỏi bao nhiêu, càng nghĩ cách giết nhau thế nào cho nhạy. Muốn cho năm châu không còn một mống người nào, để mình chiếm hết cửa-nhà, cửa-cải, ruộng vườn, sông núi, ở lấy một mình cho thỏa. Nghĩ học mà như thế, giỏi nữa có làm gì? Đứa con gái ngu-si này, dám hỏi Cha chung là ông Tạo-hóa kia: chẳng hay lòng Cha có muốn cho lũ con dưới hạ-giới nó học giỏi, để tài cái nghề uống máu, ăn thịt, cắn-xé nãi nhau như thế không? Thế mà cũng gọi văn-minh với tiến-hóa đấy! Chao ôi! cơ tiến-hóa loài người ở chỗ đó ru? Nếu quả thật thế, thì ta e rằng: con chim trên trời, con sâu dưới đất, loài viên hầu, giống lang báo, thỏ-thỏ non sâu nó cũng chê cười! Nó cười rằng: giống người có học-vấn, có kiến-thức, có tư tưởng kia, từ tạo-thiên, lập-địa đến giờ, vẫn tự-phụ là thông-minh, cao-thượng hơn nó. Hay nói hợp-quần, hay nói đoàn-thể, hay nói hòa-bình, hay nói tương-thân, tương ái, hay nói muôn nghìn tiếng đẹp tai hơn nữa. Mà không ngờ đâu lại đến nỗi chỉ lục-đục giết-giác lẫn nhau. Suy ra, lại thấp kém không bằng nó!»

Bạn ta dứt câu, bỗng lại giao nét xuân-sơn, cúi đầu ngẫm nghĩ, rồi mà hai hàng châu-lệ lại chan-hoà như mưa. Ta thất-kinh, vội ôm lấy, nắm tay bảo rằng:

— Làm sao đương nói mà lại khóc ngay như thế, là nghĩa thế nào? Dẫu có chán đời lẫn-lóc không còn muốn vương-vấn gì nữa, thì cũng còn phải nghĩ đến cái sinh-thú của những kẻ sống quanh mình ta chứ. Có lẽ nào riêng một mình mình vì gặp những điều bất-đắc-chí: nào công-danh trặc-trở, thời-vận nhỡ-nhàng, mong điều

này không được, ước điều nó chẳng thành, hi-vọng quá cao, thành ra thất-vọng, bị con vận-mệnh nó bạc-dãi lọc lừa mãi, nổi chìm, chìm nổi, rồi mà ngao-ngán sinh ra chán đời, lại muốn làm chán lây cả đến người khác nữa ru? Bạn này xin thú thật: từ lúc nghe câu chuyện của phu-nhân đến giờ, nghĩ đã náo lòng lắm rồi. Thôi thôi, đừng-hải năm châu cũng đã chứa-chan không biết bao nhiêu lệ! Xin phu-nhân hãy thu nước mắt lại, và tạm bỏ cái bụng chán đời kia đi, để cùng nhau còn sống ngày nào, mua vui năm tháng cho khuây cuộc đời.

— Ta chưa dứt lời, bạn vội gạt đi, nghiêm sắc mặt, hỏi ta rằng:

— Thế nào là chán đời? Đời làm sao mà chán? Đã sinh ra đời mà lại chán đời, thì sao không chết ngay đi từ lúc mới mang tiếng khóc ra đời kia, có phải được nhẹ-nhàng tẩm thân không? Hay là bảo rằng: đời đáng chán? Nếu bảo là đời đáng chán lại càng vô-lý nữa, mà cũng là oan cho đời. Thử ngắm xem: trời xanh, bề biếc, non sông Tạo-hóa đẹp dường kia. Trăng dạo đầu cành, hoa rung trước gió; bóng rục-rỡ xuân sang, về êm-dềm thu đến, biết bao nhiêu cảnh nên thơ lòng người! Ôi! Cảnh đời đẹp thế, thời cõi đời là cõi đáng yêu, chứ sao lại than rằng đời đáng chán? Ta chỉ tiếc rằng năm tháng mau qua, đời người chóng hết, khiến cho ta không được sống mãi ở cõi đời này, để mà ghi lòng cùng non nước, tác dạ với cỏ-hoa, đời-dời kiếp-kiếp yêu nhau mãi. Lòng ta yêu say cảnh đời thế ấy, ta quyến-luyến non sông như quyến-luyến bạn thâm-tình. Như vậy thời sao nỡ đổ tiếng cho ta kẻ chán đời? Hoặc ngờ rằng ta vì những điều bất-đắc-chí trên kia mà mang dạ chán đời, thì lại càng sai bụng ta lắm. Ta tự-lượng tài-đức của mình mống-mạnh, nên cũng không muốn tham-lam vay

mượn của Tạo-hóa những cái ngoại-phụ vào đời ta làm gì cho nhiều. Kìa như : cơm ăn cho ngon, áo mặc cho đẹp, nhà ở cho sang, đi phải xe ngựa, ra đường mong được người chào « bà lớn ». Người khác hoặc lấy thể làm vinh, cho đời người sống thể là sống « đáng ». Song ta thì thật xa những ý-tưởng đó. Ví bằng trời kia có thương; mà gọi đến, ban cho ta được phần hạnh-phúc ấy, thì ta cũng xin hai tay nâng lấy, và cảm tạ ơn trời đã hậu-dãi ta. Chứ ta không dám như ai, ngoài vòng huông những lời khinh bạc, coi hết thầy tiền của thế-gian như đất bùn; bao nhiêu những cái người đời ham mê yêu chuộng : như vinh-hoa, phú-quí, đều coi rẻ, coi khinh. Không cần phải thể mới là thanh-khiết, mới là cao-thượng. Thiết-tưởng con người ta lúc nào cũng giữ được cái bụng mộc-mạc « làm người », thì dù giàu-có thiên-tái vạn ức, quan sang chức trọng đến mấy mươi đi nữa, cũng không bao giờ có vì cái sung-sướng ấy, cái tiền-của kia nó làm đục được lòng ta. Như thế thời sự phú-quí đối với ta, dầu có nữa, cũng chỉ là cái áo khoác ngoài mà thôi. Mặc vào, không đủ lấy làm vinh. Cởi ra, không đủ lấy làm tiếc. Có nó, ta cũng vẫn là ta; không nó, ta cũng chẳng khác ta. Sự giàu-sang đã không đủ bện lòng. Thời cảnh nghèo-hèn há có đòi được chi ru ? Quyết rằng không. Trong vinh-hoa kia đã biết làm người khách phóng-tâm; thời chốn phong-trần nọ cũng dễ làm được người bạn an-phận. Vách đất lều gianh, mà ta vẫn cứ được là ta, ta vẫn hiểu rằng ta là « người », thì đời ta có lấy gì làm hiu-quạnh ? Chẳng những không lấy làm hiu-quạnh, mà ta cũng không cần xa ước, xa mong gì. Vì rằng lúc Tạo-hóa đem ta ra đời, cũng chỉ mình trần như động, chứ có gì đâu ? Sau này ta khéo ăn thì no, khéo co thì ấm, được

thể nào vui lòng thể ấy; vay mượn lắm, của trời, trời lại lấy đi; ta liệu ở đời mà giữ mãi được chăng ? Đứng núi này, nấp-nom núi khác, ta không có những cái bụng ấy đâu. Ta chỉ cầu dù ở địa-vị nào, ta cũng vẫn được là « ta ». Khi ta đã biết ta là « ta » rồi, thì dầu thân thể là cô hàng nước, giả-sử lộn-sòng được ngôi vương-phi kia, ta cũng không muốn. Tạo-hóa mộc-mạc thể nào, lòng ta cũng mộc-mạc như thế. Ta thật không bện lòng gì đến sự sang hèn, giàu nghèo cả, nên không khi nào có vì những cơ ấy mà đến điều bất-đắc-chi.

« Duy bảo rằng : hi-vọng quá cao, thanh ra thất-vọng, thì cũng hơi đúng. Vì sao ? Ta mang tiếng khóc ra đời, từ biết suy, biết nghĩ, biết có thân ở đời đến nay, đường trăm năm chia tư đã quá một phần, mà đối với cuộc đời phạm những điều tai nghe, mắt thấy, khoảng hai mươi mấy năm trời hầu qua, thực chưa lúc nào không để lòng ta phải ngậm-ngùi. Chao ôi ! ta có dám ước gì về phần riêng ta đâu. Ta chỉ mong cho thế-giới hòa-bình, nhân-loại biết tương-thân, tương-ái, để ta sinh trong cõi trăm năm cũng hả lòng. Ví bằng chết một thân ta mà cả loài người, nơi nào, chỗ nào, cũng được hưởng cái hạnh-phúc hòa-bình vui-vẻ, khắp năm châu là một cảnh « đại-đồng thế-giới », thì ta đây dầu chết rồi lại chết, mấy muôn lần nữa cũng cam tâm ! Nhưng than ôi ! Chẳng qua nói cho khuấy dạ, mộng để lừa lòng thể thôi, chứ cái điều nguyên-vọng kia, dễ bao đã được như nguyên. Cho nên trên kia ta có than rằng : ta là một kẻ sống không hi-vọng. Ôi ! Sống không hi-vọng thật ! Tuy vậy mà ta đây thực vẫn yêu say cảnh đời. Ta có chán, chỉ chán người đời mà thôi. Vì chính tại người đời xấu-xa làm cho cuộc đời thành ra đáng chán. Người đời làm cho nhau

khô-sở đặng-cay muôn nghìn nỗi, để cho ta trông thấy thế mà phải thương, phải khóc, phải đau-dớn lòng. Nghĩ mình sống ở trong một đám đông người, cứ đời này kế-tiếp đời khác, uống máu, ăn thịt nhau mãi, thì lòng nào cho khỏi xót-sa lòng? Bóng eàu qua cửa, đời người phồng độ mấy gang tay. Ta sinh trong quãng trăm năm bất-quá chỉ là người lữ-khách qua chơi cõi đời. Nhưng dẫu qua chơi chốc lát, mà được xem những cảnh vui, cảnh đẹp, thì cũng hả lòng, khỏi uổng cái công phu trèo non, lặn suối, lần-lữa tháng ngày. Cũng là cuộc đi chơi, mà chỉ gặp những cảnh loạn-lạc bơ-vơ, giữa đường bóc lột, đâm chém giết nhau, kẻ chết người bị thương, than khóc kêu gào, chốn nào cũng vậy. thì còn có thú gì không? Chẳng những đã kinh hồn, mà thêm lại nát ruột nữa. Vậy xin ước hỏi những khách trên đời, có ai thích đi chơi để xem những cảnh kinh sợ đau lòng ấy không? Quyết rằng không. Dẫu hỏi đứa trẻ con, nó cũng lắc đầu đáp vội rằng: không.

« Đã biết rằng không ai ưng chi xem những cảnh ghê cho mắt, đau cho lòng ấy, thế thì sao chẳng cùng hội nhau lại, bày ra những cảnh vui lòng đẹp mắt, để cùng xem, cùng ngắm, cùng chơi với nhau, có phải là vui chung tất cả, hả lòng đều không? Đến lúc tan cuộc chơi, rũ áo ra về, cũng còn lời được một mỉm-cười theo ta. Chẳng hơn gạt hai hàng lệ, thở dài mà đi ư ?

Sao người đời không ai muốn vì nhân-loại mưu cái hạnh-phúc chung ấy? cứ bo-bo biết lấy một mình. Ôi! vũ-trụ mông-mênh bát-ngát dường kia, mà sao bụng-dạ con người hẹp-hòi làm vậy? Ở trong nhà, chỉ biết một nhà. Ở trong làng, chỉ biết một làng. Ở trong nước, chỉ biết một nước. Có kẻ lại tự-tư, tự-lợi quá, đến nỗi ngoài

cái thân mình ra, nhà cũng không cần, làng cũng mặc kệ, nước cũng không thiết. Những kẻ ấy thì bụng-dạ nhỏ-nhen đen bần quá, còn đủ kẻ làm gì. Nhưng đây ta cũng hãy xếp việc nhà, việc làng lại. Nói ngay đến cái bụng tốt của người yêu nước kia. Những người nhiệt-tâm ái-quốc xưa nay, ai ai cũng một lòng như nhau cả, nghĩa là cùng một ý mong cho nước giàu, dân mạnh, người trong nước được vui-vẻ, sung-sướng, Dân nô-lệ thì mong khỏi-phục được quyền tự-do, quyền tự-trị cho nước mình. Dân độc-lập thì lại lo sao cướp thêm được bờ cõi của ai khác để mở-mang làm giàu làm mạnh cho nước mình. Ôi! Những người nhiệt-tâm ái-quốc như thế, thực xứng-đáng là những bậc anh-hùng trong thế-giới, không phải là không đáng phục dẫu. Nhưng ta riêng phàn-nàn một điều rằng: Chỉ biết yêu người một nước, lo việc một nước, thì cũng là hẹp lắm. Vì suy rộng ra, thì năm châu cũng là một gia-đình lớn, thế-giới là một nước chung, nhân-loại là anh em, chị em, họ hàng, thân-thích, người một nước cả. Sao không đem cái bụng yêu lo một dân, một nước nhỏ hẹp kia, mà yêu cả nhân-loại, lo cả thế-giới, thì có phải năm châu chung được vẻ-vang, mà giống người cũng cùng được yên vui, sung-sướng cả không? Thuận vợ, thuận chồng, tát bể đông kia còn phải cạn, nữa chi là cả nhân-loại hòa-thuận cùng nhau, lo gì không gây được mối đại-hạnh-phúc cho loài người.

« Hoặc có kẻ lo xa, sợ rằng người đời hòa-thuận quá, không có cạnh-tranh, thì rồi nhân-loại không tiến-hóa được. Nghĩ thế là làm. Nếu có phải thực là giống người cao-thượng, thì tưởng chỉ cầu lấy sống ở tinh-thần, tiến-hóa về đường tinh-thần là đủ. Xưa kia vẫn cạnh-tranh, sáu-xé giết-giác mãi nhau. Mà nay không giết nhau nữa, chỉ yêu nhau, thương nhau,

lo cùng nhau tu-luyện đạo làm người, đưa nhau lên cảnh tiên, dắt nhau vào cõi thánh, thời há chẳng phải đó là cơ tiến-hóa của nhân-loại ru ?

« Đem nhau vào cõi tinh-thần nuôi nhau, chẳng hơn là chỉ chăm lo kéo dài đời năm-năm tháng-tháng ở cái thế-giới vật-chất kia, rộn-rã lòng ta lúc nào cũng phải lao-tâm, khổ-tử, lo ăn, lo mặc, lo thù-phụng cái « sống » của mình một cách hẹp-hòi đê-tiện, rồi tới ngày chết đi, ngoảnh lại cuộc đời công-phu lỗ cả ư? Có sống ở tinh-thần, họa chẳng thân ta mới còn được là của ta. Nếu chỉ ôm lấy cái đời vật-chất, thời cho dầu sống lâu đến như ông Bành-Tổ xưa kia nữa cũng chỉ đến đem cả cuộc đời bảy tám trăm năm làm nô-lệ áo cơm mà thôi, chứ hẳn đã hơn gì ?

« Cấm-eui đời người lo cơm, lo áo, lo những cái sung-sướng không đâu làm gì cho nát óc? Tây-phương cứ ăn bánh mì; Đông-phương cứ dùng cơm tẻ, như thế tưởng cũng đủ no, đủ sống với đời rồi, hà-tất cứ phải cao-lương, mĩ-vị mới nuôi được cái sinh-thú ở đời một cách yên vui? Đã không cầu đến cao-lương mĩ-vị, thời cũng không cần gì phải cạnh-tranh nữa. Nếu còn cứ vụ ăn, vụ mặc, chàm nuôi cái vật-chất mãi, thì còn phải cạnh-tranh. Đã cạnh-tranh thời không xô-xát giết nhau, không yên. Than ôi! biết bao giờ cho loài người thoát được cái họa lưu-huyết ấy? »

Phu-nhân nói đến câu ấy, lại động tâm, ngậm-ngùi sa lệ. Ta thấy bạn cứ khóc rồi lại khóc, lặng trông nhau mà luống bồi-hời tắc dạ, tranh niềm nghĩ đến cái nỗi khổ chung của loài người, hai hàng lệ cũng không ngăn được. Nhưng bạn đã khóc rồi, có lẽ ta lại đem nước mắt mình nào lòng bạn nữa ư? Ngâm-ngĩ một lúc, bèn cố nén tâm, kéo ghế ngồi gần một bên, tìm hết lời khuyên giải.

Ta bảo bạn rằng :

— Việc thiên-hạ xưa nay, há phải việc đàn-bà? Đời kẻ có biết bao nhiêu bậc anh-hùng nghĩa-sĩ mà cũng đành khoanh tay với thế-sự kia. Hưởng-hồ phu-nhân liễu-bồ chút phận mong-manh, dầu có cuộc đời mà than, mà khóc, cũng chẳng qua chỉ đến hao tâm-cơ, riêng nát tinh-thần, chứ người đời ai biết cho mình? Mà việc đời cũng chẳng đến phận mình phải lo. Bạn ta sao không mở quyền vàng xem truyện người xưa: Kỳ-sinh trước đã lo trời, nghìn thu còn để truyện cười thế-gian. Nay phu-nhân trong chốn thâm-khuê, gát thềm giọt lệ, một mình ngùi-ngậm, khóc chung cái khổ cả loài người. Ôi! vì nhân-loại khao-khát hòa-bình. Bạn hèn này chỉ e rằng; giống người tàn-ác kia, bụng ich-kỷ át mất tinh đồng-loại; lửa dục dùng-dùng thiên mất lương-tâm, rồi mà lại cho giọt lệ thương đời của phu-nhân ngày nay là một truyện « lo trời » thứ hai nữa, thời chẳng những khởi-hận của bạn ta muôn đời không tan được, mà tắc lòng tru-ái cũng thêm buồn! Chi bằng ở đời cũng sống theo đời, cũng ăn thịt, uống máu người như ai. Chao ôi! thiên-hạ làm được, ta há không làm được ru? Đời nó giết nhau; ta cũng giết nó! Lột áo mà mặc; cướp tiền mà tiêu. Ai chết mặc ai; phần ta, ta biết. Nhân-tâm biến hết! Thế-đạo suy rồi! Luận chi nhân-nghĩa buổi bây giờ? Sống với lương-tâm là sống thiệt! Thương đời, đời nó thiệt chi mình? Chẳng thà: sống được ngày nào, ăn chơi cho thỏa-thích, nhắm mắt đi thầy quách việc trần-gian. Hoài công đâu mà thương đau để rước lấy đoạn-trường. Thứ ngoảnh lại xuân-xanh còn mấy nữa? Há chẳng nghe lời than, giọng tiếc của cổ-nhân :

*Vô được khả ị trường-hận dạ,*

Mà

*Hữu tiền nan mãi thiếu-niên thời!*

đó ru ? Chẳng những một đêm trường-hận kia không thuốc, thiết-tưởng lòng đau của khách thương đời cũng đến thế thôi ! Nát tâm-cạn lo nghĩ việc đời, nào có biết đâu : bề đâu thay đổi, lại là trò chơi của ông Tao-hóa !

« Lo làm chi những điều không lo được ? Nghĩ làm gì những việc nghĩ không xong ? Kia xem : người đời ngu kỹ, ăn no cả ! Minh khờ sao ? Bỗng dưng ôm lấy một khối sầu vạn-cổ để ngâm-ngùi ngao-ngán một thân. Chẳng hay cái đời đa-hận ấy, rồi đây, sau trăm năm nữa, ai đem giọt lệ tưới cho mình ? Thôi, thôi đi ! Hồng-nhan chẳng giống ở đời mãi đâu, liệu mà cướp lấy ngày vui kéo nữa hoài ! »

Bạn ta nghe mấy lời khuyên ấy, cho là những lời bất-chính cả. Thái-độ đoạn-tràng, bỗng đòi ra chiều giận-dữ, hất tay ra, đứng dậy hăm-hăm quắc mắt, chỉ vào mặt ta mà rằng :

— Không ngờ rằng trong xã-hội đàn-bà ngày nay, lại có những hạng người dã-tâm như mày ! Thật là con rắn độc, con cạp dữ trong loài người ! Chao ôi ! Mày xui ta lột áo mà mặc, cướp tiền mà tiêu, ai chết mặc ai, thì ra bụng mày cũng tàn-nhẫn lắm thay. Nghe mày thuyết-lý, cũng ra kẻ có học-thức, có tư-tưởng, am-hiểu thời-thế lắm, thế mà còn như thế đấy. Huống-hồ trong xã-hội được như mày, thì lại đáng ghê, đáng sợ biết chừng nào ? Gớm thay ! thế mà lúc ta khóc, mày cũng vờ động mối thương-tâm xụt-xụt khóc ngay được. Ta nghĩ mà lại giật mình kinh sợ những giọt nước mắt đảo-diên ấy. Nhưng thôi ! nói nghĩa-lý dài với mày cũng phí. Ta tiếc rằng chót nhẹ dạ, đem dốc cả một bầu tâm-sự cho mày nghe, bây giờ mới biết bụng mày, thì hối không kịp nữa. Vì ta tưởng lầm rằng mày cũng là hạng người có tâm-huyết. Không ngờ là hạng người có tâm-mép, khoác cái áo đạo-đức giả bấy nay

thấy ai nói nhân-nghĩa, mày cũng bàn nhân-nghĩa, dễ dãi làm những việc ám-muội, và lừa dối thiên-hạ mà thôi. Ôi chao ôi ! thời-buổi này là thời-buổi thế nào đây, mà trong xã-hội những hạng người như mày nhan-nhân khắp cả, cho đến những kẻ ăn trên, ngồi chóc, mâm cao, cỗ đầy, chia ba, quá hai phần cũng đều như thế. Dù thế nào nữa, ta đây cũng nói thật cho mày biết. Ta thà chịu ngậm đắng nuốt cay, nghèo hèn suốt đời, khổ-sở cho đến lúc chết, chứ quyết không đời nào chịu giết lương-tâm đi, mà làm những việc xấu-xa tàn-nhẫn như chúng mày để cầu lấy vinh-hoa phú-quí một đời đâu. Ta tuy nhiều lệ, chỉ khóc mướn, thương vay thật. Nhưng cũng còn hơn những kẻ suốt đời không có một tiếng thở dài, chỉ cười tràn một mạch từ lúc ra đời cho đến lúc ném mình vào xăng kia. Nhưng thôi, mày đi đi ! Đừng lần-quất đây, để lại gieo cái mầm tàn-ác ấy ở chỗ này nữa ! »

Phu-nhân dứt lời, vẫn hăm-hăm, mặt còn đầy sắc giận, tung bức rèm châu, thẳng bước lên lầu.

Ta buồn ngao-ngán, lững-thững ra về. Biết bạn trực-tính, không hề oán giận. Lòng riêng ngâm-nghĩ, cũng biết cái khổ-tâm của nhau lắm. Song le, khuyên bấy nhiêu lời, há có phải bản-tâm ta thế đâu ? Ta đây cũng là một kẻ nát gan, nát ruột, lòng riêng tê-tái với cuộc đời. Nên chỉ gặp nói, phần-tâm nói bấy nhiêu lời trái tai, cũng là để giải cái nguồn sầu hận tràn đầy trong dạ bấy lâu nay. Chẳng ngờ bạn ta thẳng quá, nhằm hăm bụng nhau, nào ta đã kịp đôi-hồi thiệt hơn.

Ra về lạnh toát cả lòng ! Buồn chán vợ-vẫn bên đường, ngắm cảnh trời thu, nhìn tranh Tạo-hóa, rồi mà muôn sầu nghìn thăm, xao-xác vô lòng. Ngẫm-nghĩ cuộc đời thêm càng chán-ngán, có gì thú nữa ? Có gì vui nữa đâu ?

Ôi thôi !

*Giấc mộng phù-sinh ma quái cả!  
Trăm năm tâm-sự nát can-tràng !*

Đã thế thôi, than làm chi ? Khóc nữa làm chi ? Ta chẳng may người khách qua chơi đời loạn, lệ tang-thương lai-lãng có hơn gì ? Trước ta kể đã bao người khóc ! Sau ta đã hẳn những ai cười ? Ôi ! trời còn lâu, đất

hãy còn dài, bẽ đầu, đầu bẽ, cuộc đời còn thay. Riêng đời người kia nước chảy mây bay, lệ đầu mà khóc chua cay nổi đời ? Nên chi lòng riêng ta có ngậm-ngùi, cũng chỉ ngậm-ngùi khỏi sầu muộn kiếp không tan được, mà đành góp với nghìn thu tiếng thở dài ! . . .

TƯƠNG-PHỔ

## NHỚ TIẾT HẠ-NGUYỄN

(*Gia-đình giáo-dục kỹ*)

Thơ có câu :

*Sự đời thử ngẫm mà hay,  
Trăm năm là vẫn, một ngày dài ghê.*

Trăm năm làm sao là vẫn ? Trăm năm thực là vẫn vậy. Vì như « nhân-sinh thiên-địa gian nhất nghịch-lũ, có bao lăm ba vạn sáu nghìn ngày, như thoi đưa, như bóng sò, như gang tay » ; cái khoảng thời-gian ba vạn sáu nghìn ngày ấy chỉ bằng thoi đưa, bóng sò, gang tay trong chớp-nhoáng thì chẳng là vẫn đó dư ? Còn một ngày làm sao là dài ? Một ngày thực là dài vậy. Vì như « mấy lâu mới được một ngày » hay « chén đưa nhớ bữa hôm nay », ấy chẳng là dài đó dư ? — Cái một ngày ấy mà số-dĩ dài là vì cái « nhớ » kia vậy. Cái sự nhớ kia mà còn đến ngàn nào thì cái một ngày nọ còn dài đến ngàn ấy. Thế-sự lằng-xăng, thời-gian mau-mác, những ngày dài trong cuộc đời người ta, thỉnh-thoảng ai cũng có năm ba ngày, đề tó - điêm cho đời người, tức là đề làm dấu trong cái cõi không-hư này, không biết bắt đầu từ đâu và không biết đến đâu là cùng. Khách trần gánh lại, trông qua những ngày ấy, như trông vết mực đen trên

tờ giấy trắng, như ngắm cảnh rừng cây mát-mẻ, hoa cỏ tỉnh-tươi trong biển sa-mạc-diù-hiù.

Những ngày ấy có cái tinh-cách chung ; có cái tinh-cách riêng. Có cái tinh-cách chung là như những ngày ai cũng có thể nhớ, ai cũng lấy làm hay, đối với mọi người đều có quan-hệ được cả, tức là những ngày đã gây nên cái công-trình vĩ-đại, cái sự-nghiệp khải-kỳ của các tay triết-nhân đạt-sĩ làm vẻ-vang cho quốc-gia nòi giống, làm sáng-sủa cho xã-hội nhân-quần, đều là những « ngày dài ghê » cả. Những ngày ấy, trong lịch-sử cổ kim Đông Tây thực có đã lăm vậy. Còn có cái tinh-cách riêng là những ngày duy chỉ một người nhớ mà cũng duy có một người ấy biết là hay mà thôi, đối với kẻ khác, dù biết dù không cũng chẳng quan-hệ gì. Người ta năm tuổi có chừng, ký-ức có hạn, thì lấy gì làm có phương lưu-truyền miên-viễn để kéo dài cái ngày kia, dài mà không dứt, dài đến không biết chừng nào là chừng hạn. Chẳng phải là cái phương dùng văn-chương mà ghi chép thì còn phương nào vậy thay.

Bài này tức là ghi lại « một ngày dài » trong cuộc đời ký-giả mà thuộc về tình-cách riêng vậy.

Anh Mộng-Viên, thuở bé là người bạn đồng-học, sau này là người bạn đồng-tâm cùng tôi nhất-biệt đã hai năm rồi; mùa đông năm nay chợt lại gặp anh. Lời tan hợp chuyện xa gần chưa nói, anh đã vồn-vã hỏi thăm tôi về cận-trạng hà học « Tri-đức học-xá 智德學舍 » vì anh bao giờ cũng vẫn có bụng ân-cần đến việc quốc - văn giáo-dục luôn. Anh hỏi: « Thế nào, từ độ đệ được cái hân-hạnh đến dự tiệc trà ngày khai-giảng nhà Tri-đức-học-xá này, tức là ngày rằm tháng mười, tiết Hạ-nguyên năm bính-dần tỵ. Rồi nghe học-xá từ đó bắt đầu dạy quốc-ngữ. Về việc này thì đệ lấy làm ước-ao mong-mỗi lắm. Nền khi cách-biệt rồi, đệ có thấy bài ký tiệc trà hôm khai-giảng ấy của hân-huynh viết. Sau này lại thấy mấy tập văn xuất-hiện nữa tức là cái bông hoa đầu mùa trong vườn hoa quốc-văn của học-xá mới phát-sinh thi đệ rất lấy làm mừng. Từ đó rồi đệ không được biết cận-trạng như thế nào nữa. »

Nghe anh Mộng-Viên hỏi, tôi trong lòng thấy bồi-hồi như có chuyện gì khích-dộng, cảm vì ở đời này mà tìm được một người tri-kỹ với quốc-văn và tri kỹ với mình như thế thì hiếm quá. Cảm vì công-việc mình làm không thành trò-trống gì, để cô-phụ tấm lòng mong-mỏi của người tri-kỹ đã quá yêu mà kỳ-vọng cho như thế. Nếu anh Mộng-Viên nhìn kỹ thì chắc nhận ra nét mặt tôi bấy giờ đã có vẻ thèn thẹn. Tôi đáp:

— Đa tạ tấm lòng tốt của ngô-huynh đã quá yêu, chú công việc của đệ như thế đã có ra vẻ gì mà để cho phải phiền ông ngô-huynh lo nghĩ đến. Từ ngày tiệc trà độ nọ rồi thì Tri-đức-học-xá

chúng tôi bắt đầu khai-giảng. Về việc dạy-đỗ thi đệ rất lấy làm lo mà không dám đề cho trẽ biếng khi nào. Học trò xem chừng cũng có người chăm học biết yêu mến văn-chương nước nhà, ngâm-nga tụng-độc cái tiếng nói của nòi giống cũng biết lấy làm thích lắm hay. Cuối năm ấy học-xá làm lễ nghỉ tết Nguyên-đán đinh-mão. Cái lễ ấy cũng bắt - ngờ và học-xá chúng tôi không định làm, cũng nghĩ rằng: học chưa được mấy ngày mà cứ lễ với tết mãi cũng mất thì giờ. Lại còn sợ nhất một điều là một lần làm lễ là một lần các học-trò ai nấy làm văn, không biết chuyện gì nói, chỉ cảm ơn là cảm ơn, kể công là kể công, chưa được công chuyện gì mà kê-lễ quá nghe cũng ngổ-ngàng. Bao giờ lời xưng-tụng cũng cho vừa phải với công-phu mình mà thôi, nếu quá thì không ra lời thành-thật nữa, mà chỉ là một bọn hợp lại mà tăng bớt nhau, mà lán-tụng nhau « mẹ hát con khen » thì còn tư-cách gì. Đệ bình-sinh vẫn lấy làm e sợ những chuyện như thế lắm. Cho nên định đến ngày nghỉ tết họp lại học như thường khi, rồi ngỏ vài lời cho hay là xong. Không đề các học-sinh lại nghĩ khác, lại muốn bày đặt cho ra vẻ. Hôm 22 tháng chạp, đệ đang đi bách-bộ ở ngoài vườn thì có kẻ học-trò lại thưa rằng: « Thưa thầy, chúng tôi xin mời thầy về, để anh em chúng tôi mời người một bài chúc mừng tuổi thầy. » Đệ ngạc-nhiên đáp:

— Mừng tuổi, mời hôm nay đã mừng tuổi, mừng tuổi mà sớm nhĩ!

— Nhưng chúng tôi đã định xong cả rồi, bây giờ không thể bãi được, và chúng tôi cũng muốn tập làm văn một thể, xin thầy nhận cho.

Thế là đệ phải chủ-tọa cuộc lễ hôm ấy. Bắt đầu các học-sinh lần - lượt, mỗi người tự đọc lấy văn mình. Cũng có người làm, cũng có người làm không kịp. Trong ngoài chực bài, cũng

có mấy bài khá mà phần nhiều là trong-tự nhau cả. Đây các bài đã trích-lục cả ra đây, nhân-huynh xem :

— « Muốn nói về cái mục-dịch của học-xá thì đại-khái như câu : « Thầy dạy chúng tôi học quốc-văn là thầy có ý muốn cho chúng tôi trước là luyện-tập cái tiếng nói của nước nhà mà làm người trong nước ai ai cũng phải hiểu biết, sau là cho biết những phong-hóa nước Việt-Nam mình là quý-trọng mà giữ-giữ, để có tư-cách làm người ở trong gia-dình cho đến ngoài xã-hội, ấy cái mục-dịch thầy dạy - đỡ chúng tôi lớn-lao là thế. . . (1) »

— Muốn tỏ cho học-xá biết mình học có tấn-tới mà nói một cách rất rõ-rệt thì đại-khái như câu :

«... Chúng tôi học trong mấy lâu nay, dẫu rằng không được nhiều, nhưng chúng tôi chịu ảnh-hưởng của thầy đã nhiều, nên chí trí chúng tôi cũng thấy có khai, đức chúng tôi cũng thấy có tiến. Trong lòng chúng tôi mừng lắm, chúng tôi mừng bao nhiêu thì chúng tôi càng phải nhớ và cảm ơn thầy bấy nhiêu. . . (2) »

— Muốn nói biết ơn thầy một cách chính đáng vẻ-vang thì đại-khái như câu :

«... Cái công thầy dìu-dắt cho bấy lâu nay, chúng tôi không biết lấy chi đền đáp, chỉ ghi một lòng giữ chặt những điều thầy dạy bảo mà thôi. . . (3) »

— Muốn cảm ơn thầy mà có vẻ khiêm-nhượng nhún-nhường thì đại-khái như câu :

«... Nhờ thầy mở đường dạy-dỗ cho chúng tôi bước theo để nên danh-phận. Tuy bây giờ danh-phận tôi chưa được rõ-ràng chớ cái ơn thầy cũng đã cao sâu là thầy chẳng nề công-lao khó-nhọc. . . (4) »

— Muốn nhân cái cảm - tưởng tàn năm mà ngụ có ý cảm ơn thì đại-khái như câu :

« Hôm nay là ngày học cuối cùng trong năm. Khoảng đường ba trăm sáu chục ngày đã gần hết. Năm hết tết đến, nhà nhà sửa-soạn đón mừng xuân mới, ngày giờ qua mau như nước chảy dưới cầu. Nay giờ số tính coi, từ đó đến nay tôi đã học được những gì? ... Tôi trông thấy mà lấy làm mừng vô-cùng, ấy cũng bởi nhờ thầy dạy bảo chỉ đường dắt nẻo cho mà không lầm lạc. . . (5) »

— Muốn nói những chuyện đông-dài, hi-vọng cho những điều xa-xôi về sau thì đại-khái như câu :

«... Sau này chúng tôi mong rằng được thầy dạy-dỗ cho chúng tôi đến tận cái bậc mà chúng tôi đã đạt cái mục-dịch và gửi cả cái hi-vọng một đời của chúng tôi vào đó vậy. (6) »

Ngô-huynh xem đó, văn tuy có khá, nhưng như đệ đã nói ở trên, toàn-thị là lời kể công kể ơn nhiều quá. Duy có một câu này khác hẳn, trong các bài văn không bài nào có cả :

«... Tôi chúc cho thầy được mạnh-khỏe sống lâu, lo học tập chữ quốc-ngữ thêm nữa mà dạy bảo lại cho chúng tôi. (7) »

Nhân câu ấy mà khi các bài đọc xong cả rồi, đệ đứng lên đáp mấy lời này :

« Thừa anh em chị em học-sinh. Cái danh-dự cho tôi hôm nay đây thực tôi không dự-tưởng được. Tôi không dự-tưởng được thì tôi lại càng quý-hóa cái lòng biết phải của anh em chị em. Mấy lời anh em chị em mới vừa chúc tặng cho tôi đó làm cho tôi cảm - động vô - cùng. Tôi càng cảm-dộng bao nhiêu thì tôi lại càng lo

(1) — Lời văn Huỳnh Giũ-Giur. (2) — Lời văn Trần Văn-Quyên. (3) — Lời văn Đỗ Văn-Tĩ (4) — Lời văn Lưu Diệu-muội. — (5) Lời văn Nguyễn Văn-Sĩ. — (6) Lời văn Lý Kim-Anh. — (7) Lời văn Tạ Văn-Lục.

sợ bấy nhiêu. Lo sợ vì mình tài hèn đức bạc biết có làm cho khỏi phụ lòng anh em chị em đã trông-cậy tưởng-vọng cho đấy không. Cái trách-nhiệm giáo-dục tôi vẫn biết là quan-trọng lắm. Đã biết là quan-trọng, đối với tài-lực mình hèn đồ thì làm sao dám hứa rằng đương được phận-sự hoàn-toàn. Nhưng anh em chị em đã quá yêu mà tin cậy tôi, đã quá yêu mà trông mong tôi thì từ đây tôi cũng xin gia lâm cố gắng trau dồi học-tập thêm tiếng quốc-âm nhà, để được chỉ bảo lại cho anh em chị em, như lời anh Tạ Văn-Lục vừa nói rồi đó, tôi lấy làm bằng lòng lắm, được chút nào nên chút ấy gọi là đền lại cái cảm-tình của các anh em chị em đã đối với tôi làm cho tôi thêm được chút vẻ-vang.

Trong lúc bắt-cập tôi nói không được nhiều, mà theo cái bệnh của con nhà văn, nói ít như thế thì lấy làm bất-mãn-ý, nên nhân anh em chị em nói đến Tết, sẵn đây tôi mới có một bài văn về « ý-nghĩa ngày Tết » mới xuất-bản mấy ngày nay đem đọc cho anh em chị em nghe cho thêm dài câu chuyện. »

Ấy những lời đệ đáp lại đại-khái là thế, còn bài văn tốt mà đệ đem đọc hôm ấy thì đệ đăng trong một tờ báo nọ, ngô-huynh chắc cũng đã thấy rồi.

— Đệ cũng nhớ mang - máng thôi, nhưng rồi đệ sẽ tìm xem. Bây giờ đệ muốn nghe nốt câu chuyện về học-xá đã.

Tôi lại nói :

Nhỉ Tết đinh-mão xong, chúng tôi lại họp như thường ; cảnh học-xá đến cuối xuân năm ấy vẫn có vẻ khả-quan luôn. Mùa hè năm ấy là đến mùa các trường Nhà-nước thi, thì học-xá đã thấy vắng người đến học, vắng dần rồi sau đến phải đóng cửa tạm nghỉ...

Tôi muốn nói nữa, thì anh Mộng-Viên vội hỏi :

— Tạm nghỉ ! Tạm nghỉ đến bao giờ lại họp ?

— Về Việc tạm nghỉ là bởi cái hoàn-cảnh xui nên như thế, không thể dừng được. Còn tình-hình về sau thì xin ngô-huynh hãy thông-thả mà xem những tờ biên-bản của học-xá đây tức-khắc rõ. Tôi vừa nói vừa đưa ra cho anh lấy những giấy tờ đưa ra cho anh Mộng-Viên. Anh giờ qua một lượt rồi, xem rất chăm-chí. Tôi khi ấy, ngồi đợi cho anh xem thì cũng tẻ lắm ; vả tôi hình như cũng muốn ôn lại những chuyện cũ vì những giấy tờ ấy từ khi nhà học-xá nghỉ dạy đến nay, tôi vẫn không giờ đến khi nào, nên tôi ngộ lời muốn nghe anh đọc. Anh tìm-tìm cười rồi giữ lại, sẽ sẽ thông-thả đọc :

« Khai-trí tiến-đức-học-xá » sau khi bàn tính có ủy cho thầy giáo quốc-văn của học-xá viết lời đặt như sau :

« Phương - thành, ngày mồng một tháng chín, năm đinh-mão.

Lời đặt cùng các nam-nữ học-sinh.

Vì phần nhiều các học-sinh lấy né rằng bận việc thi cử mà hồi đầu năm nay nhà học-xá « Khai-trí tiến-đức » đang học mà phải bãi. Việc ấy cũng vẫn lấy làm tiếc. Nhưng tiếc mà không lo phương vãn-hồi để cho thời-gian ngày một ngày hai chìm đắm thì tiếc suông thế đã có ích gì mà cái tiếc kia cứ nhiều mãi ra, đến muốn vãn-hồi thì đã trễ vậy. Tưởng lẽ ấy thì các anh em chị em đã hiểu cả rồi, vì học-xá cũng đã nhiều lần khuyên bảo và giảng dạy cho các anh em chị em biết những sự ích-lợi cần-yếu của sự học quốc-ngữ là thế nào. Bởi thế không dạy được quốc-ngữ mà tiếc ; không học được quốc-ngữ mà tiếc, thì về phần học-xá cũng như về phần học-trò vẫn không khác gì nhau.

« Gần nửa năm nay, đầu đó thu xếp cũng từng-tiệm yên, vậy Học-xá lại họp nữa. Đã nói « một ngày một tiến » thì công việc cũng phải cho khá hơn trước. Vậy lần này, học-xá định mỗi tuần-lê họp bốn tối : tối thứ tư, tối thứ

năm, tối thứ bảy, và tối thứ nhất.

« Vậy có lời đặt cùng các học-sinh hay, ai vui lòng tự-nguyện muốn học thì ghi tên mình để cho học-xá biết trước. Ngày họp sẽ cho hay sau.

« Cổ-nhân nói : « Người nào có sẵn lòng đạo-đức thì mới đem đạo-đức mà truyền dạy cho được », vậy các học-sinh, nếu có lòng tự - nguyện đến học thì học mới hay, chứ học-xá không cưỡng-bách ai. Vì nếu cưỡng-bách học thì dẫu học cũng chỉ là miễn-cưỡng mà làm việc thôi. Học mà miễn-cưỡng, nghĩa là không tự mình vui lòng cầu học, thì rất không hợp với cái lễ giáo-dục vậy. Cũng vì thế mà phải viết lời đặt này.

Tên học-xá nay cũng đổi vẫn lại là « Tri-đức học-xá ». Nay đặt - Học xá chương-giáo ».

Anh Mộng-Viên đọc xong, xét qua cái danh-sách học-sinh ghi dưới lời đặt, nét mặt hiện ra có vẻ vui-mừng và nói; Thế thì hay lắm, nhà học-xá lại họp, một lớp học hai mươi người cũng vừa dạy, nếu đều là người nhiệt-tbành học-tập cả thì hiệu-quả không phải là ít vậy.

— Tôi đáp : Thế là từ đó chúng tôi khỏi dạy quốc-ngữ lại công-việc cứ tuần-tự mà tiến, không chuyện gì trở-ngại cả. Tiết hạ-nguyên năm đó học-xá lại làm được cái lễ kỷ-niệm chu-niên ngày khai-giảng nữa cũng có vẻ khá-quan, ngô-huyuh đang cầm đó là các giấy tờ về cuộc lễ ấy.

« Tri-đức học-xá » sau khi bàn tính, có ủy cho thầy giáo quốc-văn của học-xá viết lời đặt như sau :

Phurong-thành ngày 14 tháng 10, năm đinh-mão. Lời đặt cùng các tân cựu nam-nữ học-sinh Tri-đức học-xá.

Mai đây đến tiết hạ-nguyên, rằm tháng mười, chính là ngày chu-niên kỷ-niệm ngày khai-giảng của học-xá chúng ta.

Học-xá định đến ngày thì làm lễ kỷ-niệm để ghi lấy cái buổi vui mừng đầm-ấm kia.

Chương-trình cuộc lễ định :

1<sup>o</sup> — Về phần học-xá thì ông chương-giáo đọc lại bài khai-giảng năm rồi. Đọc lại bài trước là muốn nghe câu chuyện cũ mà ôn lại cái quang-cảnh xưa để tỏ ra ý kỷ-niệm.

2<sup>o</sup> — Về phần học-sinh thì mỗi người phải tự mình soạn lấy một bài chúc-từ để khi bài khai-giảng đọc xong thì mỗi người đều đọc lấy bài mình. Chúc-từ thì tùy-ý học-sinh viết thế nào theo cảm-tưởng riêng của mình đều được cả, và phải viết cho thật kỹ, dẫu dài thế nào học-xá cũng chẳng hạn.

3<sup>o</sup> — Thầy giáo quốc - văn hát bài hát kỷ-niệm.

4<sup>o</sup> — Mỗi người đều cầm theo một bó hoa nhỏ vài bốn cái bông hoa cho thật tươi tốt thanh-tân để trang-điểm cho cảnh học-xá.

« Cuộc lễ sáu giờ rưỡi thì cử-hành. Vậy có lời mời cả các tân-cựu nam nữ học-sinh đến dự lễ cho đông.

Nay đặt — Học xá chương-giáo ».

« Y như lời đặt, đêm hạ-nguyên năm đinh-mão, Tri-đức học-xá làm lễ chu-niên kỷ-niệm ngày khai-giảng. Cảnh học-xá hôm ấy bình-hương câu đối cũng vẫn giữ cái phong-quang nề-nếp cũ. Giữa có bức hoành-phi « Tri-đức học-xá khai-giảng chu-niên kỷ-niệm nhật. 智德學舍開講週年紀念日 ». Dạy có một vẻ đặc-sắc là lần này không trưng nhiều bình hoa như thường khi, chỉ có một bình nhỏ đối với ống bút chõ ghế đọc văn mà thôi, còn thì mỗi người đều cầm đến một bó cả, thì có rất nhiều thứ bông hoa đẹp, đem đặt dài theo hai bên bàn, dưới bong đèn tỏ rạng rõ về ra cảnh phurong-uyên quỳnh-lâm. Khi đầu dấy an-tọa, ông chương-giáo học-xá đọc

bài văn khai-giảng năm đầu. (1)

Xong thì các học-sinh mỗi người lần lượt lên đọc. Văn thì thấy có vẻ tiến hơn năm rồi, nhưng cũng không sao tránh khỏi cái lẽ lối sáo cũ, đó cũng là cái bệnh của học-trò. Trích lấy mấy câu đề làm tiêu-biểu cho các bài văn hôm ấy.

— Mừng được hội-họp và tỏ ý đã lĩnh-hội được những điều học-xá đã truyền dạy cho thì đại-khái như câu :

«Đêm hôm nay là lễ kỷ-niệm Tri-đức học-xá khai-giảng được một năm tròn. Năm ngoái, cũng ngày này chúng tôi họp lại dự tiệc trà ở đây làm lễ bắt đầu vỡ lòng học quốc-ngữ... Chúng tôi lấy làm mừng mà được tái-họp đồng-đủ như năm trước làm cho cảnh học-xá lại được vẻ-vang đầm-ấm... Chúng tôi thiết-tưởng trong mỗi nước, nước nào cũng có một thứ chữ; nước có chữ mới có thể mạnh-mẽ, nước nào không chữ, bay đã có mà làm cho mất đi thì nước ấy tất phải suy-vi tiêu diệt giống nòi... (2)»

— Biết có cái hi-vọng cho hậu-vận nước Nam sau này là ở chữ quốc-ngữ thì đại-khái như câu :

«... Eời thế cho nên chữ quốc-ngữ này là một thứ chữ gốc-cội của người nước Nam, từ đây, một ngày một mở-mang thêm mạnh-mẽ và cứng-cỏi luôn, nên anh em chúng tôi phải giữ lấy gốc-cội của chúng tôi... (3)»

— Nhân thấy cuộc lễ mà nhớ đến những người bạn đồng-học cũ bây giờ đã nghỉ học với học-xá mà đi theo học các trường xa thì đại-khái như câu :

«Đêm nay là đêm kỷ-niệm của Tri-

đức học-xá mà lại là đêm kỷ-niệm chung của anh em chúng tôi. Tôi lấy làm hân-hạnh được họp cùng thầy và chú qui-hữu vui vầy mừng ngày kỷ-niệm. Hôm nay tuy vắng mặt các anh em đã đi học ở xa, nhưng tâm-hồn như còn ở lại đây. Chắc đêm hôm nay, nơi đất khách quê người, các anh trông ra bốn bề mây trắng, vầng nguyệt rạng đang lơ-lửng giữa trời thanh mà lòng quê chợt nhớ hôm nay, tức cũng súc-tình vì cảnh mà ngồn-ngang trăm mối bèn lòng. Nhân nhớ đến bạn cũ mà lo nỗi năm sau, biết có được đông đủ vui vầy như buổi hôm nay cùng chăng!... (3)»

— Ngổ lòng tiếc về việc học-xá tạm nghỉ độ nọ rồi tiếc vì mình bởi việc trở-ngại riêng mà không đi học ở Học-xá được nữa và cầu chúc cho học-xá lâu dài thì đại-khái như câu :

«... Mới học-tập được mấy thang thì nhà học-xá đã phải đóng cửa nghỉ! Đến mùa thi-cử xong thì học-xá lại mở dạy cho chúng tôi. Nhưng tiếc vì lần này tôi lại không được đến học đây nữa. Nhưng tuy không học mà đêm nay tôi cũng xin làm bài văn, bó bó hoa đến đây làm lễ, gọi là nhớ ngày vui-vẻ năm xưa. Chúng tôi ước-ao cho Tri-đức học-xá sẽ được bền vững lâu dài và mỗi năm đến tiết Hạ-nguyên này đều có cái lễ vẻ-vang để ghi lấy cái kỷ-niệm tốt-đẹp kia mãi mãi (5).» Đến đây anh Mộng Viên ngừng lại nói: Xem những câu văn trích ra đây thì thấy các học-sinh viết quốc-văn đã có vẻ tiến tới lắm, nhưng sao lại không lục cả bài lại trích từng câu như thế.

(1) Xem N. P. số 115; Gia-dinh giáo-dục ký.

(2) Lời văn Tăng Bá-Khương.

(3) Lời Văn Huỳnh văn-Ti

(4) Lời văn Thái Văn-Phước.

(5) Lời văn Thái Tiến-Mai

Tôi đáp: Những bản thảo các bài văn, đề văn còn cất đủ cả kia, rồi đề sẽ trình Ngô huynh xem, nhưng số-dĩ phải trích ra như thế mà các bài văn ấy thỉnh-thoảng có câu nghe được, còn thì không có bài nào được cả toàn-thiên. Phần nhiều là lời văn viết không có mạch lạc, ý-tư xếp không có trật-tự, nên trích từng câu ra như thế là chỉ lấy những cái hay mà thôi. Còn Ngô-huynh muốn xem cả bài thì đã có đây. Bài này lại số-dĩ không trích ra từng đoạn như: ác bài khác vì có cái tinh-cách đặc-biệt. Trong bài văn có cái cảm-trưởng riêng không phải có cái tinh-cách làm tiêu-biểu cho các bài văn hóm ỹ. Anh Mộng-Viên vừa lật vừa nói: dài lắm, đề lấy làm thích đọc nhữn; bài văn dài.

— Nhưng mà phải có ý-vị gì mới được chứ.

— Bài văn này của ai và nói những chuyện gì mà nhiều quá; cũng là văn đọc một lượt ở học-xá hóm lễ kỷ-niệm ỹ thì phải.

— Ngô-huynh đọc rồi tức-khắc rõ. Bài văn này là đọc về cuối cùng cả các bài.

Khách đọc:

Kính thưa thầy,

Kính thưa anh em chị em đồng-học,  
 Rằm tháng mười (8-11-1927) hôm nay là ngày kỷ-niệm chu-niên ngày khai-giảng quốc-văn của Tri-dức học-xá. Nói đến, rằm tháng mười bỗng tôi có một cái cảm - động khác thường vì đêm ấy chính là đêm đã mở cho chúng tôi một cuộc đời mới. Nói mở cho cuộc đời mới là cuộc đời tôi từ trước ở vào một phương-diện khá, giá không có ngày ấy thì về sau này cứ như thế mãi; nhưng từ hôm rằm tháng mười năm ngoái ấy rồi thì cuộc đời chúng tôi lại xoay hẳn ra một phương-diện khác, khác với lúc sơ-dầu mà có lẽ là khác với cả thiên-hạ thường-tinh. Có thể nói rằng cuộc đời chúng tôi hay dở thế nào là kể từ hôm ấy vậy. Hôm nay đến ngày kỷ-niệm thầy trò cùng nhau quây quần dưới bóng đèn họp lại cái quang-cảnh cũ mà ôn lại cái phong-vị ngày xưa, trong trí

bày ra một cái ký-vãng một năm trời, trong bụng không sao không có một mớ cảm-trưởng về việc học quốc-ngữ vừa qua.

Việc học quốc-ngữ là một việc rất hợp với cái nghĩa-lý thâm-trầm của việc giáo-dục, nhưng đối với thời-thế trong nước ngày nay thì việc ấy cũng không phải là hợp ý vui lòng với hết cả mọi người, thế nào cũng có việc trở-ngại. Linh-thế đã như thế thì người dạy cũng khó mà người học cũng khó, nhưng dù thế nào cảnh-trương học-xá trong một năm nay cũng vẫn hoạt-dộng luôn, công việc học-xá cũng vẫn tiến-hành luôn cái chí chăm lo dạy bảo của hai thầy cũng vẫn sốt-sắng luôn. Về phần học-sinh, riêng tôi, thì tôi há dám tự-phụ là có khai-tri tiến-dức hay sao, nhữn; nói ra là để tỏ cho hai thầy được biết rằng cái công-phu của hai thầy không phải là cái công-phu không đầu mà không có hiệu-quả gì, nói cho đáng thì đầu chẳng được nhiều cũng được ít, chớ há có thành không cả hay sao. Dầu nhiều, dầu ít gì thì cũng nói, có khác nào « hái hoa đưa tặng người vun tưới » đầu cái hoa ấy là « bông hoa đầu mùa » màu đầu chẳng tưới, mùi đầu có nhạt thế nào thì cũng phải hái mà đưa tặng. Đưa tặng là để đáp lại cái lòng khát-khao mong-mỏi thấy hoa quả của người vun tưới, bông hoa kia đầu mà chẳng được thơm đẹp chứ cũng làm được vui lòng cho kẻ trồng cây. Tôi hôm nay số-dĩ phải ra tự mình nhận mình là trí có khai, đức có tiến là cũng vì một cái tâm-sự như cái tâm-sự của kẻ hái hoa kia đó thôi, chớ há đầu dám « khoe với mình cũ » mà như người thợ bạc khen vàng.

Cái kết-quả ấy ai bảo không phải là cái công-phu của hai thầy rất nhiều, mà như trên đã nói, như cái tinh-thế trong nước ngày nay thì đó không phải là một việc dễ, cái chí-thú, cái tâm-sự sao không phải là cái chí-thú, cái tâm-sự của ông Mặc-Địch trong lúc « khổ thân làm việc nghĩa », chịu người ăn không thì một người càng phải chăm cây; phần đông dư-luận không theo mình thì lại càng cần-cù mà lo, kiên-nghị mà làm hơn lên, chứ có dám bỏ cho mặc kệ đời đâu. Quan-cảnh tinh-hình Tri-dức học-xá một năm rồi đầu đó đều được tốt đẹp cả, duy gần đây phải tạm nghỉ mất một vụ, vì phần đông người lấy nê rằng bận việc thi cử mà

học-xá phải nghỉ, việc ấy thì cũng lấy làm tiếc, Cái khó cho học-xá vừa nói trên kia là đại-khái những việc như thế. Nhưng học-xá vẫn hợp lại được, hôm nay lại làm được lễ kỷ-niệm chu-niên ngày khai giảng thì hằng nên reo cười mà vui mừng lấy bữa hôm nay và đồng câu chúc cho thì đây mỗi năm đến tiết hạ-nguyên này thì Tri-đức học-xá đều có cái quang-cảnh xum họp đông đủ vui vẻ như đêm hôm nay mãi mãi.

Ấy cái cảm-tưởng của tôi đối với học-xá từ nay về trước là thế, còn cái cảm-tưởng đối với học-xá từ nay về sau thì tôi còn một đoạn văn khá dài-dặc, khá lâm-lý tôi cũng xin kể luôn. Đoạn văn này mà đem đọc ở giữa buổi này thì e không được hợp với tình-cảnh hôm nay là cái tình-cảnh đang vui vẻ nong-nân mà đoạn văn này là đoạn văn chứa chan buồn-bã «Cuộc vui gây khúc đoạn-tràng ấy chi», nhưng (tẻ vui âu cũng cơ trời) tình-thế bất hợp không thể không được. Không đọc khi này còn đợi được khi nào nữa thì cùng xin thầy và anh em chị em lượng biết cho lòng. Tôi hôm nay ở giữa này vừa phải cái cảm-tưởng ký-vãng kích-thích, vừa phải cái cảm-tưởng tương-lai bồi-hồi, hai cái cảm-tưởng đôn-dập làm một mà trong lòng đã ngồn-ngang trăm mối.

Buổi học này là buổi học cuối cùng của tôi ở học-xá này, tôi chỉ còn học được một buổi này nữa mà thôi ! Vì gia-đình bắt-buộc mà nay mai đây tôi sẽ phải từ-biệt nhà học-xá, từ-biệt cả thầy yêu bạn quý, từ-biệt cả non sông đất nước này mà trở về nơi gốc tử đậm phần. Quê của ta lòng kính yêu mà trần - rọng biết chừng nào !

*Hữu-tình xin chớ vô-tình,*

*Ai ơi ! chìm Viêt đậu cành Nam-chi.*

Lẽ lớn nhỏ tuy có khác nhau chớ cũng cùng một ý-nghĩa ấy thì tôi nay được về chốn quê nhà là một việc đáng nên múa hát mà reo cười, chớ có gì mà phải ngậm-ngùi than-thở thế này. Đã đành rằng thế nhưng Biên-hòa kia là chỗ quê cha đất tổ tôi mặc dầu, chớ Hà-tiên đây chính là nơi quê hương thứ hai của tôi. Trong mười năm trời đã từng vui buồn cười khóc ở cõi đất này, đã từng sinh biết bao nhiêu cảm-tình với nước

non này, đã từng có biết bao nhiêu tâm-sự với người đất nước này thì tôi yêu mến Biên-hòa là lòng yêu mến chỗ cũ, nay tôi phải xa-cách Hà-tiên mà tôi phải ngậm-ngùi nhớ tiếc là cũng bởi lòng nhớ tiếc chốn người quen cảnh cũ mà thôi.

Mà nói cho đúng thì Biên-hòa kia là nơi cổ-kết cái hồn thiêng-liêng của gia - quyến tôi có cái thú-vị nghiêm-trang mà đắm-thắm thì tôi chỉ có lòng kính mà có lẽ chưa có lòng yêu là mấy, chớ Hà-tiên, Hà-tiên đây mới là nơi gây dựng cuộc đời tôi được vẻ-vang, là nơi nuôi cái hồn tôi được có tư-cách thanh-cao, có cái thú-vị nhẹ-nhàng tươi-tĩnh mà khá-ái thì Hà-tiên chính là nơi tôi vừa yêu-quí vừa kính-mến biết bao nhiêu. Ấy tôi nói rộng một xứ này vì Hà-tiên chớ nào cũng đều có vài cái dấu vết tôi gửi lại mà cũng đều có cái cảm-tình ngu ở trong, nhưng cảm tôi được một cách rất thâm-trầm là cái hoàn-cảnh nhà Học-xá này. Nên nay trong khi tôi sắp biệt cái hoàn-cảnh đầm-ấm nọ tôi sao khỏi có mấy lời tâm-sự để từ-giã buổi sau cùng, mà từ đây rồi không biết đến ngày nào mới tôi hợp lại được như buổi hôm nay. Cái đặc-sắc nhất của nhà Học-xá này là ở cái danh-hiệu của học-xá là hai chữ Tri-đức rất đậm-đà rất đoạn-tràng kia, tôi hôm nay trông lên từng đường vạch từng nét chữ mà sinh vô-số lòng trân-trọng tình kính-yêu. Hai chữ ấy chính là đôi tảng đá để xây đắp cho cái nền nhân-tính nhân-cách tôi rất vững-vàng. Óc tôi biết nghĩ mà nghĩ phải, chân tôi biết bước mà bước ngay, mắt tôi biết trông xa, thì tôi biết nghe mà nghe rộng là sở-đắc ở hai chữ ấy rất nhiều. Cái nền nhân-tính nhân-cách tôi bắt đầu mà được có người gây dựng vững-vàng như thế thì quý-hóa hân-hạnh biết chừng nào mà ơn xây đắp ấy dầu có phải cách xa muốn nghìn dặm cũng không sao quên được.

Thứ nữa đến quốc-văn. Nói đến Tri-đức học-xá mà không nói đến quốc-văn thì như còn thiếu. Trên kia nói hai chữ Tri-đức là cái mục - đích cái tinh-cách của nhà học, nhưng chữ quốc-ngữ mới là cái cơ-quan làm cho cái mục-đích cái tinh-cách kia sinh-hoạt được. Tri muốn khai tức phải lấy chữ quốc-ngữ làm cơ-quan, đức muốn tiến tức

phải lấy chữ quốc-ngữ làm lợi-khí thì cái nền móng Tri-đức trên kia mà xây dựng được vững-vàng chính là cái công của chữ quốc-ngữ rất nhiều. Nói đến công của chữ quốc-ngữ khi sắp từ - biệt nhà học-xá này thì cảm-dộng đến chảy nước mắt mà khóc được vì quốc-văn ở buổi bây giờ muốn học cũng khó lắm thay! Muốn học thì phải đến trường, phải tìm thầy, nhưng trường nào là trường có dạy thứ chữ ấy, thầy nào là thầy chịu dạy thứ chữ ấy. Ai chẳng biết chữ quốc-ngữ ở các trường nhà nước ngày nay phải ở vào cái địa-vị rất thấp - hèn mà chịu cái số-phận khinh-khì rẻ - rúng; như thế thì còn ai là người thiết đến việc dạy dỗ thứ chữ ấy nữa làm gì. Đã định được như thế, là đã định được rằng nay mai mà phải xa cái hoàn-cảnh này rồi sẽ không bao giờ tìm cho có trường học, tìm cho được thầy dạy thứ chữ thần-thánh ấy, để được thường ngâm-nga ca-tụng đến cái hồn Đại-Việt giọng Hàn-Thuyên rất thanh-tao rất phong-thú của nước nhà kia nữa thì lòng nào mà chẳng ngậm-ngùi. . . Ấy cái đặc-sắc của nhà học-xá này là ở đó. Thời buổi này mà có cái tinh-cách giáo-dục như thế, phi chỗ này thì tưởng hồ-dễ đã tìm đâu cho có được.

Sở-dĩ thế mà phải yêu-quí, phải kính mến lúc ra đi lại phải ngậm-ngùi nhớ tiếc.

*Ngại-ngùng một bước một xa,*  
từ đây rồi càng xa-cách cái hoàn-cảnh này thì lại càng nhớ tiếc đến cái khi-vị thâm-trầm đậm-ấm ấy biết chừng nào, cái ngậm-ngùi ấy tưởng không bao giờ cho nguôi được.

Hai năm trước tôi phải biệt Hà-tiên một lần « khi nền trời cũng chiều người » năm ngoài không dè mà tôi lại được trở lại Hà-tiên bận nữa. Khi ấy tôi có một đoạn văn cảm-trởng rằng: « Cái chỗ mà tôi yêu mến nhất là Hà-tiên. Hà-tiên tuy không phải là quê hương tôi, nhưng là chỗ tôi ở học - hành từ thuở nhỏ, thế nên tôi yêu, năm ngoài tôi phải bỏ Hà-tiên ra đi thì tôi lấy làm đau-đớn lắm. Trong một năm trời ly-biệt thời nỗi buồn biết lấy chi cần, nào thầy dạy-dỗ, nào bạn chuyện-trò, nào chốn ở ăn, nào nơi học tập đến những cuộc chơi đùa vui thú tôi đều phải để lại mà không đem theo được. Mỗi lần hồi - tưởng đến những cảnh êm-dềm vui - thú ấy mà lòng

những băng-khuảng thồn-thức. Trong lúc ọ tôi biết Hà-tiên là mới biết ở ngoài hình-thức, chớ nay tôi biết Hà-tiên mới thật là ở chỗ tinh-thần, tôi phải biệt Hà-tiên lần này là lần thứ hai mà bận này thì trong bụng không có dự-tưởng là sẽ được dọc đoạn văn trả về cảnh cũ nữa. Lo với tình-cảm năm xưa mà cũng đoán được lòng bây giờ là cảm-dộng đến đường nào!

Nhưng mà thôi! Bèo nước hợp tan, cuộc đời thay đổi là một lẽ thông-thường, tự cổ dẫu cho có nhiều ngậm-ngùi ta-thán cũng không vãn-hồi lại được nữa rồi thì  
*Dấu lia ngó ý còn vương tơ lòng.*

cái cảnh sen mà có phần lia nhau chớ sợi tơ lòng nọ cũng vẫn còn vương-vửu mãi hình-thể dẫu xa cách chớ tinh-thần vẫn cố kết luôn.

Đêm hạ-nguyên năm ngoài bài khai-giảng của thầy có câu rằng: « như học-xá đã ký-vọng cho anh em là hai chữ Tri-đức đó, đến ngày vào trong anh em hai là người biết rằng mình tri-thức đã thực sáng suốt, đạo-đức đã thực thuần-lương rồi chừng ấy mới sẽ phải là một người có tư-cách hoàn-toàn vậy ». Những lời kỳ-vọng kia bao giờ cũng còn nghe văng-vẳng bên tai.

Tôi nay dẫu có phải xa học-xá xa Hà-tiên, nhưng Hà-tiên chính là một cái vườn đầy những kỳ-hoa dị-thảo mà tôi có khác nào một người đến thăm vườn trong bấy lâu đã thưởng thức được nhiều những hương thơm sắc đẹp trong vườn; lúc đi ra tuy không thể mang hết theo mình chớ cũng đã có lựa hái được vài bốn cái bông hoa sở thích mà cảm theo để ngửi lấy cái hương thừa. Bông hoa ấy cũng sẽ phải tàn héo đi, nhưng tôi sẽ gấp những cánh hoa tàn ấy vào trong những quyển sách tập bài đề sau này hoặc cũng có khi giở ra mà tụng-đọc đến bài học trước trông những cánh hoa tàn ấy thì sao khỏi có lòng nhớ đến cây cũ vườn xưa mà cái hương thừa kia cũng vẫn còn tỏa - mát trong sách-vở, thoang - thoảng quanh mình mà đậm-thắm theo lời giáo-huấn.

*Còn non còn nước còn dài,*

*Còn về còn nhớ đến người hôm nay.*

thì cũng xin tùy tài tùy lực mà định-ninh giữ-gìn ghi-gán lấy lời đề tẩm thân mong-mạnh này may mà khỏi phụ lòng học-xá đã quá yêu mà kỳ-vọng ủy-thác cho.

Ngày rằm tháng sáu rồi, tôi có một bài đọc buổi bãi trường có câu rằng : « Tôi từ đây, xuân qua thu lại, cảnh-tình thay đổi còn nhiều », trong câu đó chữ « thôi » ở đầu câu thầy cho là buồn quá mà không được học cảnh ; nhưng cái chữ thôi ấy chính là tiếng thồn-thức trong tâm-cảm tôi mà không gây lên vì lúc nọ tôi đã định từ-biệt đất Phương-thành này rồi, thì cái tiếng thôi ấy là cái tiếng từ-giã buổi sau cùng có nghĩ đầu lần-lữa đến ngày nay hôm nay, còn ở lại được đây âu cũng còn một chút duyên thừa mà :

*Dùng-dăng chưa nở rời tay*

với nhà học-á này để được học lại thêm mấy buổi nữa, lại được dự cuộc lễ kỷ-niệm hôm nay đây, mấy buổi học sau này, tuy chỉ trong một thời-gian rất ngắn-ngủi, nhưng có cái cảm-tình rất sâu-xa rất bền lâu. Cái cảm-tình kia mà càng sâu xa, càng bền lâu thì tôi càng nhớ rằng : « mai sau đâu có bao giờ » cũng không dám quên được tôi là người học-trò ở Tri-đức học-xá là tôi xin giữ cho mọi sự hành-vi sau này được có chút cốt-cách tinh - thần, được có chút thanh-cao phong-nhã là phải có cái tư-cách căn-bản cố-hữu của người Việt-Nam để khỏi làm lem một nét vẽ trong bức tranh non sông cầm-tú chồi Hồng côi Lạc và bao giờ cũng xin ngày đêm cầu-nguyện cho nhà học-xá được bình-an mà còn giảng dạy mãi mãi cho được đến ngày đạt được mục-dịch hoàn-toàn để thỏa được tấm lòng hoài-ảo của hai thầy.

..

Trong lúc phân tay, kể đi người ở, tình cảm chứa-chau bồi-hồi thồn-thức biết đến ngàn nào, gọi là có mấy lời trân-trọng từ-biệt học-xá từ-biệt hai thầy, từ - biệt cả các anh em chị em đồng-ọc, trong giữa đêm đông gió hiu trắng lạnh xin chứng cho chút lòng sen ngó đào tơ thương cảm một cách-sâu-xa mà ngậy thơ, buồn rầu mà thành «thật này » Học-trò cần thừa ».

Tôi bấy giờ lặng ngời nghe khách đọc, nghe câu văn mà trong trí bày lại cái cảnh năm xưa, thấy một cái phòng học con con, các thầy trò quây-quần nhau dưới bóng đèn ấm-áp, tiếng đọc văn thánh-thót dịu dàng như theo những hương-vị bóng hoa mà phát-sản ra man-mác, ở ngoài bốn bề tĩnh - mịch,

thỉnh-thoảng có một trận hàn-khi đưa vào nghe có vẻ lạnh-lẽo điu-hiu. . .

Anh Mộng-Viên đọc xong, đặt tập văn xuống nói : Giọng văn nhẹ-nhàng mà cảm-dộng lắm. Để nhớ như là đã có xem qua một vài đoạn trích ở tập văn này.

— Chính là tập văn này mà tác-giả tự-trích lấy để ghi cái thời-khắc tự-biệt đất Phương - thành mà cũng là để văn-thế trước.

— Để lấy làm học-xá Tri-đức đã tạo - thành được người giỏi. Ở học-xá có bao nhiêu người làm được những bài văn sấm-si như thế này ?

— Đó là cái của qui ít có, cái thiên-tư đỉnh-ngộ đặc-biệt của trời đất phú-dữ cho từng người, không thể lấy cái thông-thường mà tỉ-lệ được, như thế thì ngô-huynh biết rằng đệ chưa từng thấy có người nào tuổi trẻ mà viết văn đã xuất-sắc như thế. Cho nên đó không phải là công của học-xá chúng tôi, mà chính là nhờ cái thiên-tài thông-tuệ của người ta. Có phải học-xá dạy ai mà cũng được cả như thế đâu.

— Đành rằng thế, nhưng « thông-minh vốn sẵn tư trời, khôn-ngon cũng phải có người mới nên », thì học-xá sao gọi được là không công.

— Đó là ngô-huynh kể cho. . .

— Còn cuộc lễ ấy đã chưa cáo-thành kia mà !

Tôi chỉ từ biên-bản cho anh Mộng-Viên :

« Khi các bài văn học trò đọc xong rồi thì ông giáo quốc-văn của học-xá đứng lên nói mấy lời đại-khái rằng : Hôm nay học-xá Tri-đức làm lễ Kỷ-niệm mà được các anh em chị em học-sinh đến đông đủ như thế này, tôi xin thay lời học-xá mà cảm ơn lắm lòng qui-hóa của anh em chị em chẳng cùng. Tình-hình học-xá một năm vừa qua, tôi không lọ phải kể nữa, vì tự các học-sinh đã thấy biết cả rồi, trong các

bài văn, thi-hoảng cũng có bài nói đến. Nghe văn của anh em chị em đọc hôm nay; tôi lấy làm mừng vì thấy đã có phần tiến hơn trước, ấy là bày ra cái kết-quả của học-xá. Tôi lại xin anh em chị em từ đây giữ làm cho được như lời là không hao giờ nên quên học-tập chữ quốc - ngữ, tiếng quốc-âm nhà. Học-xá mong-mỏi cũng chỉ là có bao nhiêu đó mà thôi. Tôi lại biểu-tình cũng anh em chị em mà cầu chúc cho học-xá được bình-an mà mỗi năm đều làm được cái lễ kỷ-niệm này mãi mãi cho đến chín mươi năm về sau. Nhưng, cảnh học-xá ấm-áp vui-vầy, hay vắng-vẻ đìu-hiu cũng là bởi tấm lòng cầu học của anh em chị em sốt-sắng hay nguội-lạnh. Trong các bài văn hôm nay phần nhiều ở vào cảnh-ngộ bình-thường, nên bài nào cũng kể cái tình-hình của học-xá vừa qua và cầu cho cái quang-cảnh của học-xá sẽ đến đều phải cả, duy có bài sau rồi là ở về cảnh-ngộ đặc-biệt, học-xá lấy làm cảm-động và xin cảm ơn tấm lòng quyến-luyến kia đối với học-xá đã có cảm-tình rất nặng, tôi xin thay lời cho học-xá, thay lời cho cả các anh em chị em học-sinh đây, sau khi hát bài hát kỷ-niệm của học-xá rồi, sẽ đọc một bài để cùng kể học-trò trọng-biệt.

### I. — Bài hát kỷ-niệm.

Rõ-ràng quang-cảnh năm xưa,  
Hàn-Thuyền Đại-Việt lòng tơ mơ màng.  
Hạ-nguyên tiết một lần sang,  
Một lần tụng-đọc văn-chương nước nhà.

Tiết hạ nguyên bình-dần năm Ấy,  
Kỷ-niệm ngày khai giảng quốc-văn nhà.  
Đốt lò hương, trang điểm về bông hoa,  
Phong-vị cũ, bài văn xưa đem đọc.

« Mở lối đưa đàn hậu-giác;

« Sửa mình theo bậc tiên-tri (1) »

Đầu sau xưa âu cũng thế thì,

Đình-ninh vẫn gắn-ghì lời học-xá,

« Tri rắp khai-thông, đức mong tiến-  
hóa (2) »

Tiếng quốc-văn gióng-dã hội sau nay.  
Cuộc vui nhớ bữa hôm nay.

### II. — Bài hát tổng-biệt.

Hồ Đông trắng nước ngâm-ngùi,

Đêm đông trăn-trọng đưa người bước

Chiều mai về tuyết dù xa, [ra.

Vẫn còn thoang-thoảng hương « hoa  
đầu mùa »

Cuộc trần-thế nước bèo tan-hợp,

Hợp rồi tan, tan hợp lẽ là thường.

Nhưng đã sinh ra kiếp văn-chương,

Khi thổ bạc, khi ác vàng, khi mưa mai  
khi gió xé.

Cảnh trời đất gọi màu tình-tử,

Khi non sông chuốt về văn-chương.

Lúc biệt-ly âu cũng ngàn-ngọc đường,

Mỗi hoài-cảm ngồn-ngang chiều bút mực.

« Mở lối đưa đàn hậu-giác;

« Sửa mình theo bậc tiên-tri ».

Đôi ngón đàn dài-dắt buổi trong-tri,

Nay thánh-thốt nỉ-non khi tổng-biệt.

Vor-vân tơ vương hồn Đại-Việt;

« Thanh-tao thép lột giọng Hàn Thuyên »

Nước non nhà phong-vị cũ đừng quên,

Về mai-tuyết điểm trang người học-xá.

(1-2) Câu đối treo ở Học-xá : Tri rắp khai-thông, mở lối đưa đàn hậu-giác ; Đức mong tiến-hóa, sửa mình theo bậc tiên-tri.

«Tri sắp khai-thông, đức mông tiến-hóa»  
 Kể trồng cây mong kết-quả về sau.  
 Yêu nhau xin nhớ lời nhau.

Đến hai bài hát thi xong cuộc lễ. Cùng nhau các tán, bước ra sân rõ vẽ ra cái cảnh « gió hiu trắng lạnh » « trắng nước ngậm-ngùi », đã không phải như cái cảnh « cây lồng bóng sân, vàng gieo ngấm nước » như năm xưa nữa. Tạo-hoa vốn vẫn vô-tình, nhưng cảnh trời đất với tình người cũng có phen tấu-xảo ».

Anh Mộng-Viên vừa đặt tập văn xuống thì tôi nói: Đến đó là xong cuộc lễ kỷ-niệm đêm hạ-nguyên. Còn những giấy tờ này là việc sau:

« Đêm 19 tháng 10 năm đinh-mão, Tri-đức học-xá đang họp thì có kẻ học trò của học-xá đến, đưa tặng một bó hoa và đọc một bài văn sau này:

Kính thưa thầy,

Kính thưa anh em chị em,

Hôm rằm rồi là ngày kỷ-niệm chu - niên ngày khai-giảng của học-xá Tri-đức. Đêm nọ, tôi đã có một đoạn văn từ-biệt học - xá rồi. Nhưng ngày ấy là ngày vui của học-xá thì « lựa chi những khúc tiêu-tao ». Nhưng tôi vội-vàng như thế là ngày đi tôi không định trước. Đến hôm nay, tôi chưa đi mà học-xá còn họp thì tôi cũng vẫn còn lại học để tỏ chút tình quyến-luyến buổi sau cùng. Và trong bụng tôi thường có cái cảm-tưởng rằng: ngày nào tôi còn ở Hà-tiên mà học-xá này còn giảng thì tôi không sao không đến được. Buổi học hôm nay tôi còn đến đây tức cũng như kẻ hành-nhân đã lên chốn trăng-dinh mà còn ngoảnh đầu trông lại cái chỗ mình vừa xa vắng. Tôi đổ với học - xá, trong lúc chia tay thì thực nhiều quyến luyến, trong lòng tôi có sao là tôi viết ra như thế, phận sự kẻ học-trò trong lúc ra đi mà phải từ-giã học-xá, từ-giã thầy bạn là lẽ thường, khôn dè đâu mà được thầy và các anh em chị em quá yêu nghĩ đến tình mà đãi lại tôi được một cách trân-trọng quá, hôm ấy đến nay, trong lòng tôi lấy làm cảm-kích vô-

cùng. Trong lúc ra đi, đáng lẽ tôi phải đến từng nhà các anh em mà từ-biệt mới là phải, nhưng một là thời-khắc gần đi bận rộn, hai là tôi không có phương - diện đến từng nhà như thế được, mà ngày tôi đi các anh em cũng không có phương-diện đưa tôi ra bến tàu được. Và bài văn tôi hôm nọ từ-biệt, có cái tính-cách công-dồng mà chưa có cái tính-cách đặc-biệt.

Học-xá đãi tôi được hậu như thế, thầy đối với tôi có bụng thương yêu như thế, trong bụng tôi cảm - động đến thế nào thì trong mười mấy trang văn hôm nọ là mười mấy đoạn lòng. Còn anh em chị em ai nấy đều có bụng tưởng nghĩ đến tôi thì còn biết lấy gì để đáp lại cái thịnh-tình kia, vậy xin trân-trọng đưa tặng mỗi người một đoạn văn từ-biệt sau cùng và một cái bông hoa nhỏ để làm chút lễ chia tay, xin anh em chị em vui lòng nhận cho. Không thể tìm được bông hoa mai để biếu được cái cốt-cách, tinh-thần cho ra vẻ thanh - tao phong-nhã. Đây tôi xin lấy thứ hoa này nho-nhỏ mà trắng-trắng xin tạm gọi đó là bông hoa mai cũng nên.

Anh em chị em đều có thơ đọc tiễn tôi, tôi không biết làm thơ để đáp lại, nhưng lại muốn có, ấy cũng là cái bệnh của con nhà học-trò con nhà sinh văn-chương, nên tôi cũng có mượn mộ - nhà làm thơ trú-danh ở Phương-thành đây, có lẽ anh em chị em đã biết tiếng cả, làm một bài tuyệt-cú, tôi ngâm luôn:

*Từ-biệt non sông phong-cảnh Hà,*

*Một lời trân-trọng hạt châu sa ;*

*Quan-san lòng vẫn gần gang-lức,*

*Về tuyết chiều mai vẫn mặt-mà.*

Hoa bó vào một sợi giải phơn-phốt xanh, thêu bốn chữ T. Đ. H. X. là Tri-đức-học-xá. Khi tháo sợi giải ra rồi, thì kẻ học-trò đem buộc vào bình-hoa của học-xá—mỗi lần học-xá họp thì đều có bình hoa nhỏ ở giữa bàn luôn — mà đọc rằng: « Tráng Đổng-hồ xa »—Học-xá đọc đáp lại là: « Tráng-dinh hành xứ 長亭行處. »

Mấy ngày sau, kẻ học-trò có gửi giấy cho học-xá hay trước là đến hôm 25

tháng 10 thì xuống tàu. Hôm ấy học-xá có phải người đi tiễn chân và có bài thơ tặng-biệt :

*Hồ rộng xa-xa bến liễu dài,  
Nước mây man-mác khách bồi-hồi;  
Gió thu vừa dãi làm màu cúc,  
Thành trúc từ đây đã vắng mai.*

Anh Mộng-Viên xem xong, tôi nói: Tôi còn nhớ hôm ấy, khi tôi ở bến tàu lên thì gặp bác Trúc-Hà, bác hỏi bốn tôi rằng: «Hôm nay, đạo dĩ nam, hay dịch dĩ đông 道已南易已東». Tôi đáp: đâu có dám thế, bác sánh với câu ấy mà tôi không xiết hồ thẹn.

Nghe tôi nói thế thì anh Mộng-Viên hỏi:

—Thế là nhân-huynh không có hi-vọng gì về kẻ học-trò kia hay sao. Bây giờ viết được những câu văn như thế thì chắc là sau này sẽ là người đứng-dẫn lăm, đối với quốc-văn rất có thể. lực vậy.

—Bây giờ thấy đó thì định mà nói vậy chớ đã chắc gì. Vì đệ thường nghiệm ra, con trẻ chưa đứng tuổi, thì chưa có thể nhất-định phán-đoán được tâm-tính; về sau chưa chắc là giữ được mãi cái giáo-dục hấp-thụ lúc tuổi còn non, nếu sư giáo-dục ấy mà để cho gián-đoạn hay không có người trông nom đến, bởi con trẻ phần nhiều ít có đũa có biết suy nghĩ xa-xôi mà thường hay quên lãng; để cho là gặp hoàn-cảnh nào là hóa theo hoàn-cảnh ấy mà thôi.

—Đó cũng vì - tất, nhưng nhân-huynh thực đã quá nghiêm-khắc.

— Cuối năm ấy Tri-đức-học-xá lại có được bức thơ này của các học-trò:

«Phương-thành, ngày 13 tháng chạp năm đinh-mão.

«Kính thưa thầy. Năm cũ hầu mãn, năm mới sắp đến và trong ít ngày đây Tri-đức-học-xá ta cùng sẽ tạm đóng cửa để mừng xuân mới.

«Anh em học-sinh chúng tôi định, ngày rằm tháng chạp này, mỗi người đến đọc một bài văn mừng thầy, xin có mấy lời trình thầy hay trước, và đó cũng là cái lệ cũ của chúng tôi. Nay kính trình.

«Đêm rằm tháng chạp năm đinh-mão, Tri-đức-học-xá thể theo ý muốn của học-trò, có làm lễ nghỉ tết Nguyên-đán năm mậu-thìn. Cảnh học-xá hôm ấy không được đông đủ ấm-áp như mọi lần họp trước. Cả thầy được chín bài văn, viết thường như các bạn trước. Duy có ba bài sau này trích ra mấy câu là làm tiêu-biểu được cho cuộc lễ hôm ấy:

«Hôm nay chúng tôi lấy làm hạnh-phúc mà được tụ-họp như năm ngoài. Tôi còn nhớ năm ngoài, về độ này, các anh em hội-họp vui-vẻ trong nhà Tri-đức-học-xá này, được cùng nhau bàn nói câu chuyện tâm-huyết, cảm-tình dầm-ấm. Nhưng nhớ đến cảnh xưa chuyện cũ chừng nào thì lại cảm-động chừng này, vì năm nay lại có vẻ khác hơn năm ngoài là bởi anh em phần nhiều ai cũng bận việc nọ việc kia, đi chỗ này chỗ khác, còn lại học chẳng mấy người... (1)»

— «... Tiếc thay cho ngày giờ qua mau. Ăn tết năm nay chứ vẫn chưa quen buổi học năm ngoài, còn nhớ buổi kỷ-niệm năm xưa mà mỗi lần tết đến là lại phải thêm một tuổi già. Tết đến chừng nào tôi lại càng phải lo chừng này... Cái công thầy dạy-đỗ chăm chú cho như thế đã có mấy ai, tôi lấy làm tiếc cho mấy anh mới cắp sách đến trường mà đã nản chí. Từ

(1) — Lời văn Tăng Bá-Khuông.

dây phải vậy cũng đành, nhưng ước-ao sao cho học-xá còn bền như hôm nay, thì anh em chúng tôi cũng không sao dám bỏ qua việc học quốc-ngữ được. (1) »

— « ... Năm ngoái nhà Tri-dức học-xá càng ngày càng tăng thêm lên, năm nay lại dần dần ít hơn, mỗi đêm thường chỉ vài ba người đến học, tôi lấy làm buồn bởi trong lòng tôi tiếc vì Nam-ngữ mà người Nam ta lại không biết ham học ... (2) »

Khách đọc đã không được tươi-tỉnh dòn-dã như trước nữa; vừa hết, chưa đề tập văn xuống, tôi đã nói như biết trước rằng thế nào anh Mộng-Viên cũng hỏi về chuyện này.

— Ngô-huynh xem những câu văn trích ra ấy thì cũng đủ biết là vì lẽ gì mà năm nay Tri-dức học-xá chúng tôi không hợp lại được. Tôi đã nói: « Nghĩ mình đã có vẻ gì, luống đề khách tri-âm chờ đợi » mà ngô-huynh còn chưa tin. Nhưng mà đệ trước sau vẫn nguyện làm một người tri-kỷ với quốc-văn, lòng này đã cùng với quốc-văn ước-nguyên sông núi, « quân bao tháng đợi năm chờ, dám xa-xôi mặt mà thừa thốt lòng » thì năm nay chưa hợp được, năm sau sẽ hợp được, năm sau chưa hợp được, năm sau nữa sẽ hợp được, vì mỗi lần hồi-tưởng đến mỗi buổi sáng chiều giảng học đối với cảnh non cao nước rộng trong chốn bóng hoa hơi gió nghe

có tiếng bình văn đọc sách, lời văn giản-dị mà có nghĩa thâm-trầm, nét bút đơn-sơ, mà có chiều thanh-nhã tả-mạc, bức tranh tình-tinh người Việt-Nam bằng tiếng quốc-âm nhà, tiếng ấy đã hàm có cái tinh-thần khi-vị của non sông nòi giống, cùng với cảnh thiên-nhiên nhịp-nhàng điệu êm-ái vui-hòa thì như cảnh-vật phản-chiếu vào trong cõi tâm hồn, khiến cho đệ lấy đó làm cái thú tuyệt-trần, không bao giờ cho quên bằng được. . .

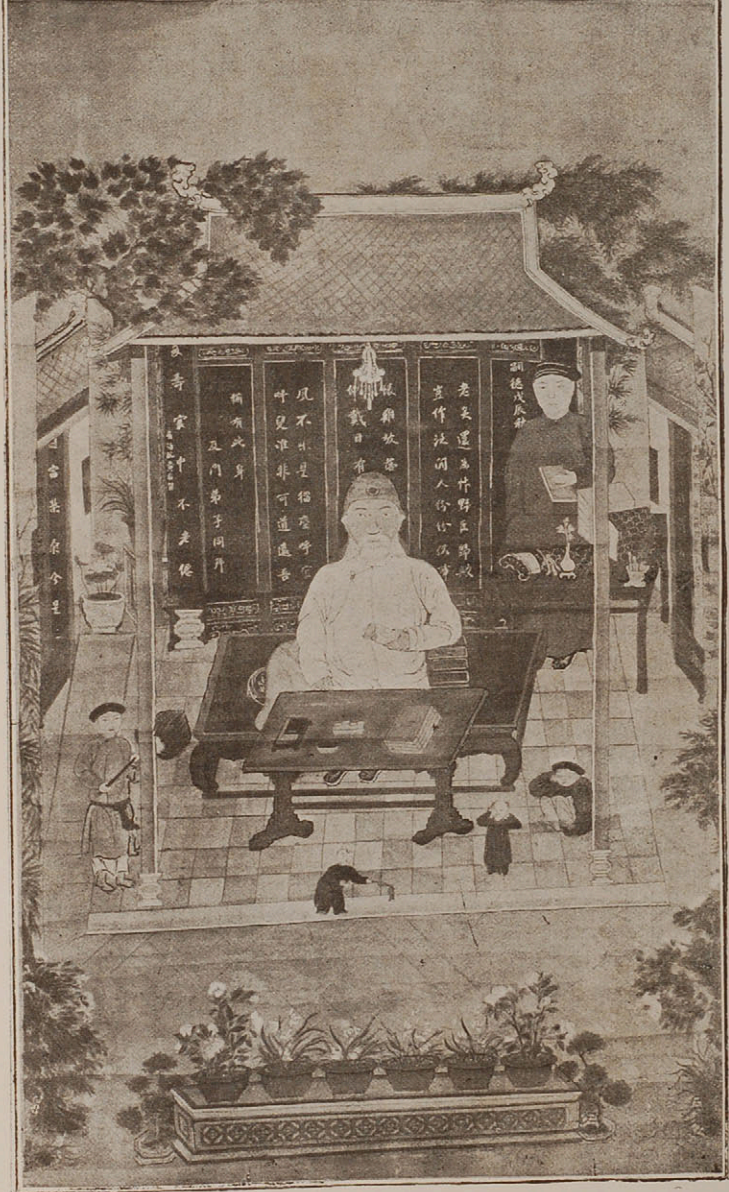
Tiết hạ-nguyên năm bình dân, tiết hạ-nguyên năm mậu-thìn trải qua năm đình-mão chỉ trong một khoảng thời-gian ấy mà đã thay đổi bao nhiêu tình-cảnh, cái ngày ấy rồi một năm một xa dân mãi ra, nhưng đầu xa, xa đến bao giờ, cái ngày ấy cũng vẫn là cái ngày dài, trong cuộc đời của đệ. Hôm nay đối với cảnh trăng sáng hoa thơm, gió hiu nước lặng mà bồi-hồi nhớ đến chuyện cũ, đem các bài văn ra ôn lại cảm-tình xưa, nhân lại có ngô-huynh đến lấy cái bụng thành-thật tri-kỷ với quốc-văn mà ân-cần thăm hỏi mấy điều, xin ngô-huynh cho phép đệ chép cả những lời của ngô-huynh làm một bài ký về đêm rằm tháng mười, tiết hạ-nguyên năm mậu-thìn này.

Đông-Hồ.

(1) — Lời văn Nguyễn Văn-Xinh.

(2) — Lời văn Tạ Văn-Lục.

嗣德成殿秋  
 觀生无咎  
 能不遠復  
 曰老而傳  
 六日不足  
 底法一宮  
 陳經數束  
 守素業之  
 睥光慕伐  
 松之遺躅  
 方亭自註



Tiểu-trương cụ Phương-dinh

## LƯỢC-KÝ SỬ NHẬT-BẢN

(Theo sách quốc-sử Nhật-bản)

— Trước khi trời đất chưa phân-phán có những vị thần ở Cao-thiên-nguyên gọi là Thiên - ngự trung - chủ - tôn 天御中主尊; thứ hai là Cao-hoàng sản - linh-tôn 高皇産靈尊; thứ nữa là Thần - hoàng sản - linh-tôn 神皇産靈尊; ba vị thần ấy là thần độc-hóa, mới gây dựng ra tạo-hóa. Lại còn có thần tên là Khả-mĩ-vi-nha Ngạn-cửu-tôn, Thiên - thương - lập-tôn, hai thần này cũng là thần độc-hóa. Khi ấy có một vật như vàng mỡ nổi sinh ra ở trong không, nhân thể hóa-sinh ra gọi là thần Quốc-thương lập-tôn. Phong-châm - dinh-tôn, hai thần ấy cũng là thần độc-hóa. Lại còn những thần gọi là Nê-thồ-chử-tôn, Sa-thồ-chử-tôn; Giốc-chức-tôn, Hoat-chức-tôn; Đại-hộ chi-đạo-tôn, Đại-diêm-biên-tôn; Diện-túc-tôn, Hoàng-côn-tôn; Y-tráng-nặc-tôn, Y-tráng sách-tôn, tám thần này đều là ngẫu-sinh. Từ thần Quốc-thương-lập-tôn cho đến Nặc Sách hai thần cộng là bảy đời, gọi là Thiên-thần thất-dại.

Nặc, Sách hai thần mới phụng chiếu Thiên-thần, xuống ở đảo Ban-ngự-lư, rồi lấy nhau sinh ra Đại-nhật-linh-tôn, Tổ-chấn-ô-tôn, và các thần quốc-thổ. Thần Đại-nhật - linh-tôn ngự ở Cao-thiên-nguyên, quang-hoa sáng tỏ chiếu khắp lục-hợp, muôn loài sinh-vật đều được khắp nhờ ơn-đức, hiệu là Thiên-chiếu thái-thần 天照太神. Thần Tổ-chấn - ô-tôn thì râu - ria tám chòm, mạnh tợn hay làm hại vật. Thái-thần phải tránh đi vào ở hang Thiên-thai, ẩn nấu sữa mình, theo lời bàn của chư-thần, đẩy thần Tổ-chấn-ô-tôn ra ở đất Tân-la, Tăng-thi-mậu-lợi. Sau thần ấy biết hối-quá cải theo điều thiện, đi đến Xuất-vân-quốc trên sông Ty-xuyên,

gặp được nàng Kỳ-đạo-diên-cơ lấy làm vợ, dựng ra nhà cửa ở đất Thanh, có làm ra một bài quốc-thi, lối thi-cala khởi ra tự đó. Mười bảy đời thì truyền đến Đại-kỷ-qui-thần, hoặc gọi là Đại quốc-chủ-thần. Chủ thần cùng với Thiếu-ngạn-danh-mệnh, sửa-sang đất nước, có dụ bảo người nước rằng: « Phải nên kính cha mẹ, phải nên yêu vợ con. » Lại đặt ra phép chữa thuốc, dân-chúng đều được nhờ. Thiên-chiếu thái-thần lại lấy con Tổ-chấn-ô-tôn là Thiên-tuệ nhĩ-tôn làm con nuôi. Thiên-tuệ-nhĩ lại sinh ra Hỏa-quỳnh-quỳnh-chử-tôn. Thái-thần muốn sai Quỳnh-quỳnh-chử-tôn thống-trị cả trung-châu, mới sắc sai chư-thần là: Thiên-nhi-ốc-mệnh, Thiên-dại vương-mệnh, Thiên-diên-mãi mệnh, Thạch-ngưng-mỗ-mệnh, Tiết-minh ngọc-mệnh và Thiên-nhũ-nhật-mệnh cùng ra làm phụ-tá, lại ban cho một cái gương tám tấc, bảo rằng: « Cái đất Phong-vi-nguyên này là cái nước Thụy-tuệ đã trải một nghìn năm trăm năm, chính là cái đất dễ cho con cháu ta dài đời lam vua, phải giữ cho bình-yên, chấp-trung chớ có sai. Các nơi coi cái gương này cũng như cái ngôi báu của ta về sau này còn thịnh-yượng mãi cùng với trời đất vô-cùng. » Lại ban cho thanh kiếm tự-vân và hòn bát-bản-quỳnh-khúc-ngọc. Từ bấy giờ muôn đời cứ một dòng lam vua, kể thần-dân không ai còn dám dòm nom đến ngôi thần-khi nữa. Quỳnh-quỳnh-chử-tôn mới đi đến nước Nhật-hương, ở đất Cao-thiên-tuệ-sâm dựng ra nhà cửa ở, rồi sinh ra Ngạn-hoả-hoả-xuất-hiện-tôn. Ngạn - hoả-hoả ở về cung Tây-châu năm trăm năm, sinh ra Ngạn-ba-liêm-vô-lư-tư-thảo-nhung-

bất-hợp-tôn; lại sinh ra thần Nhật-bản - bản - dư - ngan - tôn, đó tức là đấng Thần-vô-Thiên-hoàng. Kề ra đức của đấng thiên-tổ, công của đấng thiên-thần, lắm truyện thần-kỳ quái-dị, không thể lường được. Truyện đến đấng Thiên-hoàng, thế nước càng ngày càng hưng-vượng mãi lên.

Khi Thần-vô-thiên-thần 神武天皇 lên ngôi, tức là năm thứ mười bảy đời vua Huệ-vương nhà Đông-Châu (trước kỷ-nguyên 660 năm.) Năm giáp-dần, Thiên-hoàng đem thủy-quân, phía đông đến Thái-hóa, dẹp yên giặc Trảng-tử-ngan và tướng giặc là Bát-thập-niêu, mở-mang rừng núi, dựng ra nhà cửa, có nói rằng phàm có chế-tác điều gì mà hợp với nghĩa tùy-thời làm cho lợi dân, thì dầu có hung - công sáng - tạo cũng không hại gì. Năm tân-dậu, mới lên ngôi ở cung Cưng-nguyên, định công ban thưởng cho các bầy tôi. Khi ấy có kẻ đại-thần là Khả-mĩ-chân thủ-mệnh, thị-thần là Thiên-tuệ-tử-mệnh, lệnh-mục là Trần-ngan, mọi người cùng ở ngôi quan giúp đỡ trị-hóa, phụng-thờ đấng hoàng-tổ thiên-thần, lập quốc-hiệu gọi là Thu-tân-châu 秋津洲, quản-trị muôn dân, mở-mang nghiệp lớn để truyền về sau.

Truyện đến Tuy-tĩnh thiên - hoàng, An-ninh thiên - hoàng, Ý-đức thiên-hoàng, Hiếu-chiêu thiên-hoàng, Hiếu-an thiên - hoàng, Hiếu - linh thiên-hoàng, Hiếu-nguyên thiên hoàng, Khai-hóa thiên-hoàng, cộng là tám đời vua, đều là vô-vi mà tự-nhiên hóa, người nước đều sống lâu đến hàng trăm tuổi, không có biết sự can-qua là gì. Truyện rằng đời vua Hiếu-linh có người nhà Tần là Từ Phúc 徐福 đem một bọn đồ-dạng vừa cả đàn ông đàn bà độ hàng nghìn người đến ở đất Hùng-dã-phố, người Tần mới khoe rằng ở ngoài bể đông có núi Tam-thần 阆 : Bồng-lai, Phương-trượng, Doanh-

châu, có thần - tiên ở đó luyện thuốc trường-sinh bất-tử.

Sùng-thần-thiên-hoàng 崇神天皇 là người cần-thận rộng-rãi, sùng-trọng việc quỷ-thần. Sai-khiến các quan tướng-quân đi ra bốn đạo đánh dẹp các nước viễn-di. Các nước viễn-di đều qui-phục, trong nước đều được thịnh-vượng bình-an. Vua mới sai xét sổ hộ sổ khẩu, bắt đàn ông đàn bà đều phải chịu phu-dịch. Làm ra thuyền bè để tiện việc vận-chở, mở ra ngôi sông để thông đường thủy-lợi. Nước Nhâm-na vào cống, kẻ sứ-giã lưu ở lại làm quan ở Đông-cung,

Thủy-nhân-thiên-hoàng 垂仁天皇 tinh-khi thực mà thẳng, không có kiêu-sức. Xướng chiếu cấm những kẻ chết theo, phải làm hình-nhân bằng đất để chôn thay thì được Dời miếu thờ đức Thiên-chiếu - thái-thần đến đất Y-thê độ-hội. Lại xướng chiếu cho nàng hoàng-nữ là Nuy-cơ hưởng thọ và trăm tuổi đi truyền thần-giáo, gọi là Đan-tâm, cốt phải thanh-khiết trai-giỏi, người nào vô-tội thì được ở trên đời, người nào có tội thì phải về dưới suối vàng. Bảo rằng cái tinh-linh của thần-hồn khi nhập vào cái linh-khi của cha mẹ mà có thần hóa-sinh ra, thì gọi là nhân-thần, tức là trong thân-thể người ta vậy. Lại lấy binh-khi làm của thần, lấy cung tên ban cho hoàng-trưởng - tử là Ngũ thập - cùng - phu - mệnh. Con vua Tân-la là Thiên-nhất-song cũng về qui-thuận, cho đi đến ở đất Đan-mã, uy-tín truyền bá khắp đến ngoài bể.

Cảnh-hàng thiên-hoàng 景行天皇 thân dài một trượng hai tấc. Thần-chinh đi đánh Hùng-tập, xông-pha vào nơi tên-dạn; xướng chiếu cho hoàng-tử là Nhật-bản-vô-tôn đi đánh rợ Hả-di; lại sai Vũ-nội-túc xưng đi tuần-sát các nước về cõi đông-bắc, bờ cõi càng ngày càng mở rộng.

Thành-vụ thiên-hoàng 成務天皇 chia giới-hạn non sông ra làm quận huyện, đều đặt ra có quận-trưởng huyện-trưởng. Trong nước khi bấy giờ vô-sự, nhân-dân giàu nhiều.

Hoàng-tung-tử là Túc-trọng-ngan-tôn nối ngôi, hiệu là Trọng-ai-thiên-hoàng 仲哀天皇, đem quân đi thân-chinh Hùng-tập, mất ở hành-cung Hưng-trụ. Bà Thân-công hoàng-hậu 神功皇后 là Khi-trường-túc-cơ ra nhiếp ngôi vua, đem chư-quân đi thân-chinh nước Tân-la, bới tóc mặc nam-trang ra làm tướng cầm quân, tàu bè đầy bể, chiêng trống dậy trời, vua Tân-la phải tự trói mình ra hàng, xin nộp con tin, phải chịu nộp tiền phí khao-quân vàng lụa tám mươi thuyền, để làm tuế-cống thường ngạch. Nước Cao-ly, Bách-tế đều theo gió về hàng; mới đặt ra quan-ty, lưu thú-binh đóng ở đó mà trở về.

Ứng-thần thiên-hoàng 應神天皇 là người nghi-biêu lạ-lùng, soi xét sâu xa. Bà Thái-hậu nhiếp-chính trong sáu mươi chín năm, triều-dinh không ai có nói giân-khích điều gì cả. Khi bà Thái-hậu mất rồi, vua mới ra thân-chinh. Rợ Hà-di vào triều-cống, thì mới bắt dấp con đường Khai-bản. Nước Nhâm-na, Tam-thần, Cao-ly vào triều-cống thì sai đào cái hào Hàn-nhân-tri; lại sai trách vua Bách-tế là A-Hoa vô-lễ, trước lấy bột đất di. Con vua là A-trực-kỳ phải vào châu tạ tội; em gái là Tân-tê đô-viên phải vào hầu-hạ. Khi ấy có kẻ tú-sĩ là Vương Nhân hiến sách Luận-ngữ, nho-giáo truyền sang mới bắt đầu từ đó.

Từ năm vua Thần-võ nguyên-niên đến năm Ứng-thần-thiên-hoàng mất, được là mười lăm đời vua, cộng là 972 năm, pháp-chính giản-dị, nhân-tâm trung hậu, tự-nhiên đạo-hóa lưu-hành, người xa qui-phục càng ngày càng nhiều. Vương Nhân mới truyền

bá-nho-giáo, các hoàng-tử đều chịu học, văn-vật mới rở rệt khá đề noi theo được,

Con thái-tử vua Ứng-thần là Đồ-đạo-trĩ-lang có theo học Vương Nhân, giận nước Cao-ly đưa tờ biểu vô-lễ, đương mặt trách mắng sứ-giả xé bỏ tờ biểu đi. Lại nhường ngôi cho hoàng-trưởng-tử là Đại-tiêu-liêu-tôn trong ba năm, rồi tự-sát để thành cái chí mình.

Đại-tiêu-liêu-tôn lên nối ngôi hiệu là Nhân-đức thiên-hoàng 仁德天皇. Khi lên cao trông thấy khói bếp lơ-thơ, động lòng thương dân mà tự xử tiết-kiệm lấy mình, bảo rằng: « Dân mà giàu cũng như là trầm giàu vậy, » Trách nước Tân-la không vào triều-cống, đòi phải nộp lụa vải tám mươi thuyền. Sai Kỹ-giốc-túc-nễ đến Bách-tế, phân-sáp ra làm quận-huyện, xét lấy những đồ sản-vật. Sai Điền-Đạo đi đánh Hà-di, trong nước đều được thanh-bình, không dùng đến việc hình-phạt đến hơn hai mươi năm.

Lý-trọng thiên-hoàng 履仲天皇, Phần-chính-thiên-hoàng 反正天皇, Doãn-cung-thiên-hoàng 允恭天皇 ba anh em cứ nối nhau làm vua, đều khen là vua hiền cả. Vua Lý-trọng thì mới đặt ra sứ-quan, xem xét cho suốt hết việc bốn phương. Vua Doãn-cung thì phân định ra tỉnh-thị, không cho ai được giả-mạo nhân họ càn.

An-Khang-thiên-hoàng 安康天皇 bị phải vua Mi-luân giết đi. Em Thiên-hoàng lại giết Mi-luân đi lên nối ngôi, hiệu là Hùng-lược thiên-hoàng, 雄略天皇, đem giết chết mất Thị-biên hoàng-tử, lại cướp lấy vợ của Cát-bị-diễn-hiệp, đều là việc làm càn vô-đạo. Song lại hay hạ lệnh bắt mọi nơi trồng dâu, bà hậu-phi phải thân ra hái dâu để khuyên cho dân chăm việc chăn tằm, lại thưởng cho người Ngô vào

hiển những đồ dệt của người Hán người Ngô. Lại sai Côn-sử-chủ-hưởng đi đánh nước Tân-la bỏ thiếu việc chức-cống, cứu giúp cho nước Bách-tế khi sắp mất. Về năm cuối lại càng siêng năng về việc chính-trị, thiên-hạ đều qui phục, ai cũng khen là một ông vua hùng-tài đại-lược không mấy đời có.

Thanh-ninh thiên-hoàng 淸寧天皇 sai khiến các bày tôi ra đi xem xét phong-tục các nước, lại hay thân ra xét đoán kẻ tù-đồ.

Hiển-tôn 顯宗 thiên-hoàng và Nhân-hiền 仁賢 thiên-hoàng, hai anh em là cháu vua Lý-trọng, đều ở chốn dân-gian đã lâu, nếm đủ mùi gian-nạn, mà thiên-tính lại hay thuận yêu khiêm-nhượng. Đời vua Hiển-tôn thì rất là tiết-kiệm, nhẹ thu thuế má, bớt việc đao-dịch, đức-hóa nhuần-thấm, năm nào cũng được mùa, một học thóc chỉ độ một đồng tiền bạc, có đặt tiệc yến ở Khúc-thủy. Đời vua Nhân-hiền thì quan-lại đều xứng chức, số hộ số khẩu sinh nhiều, có sai sứ đến nước Cao-ly đề cầu thợ về mở-mang việc công-nghệ.

Võ-liệt 武烈 thiên-hoàng ưa chuộng hình-danh, dụng hình rất là thâm-khắc, người ta chê là không giống đấng tiên-đế, trời đã trua mới ra coi châu, nhưng mà xét việc kiện cáo thì phát-gian trích-phục như thần.

Kế-thê 繼體 thiên-hoàng về dòng vua Ứng-nhân, chăm khuyến việc nông-tang, cứ dùng kẻ liêm-tiết. Vời đón kẻ Ngũ-kinh bác-sĩ ở Bách-tế, rồi lại đưa về. Dân Bách-tế trốn sang ở huyện Nhâm-na, thì chia bốn ấp là Thưng-đa-ly, Hạ-đa-ly, Sa-đa, Mâu-lâu ở huyện Nhâm-na, cho dân Bách-tế ở, thi-chính đều có ơn có uy, nên xa gần đều qui-phục.

An-nhân 安閑, Tuyên-hóa 宣化 Khâm-minh 欽明 ba đời vua đều là anh em nối nhau làm vua. Mẫn-dạt 敏達

Dụng-minh 用明, Sùng-thần 崇神, Suy-cổ 推古, bốn đời cũng là anh em nối nhau làm vua. Đời vua An-nhân thì được mùa luôn, nhà nước giàu thịnh, có ban cho dân tiệc yến đại-bộ. Vua Tuyên-hóa thì sửa-sang kho dựn chứa thóc để phòng khi mất mùa. Vua Khâm-minh có lòng nhân-từ, mới khẩn-thêm ra được nhiều ruộng để chăn cạp cho kẻ bần-dân. Khi ấy có người nước Túc-thận ghé thuyền vào buôn bán ở Tá-độ. Lại ban cho nước Bách-tế ngựa tốt truyền chiến và giống lúa mạch, giận-trách nước Tân-la, đánh diệt nước Nhâm-na, sai kẻ nội-thần đem quân truyền đến nước Bách-tế cùng đánh nước Tân-la. Di-mệnh thái-tử phải giúp đỡ gây dựng cho những nước đã bị phế bị tuyệt. Phật-giáo mới truyền sang từ đời ấy.

Đời vua Mẫn-dạt thường sai sứ thân-đến nước Bách-tế, lại ban khôi-phục cho nước Nhâm-na, ba lần khước nước Tân-la vào triều cống, cho Tô-ngã-mã-tử lạy theo Phật-giáo, mà bảo rằng chớ làm hoặc người khác.

Vua Dụng-minh lên ngôi vua được hai năm, Mã-tử ngang-ngược rông rở, đến đời vua Sùng-thần, Mã-tử bèn giết Thủ-ốc, dựng làm các chùa. Vua Sùng-thần lấy làm ghét, Mã-tử mới sai Đông-hán Câu giết vua, thực là một điều dai-biến nước Nhật xưa nay chưa có bao giờ. Mã-tử tự nghĩ không yên lòng bèn giết Câu đi, để tỏ ra rằng đã giết cái đũa giặc giết vua đi rồi. Khi ấy có Khái-hộ hoàng-tử là người có thánh-đức, cũng phải a-dua với đảng nhà Phật, mà Mã-tử cũng chẳng thèm hỏi đến. Vua Sùng-thần có sai Kỹ-nam-ma-lã đem hai vạn quân đi đóng đồn ở Trúc-tử, sai sứ sang Tân-la, nước Tân-la xin chịu giảng-hòa. Lại khôi-phục cho nước Nhâm-na.

Suy-cổ thiên-hoàng là một vị vua đàn bà mới bắt đầu lên ngôi làm vua.

Khải-hộ hoàng-tử quyền-nhiếp việc chính, dựng ra bốn chùa Thiên-hoàng, chấn-hưng-phật-pháp. Lại định vị mũ-áo mười hai bậc, định ra hiến-pháp mười bảy điều, mới đi lại giao-thông với nhà Tùy. Tiều-dã muội-tử có đem học trò là Cao-hương-huyền-lý, Nam-uyên-thanh-an sang sứ nhà Tùy. Nhà Tùy có sai Bùi Thử-Thanh sang báo-sinh. Nước Cao-ly có sai sang nộp kẻ phù-tù người Tùy và giống lạc-dà. Người Dịch-cửu đều cảm-hóa theo về. Sai Hoàng-thái-tử và Mã-tử lục xét ra những sách *Thiên-hoàng-kỷ*, *Quốc-kỷ*, và sách *Quốc-tạo* cả thấy một trăm tám-mươi bộ, mới đặt ra chức tăng-quan, sai chư-vương chư-thần rèn tập nhạc-âm, đề tờ di-chiếu dẫn lại phải theo lễ bạc-táng, có lòng lo thương cho nhân-dân. Đời sau chỉ tiếc rằng nhà vua không hay đánh trừ được Mã-tử.

Thư-minh-thiên-hoàng 舒明天皇 là con vua Mãn-đạt, mới giao-thông với nhà Đường, sai lũ Đại-thượng-ngự-diễn-trị sang sứ nhà Đường. Nhà Đường lại sai Cao Biều-Nhân đưa lũ Ngự-diễn-trị đến Nan-ba. Sứ nước Tân-la nước Cao-ly đều theo Cao-hương-huyền-lý sang nước Nhật, vua có cấp cho sứ hai nước ấy đều được phẩm-tước hai cấp. Mới định phép dấu thưng, cân lạng.

Bà hoàng-hậu là cháu tăng vua Mãn-đạt là Bảo-hoàng-nữ nối ngôi lập lên, hiệu là Hoàng-cực 皇極 thiên-hoàng, việc chính-sự đều xét theo cô-diễn, gặp kỳ đại-hạ thì cầu mưa cho nhuần thấm cả mọi nơi, trăm họ đều khen.

Đời vua Chi-đức 至德 thiên-hoàng thì có Tô-ngã-nhập-lộc nối cha là Hà-di vào làm quan đại-thần, có ý mưu-nghịch, Hoàng-tử là Trung-dại-huynh, và Trung-thần-liêm-tử, Tô-ngã-thương-son, Điền-thạnh-xuyên-ma-lã mới cùng mưu giết kẻ nghịch. Hà-di bèn đốt hết cả đồ-thư trân-bảo rồi tự-sát.

Từ đời vua Nhân-đức đến đây cả thấy là hai mươi một đời vua, 332 năm. Lúc hồi quốc-sơ thì uy-võ lừng-lẫy cả đến ngoài dị-vực, nước Cao-ly, nước Bách-tế đều đến xưng-thần phụng-cống. Đến khoảng đời giữa mất quyền giá-ngự, nên các nước khi phục khi làm phản bất-thường. Về sau Phật-giáo mới lưu-truyền vào, tâm-chí người trong nước mới sinh ra bất-hòa, kỷ-cương chính-trị đổ nát. Đến đây mới trừ hết được kẻ đại-ác, nhà vua mới trung-hưng lên được.

Trung-dại-huynh hoàng-tử có công, nhưng lại nhường ngôi cho chú là Kinh-hoàng-tử. Kinh-hoàng-tử lập lên, hiệu là Hiếu-đức 孝德 thiên-hoàng. Thiên-hoàng lấy đức nhân-từ kiệm-ước làm trọng, lại hay siêng-năng cố gắng làm việc quá buổi trưa quên cả ăn. Thường bảo rằng lấy thần-đạo trị nước là lời dạy của đấng hoàng-tổ. Lại bảo rằng muốn trị-trị thì trước phải chính-mình, rồi sau mới hay chính được người, nếu không hay chính mình thì sao hay chính được người. Lập Trung-dại-huynh làm hoàng-thái-tử, mới đặt ra quan đại-thần tả hữu và quan nội-thần; lại đặt ra niên-hiệu gọi là Đại-hóa, treo chuông đặt hòm cho bỏ thư để cầu lời nói phải. Xét các sổ hộ sổ khẩu, và làm ra hộ-tịch, lại định cõi nước, đặt ra sở quốc-ty, định phép ban ruộng, phép thu-납, cấm không cho kiêm-tính, thi-hành phép tô, dung, điệu, tha cho thuế chợ thuế dò, định ra lễ phép nghi-tiết, chẻ ra các thứ mũ áo, dôi thêm ngôi thứ mũ đặt ra làm mười chín bậc, đặt ra tám tính trăm quan, trách nước Tân-la về cái việc mặc theo mũ áo nhà Đường. Phép hay khuôn tốt, không sao kể hết được.

Hoàng-tử lại nhường ngôi cho Vô-trùng-tộ, hiệu là Tề-minh 齊明天皇 thiên-hoàng, Ban cho Lục-áo, Tân-khinh và Hà-di ngôi áo mũ hai bậc. Sai A-hội-ti-

la-phu đi đánh rợ Hà-di phải hàng phục. Mới đặt ra Đinh-dại Tân-khinh hai quận. Lại cho đi đánh nước Túc-thận, bắt được hai con gấu và bảy mươi bộ da gấu. Lại đem quân thủy đi đánh rợ Hà-di, đặt quan thống-lĩnh. Lại sai Tân-thủ-cát-trùng sang sứ nhà Đường vào yết-kiến vua Cao-tôn. Khi xa-già Thiên-hoàng đi chơi đến đất Trúc-tử, thì mất ở hành-cung Triều-thương, kể ra anh-liệt cũng không kém gì Thần-công-hoàng-hậu, nhưng phải cái cùng-cực xa-xỉ về việc thờ-mộc, nên bị tiếng chê là ngông-cuồng.

Hoàng-thái-tử phải thay vua cha xưng-chế trong sáu năm rồi mới lên nối ngôi, hiệu là Thiên-trí 天智 thiên-hoàng. Vua là người hiểu-học, biết tôn người hiền, lại quen tập về việc chính-trị, tiết-kiệm siêng năng chuộng theo chất-phác, làm cung-diện bằng gỗ mộc, ghế ngự bằng gỗ đen. Tự chế ra bài ca-từ, bãi bỏ quan-tài làm bằng đá, thoi không bắt đắp thành, đặt nhà học-hiệu, định ra sách hình-thư, đặt ra điển-lễ, đổi thêm vị-thứ đội mũ làm hai mươi sáu bậc, mới đặt ra chuông trống để báo giờ, sửa sang lại mười cái lẵng định theo thể-thứ, văn-chương rõ rệt khá làm phép về sau, làm vua được mười năm, khi ấy nhà Đường đem quân đánh Cao-ly, vua Nhật thì sai A-đàm-tị-la-phu hộ-tống vua Bách-tế là Phong-tử-Chương về làm vua, giúp cho binh lương vải lụa, và đem và vận viện-binh đi đánh nước Bách-tế. Đến khi quân Nhật kéo về thì nhà Đường bèn diệt nước Bách-tế, Phong-tử-Chương phải chạy sang nước Cao-ly, để đợi xử-phân, cho nước Bách-tế qui-phục, được dân về hàng đến hai nghìn năm trăm người. Sứ nhà Đường là Quách Vụ-Tung nghe tin Thiên-hoàng mất cũng mặc áo trắng ngoảnh mặt về hướng đông mà khóc viếng.

Hoàng-văn 弘文 thiên-hoàng vắng theo đi - chiếu lên nối ngôi, vua là

người bác-học thông hiểu việc cò, cò tài văn võ. Khi ấy có người chủ là Đại-hải-nhân - hoàng-tử cử binh lên làm phản, sai tướng là Đại-bạn-xuy-phụ đánh tràn mãi lên; quân Thiên-hoàng bị thua mà mất.

Đại-hải-nhân hoàng-tử tự-lập lên làm vua, hiệu là Thiên-võ 天武 thiên-hoàng. Vua là người hùng-võ, thông-hiểu thiên-văn và phép độn-giáp, ưa phật kính thần, thường miên công-dịch cho dân, hỏi thăm xem xét đến những việc tật-khở ở chốn dân-gian, dựng ra đài chiêm-tinh, đặt ra ty binh-chính, làm lễ đại-xạ, xuống chiếu bắt các nơi đều luyện-tập trận-pháp, định ra luật-thức, soạn sách để-kỷ và chép ghi những việc sót đời thượng-cổ, làm ra chữ mới bốn mươi tư quyền, đúc tiền bạc, định sắc áo mặc, lập ra pháp-cấm chín mươi hai chương, bỏ lễ qui dùng theo lễ đứng, chia định tộc-thị của kẻ thân-dân làm tám bậc, đổi đặt các tước-vị, tăng thêm mọi giai-cấp, định cái cách tiến-dụng những kẻ con em các bầy tôi và người phiến, lễ-nghi pháp-chế rất là tường đủ.

Bà hoàng-hậu là con vua Thiên-trí lên nối ngôi, hiệu là Tri-thống 持統 thiên-hoàng, bà vua là người thâm-trầm có đại-độ, hay chần-cấp cho kẻ bần-dân, lại hay sùng-thượng nho-học, ban ra tân-lệch hai mươi hai quyền, diêm số chính-dinh trong nước bốn phần lấy một cho giảng-tập về việc võ. Mới đặt ra chức nữ-quan, ban hiệu nội-thân-vương cho các hoàng-nữ, ban vị-thứ cho những người mệnh-phụ hầu ở trong. Xuống chiếu khuyên các nơi giồng dâu gai ngô lúa hoa quả. Sau truyền ngôi cho hoàng-tôn, mà tự-xưng là Thái-thượng thiên-hoàng.

Hoàng-tôn lên nối ngôi hiệu là Văn-võ 文武 thiên-hoàng. Vua từ thuở bé chăm học, tính rất nhân-huệ, đầu tiên

làm lễ diện-tế tiên-thánh tiên-sư ở nhà Thái-học, thường miễn phu-dịch cho dân, châu-cấp cho các nơi tai hại, và xét hỏi kẻ cùng-dân và các bậc kỳ-lão các nơi. Mới định phép đánh roi, cấm thói cờ bạc, thỏ không ban cho ngói mũ, đổi lại tính theo vi-thứ, mới ban ra tân-luật và độ-lượng, thưởng cho những nhà mấy đời hiếu-thuận cả nhà được miễn thuế. Xướng chiếu chia sinh-sĩ các nơi làm mười phiến, mỗi phiến thay đổi nhau luyện-tập mười ngày. Nước Bột-hải sai sứ lại sinh dâng thư và các đồ phương-vật. Khi mất đề từ di-chiếu lại dặt trong ba ngày thì làm ma, đề tang chỉ trong một tháng, không được làm điều gì đến phiến-nhiều dân.

Bà Thái-hậu là con gái vua Thiên-tri lên nối ngôi hiệu là Nguyên-minh 元明 thiên-hoàng, đầu tiên làm nhân-chính, chân-tuất các kỳ-lão, tinh-biêu các người tiết-ngĩa hiếu-hạnh. Xướng chiếu các nơi làm hải phong-thổ ký. Nhân-dân kẻ nào bỏ nơi bản-quán để trốn tránh phu-dịch, đi lưu-ngự nơi khác được hơn ba tháng, thời phải nộp tiền thuế dung thuế điệu. Định phân-công-khoá các quan quận-ty làm đến tối ba bậc, hạt nào để cho dân phải đi lưu-vong đến hơn mười người trở lên thì quan cai-trị phải giải chức. Vì hoàng-tôn còn bé quá, mới truyền ngôi cho chị vua Văn-võ là Băng-cao nội-thần-vương lên làm vua, hiệu là Nguyên-chính 元正 thiên-hoàng.

Nguyên-chính thiên-hoàng là vua siêng-năng hôm sớm, hết lòng lo-liệu sự tât-khổ cho dân, rộng nghe những lời nói thẳng can ngăn. Sắc cho kẻ đại-thần là Đẳng-nguyên-bất-tị-đẳng sửa sang luật-lệnh, định qui-chế áo mặc của dân bà. Đời vua Nguyên-minh Nguyên-chính hai vua, việc trong thì sửa sang chính-tề sạch-sẽ, vốn có cái thiên-tính cung-kiệm nhân-thứ, vậy

mới nên được nghiệp trí-trị thịnh-vượng, ai cũng phải khen.

Thánh-võ 聖武 thiên-hoàng là con vua Văn-võ lên nối-ngôi, khi ấy Hà-di làm phản, sai tướng đi đánh, đắp thành Đa-hạ. Nước Bột-hải lại tu-sinh, sai sứ đưa lưu-học-sinh sang nhà Đường. Mới đặt chức kỳ-nội tổng-quản và chức trấn-phủ-sứ ở các đạo. Đặt ra viện bổ-thi thuộc thang. Bắt trong kinh-sư từ quan ngũ-vị trở lên và kẻ thứ dân người nào có sức làm được nhà thi phải lợp ngói, trát vôi tô vẽ cho đẹp. Các điều chính-sự đều sửa-sang chỉnh-dốn cả. Nhưng say mê về phật-pháp quá, dựng nên cái thất-tăng-đường, lập ra chùa ở các nơi, tự xưng mình là Tam-bảo-nô. Khi ấy có kẻ sư-tăng là Huyền-phồng làm mê-hoặc bà Thái-hậu, ra vào trong chốn đạo-tràng, tiếng xấu lung cả lên không còn kiêng kỵ gì cả, vì thế Đẳng-nguyên-phế-tự tức giận mà làm phản. Nhân-dân bấy giờ bị phải chứng đau đến bảy trăm vạn người. Thiên-hoàng lấy con gái Đẳng-nguyên-bất-tị-đẳng làm bà hậu, sinh ra A-bội nội-thần-vương. Khi Thiên-hoàng mất, Nội-thần-vương lên nối ngôi, hiệu là Hiếu-Khiêm 孝謙 thiên-hoàng.

Vua Hiếu-Kiểm chuộng phật quá chừng, thường ngự ra chùa Đông, họp đến hàng vạn sư-tăng, mở ra hội làm chay, nghi-vệ trăm quan không khác gì ngày tết nguyên-dân, mở ra tế-dân để thụ-giới đức Bồ-tát. Nhưng ngôi cho Thiên-võ hoàng-tôn là Đại-xuy-vương.

Đại-xuy-vương lên ngôi hiệu là Thuần-nhân 淳仁 thiên-hoàng, nhưng mà bà Thượng-hoàng vẫn chuyên giữ quyền-chính, yêu người Đẳng-nguyên-trọng-ma-lữ cho làm Tử-vi nội-tướng, lại ban cho họ tên là Huệ-mĩ-áp-thắng. Được ít lâu lại yêu sư-tăng là Đạo-kính. Áp-thắng mưu làm phản phải bị

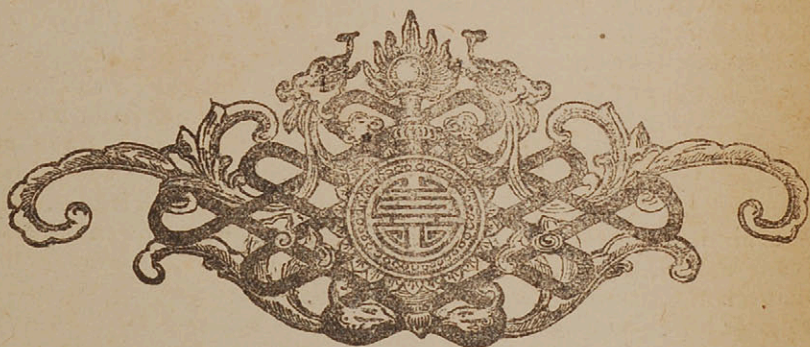
giết. Đạo - kinh được làm đại - thần thiên-sư. Thiên-hoàng phải bị phế. Thiên-hoàng đã từng sắc cho tòa quốc-ty, cứ sáu năm một lần thay đổi, ba năm một lần sai ty Tuần-sát đi xem xét trị-tích các quan. Lại sắc cho phủ Thái - tử phòng bị An Lộc-Sơn cho nghiêm-mật, diêm xét thuyền bè các đạo được là 394 chiếc, và 47.000 binh-lính, bắt theo tập phép kỵ-xạ. Bà Thượng-hoàng trước kia đã thế-phát đi tu, sau lại lâm-triều coi chính-sự, hiệu là Cao-dã 高野 thiên-hoàng, cho Đạo-kính làm thái-chính đại-thần thiên-sư, bắt văn-võ bách-quan phải lạy mừng, rồi lại trao cho Đạo-kính Pháp-vương-vị, cao hơn ngôi chính-nhất. Lại sắp nhường cả ngôi báu cho Đạo-kính, sai quan tự ngũ-vị trở lên là Hòa-khí-thanh-ma-lữ đến cung Vũ-tá chịu lời thần-sắc, Thanh-ma-lữ tâu rằng cứ theo thần-ngữ thì nước Nhật ta tự khi khai-tịch đến nay vua tôi đã định phận, Đạo - kính là người nào, mà dám dòm nom ngôi thần-khí ! Đạo-

kính nổi giận, đổi tên Thanh-ma gọi là Biệt-bộ-ũ-thanh-ma - lữ, bắt đầy Đàng-nguyên - bách-xuyên, đem bổng lộc phân-cấp cho kẻ khác. Bà Thiên-hoàng hay khởi việc công-dịch nhiều quá, chính-hình thì nghiêm-dữ cấp-bách. Thường ngự đến Thái-học làm lễ điện-tế để khai trường học. Nhân theo thụy-hiệu từ đời Đường mới tôn đức Khổng-tử hiệu là Văn-tuyên-vương, lại bắt khắp trong nước nhà nào cũng chứa lấy một bản sách *Triển kinh*.

Từ đời vua Hiếu-dức đến đây, truyền nối được là 11 đời, 225 năm, quốc-vận càng ngày lại càng thịnh-vượng lên mãi. Duy từ đời vua Hiếu-khiêm làm nhiều điều trái phép, kỹ-cương mới dần bỏ mất cả, đến đời vua Quang-nhân 光仁 lên nối ngôi mới thu-phục lại được công-nghiệp cũ.

(Còn nữa)

ĐÔNG-CHÂU dịch



## HI-LONG DI-THẶNG

## 希龍遺乘

Đặt-sử một nhà nho nước Nam : Cụ Đặng Xuân-Bảng tự Hi-long.

## IV

## XI

Học-thành trọng-nhậm lần sau,  
Việc quan thanh - giản vui bầu  
nước non.

Triều vua Tự-đức năm thứ 22

(Tây-lich năm 1869)

Năm ấy là năm ông bốn mươi ba tuổi,  
về Bổ-chính Thanh-hóa lần thứ nhì.

Thanh-hóa là ấp Thang-mộc. Trước  
ông đã làm Bổ-chính ở đấy, dân-tình  
phong-tục đã am-hiếu cả, bấy giờ vua  
sắc về làm Bổ-chính để an-phủ dân.  
Khi mới đề-ly thân-hào trong hạt đến  
mừng nói rằng :

« Trước quan lớn đã trọng-nhậm  
tình chúng tôi, dân-tình yêu mến.  
Không những việc không cho Khách  
trung thuế muối mà dân-sự cũng được  
nhờ ơn nhiều, không bao lâu quan lớn  
thăng đi nơi khác thân-hào chúng tôi  
ai cũng một lòng nhớ tiếc. Không ngờ  
ngày nay lại được thấy bóng cam-  
đường rườm-rà xanh tốt, thật là hạnh-  
phúc tỉnh hạt chúng tôi. »

Ông nói :

« Bắc nam là phận bầy tôi, vua sai  
đi đâu cũng phải đi, muốn lưu lại cũng  
không được. Khi tôi ra tỉnh Tuyên một  
năm trời, việc lương-xương rất là khó-  
nhọc, may lại về đây gặp được thân-hào  
ta cùng tuyên-dương đức-hóa, tôi cũng  
hả lòng. Nhưng tôi mong các ông làm  
tiêu-biểu dân phải nên khuyên dụ dân  
yên phận làm ăn, đừng kiện-cáo thì tôi  
mừng. »

Thân-hòa đều vâng lời.

Việc quan, tính ông rất thanh-giản,  
không muốn phiền-nhiều đến dân,  
không có đòi lấy tiền bạc của ai, duy  
tuế-thời dân có đưa gì mới lấy mà thôi.  
Tự phụng không xa-xỉ, lúc làm quan  
cũng như lúc làm học-trò vậy. Phàm  
ruợu, phiện, cờ bạc, hát xướng, những  
thế-vị không tham gì cả ; hoặc có quý-  
khách đến chơi, khách có muốn chơi  
gì cũng bày ra để gọi là giao-thiệp,  
nhưng tìm người khác để khoản-đãi  
thay mình.

Một hôm có một ông khách nghiện  
đến chơi. Ông khách ấy nhà giàu, tám  
chín có hầu, ăn chơi đủ lối. Nhân hôm  
ấy đến chơi với ông, tán với ông rằng :

— Cái thú thuốc phiện rất là thanh-  
nhã mà lại nhiều cách khoái-hoạt.  
Quan lớn thử tưởng-tượng ra một đêm  
kia, canh đã chầy, trời đã lặng, anh  
em nghiêng ngả bầu-bạn với cái bàn  
đèn, huỳnh vai ba khó thuốc, hăm rằm  
bảy chén chè, cùng nhau trò-truyện  
sau xưa. Hay nữa là bên mình lại một  
đoá hoa hớn-hở, khi cười, khi nói, lúc  
rót vào tai những giọng tuyệt-điệu  
phong-tinh, thanh-thanh âm-nhạc. Minh  
thì cứ một lần hăm một hơi là một  
lần đưa mắt ngắm hoa, chêm vào  
cho nó vui tiệc thuốc, cũng là  
hay. Nào khói thuốc thơm, nào sắc  
hoa đẹp, ngào-ngạt bên mình, té-  
mê tắc dạ, như thế thời sướng biết  
bao ! Ấy đã không biết đến thuốc  
phiện thì chớ, chứ đã biết đến rồi thời  
thường thường gặp những đêm như  
thế ; những lúc thanh-tao, những tiệc

thanh-nhã ấy có luôn. Không những thế mà thôi, thuốc phiện lại rất có ích. Như ăn cơm no, hút vào thời tiêu ngay, đau bụng hút vào thời khỏi ngay, mệt thời khỏe-khoắn ngay. Thật là thứ thuốc tuyệt - diệu, thuốc tiên cũng không bằng. Quan lớn thử đánh bạn với thuốc phiện mà xem, sẽ được hằng ngày hưởng những cái quý báu đó.

Ông nói :

— Vâng, tôi biết, tuy không hút mà thứ thuốc phiện không phải là không trường; nhưng trên đời cái chi cũng vậy, có lợi lại có hại; ông Tạo sinh ra cái gì là hoàn-toàn. Vì thế muốn dúng vào cũng nên cân nhắc một chút mới được. Tôi xem người ta không hút cũng không hại mà hút vào thì nào là mặt hồng da chì, vai xo cổ rụt, chỗ ông với tôi, tôi thật-thà ông đừng giận, vì cái đó là thường. Thấy thế mà không dám hút, chứ cũng không phải là tiếc tiền.

Khách cười mà rằng :

— Thôi tôi đã biết quan-lớn, quan-lớn chẳng cần nhắc gì chỉ cần nhắc tiền-tài, hay là quan-lớn lại cần nhắc cái tinh quan bà, ki-kèo lời-thói gì chẳng ?

Ông cười đáp rằng :

— Người ta đã muốn hút thời mười quan bà cũng chả giữ được nữa là một quan bà, vì tôi vô-tình với thuốc phiện, hút không biết ngon, nên không muốn hút.

Khách nghe xem biết lòng ông không siêu, nên không dám tán-tĩnh gì nữa.

Lại một hôm có khách đến chơi, người tỉnh hay rượu, hay hát, hay tồ-tôm, tài-bàn, thế-vị cái gì cũng hay cả. Thấy ông cứ ham xem sách, ý chực khích ông, nói rằng :

— Tôi thấy các quan đều chơi cả, sao quan lớn không chơi gì ?

— Có biết chơi thì chơi mới thú. Không biết trống chầu, dẫu nghe hát cũng không biết hay; không biết nước cao thời cầm bài cũng không biết thích. Nghề chơi cũng lắm công-phu, đã chơi nà lại không sành, càng thêm người ta cười là chơi quách. Vì thế nên tôi không chơi.

Khách lại phỉnh rằng :

— Kể tài quan lớn thông-minh, cái gì là không biết; trống chầu đánh vài hôm thì thừa thạo, bài lá đánh vài hôm thì thừa cao; tự quan lớn không chơi thì sao cho giỏi được. Tục-ngữ có câu rằng : « Chơi mau kéo hết xuân đi, cái già xồng-xộc nó thì theo sau. » Lại có câu : « Ở đời phải biết mùi đời, chẳng ăn cũng thiệt chẳng chơi cũng hoài. » Tôi nghĩ người ta vinh-hoa phù-quí, chỉ cốt có sự chơi, nếu không chơi mai sau về cõi đất, hại tay hổ xuôi, tiền của có mang đi được đâu. Và trẻ không chơi, già cú rữ, muốn trẻ lại mà chơi cũng không được; rồi lại thương hoài, tiếc hã cho ngày xanh !

— Ngài nói cũng phải, nhưng tôi thua nhỏ hàn-vi, gia-nghiêm tôi vẫn thường lấy sự ấy làm nghiêm-cấm, nên bây giờ tôi nhớ lời nghiêm-cấm không dám quên.

Khách nghe có ý thẹn.

Lúc ấy việc quan thư-nhân thường đi du-lich cảnh-thắng, núi Hàm-rồng, sông Mã-giang, hang Từ Thức, bao nhiêu giang-sơn kỳ-khí thu-thập cả vào túi thơ.

Núi Hàm-rồng ở phía đông-bắc huyện Đông-sơn. Dải núi quanh-co tựa như con rồng bò, đến mé sông nổi lên một ngọn núi cao, dưới rú một hòn đá lè ra ngoài mé sông, hình như hàm con rồng ngậm nước; đối-ngạn bên kia có núi Hỏa-châu, nước sông chảy ở giữa, vì thế gọi là núi Hàm - rồng. Có bài vịnh như sau này :

Núi đây lên gọi núi Hàm-rồng,  
 Ấy cảnh thiên-nhiên cảnh lạ lung;  
 Nước cuốn rêu xanh màu đá lũa,  
 Mây in về tía bóng gương lồng;  
 Chim toan chấp cánh bay qua đỉnh,  
 Cá chực dương vây vượt giữa dòng;  
 Danh lợi ấy ai lòng rửa sạch,  
 Nước sông biểi đời lúc nào trong.

Núi Bàn-kha ở bên bắc huyện Đông-sơn Ông Ngô Thời-Sĩ đời nhà Lê làm quan Hiến-sát-sứ, khắc ba chữ « Bàn-kha sơn 盤阿山 » bên cạnh, núi giáp sông có hang, dưới hang có viên đá tròn để ngồi xem nước, nhân gọi là « Cư-sĩ quan lan sào 居士觀瀾巢 » và chép chỗ ấy có mười cảnh đẹp. Có bài vịnh như sau này :

Tới huyện Đông-sơn bóng chữa tà,  
 Lùng chèo ngắm cảnh núi Bàn-kha;  
 Xanh rì cụm trúc um-tùm lá,  
 Trắng xóa cành mai lốm đốm hoa;  
 Gánh củi lom-khom tiều mấy chú,  
 Ngồi câu đùng-đỉnh lão đầu ta;  
 Chữ đề « Cư-sĩ » còn in đó,  
 Trái mấy tang-thương đã chữa [nhòa.

Núi Lam-sơn ở phía Tây huyện Thụy-nguyên tự sông Lương chảy lại. Một dãy núi đá chạy dài, lặc xuống đất bằng, đột lên một ngọn núi đất, dưới đất còn nền nhà cũ của vua Lê-Thái-tổ. Ông tổ ba đời vua Lê trước đi chơi núi Lam-sơn, thấy phong-cảnh đẹp có vương-khí đời đến ở. Sau vua Lê đóng đô ở chỗ ấy gọi là Nam-kinh, Lê đóng đô ở chỗ ấy ước ba cây-lô-mét có núi đất, tảng vua Lê ở đây gọi là núi Phật-huỳnh. Có bài vịnh rằng :

Xem cảnh Lam-sơn cũng lạ nường,  
 Ngàn xưa trái mấy cuộc tang-thương;  
 Sông Lương nước biểi quanh sườn  
 Nền cũ rêu xanh kín bức tường; [núi;  
 Một dãy đá mây in về đẹp,  
 Mây trùng cây cỏ đượm màu hương;  
 Nhà Lê phát-tích đầu đây nhỏ,  
 Cung-điện lâu-dài bóng tịch-dương.

Hang Từ-Thức ở huyện Nga-sơn. Ở đây có động Bích-đào, có bàn cờ tiên; động thờ tiên-nữ tên là Giáng-Hương. Ông Từ-Thức người châu Hóa đời nhà Trần niên-hiệu Quang-thái, làm huyện-tể ở huyện Liên-du, sau gặp nàng Giáng-Hương kết duyên cầm-sắt. Có bài vịnh rằng :

Động-đào mở khóa dễ ai hay,  
 Ngó tựa Thiên-thai cảnh đẹp thay;  
 Róc rách một dòng khe cuốn gió,  
 Rõ-ràng năm sắc đá chen mây;  
 Cờ tiên cuộc trải vòng kim cở,  
 Thơ thánh câu đề giọng tỉnh say;  
 Ướm hỏi chủ nhân đầu vắng tá?  
 Bích-đào còn đó động còn đây.

Núi Tam-thai ở bên tây huyện An-định nổi lên ba ngọn núi. Bên hữu có đền thờ, trong đền có cái trống đồng nặng ước một trăm cân, trống thất cổ bằng, cạnh trống khắc chữ hình như khoa-đầu. Tục truyền vua Hùng-vương chế ra. Xem sách nhà Tùy nói ông Khổng-minh nhà Hán chế ra trống ấy, vì thế không biết rõ ai chế cái trống ấy, vẫn có linh-tích. Sách Nam-sử chép : vua Lý-Thái-tổ đánh Chiêm-thành, đêm nằm mộng có một người mặc áo nhung-y nói rằng : « Tôi là thần ở núi trống đồng, xin theo vua đi đánh giặc Chiêm. Trận ấy được công, vua Lý-Thái-tổ lập đàn tế thần trống-dồng ở thành Thăng-long. Lại đời Lê trung-hưng bin nhà Mạc chiếm-cứ huyện An-định; quân nhà Lê đi đánh nhà Mạc, thuyền đậu trên sông Mã, vắng nghe tiếng trống tự núi Tam-thai đưa đến. Sớm mai giao-chiến với quân nhà Mạc, nhà Mạc thua. Nhà Lê sắc phong thần núi Trống-dồng có công đánh giặc. Có bài vịnh rằng :

Thấp cao một dãy núi Tam-thai,  
 Thợ tạo xây lên cũng thiệ-lai;  
 Búa đá vua Hùng cớ sót dấu,  
 Trống đồng tướng Hán vẫn truyền  
 Một tòa miếu cở kề bên núi, [hoi;

Mấy dãy non cao ngất giữa trời;  
 Muốn học Ngu-Công rời núi lại,  
 Dem về làm cảnh liện ta chơi.

Núi Kim-sơn ở phía đông-nam núi  
 Vĩnh-lộc, tự núi Hùng-lãnh, bên đông  
 theo sông Mã chạy dài, đột lên hai  
 mươi chín ngọn núi, trông xa hình như  
 con voi, con ngựa, cái tấu, cái cờ, nền  
 gấm truyen, bức biều-phong, quang-  
 cảnh thật là ngoạn-mục. Trong có hai  
 động: động Tiên-phao, động Ngọc-long,  
 có núi Mai-sơn mọc nhiều cây trúc; có  
 hồ sen ước hai mẫu, phía đông lại có  
 ngọn núi cao hơn ba mươi trượng;  
 chân núi có khe, thuyền đi quanh đàng  
 trước đàng sau cũng được cả. Động ấy  
 chứa được ba trăm người, trước động  
 có hai cây cồ-thụ năm ngang, tục gọi  
 là cầu tiên. Trên động có hang thông  
 đến núi Bình-sơn; có bia khắc ba chữ  
 « Trú - quân - sơn 駐軍山. » Động ấy  
 cảnh-trí thiên-nhiên, bút mực không  
 thể vẽ hết. Có bài vịnh như sau này:

Hai mươi chín núi vững trơ-tơ,  
 Dáng ngựa cùng voi, tản với cờ;  
 Cây cồ hai chòm tươi tựa gấm,  
 Nước khe một giải lạnh như tờ;  
 Hang tiên động ngọc mây quanh-quất,  
 Rừng trúc hồ sen gió phát-phơ;  
 Thử ở trước anh-hùng quân đóng đó,  
 Vạch rêu xem chữ nét chưa mờ.

Động Hồ-công ở phía tây huyện  
 Vĩnh-lộc, động ở núi Xuân-đài; trong  
 động có thạch-nhũ sắc đỏ và có hang  
 dài hơn sáu trượng, dưới hang có giếng  
 sâu không biết chừng nào; cửa  
 động có hai tượng đá, tục truyền là  
 tượng ông Hồ-công và ông Phí-tướng-  
 Phong. Xưa nay vẫn nói ba mươi sáu  
 động, động Hồ-công là bậc nhất. Có  
 bài vịnh như sau này:

Một áng xuân-đài cảnh tự nhiên,  
 Hồ-công đầu tá động còn nguyên;  
 Bầu trời luôn nước trong như ngọc,  
 Hang phát đưa hương ngát những  
 Tượng tạc hai tòa ghi cổ tích, [sen;

Giếng sâu muôn trượng rửa trần-  
 [duyên;  
 Ba mươi sáu động đây là nhất,  
 Riêng chiếm trời nam một cảnh tiên.

Sông Mã ở phía tây huyện Vĩnh-  
 lộc, phát-nguyên tự tỉnh Vân-nam bên  
 Tàu, qua nước Ai-lao, thông đến châu  
 Mai tỉnh Hưng-hóa, chảy vào châu  
 Quảng-hóa, châu Cẩm-thủy tỉnh Thanh;  
 phía đông hợp-lưu với sông Ngọc-chùy,  
 phía bắc thời hợp-lưu với sông Bảo-  
 giang; hai bên sông đều có khe núi.  
 Có thơ vịnh rằng:

Sông Mã dòng xa tự nước Tàu,  
 Ngọn nguồn hồ dễ lượng nông sâu;  
 Mây in đây nước trời xanh ngất,  
 Sông vô sườn non đá trắng phau;  
 Ngọn gió qua sông xa tiếng hạc,  
 Bóng ô xế bến hợp đàn trâu;  
 Khen cho ngư-phủ nhàn hơn cả,  
 Vành-vẫy giang-hồ một chiếc cầu.

Hồi bấy giờ ông có ý vui thú giang-hồ,  
 chân đường danh-lợi, xảy nhớ đến  
 giang-sơn tình-cảnh, chữ trung đã vậy  
 còn chữ hiếu, việc nước đã vậy e việc  
 nhà;

Trông với mây bạc xa xa,  
 Sông đường cũng phải liệ mà thần-hồn.

Ông liền tàu xin về thăm nhà, vua  
 không cho. Ông bàn với phu-nhân cho  
 người về đón hai cụ ra chơi để thần-hồn  
 cho liện. Người về đó, cụ nói rằng:  
 « Nay lão tuổi-tác, tai nghehnh-ngãng,  
 chân tay run rẩy, mắt mũi lèm-nhèm,  
 ra chỗ tỉnh-thành, có quan khách đến  
 chơi, người ta cười, ta không vô. »

Cửa cụ bà thì nói rằng:

« Cụ ông còn không đi nữa ta. Ở đó  
 không có công việc gì làm, ngồi rồi ta  
 không chịu được. Ta ở nhà còn rằng  
 hồ sớm khuya cho con cháu canh củi,  
 mi cứ vô nói với ông mi khi nào việc  
 quan rồi về nhà chơi mấy hôm kéo ta  
 mong. »

Ông tiếp được tin khắc-khoải bồi-hồi. « Nhớ người tựa cửa hôm mai, quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ ! »

Ông thường ngồi thau-thở với bạn đồng-chí rằng : « Tôi trước ở tỉnh Tuyên gặp quân Tàu đóng ở đó, đánh giặc lũ Ngô Côn, nghị-luận tấu sớ, nhiều điều thất-y với các quan, cũng bởi một lòng trung-trực, chứ không có ý gì chống cự. Nhưng xem ra các quan đại-thần không bằng lòng. Tôi đã nghiệm gần nay có người tương-sĩ đoán cho tôi cũng nhiều câu đúng. Đoán rằng hậu-vận đến năm bốn-mươi-bảy thời có tai-biến về việc quan. Tôi năm nay đã bốn-mươi-hai tuổi rồi. Kể tự xuất-thân đến giờ hơn mười năm, đường công-danh bước gian-hiềm đã trải cả rồi ; cơn ba-dào trong bể hoạn không biết đâu mà chùng ; người ta nên biết hai chữ tri-chỉ làm qui, ở nhà còn cha mẹ già, xa vắng sớm khuya nghĩ không đành bụng. Nhẽ tôi toan cáo ngay ở Quảng-yên ; vì đương có việc chinh-chiến, cáo thời ngại mang tiếng từ-nản. Nay ở tỉnh này ít việc mà triều-đình cũng không thiếu gì người ; mình lại còn tham-quyền cố-vị, được trung mất hiếu chả lỗi đạo làm con lắm ru ! Quyết xin về phụng-dưỡng. »

Sớ vào vua không cho, châu-phê rằng :

« Nhà người có em thứ thay mình phụng-dưỡng, nên phải yên lòng làm việc cho xứng chức, đừng phụ lòng quyến-ái của trăm. »

Đoạn có chiếu dời ra Bắc-chính Hà-nội. Thành Hà-nội trước là thành Thăng-long. Triều nhà Lý niên-hiệu Thuận-thiên năm đầu rời Kinh-dô đến đó. Trái nhà Trần nhà Lê cũng đóng ở đây. Chỗ này là chỗ đô-hội nhất xứ Bắc-kỳ cũng như thành Ba-lê với nước Pháp vậy. Giang-sơn cầm-tú, đường lối thành-thang, lại là một nơi tương-

ngộ của văn-nhân anh-tuấn, tuy không thắm với thành Ba-lê, thành Luân-đôn, nhưng người ta đến nơi này thời giao-thiệp được nhiều, quan-sát được lắm, nên chí-khí thêm cao, vòng tư-tưởng thêm rộng. Chỗ này vẫn có tiếng văn-vật phồn-hoa.

Ông làm quan ở đó không được bao lâu lại dời ra Bắc-chính Sơn-tây. Tỉnh ấy ở Phong-châu, huyện Sơn-vi là chỗ vua Hùng-vương đóng đô khi trước. Danh-thắng có núi Tản-viên.

Tục truyền trước xưa có sơn-thần, có sách ước. Núi cao một nghìn ba trăm hai mươi thước tây, có sông Bạch-hạc. Tục truyền đức Sơn-thần và đức Thủy-thần ganh lấy con gái vua Hùng-vương đánh nhau ở khúc sông ấy. Tỉnh giáp Hưng-hóa, Tuyên-quang, phần nhiều rừng núi. Có năm phủ hai mươi một huyện, chức Bắc-chính coi việc thuế-ngạch, lương-xương, rất là phiền-kịch. Đương bấy giờ tỉnh Hưng-yên vỡ đê, Tuần-phủ là ông Tôn-thất Đản không có lòng vì dân vì nước, lộng quyền, mạn phép, tham-những, dân-hạt ta-oán. Nhân lúc ấy lại có tên Tú-tài Vọng ở huyện Duyên-hà, mưu khởi nguy, vua lại chiếu ông thăng Tuần-phủ tỉnh Hưng-yên xét những việc án ấy và đòi ông Đản về Kinh hậu-cửu.

XII

**Chức thăng Tuần-phủ Hưng-an, Việc đê việc chắn lo toan hết lòng.**

Triều vua Tự-đức năm thứ 23.  
(Tây-lich năm 1870)

Bốn-mươi-ba tuổi ông thăng Tuần-phủ Hưng-yên. Tỉnh ấy nguyên triều nhà Lê thuộc Sơn-nam-trần. Đến triều vua Minh-mạnh năm thứ mười hai mới dời làm tỉnh. Tỉnh-thành đóng gần sông. Đời nhà Lê nước Hòa-lan, nước Bồ-dào-nha, nước Anh, nước Nhật,

đến đây buôn, gọi là Phố-Hiến. Tục có câu : « Thứ nhất kinh-kỳ, thứ nhì Hiến-nam ». Đây cũng là một chỗ dò-hội phần-hoa khi trước không kém gì Hà-nội. Tỉnh chạy dài phía nam giáp sông Nhĩ-bà, phía bắc giáp sông Luộc, phần dẽ nhiều chỗ xung-yếu.

Khi ông mới đến trọng-nhậm thấy tỉnh-hạt bị vỡ đê nước lụt, tời làm kém đói. Ông bàn với quan bố quan án hai tờ rằng : « Ta nên cần tích lũy thóc kho phát chẩn cho dân ». Hai tờ nói rằng xin phải tâu vua, đợi lệnh sẽ làm.

Ông nói : « Hễ thấy việc gì hợp-ngĩa nên làm thì làm. Nếu đợi lệnh sẽ làm thời những dân đói gần chết đến nơi, nó nhờ vào đâu, cứu-cấp cũng như cứu bệnh vậy. Phỏng có con ốm vạn-tử nhất-sinh, bố đi xa, ở nhà lại bảo phải đợi bố có cho uống bài thuốc ấy sẽ uống thời bệnh một ngày một vặng thêm lên, chữa thế nào kịp. Việc lấy thóc kho xin cứ lấy, các ngài có sợ tời thời một mình tôi xin tự-đương, nhưng chỉ nhờ các ngài nghĩ việc phát-chẩn thế nào cho được chu-tất, thời hay lắm. »

Hai tờ nói rằng : « Quan lớn là chủ-tể trong tỉnh nghĩ làm thế nào phải chúng tôi xin tuân. »

Lại cần bàn việc đắp đê đẽ cho dân có việc làm, có cơm ăn, cũng là cứu-hoang thiện-chính. Đê làng Thiện-phiến huyện Tiên-lữ vỡ vừa rồi cần đắp cho xong, sợ nay mai mùa nước đến đắp không kịp. Nghĩ xong ông lập-tức sai tờ-thuộc nhất-diện thảo tờ sớ, nhất-diện sức thi-hành.

Sớ rằng :

« Hiện bây giờ tỉnh Hưng-yên bị lụt thóc kém, mỗi học trị-liền sáu quan hai, dân đói, đàn bà trẻ con, ông già bà lão, kéo nhau đi đầy đường, trông thấy nhiều người tiều-tuy, đói đã vàng cả mặt, bủng cả da, dân dàu cũng là xich-

tử của triều - đình, không lẽ khiết-nhiên được. Tôi xét thóc kho chứa được sáu vạn sáu ngàn tám trăm học, xin giảm giá mỗi học chỉ bán bốn quan đẽ dân-gian khỏi phải ăn kém và xin trích lấy thóc ấy một ngàn một trăm hai mươi học giao cho người coi kho xay thành gạo đẽ phát-chẩn. Việc phát-tiểu cũng kéo đến mấy mươi vạn người thời lấy gì mà phát. Nếu chuyên phát một chỗ sợ họ xéo đạp nhau, tranh cướp nhau thời những người trai trẻ có sức khoẻ mới được phần chẩn. Còn những trẻ con và người già yếu không được gì.

« Lạc sợ có hai lẽ nữa là :

10 Đông người quá thì nhiều thán-khi, sợ sinh ra ngặt và tạt-dịch.

20 Những đũa đói khát đến đông không lấy đâu mà phát-chẩn mãi được, lại sợ chúng nó tụ-tập trộm cướp. Tôi đã nghiệp sức cho các viên phủ huyện chọn chỗ nào có chợ lớn đặt ra trường đẽ trợ-cấp gạo, những gạo ấy thì giao cho các viên sở-tại nhận lấy đẽ phát-chẩn. Trường phát chẩn thì phải làm ra hai cửa. Khi vào lính xong thì đuổi ra cửa sau đẽ phòng chúng nó khỏi tranh nhau, vào ăn cướp và không cho lính hai lần, như thế mới được công-bằng.

« Đến như việc đẽ tỉnh tôi, thuộc địa-phận làng Thiện-phiến, năm trước vỡ đẽ thông-trường một trăm bảy mươi trượng. Tôi đã nghiệp-kinh sức cho phòng công chiều lệ đầu-thỏ trừ-linh, ưng phải chi tiền số công ba mươi sáu ngàn một trăm năm mươi quan. Nghĩ xin trích lấy chín ngàn chín trăm bảy-mươi sáu học, cho đủ số cho phum ăn, xay thành gạo, giao các viên phủ huyện đến đây đắp đẽ cho có trình-hạn. Nếu tổng lý tên nào huy-hoặc từ một bát gạo trở lên xin cứ chính-pháp trị tội. Mỗi ngày bao nhiêu phu, phát bao nhiêu gạo phải biên vào sổ nhật-ký.

Việc này đã xin ủy Án-sát Tôn-thất-Phan cùng với hưu-quan trong hạt, lữ Bùi Kim Linh, chuyên đốc việc đê cho được chóng xong. Sở thóc ấy xin đợi đến mùa dân-gian có thóc thời bắt chiều-bổ điền-mã : mà thu lại, đê sung vào kho cho đủ số. Việc này kẻ hạ-thần đã biết tội thiện-tiện, nhưng thiết-tưởng triều-đình nhân-tuất, không có lẽ ngồi coi dân chết đói cho yện lòng. Muốn tâu Thánh-thượng rộng lượng khoan-thứ cho đê hạ-thần tội ơn, vạn tạ. »

Sớ vào vua phê rằng : « Có lẽ người muốn có-ân với dân cho nên mới thiện-tiện như rửa. Thóc kho tỉnh Hưng-yên số cũ dân nộp chưa xong ; đáng lẽ không cho, nhưng đã nghiệp cấp đi rồi thời trẫm cũng bằng lòng. Nhưng chiếu từ sau trở đi không nên thiện-tiện nữa. »

Năm thứ hai mươi bốn các-thần là ông Nguyễn Thành có sớ xin bỏ đê. Vua giao cho các tỉnh-thần ý nghĩ nên chăng thế nào phúc-tấu. Ông sớ rằng :

« Việc thiên-hạ không có việc gì toàn lợi mà cũng không có việc gì toàn hại. Triều-đình nên chăm-chước việc gì lợi nhiều thời làm ; nếu chỉ biết cái lợi hại trước mắt mà không suy tính, cái lợi không kịp hại mà lại thêm nhiều sự nguy-hiểm.

« Việc đê xứ Bắc-kỳ thật là một cái vấn-đề rất quan-hệ, phải suy - cứu nguyên-nhân thời mới biết được. Sông Thao, sông Đà, sông Lư ba sông ấy phát-nguồn ở lĩnh Vân-nam, lĩnh Quảng-lấy bên Tàu, chảy qua lĩnh Tuyên lĩnh Hưng, đều tụ-hội lại ngã ba sông Bạch-hạc, rớt xuống Nhi-hà rồi chảy ra ngoài bể. Mỗi năm nước ở thượng-lưu chảy từ tháng tư cho đến tháng bảy, tháng tám, nước to quá tràn vào dân-cư. Khi bấy giờ nhà Trần phải đắp đê đình-nhĩ giữ nước. Trải hơn một ngàn năm nay, đời nào cũng phải theo đắp đê mà

mỗi năm lại phải bồi-trúc thêm chỗ khuyết-liệt, gián-hoặc cũng có chỗ vỡ đê nhưng bất-hạnh phải từng chỗ, còn nơi khác lại được mùa. Thế biết đắp đê cũng có lợi. Xem cửa bể đương đời nhà Trần còn ở chỗ Bở-hải (thuộc huyện Vũ-tiên), cửa Đại-an, (thuộc huyện Đại-an) trước đều thuộc tỉnh Nam-định ; đến nay hai cửa bể ấy một ngày lại một va ra. Huyện Vũ-tiên đã thành ra huyện Tiên-hải ; dưới huyện Đại-an thì lại thành ra huyện Kim-sơn, và huyện Hải-hậu. Việc trời thay đổi thế là bởi nước sa trên thượng-lưu chảy xuống cạn lại thành ra bãi đất sa ; ngoài bể bồi lên thành cồn, càng ngày lại càng cao mãi lên, mà lòng sông càng ngày lại càng hẹp mãi lại. Vì thế cho nên ba ngọn nước thượng-lưu, một con sông Nhi-hà không chứa hết. Cửa bể xa nước chảy không kịp, đến nội vớ đê. Tục-ngữ có câu : « tức nước vỡ bờ » là lẽ thế. Hạ - thần nghĩ hiện-tình việc đê vì như cái mâm vậy. Đất ruộng ở chỗ bình-nguyên tức như là giữa lòng mâm lõm xuống, mà cái cồn cát ngoài đê như bến, xung quanh mâm đột cao lên. Muốn đỡ sạch nước ở mâm đi, thời phải ghé cả mâm mới được. Nay muốn bỏ đê thời phải rời hẳn cái thân đê chân đê hơn ba mươi vạn trượng đi chỗ khác, mà những cồn cát ngoài cửa bể cũng phải bạt cho cân với đất trong đồng thời mới giảm được nước. Thế biết bỏ đê thật là thất-sách, nhưng mà chuyên đắp đê lại cũng là thất-sách nữa ; không gì bằng khai nhiều sông.

« Kẻ hạ-thần xét thủy-thế xứ Bắc-kỳ chảy ra bể Nam thời phải ba ngày, mà chảy ra bể Đông thời phải hơn một ngày. Chỗ Văn-giang là chỗ nước chảy vào sông Cửu-an để chảy ra bể Đông. Đời vua Triệu-trị năm thứ hai chỗ đê ấy thường bị vỡ, phải đắp ngăn bờ sông ấy để ngăn bờ lúa chiêm đến kỳ tháng bảy nước lớn cho nước chảy qua bờ ngang ấy để dẫn thủy-thế ra bể Đông

cho tiền. Nhưng vì lòng sông ấy hẹp quá, nước không chảy kịp, thành ra các huyện hạt ở hai bên bờ sông đều bị lụt.

« Năm Tỵ đức thứ mười mới đắp thành ra đê to, không cho nước tràn vào sông ấy nữa. Lâu nay con sông ấy lấp đi cho nên nước không chảy ra bể Đông, chỉ chảy vào sông Nhị-hà ra bể Nam thôi.

« Kẻ hạ-thần nghĩ nên sức đào con sông Cửu-an rộng hơn trước để cho tiện nước chảy ra bể Đông, thời không những hạt Ninh-giang (thuộc lĩnh Hải-dương) cấy được lúa chiêm mà cũng bớt được thủy-thế ở sông Nhị-hà. Đến như các cửa bể thời cấm dân-gian không được bao đê tư ra nữa để nước chảy ra bể nam cho chóng. Cứ như thế này mãi thời hạ-thần sợ trong hai mươi năm nữa, thủy-lạo có lẽ lại hại gấp bốn gấp năm bây giờ mà đường đi thuyền nhiều chỗ trở-ngại. »

Tâu vào vua sai đình-thần phúc-duyet.

Thửa bấy giờ ông xét việc ông Đản tham-những và tên Tú Vọng mưu nguy. Nguyên do tỉnh Hưng-yên vỡ đê lằm phủ huyện bị lụt, duy huyện Hưng-nhân không can gì, thuế-ngạch phải toàn nộp. Anh em phó-tổng Thiện đã thu thuế của dân rồi không chịu nộp, tư tiêu đi mất, viên huyện Hưng-nhân bắt người Thiện phải tịch-bồi. Anh em người Thiện oán viên huyện, mưu với người Lê Huỳnh-Tế xã Đôn-thị cùng với Tú-tài Vọng chực giết viên huyện cướp lấy tiền thuế. Khi chúng nó vào giết thời viên huyện thoát chạy lên báo tỉnh. Tỉnh phái lính nã bắt. Lũ ấy trốn mất. Sau dò xét mãi mới bắt được.

Đến như ông Tôn-thất Đản không giữ phép công, dung-túng cho quân coi kho, ức lấy tiền của dân mỗi trăm phương thóc nộp vào kho, lấy thêm mười tám quan tiền. Mỗi trăm quan

tiền nộp vào kho, ức lấy thêm mười hai quan nữa, chia tay tiêu với nhau. Quan thị-sur là ông Lê Tuấn bắt được quả-tang, tâu ông Đản về tội khích-biến lương-dân. Vua giao ông tra xét.

Ông cử hiệu-giam đưa yết-phạm, lũ người Lê Huỳnh-Tế và tên tú Vọng đem tra hỏi. Chúng nó không chịu nhận lẽ gì, còn tên Phó-tổng Thiện thời nhận có đánh viên huyện lấy tiền, còn như việc mưu-nguy thì nó không nhận.

Ông tư cho ông Lê Tuấn hội-dồng xét việc ấy. Ông Tuấn ủy ông Trần Huấn thay mặt; đến tỉnh hội-dồng tận-phép tra hỏi, nhưng lũ người Thiện kiên-chấp một mực không chịu nói.

Ông biểu người Huấn rằng : « Lũ người Thiện thì nó còn sợ gì mà nó chẳng làm; nghĩ nên chiếu luật công lằm châu-huyện kết án. Còn dư-đảng chúng nó không có chứng-cớ gì, kết nghĩ giao cho lý dịch sở-tại nhận về quản-thúc, để khỏi phiền. Còn ông Đản nghĩ chiếu luật trái phép công kê tang nghĩ tội. »

Kết việc án xong, và việc phát chẩn, việc đê-diều được thanh-thỏa cả, nhân lúc thư-nhan ông nói với phu-nhân rằng :

— Độ này việc quan nhân-hạ, khuya sớm có thể phụng-dưỡng được, tôi định cho người về đón hai cụ ra chơi.

— Ông đi làm quan, xưa nay đã đón cụ mấy thứ, nhưng cụ có ra bao giờ. Nay ông muốn mời hai cụ ra thì ông phải viết thư nói thiết-tình may ra cụ có nghe chăng.

— Bà nói phải.

Rồi ông vội-vàng lấy bút mực viết thư :

« Hưng-yên ngày . . . tháng . . .  
niên-hiệu Tỵ đức năm 23.

« Kinh chúc Song-đường vạn-thọ,  
ngọc-thê an-cường

« Con tự xuất-thân đến giờ lỗi đạo  
hần-hôn, đã gần hai mươi năm nay  
trong lòng con không lúc nào khuấy  
được, khi thì quan-sơn cách-trở, khi thì  
binh-chiến gian-nguy, đón song-đường  
đi thì không tiện; muốn về thăm song-  
đường lại không được phép. Tấm lòng  
mong-mỏi, tắc dạ bồi-hồi, chả biết song-  
đường có rõ cho không. Nay ơn vua  
được về tỉnh Hưng-yên gần nhà; tỉnh  
ấy đóng bên sông, thuyền đi cũng tiện,  
xin song-đường khuấy-bộ ra chơi để  
được khuya sớm thừa-hoan, thời lòng  
con lấy làm vui-vẻ quá. »

Thư về cụ ông mở thư ra xem thấy  
nói khản-thiết bèn cùng cụ bà ra chơi  
ngoài tỉnh. Cho người ra báo tin trước;  
ông cùng phu-nhân ra đón cửa ngoài  
thành. Thấy thông già còn khỏe,  
huyền già còn tươi, hai ông bà lúc ấy  
nổi mừng không biết lấy gì mà cần.  
Thật là nở mặt nở mày, thỏa lòng thỏa  
dạ, vui-vẻ bán - khoản; liền rước hai  
thân vào dinh, kéo đèn mở tiệc. Ông  
thì lời tan-hợp, truyện xa gần, nào là  
giặc Tàu giặc Thổ, cờ-vàng, cờ-đeu,  
trận nào thắng, trận nào bại, kể-lễ hai  
thân nghe.

Tấm lòng vui-vẻ nào bằng,  
Áo lan dưới gối rờ-ràng thêm hoa  
Quế lan xum họp một nhà,  
Thung già càng khỏe huyền già càng  
[tươi.

Ngờ đâu đương cảnh vui gặp ngay  
cảnh buồn. Mới đến tỉnh mười bốn  
hôm cụ ông mất. Bệnh già qua-loa,  
chẳng thiếu gì quế, sâm, nhung, bỗng  
đã Trời Phật rước đi nhường như  
một giấc mộng du-tiên vậy.

Một nhà ngao-ngán ngần - ngơ, hoa  
roi úa cỏ, lệ ứa chan thêm, khóc mà  
than rằng :

Minh ngọc dưới suối,  
Lá vàng trên cây.

Đọc thơ Nga chín chữ cù-lao, bán-  
khuáng dưới gối,  
Lên núi Hồ đau lòng cam cảnh, mở-  
mặt lằng mây.

Nhớ cha xưa :

Nền nhân đắp vũng,  
Cõi phúc vun giầy.  
Dạy đường hiếu nghĩa,  
Khuyên đạo thảo ngay.  
Lời nghĩa-hửn trong lòng vẫn nhớ,  
Ơn sinh-thành tắc dạ chưa khuấy.  
Cho hay bạch-địa khởi-gia cũng nhờ  
phúc sẵn ;

Vừa được thanh-vân đắc-lộ, ấy gặp  
duyên may.

Trên hai đường tóc bạc phơ-phơ,  
càng già càng mạnh;  
Trong chín bề sắc vàng chơi - chới,  
mọi vẻ mọi hay.

Cũng tưởng được đào-tiên trường-  
thọ ngàn năm, ơn chi cáo còn mong  
sau nữa ;

Nào ngờ đâu, phủ-sự chưa đầy nửa  
tháng, cảnh bồng-hồ vội biệt từ nay.

Việc nước chưa xong còn e chữ hiếu;  
Phép vua là trọng, nặng chút niềm  
tây.

Cực chi trời, cây lặng gió chẳng  
đừng, ai rước cha đi vội mấy ?

Tưởng đến đất, tre già măng lại  
mọc, bây giờ con biết sao đây !

Hồn thiêng có thấu,  
Lòng nhớ khôn khuấy !

Ông sở tàu xin về tang cha ba năm  
và nuôi mẹ, vua chuẩn cho một năm,  
bèn đưa linh-cữu về quê làm ma.

Chưa đầy một tháng thì nghe tin lũ  
giặc Huỳnh Sùng-Anh bắt Tuần - phủ  
tỉnh Tuyên-quang là Huỳnh Tường-Hiệp  
muru làm phần tỉnh Tuyên nhiều-động.  
Lại gặp Đờ-phổ-nghĩa (Jean Dupuis)  
người nước Pháp đi tàu hỏa vào Hải-  
đương, mua mượn đường qua Vân-  
nam. Nguyễn Đờ-phổ-nghĩa khi trước

đã du-lich bên Tàu, tìm cách thông-thương; thấy sông Nhi-hà là đường tiện-lợi cho tàu thuyền buôn bán vận-tải, bèn mưu lấy đường đi lại ra bề.

Quan đại-thần là ông Nguyễn Tri-Phương tâu vua rằng nay xứ Bắc-kỳ có việc chinh-chiến, ông là người có mưu-lược, xin cử ra Tuần-phủ Hải-dương thay cho ông Tôn-thất-Thuyết để ông Thuyết sung chức Tân-lý tỉnh Tuyên.

Ông sớ xin cáo :

*« Bầy tôi thờ vua, có việc binh-cách, đầu tang cũng không được từ-chối, nghĩa là bầy tôi đương chức.*

*« Nay kẻ hạ-thần có việc tang, trước đã sắc cho ở nhà một năm, vậy không phải là người đương chức; mà lại để cha chết nằm đấy vội vội vàng vàng, đầu tang tóc rối đi việc chiến-tranh, chữ trung đã vậy còn chữ hiếu làm sao? Vả triều-dinh không thiếu gì người tài hơn kẻ hạ-thần. Xin cử người khác, để hạ-thần được ở nhà chung-chế, thời đội ơn vô-cùng, mà cha ở dưới suối vàng cũng được thỏa tiêm-linh. »*

Sớ vào vua không cho.

Ông Nguyễn Tri-Phương lại sớ rằng : ông Tôn-thất-Thuyết cùng với ông đều quen việc binh. Việc lĩnh Tuyên không có ông Thuyết thời không ai giúp, việc tỉnh Hải-dương thời không ai thay ông Thuyết được.

Vua lại lập-tức chiếu đòi ông phải thu xếp việc tang cho chóng xong để sung chức không được chậm-trễ. Ông bắt-đắc-dĩ phải tuân mệnh ra Hải-dương. Thông vừa khuất bóng, huyên cổi gió lay; gặp những lúc đó là lúc đau đớn ở đời, mà thân-thể tang-bồng ai khéo bắt, vội-vàng tìm nơi giang-sơn lối cũ. Thời dành pho mặc việc nhà cho phu-nhân coi sóc, ôm yên kiếm lên đường. Tình sầu-thảm, nỗi chua-

cay, kẻ sao cho xiết; đời phen ngừng gót mà ngậm-ngùi cho con Tào đời xoay. Đi chẳng bao lâu thì tới tỉnh Hải-dương.

Tỉnh này đời nhà Trần gọi là Hải-dông lộ, đời Lê Thuận-thiên gọi là Đông-dạo; đến niên-hiệu Hồng-đức thứ hai-mươi-mốt định thiên-hạ bản-đồ gọi là xứ Hải-dương, sau đổi là Trấn. Đến triều vua Minh - manh năm thứ mười hai cái là tỉnh Hải-dương. Phía tây-bắc giáp núi, phía nam giáp biển, long-bàn hồ-cử, cũng là cự-trấn xứ Bắc-kỳ. Danh-thắng thời có đền Ninh-khê, còn nhà giảng-học của ông Mạc Đĩnh-Chi; vườn Dục-sơn còn nền chỗ ở của đức Trần Hưng-Đạo; lũy Tiên-hội còn dấu cũ nhà Mạc đắp; thành Phao-sơn còn nền cũ của nhà Minh xây; tháp Ngoã-vân là chỗ ông Trần Nhân-tôn thiếu-sinh; núi Phượng-huỳnh là chỗ ông đạo-sĩ Huyền-vân hái thuốc; núi Đờ-sơn thờ đức Thủy-thần. Ngày mồng mười tháng tám có hội chợ trâu, đến ngày hội nghiệm bao giờ cũng mưa to gió lớn; nên tục có câu : « Dù ai buôn dàu bán dàu, mồng mười tháng tám chợ trâu thì về ». Đền thờ thần Để-Thích ở xã Liêu-hạ, huyện Đường-hào. Tục truyền Triều nhà Lý niên-hiệu Long - thụy thứ hai, người xã Liêu-hạ là người Trương-Ba cao cò, cùng với bạn là Hi-Như đánh cờ. Một hôm bảo nhau rằng : « Nghe tiếng cờ ông Để-Thích cao, ước gì gặp được ngài xuống đây cùng ta đánh cờ thì hay lắm nhỉ ! » Bỗng tự-nhiên thấy một ông lão mặc áo nâu rách, chông gậy trúc cong, đầu râu tóc bạc lừng-thững đến biểu rằng :

*« Ta muốn cùng người đi mấy nước cờ thử xem cao thấp. »*

Nói xong rồi cùng nhau ngồi đánh, mới đi được bốn năm nước thời Trương-Bá đã tịt. Tưởng mình đã là

cao, cứ chắc không còn ai địch nổi mình ở trên mặt đất này, mà ngờ đầu lão này lại cao hơn, lấy làm kinh sợ quá.

— Ngài ở đâu? quê-quán nơi nao?

Ông lão cười có ý ngạo mà đáp lại rằng:

— Ta là Đế-Thích ở trên Thượng-giới xuống đây.

Trương Ba hoảng-hốt sụp xuống lạy, Lão đỡ dậy và đưa cho ba nén hương trầm dặn sau này nếu có cấp-nạn gì thời đốt ba nén hương này ta sẽ xuống cứu, nói đoạn biến đi mất.

Đến sau Trương-Ba ốm gần chết; nguy đến nơi mà quên đi không thấp hương. Lúc chết chôn rồi thời người trông thấy ba nén hương, sực nhớ lời thần dặn đốt. Thần Đế-Thích xuống cứu, thời Trương-Ba chết đã lâu. Hỏi ra có người hàng thịt mới chết, thần bèn làm phép hoàn-hồn Trương-Ba vào xác người hàng thịt; nay tục có câu: « Hồn Trương - Ba xương da hàng thịt » là nghĩa vậy. Khi Trương-Ba sống dậy làm đền thờ thần Đế-Thích đề ghi công-đức.

Tỉnh này lại có chùa Quang-minh ở xã Hậu-bồng huyện Gia-lộc. Chùa ấy ông Huyền-Chân là tay cao-lăng trụ-tri đắc đạo. Một hôm cao-lăng mộng thấy đức Phật Di-đà gọi cao-lăng mà biểu rằng:

« Người có bụng chân-tu, ta cho người thác sinh làm vua nước Tàu. »

Cao-lăng tỉnh dậy gọi chúng-tăng biểu rằng:

« Nếu sau này ta chết thì lấy bút son viết chữ « An-nam quốc Quang-minh tự » 安南國光明寺 vào lưng ta. »

Nói xong tự-nhiên ngồi mà hóa, chúng-tăng đem hỏa-táng ở tháp Xá-ly chùa ấy.

Triều nhà Lê niên-hiệu Hoàng-dinh ông Nguyễn Tự-Cường (người xã Tiên-liệt, huyện Vĩnh-lại) sang sứ nhà Minh. Vua Minh Thế-tôn hỏi: « Người có biết chùa Quang-minh ở nước ngoài không? »

Tâu không biết. Vua Minh bảo: « Ta sinh ra trên vai có mấy chữ son, ta ngờ tiền-thân ta là sư ở chùa ấy, người về thử hỏi xem ở đâu có chùa ấy, sự-tích thế nào, đưa thư cho ta biết. »

Ông Cường về tâu với vua Lê. Sắc hỏi trong nước, mới biết ông Huyền-Chân trước tu ở đó, bèn sai ông Cường sang Tàu tâu với vua Tàu sự-tích như thế. Vua Thế-tôn cho 30 lạng vàng đem về sửa chùa.

Chùa Quỳnh-lâm cũng ở huyện Gia-lộc, đức Nguyễn Minh-Không dựng ra và đúc một pho tượng đồng rất to, tượng ấy cũng dựng vào « An-nam tứ khí ».

Chùa Đồng ở núi An-tử là vợ chùa Trịnh tạo ra, mái chùa lợp bằng đồng và đúc hai tượng đồng. Tượng ấy đến nay vẫn còn:

Tỉnh ấy còn nhiều cổ-tích, nhưng không kể xiết.

(Còn nữa)

ĐẶNG NGUYÊN KHU



## CÁC NƠI CỒ-TÍCH ĐẤT NGHỆ-TĨNH (1)

### Lời tựa của quan Đốc trường Vinh

Ở bên Pháp, có những lớp học ở ngoài nhà trường, gọi là lớp học lộ-thiên, lời huấn-thị của Bộ Học đặt tên là « cuộc du-hành của học-trò » (promenades scolaires). Tôi muốn đặt tên là « du-lịch học-khóa » (classes-promemades), cho nó rõ cái tinh-cách là một học-khóa chính-thức. Lại có cái tinh-cách bắt-buộc nữa, bởi thế nên hành-trình mỗi cuộc đã định từ trước, cuộc nào cũng có dự-bị sẵn-sàng cả; mỗi lần đi chơi là có giảng nghĩa ở ngay chỗ đến chơi đó, đến khi về trường phải làm bài thuật lại, bài thuật ấy cũng có tinh-cách phân minh như một bài luận Pháp-văn vậy. Cuộc du-lịch học-khóa là chủ đề dạy học hơn là chủ về tiêu-khiển, trong chương-trình của ông Đốc trường đặt ra đã định rõ-ràng như thế. Cho học-trò đi chơi như thế, tức là đem cái học phổ-thông mà khuôn vào trong hoàn-cảnh thực-tế vậy.

Cuộc du-lịch học-khóa tổ chức theo tôn-chỉ đó thời vừa làm cho sáng thêm và vừa làm cho mạnh thêm các môn học trong chương-trình Nhà nước (cách-tri, văn-chương, kỹ-nghệ, v. v.). Hình như đem chương-trình ra mà kinh nghiệm, quan-sát, tư-tưởng ở trước ngay sự thực, và nhân đó Bác-vật quán của nhà trường cũng thêm được nhiều tài-liệu quý (như các khoáng-vật, các sản-vật về canh-nông, về kỹ-nghệ, bản-xứ, những di-tích về lịch-sử, về mỹ-thuật v. v.)

Xem những bài thuật của học-trò thì mới biết cuộc du-lịch-học-khóa này ích-lợi là dường nào. Lại về đường tri-dục là lời lẽ đích-xác, sáng-sủa vừa văn-vẻ và vừa thành-thực, trình-độ cao hơn là các lối làm luận Pháp văn khác. Cho học-trò đứng trước ngay sự-vật hiển-nhiên, thì danh-từ, cú-điệu về Pháp-văn có khiếm-khuyết cũng có thể tăng-bổ ngay được. Về đường đức-dục thì cuộc du-lịch học-khóa có thể bổ-trợ cho bài học luân-lý được: học trò đi chơi các miền nhà quê kẻ chợ như thế mới biết cái đời người làm ruộng làm thợ là đáng tôn-trọng. Ông đốc cũng có thể biết học trò hơn, vì đi ra ngoài thì không có bó-buộc như ở nhà trường, cái chân tướng mỗi người thế nào nó lộ ra ngay. Lại đối với sức khỏe học trò, những cuộc đi chơi như thế cũng có bổ-ích lắm.

Coi đó thì biết cuộc du-lịch-học-khóa mà khéo tổ-chức thì vừa có ích-lợi về đức-dục, tri-dục và thể-dục vậy.

(1) Kỳ trước bản-chỉ đã hứa sẽ lần-lượt đăng những bài thuật của ông Tú Nguyễn Đứơc-Tánh về các cuộc « du-lịch học-khóa » của học-trò trường Cao-đẳng tiểu-học Vinh về các nơi cồ-tích đất Nghệ Tĩnh. Kỳ này xin bắt đầu đăng hai bài về nhà thờ cụ Tiên-diên và các cồ-tích hạt Nam-đan. Trưa đầu lại dịch bài tựa của quan Đốc LE BRETON về giảng và cách tổ-chức các cuộc « du-lịch học-khóa » ấy thế nào. — N-P.

Cứ như ý tôi thì trong chương-trình học không có môn nào bổ-ích về khắp các phương-diện bằng cuộc du-lịch-học-khóa này.

Có nhiều người phụ-huynh học-trò không hiểu sự ích-lợi đó. Bởi thế nên tôi muốn nhờ ông chủ báo Nam-Phong đăng những bài ký-thuật về các cuộc du-lịch-học-khóa của học-trò trường Vinh trong năm học 1927-28, để cho các nhà phụ-huynh ấy được rõ. Lời ký-thuật bằng chữ quốc-ngữ cho ai cũng có thể đọc được. Không phải là dịch những bài của học-trò; chính là tự tay ông Tú-tài Nguyễn Đức-Tánh, giữ chức giám-thị kỳ-túc-xá ở trường Vinh, soạn ra, thuật đúng như cuộc đi chơi. Ông Tú Tánh coi việc tổ-chức các cuộc du-lịch về phong-tục và lịch-sử. Trước ngày học-trò đi, ông đến tận nơi để xem-xét trước, rồi hôm đi thì chính ông làm hướng-đạo. Hôm đi thì có ông Hộc cùng với ông Lê Văn-Bích là tổng-giám-thị. Cuộc đi Nam-đàn là do ông giám-thị Nguyễn Văn-Huê tổ chức, ông là người vùng đó. Cuộc đi Phụng-công là một người học trò định hành trình.

Bài ký-thuật của ông Nguyễn Đức-Tánh là đề-tặng cả các ngài hưu-quan nho-sĩ đã có bụng tốt giúp chúng tôi trong cuộc du-lịch. Chúng tôi xin có lời cảm ơn các ngài ở đây, và tỏ lòng kính-tạ của cả các học-trò.

Bài thuật của ông Tú Tánh không có nói gì đến những điều cao-kiến về cách-trí đã giảng cho học-trò trong khi du-lịch. Chỉ thuần nói về lễ-nghi phong-tục, những truyền-truyền-kỳ, những nơi cồ-tích, những nhân-vật có tiếng trong miền An-Tĩnh (Nghệ-an Hà-lĩnh).

Ngày nay có một phái sư-phạm mới thường khuyên rằng muốn dạy quốc-sử phải dạy lịch-sử địa-phương trước, thế là phải lắm. Ở bên Pháp nên làm thế, mà ở Đông-Pháp này lại cần hơn nữa, vì người An-Nam thường mang-nhiên không biết gì đến những sự vẻ-vang trong quốc-sử của mình, thật đáng tiếc thay!

Kề cho học-trò nghe những công-nghiệp của tổ-tôn đã phù dân giúp nước thế nào, tưởng không gì kích-dộng đến tưởng-tượng cùng cảm tình của học-trò bằng bài học đó vậy.

Bài ông Tú Tánh là khôi-phục lịch-sử một trọng-trấn từ đời xưa đến đời nay vậy. Tôi dám chắc rằng các độc-giả Nam-Phong, nhất là người An Tĩnh đọc những bài này sẽ cho là có cảm-động và thú-vị vậy.

Miền An-Tĩnh là miền giao-giới, nửa thuộc đàng ngoài, rất có quan-hệ đến lịch-sử Đại-Việt. Từ việc vua Lê Thái-lỗ đánh Tàu để phục nước, đến cuộc Nam Bắc chiến-tranh nhà Nguyễn với nhà Trịnh, miền này đều có can-thiệp cả. Mỗi phủ mỗi huyện là một mảnh lịch-sử có quan-hệ đến cuộc lịch-sử chung vậy.

Tôi thường tiếc rằng những bậc danh-nhân miền An-Tĩnh đã làm vẻ-vang cho quốc-sử, không có đồ-họa để truyền hình-ảnh lại. Nhưng những ảnh chụp, tranh vẽ in theo với các bài ký-thuật này cũng đủ khiến cho độc-giả giục lòng hoài-cổ mà yêu mến những nơi đền-đài cũ, thành quách xưa, những chốn cồ-tích danh-thắng mà học-trò trường Vinh chúng tôi đã từng đi qua vậy.

Huế, ngày 29 tháng 10 năm 1928.

LE BRETON

Đốc trường Quốc-học và trường Sư-phạm Huế.  
(nguyên Đốc trường Cao-đẳng Tiểu-học Vinh).

Phụ-lục chương-trình các cuộc du-lịch học-khóa về lịch-sử.

I. Súng thần-công cổ.

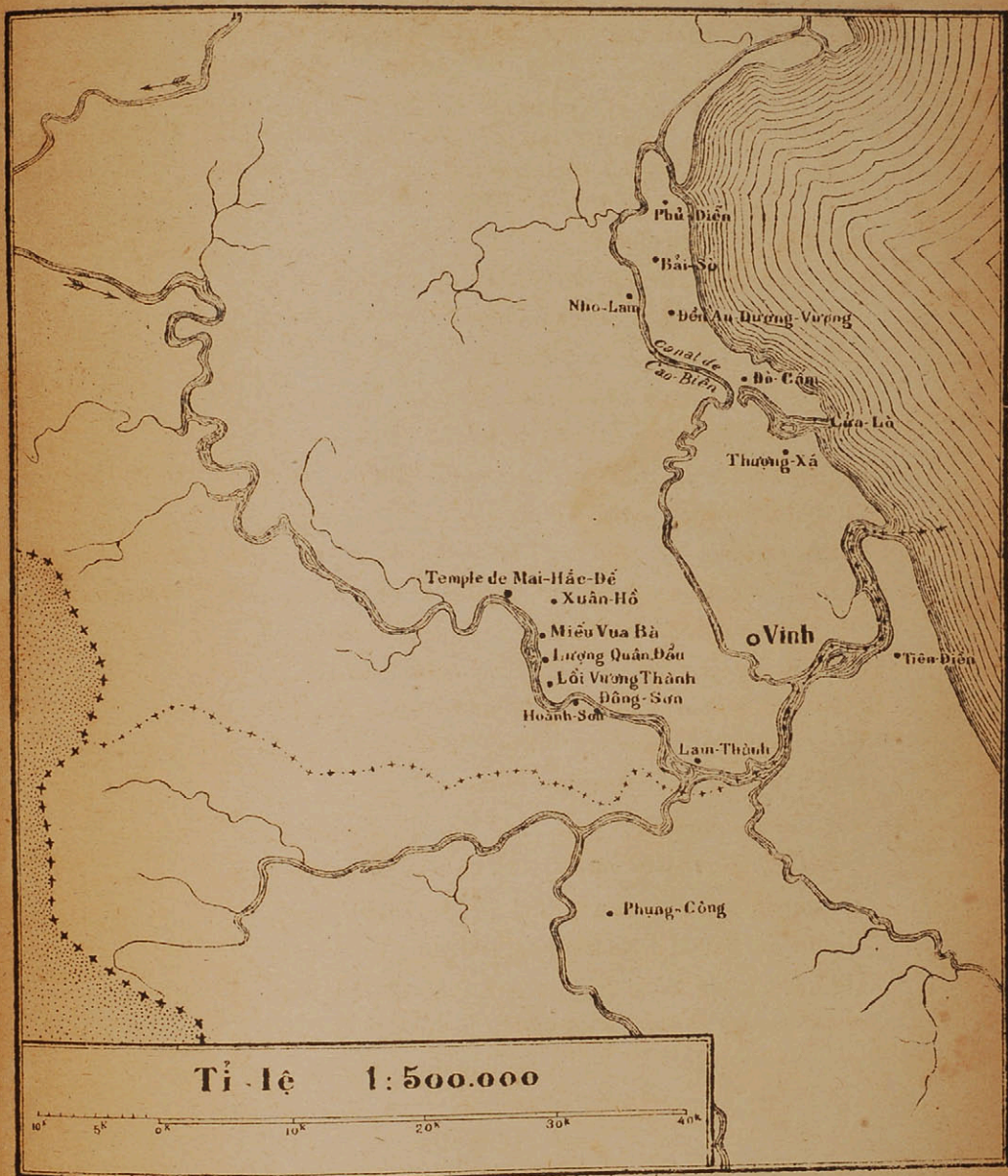
- a) bằng đồng  $\left\{ \begin{array}{l} 1^o \text{ Súng Hòa-lan, thế-kỷ thứ 17, ở tòa sứ Nghệ.} \\ 2^o \text{ Súng An-nam (đời Gia-long Minh-mạnh), ở Võ-miêu tỉnh} \\ \end{array} \right.$  [Nghệ.
- b) bằng gang  $\left\{ \begin{array}{l} 1^o \text{ Ở trong thành Nghệ (đầu thế-kỷ thứ 19)} \\ 2^o \text{ Ở thành Phủ-diễn (đầu thế-kỷ thứ 19)} \\ \end{array} \right.$

II. Các đền-dài lăng-tâm.

- 1) Văn-miêu đời Lê (thế-kỷ thứ 15-16) ở Yên-trường.
- 2) Đền Hiền-quang và Tuyên-nghĩa ở Lam-thành (thế-kỷ 15).
- 3) Đền Nguyễn Bieu ở Lam-thành (thế-kỷ 15).
- 4) Đền Am-hạ, Lam-thành (thế-kỷ 15).
- 5) Đền An-quốc, Lam-thành (thế-kỷ 15).
- 6) Đền Thái-phúc, thờ một ông tướng Tàu, ở Lam-thành (thế-kỷ 15).
- 7) Nguồn Hương-truyền, ở Lam-thành.
- 8) Đền Mai Hắc-đế, có tượng Chiêm-thành, thế-kỷ thứ 7, ở Nam-dân.
- 9) Đền Thục An-dương-vương ở Mộ-dạ-sơn (thế-kỷ thứ 3 trước Gia-lô).
- 10) Mộ cụ Nguyễn Xi, ở Thượng-xá (thế-kỷ thứ 15).
- 11) Mộ cụ Nguyễn Du, ở Tiên-diền (thế-kỷ thứ 19).
- 12) Đình Hoành-sơn, huyện Nam-dân (thế-kỷ thứ 18).
- 13) Đền Vua Bà (vợ vua Trần Duệ-tôn) ở Phụng-công (thế-kỷ thứ 15).
- 14) Đền vua Bà, ở Đan-nhiễm (Nam-dân).

III. Các thành-quách cổ.

- 1) Núi Dũng-quyết và núi Kỳ-lân (Núi Mèo) ở Bến-thủy.
- 2) Lam-thành, ở Yên-xuân (thế-kỷ 15, 17, 18).
- 3) Vạn-an-thành, ở Nam dân (thế-kỷ thứ 7).
- 4) Lưỡng quân đầu, ở Nam-dân (thế-kỷ thứ 15)
- 5) Lôi-vương-thành, Nam-dân (thế-kỷ thứ 8).



**Các nơi cổ-tích vùng Nghệ-Tĩnh**

(Cuộc du-lịch-học-khoa của trường Cao-đẳng liên-học Vinh về năm học 1927-1928)

### Cuộc đi thăm từ-đường Nguyễn Du tiên-sinh (1)

Ngày 23 tháng hai năm 1928, quan Đốc trường Cao-đẳng-tiểu-học Vĩnh đưa học trò lớp đệ-tứ-niên đi chơi ở làng Tiên-điền 仙田, huyện Nghi-xuân 宜春, tỉnh Hà-tĩnh.

Đúng bảy giờ sáng học-trò đi ô-tô thuê xuống Bến-thủy, rồi thuê dò đi qua sông Lách (sông Cả). Đi độ bảy cây số thì tới làng Tiên-điền.

Cuộc đi chơi này là chủ-ý đi thăm từ-đường Nguyễn-tiên-sinh, vì tiên-sinh là tác-giả quyển *Đoan-trường-tán - thanh* 斷腸新聲 mà người ta thường gọi là *Kim - Vân - Kiều - tân-truyện*, là một áng quốc - văn tuyệt-điệu, đã xuất-hiện ra ở nước Nam về hồi đầu thế-kỷ thứ mười-chín vậy.

Đi qua huyện-ly Nghi-xuân thì đã thấy ông Nghè Nguyễn Mai ra đón, rồi chủ khách cùng nhau đi vào thăm nhà thờ. Khi thầy trò bước vào tới nơi, thì đều lấy làm ngạc-nhiên : vì thấy nhà thờ một vị đại-danh-nho mà lại ra vẻ tiêu-diêu thê-lương. Phỏng ở nước khác xuất-hiện có người lổ-lạc như thế, thì đã tượng-dông, bia đá, ảnh truyền-thần, đài kỷ-niệm không biết bao nhiêu rồi. Mà từ-đường tiên-sinh thì tuy mái ngói tường vôi, nhưng đã thấp lại nhỏ, trừ cơn hương bát nước của con cháu dâng lên về ngày kỵ-lạp ra, thì thường cũng chẳng có ai đoái-hoài chi tới, khiến ta ngấm cảnh nhớ

người, luống những ngậm-ngùi mà phân-nân tục người mình đối với kẻ anh-tài thực là lãnh-đạm.

Quan Đốc đưa học-trò vào nhà thờ xem thì thấy có ba bức hoành-phi : một bức ở giữa có bốn chữ đại-tự « Hồng-sơn thế-phổ 鴻山世譜 », bên tả bức hoành đề « Càn-long thập ngũ niên doan nguyệt cát nhật 乾隆十五年端月吉日 ». Bức hoành này là của vua Càn-lòng nhà Thanh tặng cho khi tiên-sinh đi sứ Tàu.

Bức bên hữu có đề bốn chữ : « Long chương điệp tích 龍章疊錫 », bên hữu bức hoành này đề « Càn-long thập ngũ niên doan nguyệt cát nhật » ; bên tả đề « Thiên-triều Trung-hiến-dại-phu Quảng-tây phân tuần tả-giang binh bị Hoàng Phủ - Thái đề 天朝中憲大夫廣西分巡左江兵備黃符綵題 ».

Bức bên tả có bốn chữ : « Thiên môn tái đăng 天門再登 ». Bên tả bức hoành đề « Đại-Thanh Gia-khánh nguyên-niên binh-thần mạnh xuân 大清嘉慶元年丙辰孟春 ». Bên hữu đề Thiên-triều tri Quảng-tây tứ thành phủ sự Văn-công nhị thập tứ thế tôn Chu Lễ đề 天朝知廣西四城府事文公二十四世孫朱禮題 ».

Theo như lời ông Nghè Nguyễn Mai nói thì mấy chữ này tặng ông Nguyễn Đề 阮 1 là anh ruột tiên-sinh, khi ông đi sứ Tàu.

Yết-kiến nhà thờ xong, quan Đốc bảo thợ chụp ảnh mấy bức đại-tự đề nói trên kia và một bức ảnh chung cả

(1) Chúng tôi xin có mấy lời trân-trọng cảm ơn các ngài đã giúp chúng tôi trong việc tổ-chức các cuộc du-lịch học-khóa về cô-tích vùng Nghệ-Tĩnh.

Cụ Đặng Văn-Đoan, Hoàng-giáp, Tổ-từu hưu-tri; Cụ Nguyễn Văn-Chấn, Đốc-học, Quang-lộc tự khanh, hưu-tri; Cụ Nguyễn Thiệu, Đốc-học, Quang-lộc tự-thiếu-khanh, hưu-tri; Cụ Nguyễn Mai, Tấn-sĩ, Hồng-lô tự-thiếu-khanh; ông Nguyễn Hữu-Tương, Giám-thủ hưu-tri; ông Nguyễn Huy-Xán, tú-tài, Hà-lâm-viện Đại-chiếu. — Tác-giả: NGUYỄN ĐỨC-LÍNH.

quan Đốc, học trò, ông Nghè cùng người cháu-dịch-tôn của Nguyễn Du tiên-sinh.

Viếng nhà thờ xong, lại đi thăm mộ, nhưng mộ mới dời đi nơi khác. Lại xem nơi cũ thì thấy cây-cối sầm-uất, di-tích hầy còn, nhưng không có miếu-lăng gì cả. Ra chỗ mới xem, thì thấy đồng không mông quạnh, phong-cảnh tiêu-diêu, mộ chưa phong phần mà cũng chưa có cây cối gì cả, thiệt là :

*Sè-sè nấm đất bên đường,*

*Rầu-rầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh !*

Theo gia-phả thì mộ tiên-sinh cải-táng đã hai lần rồi. Trước hết táng ở làng Ân-ninh, huyện Hương trà, phủ Thừa-thiên. Tới tháng năm năm Kiến-phúc nguyên-niên (1884), người con thứ hai tên là Ngũ 伍 mới rước linh-cữu về yên-táng tại chỗ đất gần nơi từ-đường bây giờ. Còn chỗ mới là mới dời tới năm Bảo-đại nguyên-niên (1926).

Thăm nhà thờ và mộ Nguyễn Du tiên-sinh xong rồi, thì thầy trò lại đi thăm từ-đường cụ Nguyễn Trọng, là chú ruột tiên-sinh. Nhà thờ trông có vẻ tráng-lệ, trước sân có cái bia đá khắc bài gia-huấn bằng chữ Hán của cụ soạn ra bằng thẻ thơ tráng-thiên, để dạy trẻ con về đường thi-lễ. Theo lời ông Nghè Nguyễn Mai nói thì cái bia ấy làm bằng đá vôi bên Tàu chở sang khi cụ đương làm Tham-đốc ở Bắc. Vì trong bia có nói thợ Phúc-kiến khắc và thủy-thủ ngoài Bắc chở về. Ở đây cũng có chụp mấy bức ảnh.

Thầy trò về nhà ông Nghè ăn cơm và nghỉ-ngoi xong rồi, lại đi thăm từ-đường cụ Trung-cần-công là cụ thân-sinh của Nguyễn Du tiên-sinh. Từ-đường này làm ra năm nhâm-thân (1772) đời vua Hiên-tôn nhà Lê là năm ba mươi ba hiệu Cảnh-hung.

Ở giữa từ-đường có treo bức hoành đề bốn chữ đại-tự : «Phúc lộc vĩnh tuy

福祿永綏» của chúa Trịnh ban cho Hai bên tả hữu gian giữa có treo câu đối : « Lương triều chân Tể-tướng 兩朝眞宰相 », « Nhất thế đại nho-sư - 世大儒師 ».

Ở gian bên tả lại có một bức hoành đề bốn chữ : « Dịch-thế thư-hương 奕世書香 » của ông Đức-bảo tặng cho cụ khi ông sung chánh-sứ sang sách-phong cho vua Lê. Trong từ-đường có để hai cái kiệu của ông bà cụ Trung-cần-công dùng khi sinh-thời. Quan Đốc liền bảo chụp ảnh cái kiệu và hai bức hoành cùng mấy câu đối rồi mới trở ra.

Ở nhà thờ cụ Trung-cần-công ra lại đi thăm nhà thờ cụ Nhuận-quần-công tức là thân-sinh cụ Trung-cần-công. Nhà thờ này cũng tầm-thường lắm, không có gì đáng kể chuyện lại. Chỉ có một cái bia đá dựng trên một cái bệ bằng gạch. Trong lòng bia đề : « Đồng ấp phụng tự phong tặng Lễ bộ thượng-thư Thái-bảo. Nhuận-quần-công Nguyễn tiên-sinh, phong tặng Chính-nhất-phẩm tự-phu-nhân, gia phong Quận-phu-nhân Phan-thị nhị vị 全邑奉祀封贈禮部尙書太保潤郡公阮生先封贈正一品序夫人加封郡夫人潘氏二位 ».

Bia này là của cụ Trung-cần-công lập ra năm nhâm-ngọ cho làng đề thờ ông bà cụ Nhuận-quần-công.

Khi tới xem hai cái nhà thờ này thì có đi qua một cái cầu bằng gạch bắc qua một cái lạch sông cũ, trên bờ có một cái bia ghi công-dức của người bắc cầu là cụ Trung-cần-công.

## II

### Cuộc đi chơi Nam-đàn

Ngày thứ năm 8 tháng 3 năm 1928, quan Đốc trưởng Cao-dẳng-tiểu-học Vĩnh đưa học-sinh lớp đệ-tứ-niên đi du-lich các nơi cồ-tích ở hạt Nam-đàn (Nghệ-an).

Bốn giờ rưỡi sáng thì chiếc ô-tô thuê sẵn từ hôm trước đã tới chực sẵn trước cửa trường, nhưng vì các học-sinh ở ngoài tới chưa kịp, thành ra phải chờ lại tới giờ rưỡi đồng-hồ. Chỉ trừ cậu Quế thì xin phép về nhà và cậu Tường thì mới đau đầu dạy không đi được, còn thì đều có dự cuộc du-quan này cả.

Đúng sáu giờ thì khởi-trình : dùng-dùng gió giục mây vùn, một xe trong cõi hồng-trần như bay. Xe chạy theo con đường số 36, chạy chừng nửa giờ thì tới chợ Tro, vào khoảng cây số 17. Ở đằng xa đã trông thấy một đám đông người, ăn mặc lễ-chỉnh, đứng ở bên đường, đó là thầy Giáo Huệ cùng các hưu-quan thân-sĩ trong làng ra nghinh-tiếp quan Đốc, vì từ hém trước quan Đốc đã cho thầy Giáo Huệ về sắp-sửa trước để trưa hôm ấy thầy trò vào nghỉ nhà cụ Đốc thân-sinh thầy.

Tới nơi, xe dừng lại, quan Đốc xuống xe để chào các ông hưu-quan thân-sĩ. Các người ra đó cũng nhiều, không biết hết được, nhờ có thầy Giáo Huệ giới-thiệu cho, mới biết mấy người đứng trước, là cụ Đốc Nguyễn Thiệu 阮詔, cụ Đốc Nguyễn Văn-Chấn 阮文振, cụ Lang Nguyễn Điền 阮典, quan Viên Trần Đình-Chu 陳廷週 và thầy tù Nguyễn Văn-Thụ 阮文樹.

Vì những nơi định đi xem còn nhiều mà đường đi còn xa, nên chỉ chỉ hàn-huyên trong chốc lát, rồi quan Đốc lại lên xe đi ngay, có cụ Đốc Nguyễn Văn-Chấn cùng đi nữa. Cuộc đi chơi này là cốt để khảo-cử mấy nơi danh-lam thắng-tích, mà bây giờ được như các cụ cùng đi nữa thì quan Đốc lại rất lấy làm hoan-nghinh, vì rằng các cụ là bậc lão-thành, lịch-duyet nhiều, học-thức rộng, thì trong cuộc khảo-cử này các cụ hỗ-trợ cho không phải là ít.

Xe chạy trong mấy phút đồng-hồ nữa thì tới trước cửa trường huyện

Nam-dân, quan Đốc bảo dừng xe lại để mời thầy Giáo Bàn, hiệu-lệnh Đốc-giáo trường ấy cùng đi nữa, vì những nơi quan Đốc định đi xem chuyến này thì năm xưa thầy giáo ấy đã thân-hành đi tới nơi và đã chụp được mấy bức ảnh. Mấy bức ảnh đó có gửi tặng quan Đốc một bản.

Khi ở Sa-nam đi thì có thầy giáo Đình, thầy giáo Đan và vài mươi học-sinh trường Nam-dân cùng đi nữa.

Con đường số 41 là một cái đường dè phòng thủy, mặt đường có hơi hẹp, xe ô-tô không đi được, cho nên phải để xe ở Sa-nam mà đi bộ. Khi đi tới Gành-dá có ghé vào miếu Vua - Bà 禱婆 (?) xem. Miếu này ở sát đường dè, ở ngoài có một cái nhà nho-nhỏ như cái hạ-từ, soi chằm cũng rất là công-phu tinh-xảo, mà những kiệu chằm ấy đều là dùng diển-tích đời xưa chép trong kinh sử cả, như : nơi thì chạm « Long-mã trình quái 龍馬呈卦 » (con Long-mã mang cái đồ bát-quái); « thần qui phụ-dò 神龜負圖 » (con thần qui trình tượng cửu-trù) và « Trúc-lâm thất hiền 竹林七賢 » (bảy người hiền hiệu là Trúc-lâm đời nhà Tấn 晉), vân-vân...

Tuy ở trên nhà có ghi rằng : « Giáp-tuất trọng-thu kinh thủy, 甲戌仲秋經始, ất-hợi qui hạ lạc thành 乙亥季夏落成 », nghĩa là khởi công làm từ tháng giữa mùa thu năm giáp-tuất, tới tháng cuối mùa hạ năm ất-hợi thì hoàn-thành, mà không có hoàng-hiệu. Cứ 61 năm lại có một lần giáp-tuất, ất-hợi, vậy thì kể từ khi nước Nam lập-quốc tới giờ tính ra đã có tới hơn bảy mươi lần giáp-tuất ất-hợi rồi ; chỉ nói năm mà không nói năm ấy về vua nào, đời nào, thì cũng không thể nào mà biết đến ấy làm tự bao giờ được. Hai cụ Đốc nói rằng đến này làm tự đời Tây-sơn 西山, vì khi

ấy vua Lê黎 vừa mất nước, vua Tây-sơn tuy lên làm vua mà còn có vua Cao-hoàng 高皇 xưng nghĩa, thiên-hạ chưa biết về tay ai. Lúc bấy giờ đề niên-hiệu vua Lê chẳng, thì sợ vua Tây-sơn làm tội, mà đề niên-hiệu vua Tây-sơn chẳng, bình-thành công-đức bấy lâu, ai ai cũng đội trên đầu xiết bao, vua Lê tuy mất nước mà ân-trạch hãy còn, dân chưa nỡ vội quên chúa cũ, cho nên mấy cái đền chùa làm vào hồi ấy thì toàn là không có hoàng-hiệu cả. Lời nói ấy cũng có lẽ.

Xem đền xong có chụp hai bức ảnh để làm kỷ-niệm.

Ở đền ra lại đi theo đường đê mà đi xem cái lũy đất ở làng Nhân-hậu 仁厚 (làng này cũng gọi là làng Thịnh-lạc 盛樂). Từ đường cái đi vào độ hai trăm thước tây thì tới lũy, lũy này bốn bề đều bằng đất, bây giờ còn cao độ một thước tây, điện-tích được chừng vào mười mẫu. Ở bên lũy có một cái hồ sen rộng chừng mười mẫu.

Theo tục truyền thì lũy này là tướng nhà Minh xây ra để diêm-quân, hễ quân vào đứng chặt trong lũy tức là được một vạn, cho nên gọi là lượng-quân-dấu. « 量軍斗 » (cái dấu để lượng-quân). Ở gần lũy có một cái giếng lớn, tương-truyền là của tướng Minh đào ra để cho quân ăn nước.

Quan-sát xong lại chụp mấy bức ảnh rồi mới đi xem cái lũy ở làng Long-môn 龍門. Từ Nhân-hậu tới Long-môn đường đi còn tới 4, 5 cây số, nhưng nhờ hôm ấy trời im mát, vả ai cũng đương sẵn lòng háng-hái đi xem một nơi cổ-tích tại vừa nghe mà mắt chưa trông thấy, cho nên đường tuy xa mà chân đi không biết mỏi.

Xuống tới chợ Huyện 縣 là tới lũy ngay. Lũy này cũng bằng đất, bề cao và bề rộng cũng tương-tự như cái

lũy ở Nhân-hậu, nhưng lũy này chỉ còn ba phía, còn một phía về phương nam thì đã nằm vào giữa đường đê rồi. Chỗ này có cái chợ gọi là chợ Huyện mà làng này cũng gọi là Nha-môn 衙門 (chỗ công-sở như phủ, huyện), cũng vì hai tên đó (chợ Huyện, Nha-môn) mà người ta đoán quyết rằng ngày xưa huyện-ly Nam-dân đóng ở đây. Còn cái lũy này chưa rõ là lũy đắp từ đời nào. Cho rằng lũy huyện ngày xưa thì cũng có lý, nhưng lại có tục truyền rằng lũy này gọi là « Lôi-vương-thành », thế thì Lôi-vương là ai, sinh về đời nào? Các sử sách tôi đã đọc không thấy nói tới lũy ấy, mà hai chữ « Lôi-vương » thiệt tới bây giờ tai mới nghe mà mắt chưa từng trông thấy thì không thể nào mà giải-quyết được. Chỉ có một lẽ là khu đất này tục gọi là xứ Chiêm-thành 占城 và tiếng « Lôi » lại là tiếng người Nam gọi người Chiêm-thành, thì dụ như người Chiêm-thành thì gọi là người Lôi, bia Chiêm-thành thì gọi là bia Lôi, vãn-vãn. Thế thì có lẽ lũy này là của người Chiêm-thành xây ra.

Sự-tích hai cái lũy này cũng đương toàn là theo khẩu-truyền, ức-đạc, chứ chưa có gì làm bằng-cứ. Dấu xưa còn đó y-nguyên, chẳng hay việc cũ lưu-truyền thế nao? Lũy này ai đắp mà cao, giếng kia khi trước ai đào mà sâu? Điều đó xin để đợi các bậc tài cao học rộng.

Ở lũy này quan Đốc cũng có bảo chụp mấy bức ảnh rồi mới trở về. Khi ra về đồng-hồ đã mười giờ rưỡi. Về qua đền Nhân-tháp có rẽ vào xem, để tìm di-tích cái tháp ngày xưa. Nguyên đã mấy mươi năm về trước, khi làng làm đền, đào ở trên cái núi đất ở đó ra, thấy có gạch nhiều lắm, thử gạch ấy phần nhiều có trọng-phật lại có mấy viên có khắc mấy chữ: « Trinh-quân lục-niên 貞觀六年 », nghĩa là năm

thứ sáu hiệu Trinh-quân (niên-hiệu vua Thái-tôn 太宗 nhà Đường). Theo tục truyền thì chỗ có gạch đỏ tức là cái nền tháp của ông Cao-Biên 高駢 xây ra ngày xưa. Tiếc thay khi vào tới đó thì thứ gạch có chữ có tượng không thấy miếng nào nữa. Vì năm xưa có ông quan Lục-lộ tới đó có bao nhiêu mua hết cả rồi. Còn lỗ ngày xưa đào ra để lấy gạch thì bây giờ lâu năm đất ở trên trời xuống mãi đã lấp gần bằng đi rồi, không thể đào lên mà tìm những viên gạch còn sót ở dưới ấy được nữa. Sau phải đi vào trong làng hỏi dò mãi mới mua được một miếng gạch nữa. Nửa viên này có một cái tượng nguyên và một cái thì chỉ còn một nửa. Lấy miếng gạch nửa này mà xem thì biết những viên gạch nguyên kia mỗi viên có ba tượng. Nhưng trong viên gạch này không chữ gì cả. Quan Đốc có hứa với người sở-tại rằng hễ ai kiếm được một viên gạch có chữ thì ngài sẽ mua cho một giá rất cao.

Mặt trời đã xế mà dậm về còn xa, nên chỉ mua được viên gạch rồi thì lại trở ra về ngay.

Một giờ chiều thì về tới làng Xuân hồ 春湖. Làng này về đời Lê-triều 黎朝 gọi là Non-hồ 蠡湖, sang Nguyễn-triều 阮朝 gọi là Nội-hồ 嫩湖 tới đời Tự-dức 嗣德 gọi là Minh-hồ 銘湖, sau vì ngộ húc lại đổi làm Xuân-hồ 春湖. Bước chân vào làng thì biết ngay rằng làng này là một làng trù-mật, phú thịnh, địa-phận làng thì rộng, dân-cư đông-đúc, nhà cửa lịch-sự mà nhà ngói cũng nhiều. Đi vào trong làng này thấy một dãy ao liền-lũ chạy dài ở trước làng như một cái sông con, thì ai cũng phải lấy làm lạ. Có lẽ ngày xưa là một cái hào, về sau người ta mới chia nhau mà ngăn ra để thả cá, thì phải. Làng này lại là một làng văn-hiến nhất trong tỉnh ;

bây giờ hiện còn hai tiến-sĩ 進士, ba phó-bảng 副榜, mười cử-nhân 舉人 và vài mươi tú-tài ; hưu-quan có mà người đương làm quan làm việc cũng nhiều.

Khi quan Đốc vào tới cửa cụ đốc Nguyễn Thiệu thì trong nhà có ra đốt pháo mừng.

Quan Đốc là người Tây mà về chơi ở chốn hương-thôn, là một sự ít có, huống gì cái cách ngôn-ngữ cử-chỉ của ngài đối với người ta lại có bội-phần mật thiết, thật là cái thái-độ của ngài làm tan được cái lòng sợ hãi của bọn nhi-đồng phụ-nữ ở chốn hương-thôn vậy. Thế thì nào trẻ, nào già, nào trai, nào gái, rủ nhau từng đoàn từng lũ tới trước cửa đứng chập vòng trong vòng ngoài mà xem, nghe câu chuyện đó là một sự tất-nhiên, không cần phải nói.

Quan Đốc và các học-sinh vào chơi, cụ ông và cụ bà đều tỏ ý hoan-nghinh, thế thì khoản-di tất-nhiên là hậu-ti th, xem cách nghinh-tiếp từ dần tiên cũng là đủ biết. Vả nhà này cũng là một nhà phú-quí phong-luú trong miền ấy, thế thì các thực-phẩm tất-nhiên là khéo, là ngon, điều đó cũng không cần phải nói.

Bữa cơm này là một cuộc hội-đồng có cả người Pháp, người Nam, phường tân phường cựu, thôi thì hết câu chuyện học-hành ngày nay, lại tới câu chuyện ngày xưa, hết câu chuyện phong-tục bên Âu lại tới câu chuyện phong-tục bên Á, hết câu chuyện mới lại tới câu chuyện cũ, lại nói tới chuyện mẩu bạc vĩ-nhân đã sản xuất ra ở xứ này về hồi nhà Lê, như ông Nguyễn Việt-Triệu 聶 曰驥 người làng Thanh-thủy và anh em ông Lê-Hân 黎 昕 người làng này, khi vua Lê mất nước đã mộ quân đánh Tây sơn mà giúp vua Lê rồi lại theo vua Chiêu-thống 昭 統 sang Tàu cùng nhau vạch huyết-lấn-thề, một lòng vì nước quên nhà,

liều thân vì chúa, tấm lòng trung-nghĩa còn truyền sử xanh. Trong cuộc nói chuyện này tuy không ngâm thơ đọc phú, bình-phẩm câu văn, mà chén rượu ngon pha lẫn với câu chuyện có thú-vị mặn-mà, thì cái vẻ vui-vầy này tưởng không bút nào tả xiết.

Ăn uống xong, quan Đốc lại mời cụ đốc Nguyễn Văn-Chấn và ông bà cụ đốc Nguyễn Thiệu ra chụp ảnh để lưu làm kỷ-niệm, rồi mới đưa học trò đi xem các thứ đá trên núi Anh ở cách đó độ một cây số, vì ở trên núi này có nhiều thứ đá trắng, có nhiều viên trong như ngọc kim-cương, để trước mắt mà xem thường có ngũ-sắc.

Khi đi tới chân núi thấy một cái am mới xây, ở kề bên cạnh lại có một cái nhà mát, hỏi ra mới biết là cái sinh-phần của cụ thân-sinh ông Trần Đình-Chu. Cụ có đậu tú-tài, có con là ông Trần Đình-Chu đậu tiến-sĩ làm quan tới Hồng-lô-tự khanh 鴻臚寺卿, cho nên cụ được sinh-phong là Hàn-lâm-viện-thị-độc 翰林院侍讀, cụ là một lão-quan, cho nên năm xưa gặp nhựt-tử-tuần-đại-khánh 四旬大慶, có được thưởng cái kim-khánh nhất-hạng.

Lên tới núi, quan Đốc tìm đá mà dạy cho học trò xong rồi thì lên đỉnh núi mà xem phong-cảnh.

Ai là khách thường hay trèo núi vượt non mà ngoạn-cảnh thì tưởng cũng đã biết cái thú đứng trên núi mà ngắm xuống mấy khóm dân-cư đông-đúc, mấy cánh đồng rộng-rãi ở chung quanh núi là ngoạn-mục biết chừng nào. Hưởng gì mấy làng ở chung quanh núi này (làng Xuân-hồ và làng Xuân-liêu 春柳) lại là làng trù-mật thứ nhất trong tỉnh, nhà cửa đẹp-đẽ, cây - cối xanh tươi, lại có một dãy ao liêu-lũ với nhau chạy vòng chung quanh, tựa hồ như một con bạch-xà đương lượn giữa khoảng không bên làng bên núi, thì cái vẻ hữu-tình này lại khiến khách

du-quan xem phong-cảnh đi về không muốn chán.

Ở chung quanh núi Anh còn có bốn viên núi nữa như núi Thận 腎, núi Nhuê 銳, núi Tân 傘, núi Châu 殊, núi tuy không lớn không cao, mà vị-tri cũng khéo, và theo địa-lý thì núi Nhuê là thuộc kim 金, núi Anh thuộc mộc 木, núi Thận thuộc thủy 水, núi Tân thuộc hỏa 火, mà núi Châu thì thuộc mộc 木, cho nên mấy cái núi này cũng có thể gọi là Ngũ-Hành sơn 五行山 được.

Trông về phía bắc thì thấy một cánh đồng mông-mênh ước chừng muôn mẫu, lúa tốt xanh um, hỏi ra mới biết đó là bầu Nón mà tên chữ là Nộn-hồ 嫩湖. Nghe tới hai tiếng « Bầu Nón », « Nộn-hồ », thì sực nhớ lại về thủy nào hồ này còn sâu như biển, bốn mùa mặt hồ trắng xóa như gương; về tiết thu đông mưa gió, tuy không mấy năm bị ngập lụt tai-hại lắm, nhưng các dân-xã ở chung quanh thường thường phải nằm trong cái cảnh « âm-âm tiếng sóng kêu quanh chỗ ngồi ». May thay nhờ có ông Nguyễn Văn-Mệnh người xã Diên-lâm 延攬 (ở gần đó) làm quan đời vua Thần-tôn 神尊 nhà Lê, đào kênh cho nước hồ chảy xuống kênh Đước, từ đó nước có chỗ chảy tháo bớt đi, rồi hồ một ngày một cạn, ngày xưa đáy hồ là nơi xào-huyết của loài giảo-long, mà bây giờ lại thành ruộng lúa, nuôi được biết bao nhiêu dân-chúng ở chung quanh hồ; nghe tới tên hồ thì nhớ tới tên ngài, trông thấy lúa hồ thì nhớ tới công-dức ngài, hồ càng ngày càng cạn, thì đức-trạch ngài lại rười ra cang khắp, thấm vào càng sâu. Như ngài thiết là « trên vì nước dưới vì dân, âm - công nhắc một đồng cân đã già » vậy. Ăn quả nhớ kẻ trồng cây, lẽ ra thì dân Hồ, Liễu phải có đền-dài nguy-nga, hương-hoa bát-ngát mà sùng-bái ngài, kỷ-niệm ngài mới phải. Làng Đức - nằm đông là làng ngài ở có lập

đền thờ ngài, nhưng đó là dân làng thờ thần làng, chứ xét ra thì dân Hồ, Liễu đối với ngài lại ra lòng hồ-hững, đáng phân-nản thay !

Đứng trên núi Anh mà trông qua hồ, thì thấy một dãy núi ngút-ngút bên kia, tuy đã quá chiều mà trên đỉnh núi hãy còn khói xây mây phủ, đó tức là dãy núi Đại-huệ 大惠, là một dãy núi danh-sơn thứ nhất ở hạt Nam-dân vậy. Ở trên đỉnh núi cao nhất ở trên dãy núi này có một cái động gọi là động Thăng - thiên 升天 (lên trời), trong động có một cái chùa gọi là chùa Đại-tuệ 大慧, bên chùa có một cái giếng đá, nước trong mà ngọt, phong-cảnh rất là hữu-tình. Vì ở núi Anh sang tới núi Đại-huệ đường đi còn hơi xa và động ở trên đỉnh núi cao lắm, mà mặt trời đã chiều rồi không thể lên mà xem được, tiếc thay !

Đứng trên núi này mà ngắm phong-cảnh thiệt là vui thú, nhưng ngặt vì một nỗi: ngày vui vẫn chẳng tay gang, trông ra ác đã ngậm gương non đoài ! Vả hôm ấy còn định đi xem miếu vua Mai-hắc-đế 枚黑帝 nữa, nên chi khi đứng trên núi chụp ảnh sơn-thủy ở chỗ ấy xong rồi, thì thầy trò lại cùng nhau giã non giã cảnh đều cùng bước xuôi. Nhưng bước đi một bước một dừng, như hình bỏ đi không dứt, thiệt là : lên non ngắm cảnh mà mê, dốn ngồi chẳng tiện, dứt về chẵn khôn vậy.

Xướng tới chân núi thì gặp cụ Bô hưu Nguyễn Tất-Đệ ở làng Xuân-liêu đã chực sẵn ở đó để mời quan Đốc vào nhà xơi nước, cho nên quan Đốc qua chơi nhà Cụ Bô, còn học trò thì lại ra chợ Tro lên xe ô-tô đi xem miếu vua Mai-Hắc-đế.

Miếu ở xã Diên-lãm 延覽, ở phía tây cách huyện-lỵ huyện Nam-dân độ nửa cây số. Miếu-vũ cũng nguy-nga lắm. Thường năm có quan tỉnh lên tế.

Nguyên vua Hắc-đế họ là Mai 枚, tên là Thúc-Loan 叔鸞, người huyện Thiên-lộc 天祿, tức là Can-lộc, tỉnh Hà-tĩnh bây giờ, thấy quan Tàu bao-ngược, dân gian khô-sở, thì khởi quân đánh nhà Đường, giữ lấy châu Hoan, đề mưu cuộc độc-lập, rồi tự xưng hoàng-đế, lại vì sắc da đen sì, cho nên tục gọi là Hắc-đế (Vua Đen), đến khi thế yếu chống không nổi quân Tàu, thì lui về đóng ở núi Hùng-sơn 雄山 (tục gọi là Rú Đụn), xây thành Vạn-an 萬安 làm chước cố-thủ, chẳng may được ít lâu thì bị bệnh rồi mất, bây giờ làng ngài còn ở đó (ở trên núi Hùng-sơn về phía tây-bắc miếu) mà di-tích cái thành ấy cũng đương còn. Sự-tích của Ngài đại-lược là thế, chắc ai cũng đã rõ, không cần phải thuật lại kỹ-càng làm gì, chỉ có hai điều này là ta nên chú-y :

1<sup>o</sup> Sách nhà Đường chép rằng : « Năm nhâm-tuất 壬戌 (722) là năm thứ mười hiệu Khai-nguyên 開元 của Huyền-tôn nhà Đường, ông Mai Thúc-Loan cất quân ba mươi hai châu đề chống lại với nhà Đường, ... » điều đó thì tôi thiết-tưởng là sai. Sao vậy ? Nhà Đường lấy nước Nam rồi đặt ra là phủ Đô-hộ thống-trị mười hai châu; vậy thì khi ấy nước Nam chỉ là mười hai châu, nếu ông Mai Thúc-Loan xưng-nghĩa mà cả nước đều theo đi nữa, thì cũng chỉ có mười hai châu mà thôi, có đâu mà cất được quân những 32 châu.

2<sup>o</sup> Về việc vua Hắc-đế thì sử cũng cho là một cuộc binh-cách tầm-thường mà thậm-chi có nhà lại coi như là một đám giặc cỏ ; nhưng cứ như thiên-kiến chúng tôi thì ngài cũng là một bậc anh-hùng, cũng đã làm cho lở đất long trời một hội. Nếu quả Ngài là một tay tầm-thường, quân-thế cũng chưa lấy gì làm lừng-lẫy, thì sao Quang-Sở-Khách 光楚客 làm Đô-hộ là binh-quyền cả nước ở trong tay cả, mà chống không nổi, lại phải cầu-cứ về bên Tàu, để vua Đường phải sai tới

một bậc trọng-thần là Dương Tư-Húc 楊思勳 đem quân sang hội-dồng mà đánh. Suy thế thì đủ biết ông Mai Thúc-Loan khi ấy tuy chưa cùng nhà Đường mà gồm hai văn-võ, vạch đôi sơn-hà, nhưng thanh-thế cũng đã chấn-động đến bắc-phương, cũng đã làm cho vua tôi nhà Đường phải một phen lo-lắng, như nhà Hán 漢 đối với Trưng-vương 徵王, nhà Lương 梁 đối với Lý Nam-Đế 李南帝 vậy.

Còn như trong sách nhà Đường chép rằng quân Mai Thúc-Loan hiệu là ba mươi vạn, mà các sử-thần cũng đều lấy làm nghi, thì điều đó cũng không cần phải biện. Quân ít mà hô ra cho nhiều để cho tráng thanh-thế, cũng là thói thường của các nhà dùng binh. Và

Quang-Sở-Khách đánh không nổi mà phải về xin viện-binh thì thế-tất trong thư cáo-cấp cũng phải phô-trưng thanh-thế của kẻ thù của mình ra, để mà che lỗi, đó cũng là thói thường của phùng ăn hại ở các nơi biên-viên lừa vua dối nước vậy.

Xem miêu xong thì đồng-hồ đã gần sáu giờ chiều. Chúng tôi lên xe ra về, về tới Vinh thì đã tới sáu giờ rưỡi. Kê; ra thì hôm ấy đi chơi cũng được nhiều chỗ mà học trò đi bộ cũng nhiều, nhưng nhờ trời im mát cả ngày, cho nên khi về ai cũng ngó bộ còn khỏe mà ra ý vui-vẻ lắm.

(Còn nữa)

NGUYỄN ĐỨC-TÁNH

## KHẢO VỀ SÁCH XUÂN-THU TẢ-TRUYỆN

### VIII

#### 30. K— Tấn-hầu lấn nước Tào và đánh nước Vệ.

T. — Năm Hi - công thứ 28, mùa xuân, Tấn-hầu sắp-sửa đánh Tào, xin đi nhờ đường qua Vệ, người Vệ không nghe. Tấn bèn đem quân đi về phía nam sông Hà mà sang lấn vào Tào, rồi đánh Vệ, lấy được đất Ngũ-lộc.

Tấn-hầu với Tề-hầu hội-minh ở Liêm-vũ là đất Vệ. Vệ-hầu xin đến dự minh, Tấn-hầu không cho, vì vậy Vệ-hầu muốn theo về Sở. Người Vệ không thuận bèn đuổi vua Vệ đi để cho được lòng người Tấn.

Vệ-hầu phải ra ở đất Trương-ngưu cõi nước Vệ

Đồ-nam tử cần án: Người Vệ biết Tấn là một nước quật-cường, trước

đã mượn đường của Ngưu rồi diệt nước Ngưu, nên không cho Tấn mượn đường là phải, chỉ vì vua Vệ ngu hèn không biết tự-cường mà đốc-suất cho dân hăng-hái lên để chống giữ lấy nước nhà. Nay quân giặc đồng-minh của hai cường-quốc Tề Tấn đã chiếm-cứ vào nội-địa, cái cơ nước-nhà còn mất nguy ngập là dường nào, vua Vệ xin hòa không được bèn định cầu-viện nước Sở. Nhưng người Vệ nghĩ rằng nếu mình không đủ sức tự-cường tự-vệ mà đem tính mệnh nước nhà đi nhờ vào tay người cứu giúp, vì quả giúp được thì ai có giúp không, há biết đầu Sở lại không là Tấn thứ hai, tiền-môn cự hồ, hậu-hộ tiến lang, chả lại càng tệ hơn đư. Và Sở là nước di-dịch, bở Trung-quốc theo di-dịch, tức là phạm vào

công-phần, thêm khiến cho bên nghịch mượn cơ mà kéo đảng để hành-hạ mình. Vì vậy người Vệ khử vua đi, để cho ngoài thì Tấn khỏi mượn điều, mà trong thì tình việc chống giữ lấy nước nhà không bị một kẻ chủ-quyền gần dễ làm chướng ngại, dân Vệ thực là một dân trí dũng, bởi đã từng trải qua cái cầu vong-quốc mới để-tạo lại mà xui nên.

Coi đó thì biết từ đời Xuân-thu, cái thuyết « Dân là quý, rồi mới đến quốc-gia, vua là thường » tức là thuyết « dân quyền » đời nay đã thịnh-hành lắm rồi, mà tất là thời-dại nào về cái thể liệt-quốc cạnh-tranh, người ta vì kế sinh-tồn của đoàn-thể phải lấy dân lấy nước làm trọng, thì thuyết ấy mới phát-đạt ra được.

— Tấn-hầu vây Tào, những quân Tấn vào đánh cửa thành bị chết nhiều lắm, người Tào đem những tử-thi quân Tấn để đứng bêu lên mặt thành, người Tấn lo sợ lắm, Tấn-hầu dùng cái mưu của chúng-nhân bàn bên cho quân ra hạ trại ở những chỗ phần mộ của Tào dọa sẽ đào mả. Người Tào sợ hãi vội vàng đem những tử-thi quân Tấn cho vào áo-quan mà bỏ ra ngoài thành, người Tấn thừa cơ đánh vào.

Quân Tấn vào thành Tào kể các tội vua Tào không dùng Hi Phụ-Cơ mà cho đến 300 người đi xe hiên-xa (làm quan Đại-phu) thì những người ấy có công-trạng gì. Lại hạ lệnh quân-sĩ không được vào nhà Hi Phi-Cơ và tha tội cho cả họ người ấy, đó là báo cái ơn ngày trước.

— Người Tống sai Mân Doãn-Ban sang chỗ quân Tấn cáo-cấp vì bị Sở vây. Tấn-hầu bàn rằng : « Người Tống sang cáo-cấp mà ta bỏ họ thì tuyệt-giao. Ta cho bảo Sở thì nó tất không thôi nào, mà đánh với Sở thì lẽ, Tần họ chưa chịu giúp ta, làm thế nào. »

Tiền-Trần thưa : « Xui cho người Tống bỏ ta mà đất lễ cho Tần, lẽ và nhờ hai nước xin với Sở cho, đảng này thì ta bắt lấy vua Tào mà phân cái ruộng của Tào, Vệ ra cho người Tống. Sở tiếc cái ruộng của Tào Vệ tất không nghe Tần, Tần. Lẽ, Tần tham của lợi mà gian Sở ngang bướng thì thế nào mà không tự ra giao-chiến được. »

Tấn-hầu bằng lòng, bèn bắt Tào-bà mà chia ruộng của Tào Vệ ra cho người Tống.

**31.K. — Tấn-hầu với quân Tề, quân Tống, quân Tần đánh nhau với quân Sở ở Thành-bộc (đất Vệ). Quân Sở thua.**

T—Sở-tử vào đóng ở nước Thân sai Thân - thúc bỏ không đóng ở ấp Cốc, Tử-Ngọc bỏ không vây ở nước Tống nữa, mà nói rằng : « Chờ giao chiến với quân Tấn, Tấn-hầu đi ra ngoại-quốc 19 năm trời mà quả nhiên lại về làm vua Tấn, bao nhiêu những cái hiềm-trở gian-nan ông ấy đã trải qua cả, bao nhiêu những sự ngay gian của dân, đã hiểu hết cả rồi. Trời để cho ông ấy sống mà trừ cái tai hại của mình, trời đã đặt lên, ai còn bỏ đi được, sách binh-thư nói rằng : « Hễ được vừa phải thời đem quân về », và nói : « Đã biết khó thì nên lui quân », lại nói : « Không nên địch với kẻ có đức, » ấy ba điều ấy hợp với cách đối với Tấn đó. »

Tử - Ngoc sai Bá - Phan đến xin Sở-tử cho ra chiến nói rằng : « Tôi không phải là dám chắc rằng chiến là lập được công trạng đâu, chỉ xin cho ra chiến để lấp cái miệng kẻ gièm-pha tôi trước ». Vua Sở giận chỉ cấp cho một số ít quân.

Tử-Ngoc sai Uyển-Xuân đến cáo với quân Tấn rằng : « Xin Tấn đưa Vệ-hầu về nước và lập lại cho nước Tào thì

tôi cũng giải vây cho nước Tống.» Tử-Phạm nói : « Tử-Ngọc vô lễ quá, y xin thế thì ra vua ta lợi được một điều mà y lợi được những hai điều, đã vậy thì không nên để lỡ cơ-hội. » Tiễn-Trần bàn rằng : « Ông cứ ưng đi, xếp yên cho nước người ta là việc hợp lẽ. Sở họ nói một lời mà xếp yên được ba nước, ta nói một lời mà làm cho ba nước mất đi, thế là ta vô-lễ, còn lấy gì mà chiến-thắng được người. Không nghe lời Sở, thế là ta bỏ Tống, đã cứu mà lại bỏ thì đối với chư-hầu thế nào. Sở được ba nước ơn, ta bị ba nước oán, đã nhiều oán thòi còn thắng sao được, bắt nhược ta tư-hứa cho Tào Vệ khôi-phục để cho hai nước li-gián với Sở, và bắt Uyển-Xuân cho Sở tức, giao-chiến với Sở rồi sẽ liệu. »

Tấn-hầu bằng lòng chước ấy bèn bắt Uyển-Xuân đem giam ở Vệ và tư hứa khôi-phục lại cho Tào với Vệ. Tào, Vệ trả lời tuyệt với Sở. Tử-Ngọc giận lắm đuổi quân Tấn, quân Tấn lui, binh sĩ Tấn hỏi rằng : « Sao vua ta lại chịu lãnh một kẻ bày tội Sở, và quân Sở suy-lão lắm, sao ta lại phải lui quân ? » Tử-Phạm nói : « Phàm dụng binh, lẽ thắng thì binh cường-tráng, lẽ vẹo thì binh suy-lão, chứ có phải lâu ngày thì là binh suy-lão đâu. Nếu không nhờ có ơn Sở thì vua ta đâu được thế này, ta lui ba xá để tránh quân Sở là để báo ơn Sở đó, chứ ta quên ơn và ăn lời để chống cự lại kẻ thù-nghịch thì là lẽ của ta vẹo mà lẽ của Sở thẳng, lẽ Sở thẳng thì quân Sở ốm đầy bụng nghĩa-khi, sao gọi là suy-lão được. Ta đem quân lui, mà Sở rút quân về thì thôi, chứ ta còn cần gì nữa, vì bằng Sở không rút quân về thì vua ta lui mà bày tội chúng ta ra mặt đánh là lỗi tại họ đó. »

Quân Tấn lui ba xá, người Sở muốn thôi không đánh nữa. Tử-Ngọc không

nghe. Tấn-hầu, Tống-công, Tề Quốc Qui-Phủ, Tần Tiễn-tử Ngân cùng đến đóng quân-thứ ở Thành-bộc.

Quân Sở quay lưng về đồi núi mà đóng trại. Tấn-hầu lấy làm lo. Nhân nghe chúng-nhân hát có câu rằng : « Cảnh đồng cao, cỏ mọc đầy, cũ kia nên bỏ mới này phải chăm. » Tấn-hầu lấy làm ngờ. Tử-Phạm nói : « Nghĩ câu ấy là nên chiến đó, chiến mà được thì làm bá-chủ Chư-hầu, nếu không được thì nước ta có núi sông ngăn-trở, tất chẳng hại gì. » Tấn-hầu nói : « Còn cái ơn của Sở thì sao ? » Loan Trinh-tử thưa : « Bao nhiêu nước họ Cơ ta ở vùng Hán-dương đều bị Sở diệt hết, nhớ cái ơn nhỏ mà quên cái sỉ lớn thì không bằng chiến là hơn. »

Tấn-hầu năm chiêm bao thấy mình vật nhau với Sở-tử bị Sở-tử đè lên trên mà quặp vào sau gáy mình, vì thế Tấn-hầu sợ. Tử-Phạm nói : « Đó là điềm tốt ta được về phần trời, Sở phải phục tội mà ta lại hòa-nhu để đãi cho »

Tử-Ngọc cho Đẩu-Bột đến thỉnh chiến mà nói với Tấn-hầu rằng : « Xin cho chúng tôi nô nhau với sỉ-tốt của ngài một trận, ngài ngồi tựa vào trục xe mà xem, Đắc-Thần (tên Tử-Ngọc) tôi cũng được ngó coi một thể. » Tấn-hầu sai Loan-Chi trả lời rằng : « Quả-quần tôi xin vàng, cũng vì cái ơn của vua Sở chưa dám quên mà còn dùng-dặng ở đây để lãnh ông, chứ có dám dời-dịch với vua Sở đâu, nay Sở đã không có lệnh rút quân, vậy nhờ ông về nói với các quan lớn cho rằng các ngài nên kinh-cần việc quân-quốc, chỉnh-dốn xa-thặng binh-sĩ, để sáng mai thì ta hội-kiến nhau. »

Quân Tấn 700 cỗ binh-xa, bành yên tề-chỉnh. Tấn-hầu đứng lên gò cao dầy Hữu - sẵn để quan - chiến nói rằng : « Quân ta lớn bé có kỷ luật thế kia là có thể chiến được. » Bèn sai chặt cây

để làm thêm binh-khí. Bên Sở thì Tử-Ngọc làm tướng đạo Trung-quân có sáu đội binh của Nhục-Ngao là tổ nước Sở để lại. Tử-Ngọc nói: « Hôm nay không còn có Tấn nữa. » Bên Tấn thì Tư Thần lấy da hổ khoác vào cho ngựa mà đánh vào đạo Hữu-quân Sở, Hữu quân Sở thua. Hồ-Mao sai vác hai lá cờ lớn chạy lùi, Loan-Chi sai buộc cành khô vào sau xe để kéo cho bụi bay lên làm giả cách chạy trốn, quân Sở ò đuôi. Hồ-Mao, Hồ-Yên đem đạo Thượng-quân đánh vào mặt trận đạo Tả-quân của Tử-Tây Sở. Tả-quân Sở vỡ, quân Sở đại-bại, chỉ còn đạo quân Tử-Ngọc y vọng thu quân lại thì được thoát. Tử-Ngọc về đến Liên-cốc thì chết. Quân Tấn đóng lại ăn dùng lương-thảo của Sở ba ngày mới về.

**32. K.** — Công đến hội với Tấn-hầu, Tề-hầu, Tống-công, Sái-hầu, Trịnh-bá, Vệ-tử và Cử-tử để đồng minh ở đất Tiên-thổ (Đất Trịnh).

T—Tấn-hầu về đến Hành-Cung dựng vương-cung ở Tiên-thổ mời Vương ra rồi đem tù Sở vào dâng Vương, (Châu Tương-vương). Vương sai sách mệnh cho Tấn-hầu làm tước Hầu-Bá, ban cho một cái xe đại-lộ (xe di tế) và đồ phục-sức về lối ngồi xe ấy, một cái xe nhung-lộ (xe di trận) và đồ phục-sức về lối ngồi xe ấy; một cái cung đỏ và trăm cái tên đỏ, một cái cung đen và nghìn cái tên, một chén gạo nếp đen. 300 người lính hồ-bôn Lợi sách mệnh có nói rằng: « Vương truyền cho Thúc-phụ phải kính theo vương-mệnh, dẹp yên các nước bốn phương mà lánh xa những sự ác hại cho vương ». Tấn-hầu xin từ ba lần rồi mới phụng-mệnh mà rằng: Trưng-Nhĩ tôi hai tay đập đầu dám xin vâng lời làm cho tuyên-dương cái mệnh lệnh lớn-Iao hoán-mĩ của Thiên-tử ra.»

Vệ-hầu nghe thấy quân Sở thua, sợ bên xuất-bôn sang Sở rồi sang Trần. Sai Nguyên-Huyền lập Thúc-Vũ (em Vệ-hầu) lên quyền để đến hội mình với Chư-hầu. Tháng năm năm Hi-công 28, Vương-tử Hồ hội Chư-hầu đồng-minh ở vương-dinh đất Tiên-thổ, lời minh-thư có nói rằng: « Phải cùng giúp dập nhà vương mà chớ làm hại lẫn nhau, ai bội lời thề này, thần-minh cho diệt, khiến cho phải bại quân và không được nổi ngôi nước, đến mãi cháu chắt không cứ trẻ già, cứ phải chịu cái vạ ấy »

— Tháng sáu người Tấn cho Vệ-hầu lại về Vệ. Ninh-Vũ tử minh-thệ với người Vệ ở Uyển-bộc rằng: « Trời hại nước Vệ ta, vua tôi lại bất-hòa với nhau mà đến cái nỗi ru-hoạn này, nay trời thương lại run rủi cho ai nấy đều chịu nhún mà theo nhau, không có người ở lại thì lấy ai giữ-gìn xã-tắc, không có người theo đi thì lấy ai giữ-gìn ngựa xe cho vua. Những điều bất-hòa kia, nay xin giải tỏ cùng đức tôn thần mà minh-thệ cùng ngài, xin ngài run-rủi cho mọi người đều giữ được lòng thiên-lý, từ nay trở đi, đã minh-thệ với nhau rồi, kể theo vua đi chớ nên tiếc sức, kể ở lại nhà đừng có sợ tội. Ai bội lời thề này mà hại nhau thì xin thần-minh cùng linh-sảng các tiên-quan soi xét mà chu-diệt người ấy. »

Người Vệ nghe thấy lời thề ấy thì không ngờ nữa. Vệ-hầu về trước kỳ đã hẹn. Thúc-Vũ đang gội đầu, nghe tin vua về, mừng lắm, quần tóc chạy ra đón, bị tên tiên-khu bắn chết, Vệ-hầu biết là Thúc-Vũ vô-tội, nắm gói đầu lên đầu Thúc-Vũ mà khóc rồi sai giết tên tiên-khu. Nguyên-Huyền xuất-bôn sang Tấn.

**33. K** — Người Tấn bắt Vệ-hầu đưa về kinh-sư (nhà Châu).

T. — Vệ-hầu với Nguyên-Huyền kiện nhau. Trâm Trang-tử đứng hầu

kiện thay cho Vệ-hầu ; Ninh Vũ--tử thì phụ-tá, Sĩ-Vinh thì làm Đại-sĩ giúp vào.

Vệ-hầu thua kiện, Sĩ-Vinh bị giết, Trâm Trang-tử phải cắt gót, Ninh Vũ-tử thì có tiếng là trung được tha, còn Vệ-hầu bị bắt giải về kinh-sư giam vào nhà kín. Ninh Vũ-tử thân hầu hạ việc cơm áo.

Nguyễn Huyền lại về Vệ, lập công-tử Hà lên, Tấn-hầu sai thầy thuốc bỏ thuốc độc cho Vệ-hầu. Ninh Vũ-tử dứt lẽ cho thầy thuốc pha bớt chất độc đi. Vệ-hầu không chết. Vua ta đem ngọc lễ vương với Tấn-hầu mỗi người mười đôi để xin cho Vệ-hầu. Vương tha Vệ-hầu.

Mùa thu năm Hi-công 30. Vệ-hầu sai người dứt tiền cho Châu-Chuyên. Dã-Cận (hai đại-phu Vệ) mà rằng : « Hễ các ông nạp được cho ta về thì ta cho các ông làm quan Khanh. » Châu-Chuyên, Dã-Cận bèn giết Nguyễn Huyền và công-tử Hà, Vệ-hầu lại về Vệ.

**34. K. — Tào bá Tương lại về Tào.**

T — Tấn-hầu có bệnh, tên lính hầu của Tào-bá là Hầu Nhu dứt lẽ cho quan thầy bói của Tấn-hầu mà nhờ thầy bói lấy việc khôi-phục cho Tào để giải thuyết. Quan thầy bói nói với Tấn-hầu rằng : « Tề Hoàn-công lập hội để dựng lại cho nước khác họ, nay ngài lập hội mà diệt nước cùng họ đi. Ông Chấn-đặc tổ nước Tào là hàng chiến của vua Văn-vương. Đức tiên-quân Đường-thức ta là hàng mục của vua Vũ - vương, nay hợp Chư - hầu mà diệt nước của anh em đi là sự trái lẽ. Ngài đã hứa sẽ khôi-phục cho Tào với Vệ, nay Vệ đã khôi-phục rồi mà Tào chưa thể là vô-tín, hai nước cùng một tội mà phạt mỗi nước một khác, thế là trái luật. Lẽ để thi-hành việc nghĩa, tin để giữ lấy lẽ, luật để trừng kẻ gian, xã ba điều đó thì ngài làm thế nào. » Tấn-hầu bằng lòng cho Tào-bá về Tào.

**35. K. — Người Tấn người Tần vây nước Trịnh.**

T — Tháng chín năm Hi-công 30, Tấn-hầu, Tần-bá vây nước Trịnh vì Trịnh vô-lễ với Tấn và nhị-tám với Sở. Dật-Chi-Hồ nói với Trịnh-bá rằng : « Nước nguy mất, nếu ngài cho Trúc Chi-Vũ sang yết-kiến vua Tần thì Tần tắt lui binh ». Trịnh-bá theo lời.

Trúc Chi-Vũ xin từ nói rằng : « Lúc thân trai trẻ còn chẳng bằng ai, nay đã già rồi, không làm gì được nữa. » Trịnh - bá nói : « Ta không biết dùng nhà người sớm, nay có việc khẩn cấp mới cầu đến nhà người là lỗi của ta đó, nhưng Trịnh mà mất thì nhà người cũng có chỗ bất-lợi. » Trúc Chi-Vũ nhận lời, đem ấy giòng dây cho Trúc Chi-Vũ ra ngoài thành. Y đến yết-kiến Tần-bá nói rằng : « Tần lần đến vây Trịnh. Trịnh biết nước mất rồi. Vì bằng Trịnh mất mà có ích cho Tần thì cũng bỏ vất-vả cho các quan Tần, nhưng ngài há không biết rằng từ Tần sang Trịnh phải đi qua Tấn, thì một cái thuộc-địa xa cách như thế cũng khó giữ được. Vây ngài cần gì mà làm mất Trịnh để bồi bổ cho nước láng-giềng. Nước láng-giềng rộng ra bao nhiêu là nước ngài rút đi bấy nhiêu đó.

Nếu ngài tha cho Trịnh để làm nước đồng-dạo chủ, thì những khi sứ-giả bèn ngài qua lại, Trịnh xin cung các vật nhu-giữ thì ngài cũng có lợi. Và ngài đã làm ơn cho vua Tấn nhiều đấy, họ hứa dâng cho ngài hai xứ Tiều, Hà, thế mà sang họ sang qua được sông Hà rồi thì chiều họ sửa thành-quách để chống-cự ngài ngay, ngài còn lạ gì. Nước Tấn kia còn biết thế nào là chán, mặt đông họ đã lấy được nước Trịnh, tất họ lại muốn mở sang mặt tây, nếu không diệt Tần thì còn diệt đâu được nữa, diệt Tần để lợi cho Tấn, ngài thử nghĩ coi ». Tần-bá bằng

tông, ăn thề với người Trịnh rồi cho Kỹ-tử, Phùng - Tôn và Dương - Tôn đóng lại giữ cho Trịnh mà đem quân về.

Tử - Phạm xin với Tấn - hầu đề đuổi đánh Tần - bá. Tấn - hầu nói : « Không nên, nếu không nhờ có sức người ta thì sao mình được thế này. Nhờ sức của người ta mà xử tệ lại thì là bất-nhân, làm người kết thân là bất-trí. đời cuộc nghiêm-chỉnh ra cuộc biến loạn là bất-vũ, ta trở về thôi. » Tấn hầu cũng bỏ Trịnh.

### 36. K. — Người Tần vào ấp Hoạt (đất Trịnh)

T — Kỹ-tử ở Trịnh cho người về cáo với Tần rằng : « Người Trịnh cho tôi giữ chìa khóa cửa bắc, nếu quân ta lảng-lặng kéo vào thì lấy được nước Trịnh » Tần Mục - công hỏi Triền-Thúc, Triền-Thúc thưa : « Tôi không thấy bao giờ người ta chịu nhọc quân đi tập-công một xứ xa, quân vừa nhọc, sức vừa kiệt mà người nước xa-xôi ấy tất cũng biết mà phòng bị thì làm thế nào. Quân ta làm gì mà Trịnh lại chả biết, vất-vả mà không được gì thì quân sinh chán, phương chi kéo nhau đi một nghìn dặm đường thì ai còn không hay. »

Tần Mục - công không nghe, cho triệu Mạnh-Minh, Tây-Khất và Bạch-Ất sai đem quân đi đánh Trịnh, vào đến ấp Hoạt, có người lái buôn nước Trịnh là Huyền-Cao đang đi sang buôn bán bên nước nhà Châu, đến đấy gặp quân Tần, Huyền-Cao đem bộ da thuộc và 12 con trâu để khao quân Tần mà rằng : « Quả-quân tôi nghe tin ông đem bộ-binh sang tề-ấp tôi, vậy xin đem lễ khao các quan-hầu. Vệ-ấp tuy nhỏ mọn, nhưng nhân có các quan đến đóng, các quan còn ở lại ngày nào thì xin cung đủ lương-thảo ngày ấy, mà chầy đêm nào thì xin sắp đủ binh-lính hộ-vệ đêm ấy. » Một mặt thì Huyền-Cao liền sai

người về cáo với Trịnh. Trịnh-bá cho ra thăm chỗ sứ-quân của Tần (Kỹ-Tử đóng) thì đã thấy họ thúc-trang và chỉnh đốn binh mã cả rồi. Trịnh-bá sai Hoàng Vũ-Tử ra từ chối bọn Kỹ-tử rằng : « Các ông nấn-ná ở bên này đã lâu rồi, gạo thịt của Trịnh cung-đón các ông cũng đã hết rồi, nhân nay thấy các ông sắp đi, vậy Trịnh có cái vườn Nguyễn-phổ cũng như cái vườn Cự-hựu của Tần mời các ông vào đấy mà bắt hươu nai làm đồ ăn đường, cho Trịnh tôi đỡ cung-đón vất-vả thì các ông nghĩ sao. » Kỹ-tử nghe nói bèn xuất-bôn sang Tề, Phùng-Tôn, Dương-Tôn thì xuất-bôn sang Tống.

Mạnh-Minh nói rằng : « Trịnh đã phòng-bị rồi, không chắc gì đâu, đánh thì không thắng được, mà vây thì không có binh kế tiếp, ta trở về thôi. » Bèn diệt ấp Hoạt mà kéo quân về.

### 37. K — Người Tấn với quân Khương-nhung đánh được quân Tần ở đất Hào

T—Quân Tần diệt ấp Hoạt rồi kéo về. Tấn Tiên-Trần nói rằng : « Vua Tần trái lời Triền-Thúc, vì tham mà làm vất-vả cho dân, thế là trời hậu-đãi ta đó, trời đãi không nên bỏ, giặc không nên tha, tha giặc thì sẽ tai hại, trái lòng trời thì bất-tường, phải đánh quân Tần mới được. » Loan-Chi nói : « Chừa trả ơn Tần mà đánh quân Tần thì đối với vua ta (Văn-công) mới chết ra thế nào. »

Tiên-Trần nói : « Tần không thương ta, đang khi ta tang-trở mà đánh nước đồng-tính của ta, thế là Tần vô-lẽ, còn kể ơn gì, tôi nghe có câu rằng : « Một ngày thả giặc chạy là để hại đến mấy đời, là vì ta lơ cho con cháu chứ có can gì đến vua mới chết. »

Tiên-Trần bèn hạ lệnh kíp lấy quân Khương-nhung, con Tấn Văn-công mảc

áo chẽ mùi thâm ra trận, đón đánh được quân Tần thua ở đất Hào, bắt được Mạnh-Minh, Tây Khất và Bạch-Át giải về. Bà Văn-Doanh (vợ Tấn Văn-công con gái Tần Mục-công) xin tha cho ba quan tướng Tần ấy mà rằng : « *Thực bởi ba thằng ấy chúng nó gây lên thù-oán cho hai vua của hai nước ta. Quả-quân bên tôi bây giờ mà vợ được chúng nó thì ăn hết thịt cũng không chán, nhà vua giết chúng nó làm gì cho bần, tha cho chúng nó về để người ta hành-hình chúng nó ở bên Tần cho thích chí quả-quân bên ấy thì có nên không ?* » Vua tự-quân Tấn vâng lời.

Tiên-Trần vào hầu hỏi đến bọn tù Tần, vua nói : « *Bà Phu-nhân xin, ta tha ra rồi.* » Tiên-Trần giận lắm nói : « *Kẻ vũ-phu hết sức mới bắt được chúng nó ở ngoài đồng mà người đàn bà háp-lấp tha cho chúng nó về nước, vua làm lộ cả thực-trạng nhà binh của mình, vừa gây thêm sự thù-nghịch với Tần, Tấn mất nước không lâu đâu.* » Tiên-Trần nói xong, nhờ một cái rồi đi ra không ngoảnh lại.

Vua Tấn sai Dương Sứ-Phủ đuổi theo bọn ba quan tướng Tần, đến bờ sông Hà thì ba người đã đứng ở trong thuyền. Dương Sứ-Phủ bèn cỡi một con ngựa đóng xe ra nói dối rằng vua Tấn sai đem tặng cho Mạnh-Minh. Mạnh-Minh dập đầu xuống thuyền nói rằng : « *Nhờ ơn vua ta không giết kẻ thù-thần này để lấy máu tôi trồng, mà cho về để chịu hành-hình ở bên Tần, về đây mà quả-quân tôi giết tôi đi thì dù chết cũng không quên ơn vua ta nếu nhờ ơn vua ta mà tôi được tha, thì ba năm sau nữa tôi xin sang báo-tạ ơn ngài.* »

Tần-bá mặc đồ tổ-phục ra đón từ ngoài cánh đồng. Ông ngoảnh mặt vào hàng quân, khóc mà nói : « *Cô này trái lời ông Trĩên-Thúc mà làm nhục cho các ông là tội của cô này, và không bỏ Mạnh-Minh đi là lỗi của cô này đó, chứ các ông tội lỗi gì đâu. Và cô này cũng*

*không lấy một điều lỗi nhỏ mà che cả điều đức lớn của các ông.* »

Ngày xưa Tấn Cửu-Quy đi sứ, qua ấp Kỳ thấy Khước-Khuyết đi bừa, người vợ đem cơm, hai vợ chồng kính-trọng nhau như đãi khách vậy. Cửu-Quy liền đưa Khước-Khuyết về Tấn mà nói với Văn-công rằng : « *Một sự kính là đủ mọi điều đức tốt, người này giữ được điều kính tât là người có đức, có đức thì trị được dân, xin ngài dùng lấy. Tôi nghe nói rằng : « Khi ra cổng như gặp người khách quý, khi làm việc như vào làm chủ tế ». đó là cái chuẩn-dịch của sự nhân-dec vậy* » Văn-công nói : « *Bố hửn có tội, có nên dùng không ?* » Cửu-Quy thưa : « *Vua Thuấn đối với việc trị tội thì giết ông Cồn, mà đối với việc cử-hiến thì nhắc ông Vũ lên Quân-Kính-Trọng là giặc của Tề Hoàn-công đó, thế mà làm tướng giúp nên cho Hoàn-công. Thiên Khang-cáo sách Châu-thư nói rằng : « Cha mà bất-từ con mà bất-hiểu, anh mà bất-hữu, em mà bất-cung, thì tội ai nấy chịu không có can-liên đến nhau ». Sách Châu-thư cũng nói : « Hái là rau phải rau phong, còn như rễ nó không dùng được đâu. » Vậy xin ngài dùng lấy là nó thì được. »* Tấn Văn-công cho Khước-Khuyết làm Hạ-quân Đại-phu

Đến trận đánh được rợ Địch ở đất Cơ trở về. Tấn Văn-công dùng lễ tái-mệnh lấy huyện Tiên-mao thưởng cho Cửu-Quy nói rằng : « *Cử được Khước-Khuyết là công của người đó* », lại dùng lễ nhất-mệnh mà cho Khước-Khuyết làm quan Khanh và phong cho ấp Kỳ.

#### VI — ĐỜI VUA VĂN-CÔNG

(làm vua 18 năm, năm đầu át-vị, Chầu Tương-vương thứ 26, Tây-lịch trước kỷ-nguyên 626)

#### 1. — K. — SỞ-THỂ-TỬ LÀ THƯƠNG-THẾ GIẾT VUA LÀ QUẢN

T — Trước kia lúc Sở-tử là Thành-vương muốn lập Thương-Thế (nhất

đánh Thương - thần) làm thái - tử, bèn hỏi ý quan Lệnh - đoán là Tử - Thương. Tử - Thương thưa : « Tuổi ngài chưa mấy mà con nào ngài cũng yêu quá, nếu đã lập rồi mà sau lại truất đi thì sinh loạn đó. Nước Sở ta thường hay lập con bé, mà tôi xem người này mắt lồi ra như mắt ong, tiếng dữ như tiếng chó sói, tất là người tàn - nhân đó, không nên lập. » Sở - tử không nghe cứ lập Thương - Thế, rồi sau lại định truất Thái - tử Thương - Thế mà lập Vương - tử Chức. Thương - Thế biết chuyện nhưng chưa xét được sự thực, bèn đem việc ấy hỏi thầy dạy là Phan - Sùng rằng : « Làm thế nào mà xét được sự thực việc ấy ? » Phan - Sùng nói : « Hai bà Giang - Thiên (em gái Thành - vương lấy chồng nước Giang) ăn tiệc mà sử ra cách không kinh - trọng. » Thương - Thế theo làm như thế. Bà Giang - Thiên giận lắm nói : « Ôi chao ôi, thằng này đều quá đừc quân - vương muốn giết mày đi mà lập cho thằng Chức là đáng lắm. » Thương - Thế về báo Phan - Sùng rằng : « Việc ấy có thực. » Phan Sùng hỏi : « Ông có chịu thờ ông Chức được không ? » Thương - Thế nói : « Không ». Phan hỏi : « Ông có thể bỏ đi được không ? » Thương - Thế nói : « Không thể được ». Phan lại hỏi : « Thế ông có thể làm được việc lớn không ? » Thương - Thế nói : « Làm được ». Tháng mười, năm Văn - công nguyên - niên. Thương - Thế đem quân trong cung Thái - tử đến vây Thành - vương. Vương thất cổ chết. Thương - Thế lên làm vua tức là Sở Mục - vương.

Trận đánh ở Hào, Tấn cho ba quan tướng Tần về, các quan Đại - phu Tần đều nói với Tần - bá rằng : « Thua trận này là tội tại Mạnh - Minh nên giết đi. » Tần - bá nói : « Đó là tội tại cô này đây, vì cô này tham mà để vợ cho ông ấy, chứ ông ấy tội gì. » Tần - bá lại cho Mạnh - Minh chấp - chính, năm Văn -

công thứ hai. Tần Mạnh - Minh đem quân sang đánh Tấn, đề bào cái thù ở trận Hào. Tấn - hầu đem quân ra chống cự, đánh nhau ở Bành - nha, quân Tần thua to. Người Tấn giận rằng : « Đó là quân Tần sang tạ ơn đấy. » — Nguyên từ trận đánh ở Hào Lai - Cầu làm chức xa - hữu, Tấn lương - công trời được tề - tử Tần, sai Lai - Cầu cầm dao chém, tù kêu lên. Lai - Cầu đánh rơi dao xuống đất. Lang - Thâm cầm lấy dao chém tù rồi sách quách tù chạy theo xe Tấn Tương - công, bèn được làm chức xa - hữu. Đến trận đánh ở Địch ở Cơ, Tiên - Trần truất Lang - Thâm đi mà cho Tục - Giản - Bá làm xa - hữu. Lang - Thâm giận, có người bạn bảo y rằng : « Sao không chết đi. » Thâm nói : « Tôi chưa tìm được chỗ đáng chết. » Người bạn nói : « Tôi với anh giết Tiên - Trần đi. » Thâm nói : « Sách Châu - thư có nói rằng : « Kể nào tuy vũ - dũng mà hại người trên thì không được lên nhà mình - đường : » làm sự bất - nghĩa mà chết thì không phải là dũng, đem thân dâng cho nước dùng mới là dũng, tôi vì dũng mà được làm xa - hữu lại vì vô - dũng mà bị truất cũng là phải cả. Như bảo rằng người trên không biết tôi mà truất tôi, nhưng rồi tôi làm được việc hữu - dụng thì sẽ biết tôi. Anh đợi đấy mà xem. » Đến khi đánh ở Bành - nha, đã dàn trận rồi, Lang - Thâm đem quân bản - bộ chạy xông vào đánh quân Tần mà chết. Quân Tấn đánh theo vào, đại bại được quân Tần.

## 2. — K. — Người Tần đánh Tấn

T. — Tần - bá vẫn cứ dùng Mạnh - Minh. Mạnh - Minh càng sửa sang quốc - chính, ban ơn cho dân nhiều. Tấn Triệu Thành - tử nói với các quan Đại - phu Tấn rằng : « Tất quân Tần rồi nó lại đến, đến thì ta phải tránh đi, vì Mạnh - Minh nó sợ mà phải tu - đức, nên ta không địch được. Sách Châu - thư có

*câu: « Há không nghĩ đến tô-tông, phải nên tu-đức lập công ở đời. » Mạnh-Minh đã nghĩ lắm rồi, hẳn nghĩ mà tu-đức không biết mỗi thì mình địch làm sao được. »*

Năm Văn-công thứ ba. Tần-bá sang đánh Tấn, quân sang qua sông Hà rồi đốt hết thuyền, vào lấy được đất Vương quan với đất Giao của Tấn. Người Tấn không dám ra giao-chiến, quân Tần bèn qua dò Mao-tân, phong-phần những hài-cốt tử-sĩ ở đất Hào chỗ bại-trận trước rồi đem quân về, từ đó Tần làm bá-chủ ở cõi Tây-nhung là vì mừng được Mạnh-Minh đó.

**3 - K - Người Sở diệt nước Giang.**

T— Năm Văn-công thứ tư, người Sở diệt nước Giang. Tần-bá nghe tin, mặc đồ lang-phục, xuống nằm nhà bên, không ăn yến, làm nhiều việc quá lễ. Quan đại-phu can, Tần-bá nói: *« Nước đồng-minh bị diệt, tuy không cứu được, dám không thương đư, đó là ta lấy làm tự lo sợ đấy. »*

Mùa xuân năm Văn-công thứ sáu, Tấn đi sưu ở đất Di để duyệt quân. Triệu Thuần làm Phó-tướng. Dương Sử-Phủ cho Triệu Tuân là người có tài, lên nói với Tấn-hầu rằng: *« Dùng người tài là lợi cho nước ».* Vì vậy Triệu Thuần được thăng làm Thượng-tướng, bèn sửa-sang lại quốc-chính: *đặt ra điển-hiến, chỉnh-đốn lại luật hình, sửa những án còn giở, bắt những kẻ bô-đào, định ra những kế-ước, trừ những việc tích-tệ, lấy phép trật-tự làm gốc, cho những nhà chức-nhiệm thường được thừa-kế, cử những kẻ tài-năng còn yêm-trệ.* Chính-sách định xong, Triệu-Thuần giao cho Thái-phó là Dương Sử-Phủ với Thái-sư là Cồ-Đà thi-hành ra trong nước Tấn để làm phép thường.

**Đồ-nam-tử cần-an :** Về đời Tây-Châu, chế-độ phong-kiến còn thịnh, phép chính-trị chỉ tuân theo cái khuôn lập thành của ông Châu-công, tức là phép Châu-lễ vậy, từ khi sang đời Đông - Châu, chế - độ phong-kiến suy đồi mà cái thể liệt-quốc cạnh-tranh dần thịnh, các nhà chính-trị ở các nước biết rằng châu-thủ cái phép cũ không đủ khiến cho nước sinh-tồn và giàu mạnh được, nên đuan au mà cải-cách lại quốc-chính, bắt đầu từ Quản-Trọng lập ra phép *nội-chính* để cường-binh, đặt ra *sở sơn hải* để phú-quốc, mà Tề thành ngay một nước bá-chủ đầu tiên, đến Tử-Phạm chủ-trương phép văn-giáo mà Tấn đang yếu hóa mạnh, đánh một trận làm mình chủ cho chư-hầu. Nay Triệu-Thuần lại cải-lương lại chính-sách nước Tấn, *ban hành phép mới, trừ bỏ lệ cũ,* thực không thẹn là một nhà chính-trị đại gia, từ đó trở đi, các nước cạnh-tranh càng kịch-liệt, những tân-nhân-vật về chính-trị-giới khởi lên càng nhiều. Như Ân-tử, Thương - Ưông, Hàn-Phi, nhiều cái chính-kiến dần ngày nay cũng không hơn được. Vậy biết đời Đông-Châu thực là một vận-hội đại-tiến-hóa của loài người phương đông, không những tu-tướng về học-thuật rất mở-mang, mà tu-tướng về chính-trị, pháp-luật cũng cực phát-đạt, mà sở - dĩ tu - tướng của người đời được mở-mang phát-đạt, như thế, cũng là do ở cái thể liệt - quốc cạnh - tranh mà khiến lên, hay đầu nhất-đán nhà Tần khởi lên nhất-thống bờ cõi, nho-học khởi lên nhất-thống tu-tướng mà cái trình-độ tiến-hóa của người phương đông, hốt-nhiên bị thoái-sức lại cho đến ngày nay, tiếc thay !

Tháng tám, năm Văn-công thứ sáu, Tấn Tương - công mất, con là Linh - công bấy giờ còn bé, người Tấn sợ nước nhà đang khi đa-nạn, nên muốn

lập vua lớn tuổi. Triệu-Thuần bàn rằng: « Nên lập Công tử Ung, ông là người lớn tuổi mà hiếu thiện, đức tiên-quân Văn-công yêu ông lắm, (Ung là con thứ Văn-công Tấn, bà Đỗ - Kỳ đẻ ra) và nay ông làm quan bên Tần thì cũng gần, Tần lại là nước cựu-giao của ta đó.

Theo người thiện thì bền. thờ người lớn tuổi thì thuận triều, lập con yêu của tiên-quân là có hiếu, kết với nước cựu-giao thì ổn, vì nước đang đa-nạn, nên phải lập vua lớn mà được bốn điều hay như thế thì nạn tất trừ được. » Bên sai Tiên-Miệt Sĩ-Hội sang Tần đón Công-tử Ung.

Tổng Thành-công mất, Chiêu-công sắp nối ngôi, định bỏ cả các Công-tử đi. Nhạc-Dự can rằng: « Không được, cảnh lá công-lộc là của công-thất đó, nếu bỏ đi thì căn bản nhờ vào đâu. Cái dây sắc kia nó còn phù-tri được cho căn bản nó, cho nên quân-tử lấy nó mà ví với anhem, nữa là làm vua trong một nước mà làm thế tức như lời ngạn ngữ nói: Vun cho cây tốt mà lại đem thước đo riu chém đi vậy. Chắc không được đâu, ngài nghĩ mà xem, lấy đức nghĩa mà thân nhau thì là chân tay cả đó, ai còn nhị-tâm, việc gì mà phải bỏ ». Chiêu-công không nghe. Hai ngành họ của Mục-công Tương-công đem người nước vào đánh Chiêu-công, các quan Lục-khanh phải ra điều-dinh. Nhạc-Dự bỏ chức Tư-mã để nhường cho Công-tử Ngang. (Nhạc-Dự cũng là người trong công-lộc.)

4. — K. — Người Tấn với người Tần đánh nhau ở Lệnh-hồ. Tấn Tiên-Miệt xuất-bôn sang Tần

T. — Tần Khang-công đưa Công-tử Ung về Tấn. Bà Mục-Doanh (vợ Tương-công) cứ mỗi ngày bề Thái-tử ra khóc ở trước Triều-dinh rằng: « Tiên-quân tội gì mà con nối đây tội gì, các ông bỏ con đích không lập lại đi cầu vua ở

ngoài về, các ông sẽ để đưa con nối này vào đâu. » Tan buổi triều thì bà lại bề con đến nhà họ Triệu, đập đầu nói với Triệu-Thuần mà rằng: « Tiên-quân trao đưa con này cho ông mà dẫn ông rằng: Thằng này mà nó thành tài được, thì ta cảm ơn ông, nó không thành-tài được thì ta chỉ oán ông. » Nay ngài tay khuất mà lời ngài còn ở tai ông, ông bỏ ngay lời ngài đi thế là làm sao? » Triệu-Thuần với các quan đại-phu thấy bà Mục-Doanh như thế lấy làm lo và sợ người nước đến bức bách, bèn bội ước với Tiên-Miệt mà lập con bà lên tức là Linh-công, rồi đem binh ra cự với Tần. Triệu - Thuần nói: « Quán Tần sang đây, ta nhận họ thì họ là khách, ta không nhận thì họ là giặc, nay đã không nhận mà lại dùng-dặng việc khởi-binh thì Tần họ tất biến tâm. Phàm nhà quân, phải đánh trước để mới là khôn, đuổi giặc với vàng như đuổi bắt tên tù trốn mới là giỏi. » Tức thì dẫn dò quân-sĩ, sắp sửa binh-dao, gởi lương đóng ngựa, đêm ấy lặng-lặng cất quân đánh quân Tần bị thua ở Lệnh-hồ. Tiên-Miệt xuất-bôn sang Tần, Sĩ-Hội đi theo.

— Tấn Khước-Khuyết nói với Triệu-Thuần rằng: « Ngày xưa Vệ với ta bất - hòa, nên ta đánh lấy đất của Vệ, nay Vệ đã xin hòa rồi thì nên trả đất lại cho họ, kẻo giờ giáo mà không trị thì sao là có uy, kể phục-lòng mà không dung thì sao là có ơn, không có ơn uy gì thì sao là có đức, không có đức thì làm mình-chủ thế nào được. Ông là quan chính, khanh-nước ta làm mình-chủ Chư-hầu thế mà ông không chăm tu đức cho nước thì đời với người ta thế nào, sách Hạ-thư có nói rằng: « Lấy điều hay mà khuyên răn cho người ta, lấy uy-hình mà đốc-suất cho người ta, khuyên cho người ta ca-tụng chín điều công-đức chứ chớ để bại-hoại đi. » Chín điều công-

đức ấy đều nên ca-tụng thì gọi là cửu-ca, còn chỉn điều công đức ấy thì gọi là cửu-công, tức là lục-phủ với tam sự hợp lại, mà lục-phủ thì là : thủy, hỏa, kim, mộc, thổ, cốc ; và tam-sự thì là : chính-đức, lợi-dụng và hậu-sinh.

Theo nghĩa phải mà làm, gọi là đức với lễ, không có lễ thì dân không hòa vui, mà phần bần sinh ra là bởi đó, cứ cái đức của ông như thế thì không lấy gì cho người ta ca-tụng được, ai còn qui-phục với ta. Vậy sao ông không làm cho cái nước đã hòa thuận với ta như nước Vệ ấy họ ca-tụng ông. » Triệu-Thuần bâng lòng,

**Đô-nam-tử cần-án.** — Khước - Khuyết bần với Triệu-Thuần là một vị thủ-lương Tấn để trả xâm-dịa cho Vệ. Người ta thì cho rằng Khước-Khuyết là người nhân-hậu mà tôi thì cho Khước-Khuyết là bậc trí-mưu, bởi vì Khước biết rằng lập-quốc ở giữa thời buổi cạnh-tranh, nhờ cơ-hội tình thế mà nước Tấn mình bước lên được địa-vị đàn anh đủ sức sinh-tồn và cường-thịnh một thời đã là may. Vì Tấn chỉ biết vụ lợi cố ý chiếm giữ lấy thổ-dịa của Vệ, tất Vệ phải thù-oán, mà những nước mạnh khác như Tần như Sở cũng vụ lợi giống mình, thấy mình được lợi tất sinh lòng ghen-ghét, nước bị hại thì thù-oán, nước mạnh hơn thì ghen-ghét, trước còn mất danh-vọng, kể đến phần-ngịch khởi lên từ-tung, là lý-thế tất-nhiên, thì nước giữ được vẹn-tuyên và ngôi mình-chủ đứng được vững-vàng, tưởng cũng gian-nan nguy-hiểm lắm thành ra lợi-bất-cập-hại, chỉ cho bằng giả lại xâm-dịa cho Vệ, Vệ được nhờ ơn, không những không thù-oán mà lại phục-tùng. Tấn không tham lợi thì nước mạnh khác còn ghen-ghét vào đâu, không những Tấn xứng-dáng làm mình-chủ mà lại có công-đức với chư-hầu, thiên-hạ phải ca-tụng. Một nước như thế há lại không có lợi-ích lớn-lao và bền vững, mà không có hại

như ông Mạnh-tử bảo vua Lương Huệ-vương là kẻ bất-nhân, đem máu con em mà tranh lấy cõi đất của người ta dư ?

Khước bần mà Triệu nghe ngay, vậy biết những tay quyền-yếu mưu quốc đời Xuân-thu có lẽ lại hiểu thấu cái lợi hại của hai chữ « nghĩa-lợi » hơn là những tay quyền-yếu mưu-quốc ở những nước đế-quốc đời nay nh ều.

**5 — K — Tần-bá sai người Thuật đưa sính lễ sang nước ta.**

T. — Tần-bá sai Tây-ất-Thuật đưa sính-lễ sang nước ta, và nói về việc sắp đánh Tấn - ta cho Trương-trọng trả lại ngọc mã từ chối rằng : « Vua bên ông không quên cái tình giao hiếu với tiên-quân bên tôi, có lòng chiếu-lâm đến mà võ-yên cho xã-tắc nước Lô tôi là đủ, lại còn đem cho của quý này làm gì, vậy quả-quân tôi xin từ ». Tây-ất Thuật thưa : « Vật thường gọi chút lễ mọn này, có gì mà ngài đáng từ. » Chủ-nhân từ ba bận, khách trả lời rằng : Quả-quân tôi xin cầu phúc với đức Châu-công, đức Lô-công để thờ đức vua ta bên này, lễ mọn này là vật thường của tiên-quân tôi xưa, do mệnh-lệnh quả-quân sai kẻ hạ-thần này đem sang biểu các quan chấp-sự để làm của tin, mà cốt để cố-kết sự giao-hiếu của hai nước ta, vậy xin các ngài nhận cho. »

Trương-Trọng nói : « Nước không có người quân-tử thì còn giữ nước được sao, coi đó thì biết đã là một nước thì không đâu hủ-lậu cả. » Bên hậu tặng đồ lễ tiễn cho sứ Tần về.

— Tần-bá đánh Tấn, người Tấn ra cự địch. Tấn Dữu-Biền bàn rằng : Quân Tần không đánh lâu được, xin cứ đóng bên quân ở trong thành cao hào sâu này mà đợi. » Người Tấn theo chước ấy, bên quân Tần thì muốn chiến. Tần-bá hỏi Sĩ-Hội rằng : « Làm thế nào mà chiến được ? » Sĩ-Hội thưa : « Mưu này chính là ở Dữu-Biền là thuộc-viên

của họ Triệu mới thăng làm Tá Thượng-quân đình đề cho quân ta mỗi một đống, trong đống này có người con trai nhà vợ lẽ họ Triệu tên là Xuyên là rể vua Tấn được vua yêu mà còn nhỏ, y không từng trải việc quân, chỉ hiếu-dũng mà ngông, lại ghét Dữu-Biền được làm Tá Thượng-quân. Nếu ngài cho một toán quân nhẹ-nhàng nào vào đánh chọc tức thì y mắc ngay.» Quân Tần vào tập - công đạo Thượng-quân Tấn, Triệu Xuyên ra đuổi, đuổi không kịp trở lại giận lắm nói rằng: « Gỏi lương mắc giấp đề chực đánh giặc, thế mà giặc đến không đánh đình còn đợi gì.» Quân-lính nói rằng: « Có có phải đợi đây chứ.» Xuyên nói: « Tao chẳng biết mưu mẹo gì, để một mình tao ra đánh cũng được.» Bèn đem quân bộ-thuộc ra đánh.

Triệu - Thuần nói: « Tần nó bắt được thăng Xuyên mất, bắt được một quan Khanh là Tần họ Thăng trận về, ta lấy gì mà đổi lại được.» Bèn kéo cả quân ra đánh. Vừa giao-chiến thì hai bên lại nghỉ cả, đem ấy quan Hành-nhân Tần đến dọa quân Tấn mà nói: « Xem quân hai bên, chưa bên nào bị chết hại nhiều, xin sáng mai thì gặp nhau, Dữu-Biền nói với quân Tần rằng: « Xem người sứ-giã này, con mắt nhưn nhác mà lời nói thất-thường, thì là họ sợ ta đó, tất họ trốn ta đem quân chẹn ở bờ sông Hà thì đánh được.» Triệu Xuyên đứng giữa của quân gọi lên mà nói: « Quân ta kể chết người đau chưa thu nhất lại mà bỏ đi là vô ơn, không đợi hẹn mà chẹn người ta ở nơi hiểm yếu là vô dũng.» Quân Tần bèn thôi không theo, đem ấy quân Tần trốn thoát.

— Người Tấn sợ Tần dùng Sĩ-Hội. Triệu - Thuần nói: « Sĩ-Hội thì sang ở Tần. Cỗ-Quý thì sang ở Địch, càng ngày

họ càng làm thêm tai-nạn cho nước làm thế nào?» Hoàn-tử nói: « Xin tìm Cỗ-Quý về, hẳn giỏi việc ngoài và là con nhà cựu-huân (con Hồ-Yên).» Khước Khuyết nói: « Cỗ-Quý dữ tợn lại có tội to, không bằng Sĩ-Hội là người chịu được bần tiện mà biết liêm sỉ, ôn-hoà mà không ai nạt được, có mưu trí đủ làm việc mà lại vô-tội.» Lần bèn cho Ngụy Thọ-Dur sang Tần trả đem ấp Ngụy làm phần lần để hàng Tần, rồi nhân mà dụ Sĩ-Hội về, lần bắt vợ con Ngụy Thọ-Dur giam lại, còn y thì đến dè n giả-cách xồng trốn đi, sang lần xin qui-phụ. Lần-bá ưng-nhận. Nhân vào châu, y dẫm vào chân Sĩ-Hội để Sĩ-Hội biết ý.

Tần-bá đóng quân ở bờ mé tây sông-Hà, người ấp Ngụy thì đứng ở bờ mé đông. Thọ-Dur nói với Tần-bá rằng: « Xin ngài cho một người đông-phương nào có tài-năng để sang nói chuyện với vài ba quan hữu-tư bên tôi, tôi xin đưa đi.»

Lần-bá sai Sĩ-Hội, Sĩ-Hội từ chối rằng: « Người Tần như hùm beo, nếu họ bội ước thì tôi chết, vợ con tôi thì bị giết ở bên này mà vô-ích cho ngài, hối không kịp.» Lần-bá nói: « Nếu họ bội-ước mà ta không cho vợ con người về Tần thì xin như dòng sông này.» Sĩ-Hội bèn đi.

Nhiều-Triều là quan Tần tặng cho Sĩ-Hội cái roi ngựa mà rằng: « Anh đừng bảo nước Tần tôi vô-nhân, chỉ vì vua không nghe lời tôi đấy thôi.» Bọn Sĩ-Hội sang sông Hà rồi, người Ngụy reo ầm lên mà đưa về. Người Tần đưa vợ con v sang trả.

(Còn nữa)

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT

# TUÔNG-HÁT

## XUÂN-HƯƠNG KHÓC CAY CHÀNG TỔNG CỐC

### I

#### CHƯƠNG-TRÌNH

##### Cảnh thứ I. — Vườn hoa Hồ Tây

Xưa Hồ Xuân-Hương là gái Thanh-hoa, có tài-sắc, ra ở Hồ-Tây Hà-nội, sửa nhà cò-nguyệt, dọn vườn hoa kén chồng, ra cầu dãi, các tài-tử vào dãi, song không ai trúng-tuyên.

##### Cảnh thứ II. — Nhà giàu và đàng

Tổng Cốc người làng Gầm, nhà giàu, người rất xấu và dốt, thường nuôi cậu Chiêu-Hồ làm bạn độc, cho xã Nhái vay nợ, bấy giờ cậu xã Nhái làm mối, ép cậu Chiêu-Hồ dãi họ, nhận lấy Xuân-Hương, định cưới về rồi thay hạt.

##### Cảnh thứ III. — Nhà và đám cưới

Khi cậu Chiêu đi với xã Nhái sang dãi được, thì bảo là em Tổng Cốc, việc cưới xin Tổng Cốc lo cả, hết ba bốn nghìn bạc, khi cưới về, vào lễ tơ-hồng thì viết tên Tổng Cốc vào văn-tế nhận lấy Xuân-Hương, Xuân-Hương không chịu nhập-phòng, thành ra hai họ đánh nhau, Tổng Cốc phải trận đòn nên thân, Xuân-Hương trở về.

##### Cảnh thứ IV. — Nhà đám ma và

##### Núi Ba-đồi

Sau Tổng Cốc bà con bảo đi kiện, nhưng tự biết là dại, thành cay tình tiếc của, hóa diên mà chết, bà con tế, Xuân-Hương cũng sang viếng, rồi gặp cậu Chiêu-Hồ, lại hẹn hò lấy nhau, cùng đưa nhau lên núi Ba-đồi chơi.

#### CÁC VAI TRÒ

Xuân-Hương — Xuân-nhị (là em gái Xuân-Hương) — Con Nhái — Bốn tài-tử — Tổng-Cốc — Thăng Ương, tuồng Ôp, (bầy tở Tổng-Cốc) — Mối là xã Nhái — Người thay mặt là Chiêu Hồ — Họ là : cụ ba-Chàng, ông chánh-Nóc, bà chủ Đền, Cô lý-Ngọc — Mẹ mợ — Họ Xuân-Hương : Tộc-trưởng, Tộc-biễn, Vai quan-viên, cộng 21 vai.

#### CÁC ĐIỀU HÁT

Bồng-mạc, Sa-mạc — Nói lối — Ngâm thơ — Thơ thộng — Ca hành-vân — Ngâm — Gửi thơ — Hát nổi niều hai lối — Ca từ-dại-cảnh — Ca kim-tiền — Dịp đũa — Sa-lếch — Ca giao-duyên — Đường trường — Ca cò-bản — Trống-quân — Dịp cách — Hát thắm — Ca Nam-thương — Hát diên — Đọc Văn tế — Ca vọng-phu, cộng 24 điệu.

#### CẢNH THỨ NHẤT

##### Vườn hoa hồ Tây

Hồ Xuân-Hương ra ngồi, vừa bồng-mạc sa-mạc

Này ơi ai ơi, hừ-hừ, trót sinh ra kiếp tài-tình, mảnh trăng chênh, nhành hoa nở, lần-lần lửa-lửa, sợi tơ mảnh ai xe, một ngành tre năm bảy ngành tre, gái tơ dành thử tay xe chỉ hồng, vừa tuần nguyệt dải gương trong, ngõ vườn xuân sẽ kén chồng xem sao.

Nói lối xưng danh :

Tôi gọi ả Xuân-Hương, mở toang nhà Cò-nguyệt; tiếng nữ-sĩ Thanh-hoa lấm-liệt, nơi thị-bành Hà-nội ganh đua; trái ba xuân riêng thú Tây-hồ, treo một trái trắng thu chín-mỡm. Vây tôi có câu thơ trắng rằng :

*Ngâm :*

Một trái trăng thu chín mồm-mòm,  
 Nảy vừng quế đỏ đỏ lôm-lôm ;  
 Giữa in chiếc bích khuôn còn méo,  
 Ngoài khệp đôi cung cánh vẫn khòm ;  
 Ghét mặt kẻ trần đua xói-móc,  
 Ngừ gan thẳng cuội đứng lom-khom ;  
 Hỡi người bẻ quế rằng ai đó,  
 Đó có Hằng-nga ghé mặt nhòm.

*Ngâm thơ :*

Một hồ nước cỏ xanh om,  
 Bóng trăng ngấn nước in chòm cỏ hoa.  
 Thanh-tân mây nguyệt gương nga,  
 Hé vườn xuân gái Thanh-hoa tôi kén chồng.

*Gọi :*

Chớ nào đi em đâu, ra đây cho chị hỏi.

*Em là Xuân-Nhị ra, nói :*

Đạ, thưa chị em đã ra hầu.

*Ngâm thơ :*

Khéo bao nhiêu tuổi chị em mình,  
 Chị cũng xinh mà em cũng xinh ;  
 Một mực như in tờ giấy trắng,  
 Nghìn thu vẫn mãi cái xuân-xanh.

*Ca hành-vần :*

Chị em mình, chị em mình, cùng bạn bạn mây xanh, đang tơ nguyệt, giăng-dit mỏng manh, e vì duyên phận bạc, trời man-mác, gương hồ-tây, ngấn nước ngàn mây, trạnh đôi mây, xem ngày xuân rạ g.

*Xuân-Hương ca tiếp hành-vần :*

Đàn loan-phượng, chị hòa em, nổi êm-dềm, ruột mềm máu chảy, chị cùng em cùng em ; thề giao dâ, họa may mà, kén chọn con nhà, sửa vườn hoa vườn hoa ; biển tiêu-đề lựa tay tại-hoa, cùng vào đối đáp, liệu người sẽ kết duyên ta.

*Nói lời :*

À này em, nghe lời chị, trót ra nơi thành-thị, phải lựa bậc văn-chương, chị em mình vốn cũng mạch thu-hương, đôi lứa nợ nên kén tài thơ thảo,

nay nhân kỳ thi khảo, treo câu đối kén chồng, xem ai là đáng bậc cưỡi rồng, âu mình sẽ vui cùng sánh phượng, đó a em.

*Ngâm :*

Đã danh phận cải duyên kim,  
 Kén tài tên nỏ bắn chim họa-bình.

*Xuân-nhị nói lời tiếp :*

Đạ, thưa chị, chị dạy sửa bức bình, để treo đôi câu đối, kén xem ai tài giỏi, sau sẽ kết-duyên lành, đạ thưa chị ;

*Ngâm :*

Ra tay xe mới tơ mảnh,  
 Xem người rút chỉ tước-bình là ai.

*Nói lời :*

Đạ, thưa chị, sự đó chị đã lớn, chị đành là nên kén, em còn thơ, em chưa muốn vương tơ ; vậy xin chị, lên cáo-bạch một tờ, thảo đối-liên một vế, tỏ bậc anh-thư hiện-thể, ắt là sĩ-tử đua tài, đạ thưa chị.

*Xuân-Hương nói lời :*

À thế ra em còn bé, em chưa nhen việc lấy chồng ; vậy vì chị nhắc biển hồng, chị sẽ đề bài chiêu-khách, a em.

*Em đạ, vào nhắc biển đơm ra*

*Xuân-Hương ngồi cầm biễn bút thảo miêng đọc như ả đào đọc lời gửi thư :*

Thiếp ở Xuân-Hương, con nhà Cờ-nguyệt, xuân khóa lẻ mười năm kháng-khit, nước hồ Tây dậm tuyết trong gương, thu song riêng một giấc mơ-mang, đất thành bắc chờ sương hẹn gió, dẫu đang độ đào tơ sen ngọc, luồng thương mình liễu ủ bờ côi, chán đơn gối chiếc lẻ-loi, nguyệt nửa hóa cười lạnh-lẽo, trước cửa sỏ ai là người bán sỏ, trong lồng gương còn vắng kẻ hợp loan, ngày nỉ-non cuốn sách ngọn đàn, nhai-âm hồ dễ, khi nấn-nót câu thơ nét vẽ, tri-kỷ còn không, nay nhân treo bức biển hồng, đề bài cáo-bạch, xin các danh-nhân quý-khách,

công-tử vương-tôn, tới thêm hoa vỹ  
ngôn bút son, đề câu đối trao con chỉ  
thăm, vậy có câu xuất đối rằng: « Mảnh  
chồng quan hơn đàn chông dân », xin  
đề các ngài tiếp bút.

Nói :

Đó thì em cầm ra treo trước cửa  
vườn hoa cho chị, a em.

Ngâm :

Lá cờ cáo-bạch chiêu bài,  
Ngổ lòng sĩ-nữ kén tài văn-nhân.

(Hạ)

Em cầm tờ cáo-bạch ra cửa vườn hoa  
treo, ngâm :

Bức tờ dải tổ tin xuân,  
Biết bao tài-tử văn-nhân rập-riêu.

Cả hành-văn ra vườn hoa :

Bức thơ hồng, bức thơ hồng, kén  
bạn bạn tình chung, màu hoa tuyết, vẽ  
nguyệt gương trong, dễ ai cùng sánh  
mặt, ngừng con mắt, tay đề thơ, kén  
chọn tài-hoa, già trắng già, trắng già  
ước hẹn ; người phương-diện, chuyện  
văn thơ, ngãi trưng-cờ, đợi chờ dưới  
nguyệt, kết lầu thơ lầu thơ ; tình đôi  
lửa, chị em nhà, lựa khúc đàn hoa,  
sữa vườn hoa vườn hoa ; bức tài-tình  
nức-nở gần xa, đầy nhà quan-khách,  
cùng đua nhau vịn hỡi ngành hoa.

(treo biển rồi hạ)

Bốn tài-tử cùng ra, khóa 1 nói lối :

Trời cho thông sáng, tôi khóa Hoàng  
lạt len ; suốt sử kinh giấy mực đen đen,  
giở đến chữ chỉ ngời nhìn mắt ếch. Nói  
đến đàng thi thách, lại lắm cách tài  
lĩnh ; nghe đồn đây có gái đẹp như  
tranh, vào đối đáp mắt tình ta thử liếc.

Khóa 2 nói lối tiếp :

Tình nói gớm-ghiếc, tôi khóa Diệc  
gọi là ; giọng văn-chương sấm sét à à,  
nghe giảng sách vẫn là nghiêng mỏ vịt.  
Nói đến điều hoa-nguyệt, thì rõ thật  
anh ma ; nghe đồn đây có gái đẹp

như hoa, vào đối đáp vênh tai ta ướm  
hỏi.

Khóa 3 nói lối tiếp :

Hai anh còn chưa giỏi, tôi đây gọi  
khóa Công ; chữ cù-quèo tôi uốn rõ  
thật cong, vậy nét bút lại không như  
gà giãi. Nói đến nghề chim gái, thì  
mình lại tay « pho » ; vào đối chơi  
mấy chữ chi cò, ai bảo dốt như bò mà  
sợ.

Khóa 4 nói lối tiếp :

Ba anh cùng là dở, nên còn sợ khóa  
U ; nét lằn-vằn tôi vạch chữ to sù, mở  
cuốn sách lại ho như cước rừ. Nói đến  
câu lù-khú, thì mình đủ văn keo ; vào  
đối chơi mấy chữ chi khoèo, ai biết  
dốt như mèo mà ngại.

Bốn người cùng rủ nhau hát nổi niêu đi  
ra vườn :

Trời sinh ta vốn bậc anh-tài, quyết  
ra tay ta vịn hẽ cánh hoa tươi vườn  
hồng ; nói đồn đây có gái kén  
chồng, ới các bác ới, kén chồng kén  
chồng kén chồng, bốn phương tài-tử  
anh-hùng ta cùng đua ; bởi chúng ta  
cùng bạn học trò, ới các bác ới, học  
trò học trò học trò, học dù dốt nát  
song của chua vẫn thêm ; song chúng  
ta chẳng có nhọ-nhem, ới các bác ới,  
nhọ-nhem nhọ-nhem nhọ-nhem, gái  
ra câu đối hãy đối xem ra thế nào ;  
vườn hoa ta hãy đi vào, ới các bác ới,  
đi vào đi vào đi vào.

Cùng vào.

Xuân-Hương ra tiếp mời ngồi.

Ngâm :

Hỡi là tài-tử văn-nhân,  
Kén oanh chọn én tin xuân thử đề.

Cả tứ-đại-cảnh :

Ai tay đề, lời câu đối, tôi mong mỗi,  
mong mỗi vì tình, nơi vườn hồng, diu-  
dặt oanh tin oanh, mặt tài-tình, sao nữ  
mần thình, sao nữ mần ngơ. Xin vỹ  
bút đề thơ, bày chữ xe đàn lựa tờ bện  
tơ, văn so tài, nồng dậm càng ra, chỉ

ngần-ngại ngần-ngợ. Ai đó chờ, ai đó chờ, xem xét mực tôi lỏng ra, duyên rỗng phượng, mừng-tượng mưa mây mưa, cho ví dụ, đối thảo không bằng thơ, xe không dặng dặng tơ. Người người đâu ai dám rẻ....

*Nói :*

Đó là em ra câu đối, cốt để kén anh tài, xin các ngài vẫy bút đối chơi, nếu không được đã ai dám rẻ, thừa các ngài.

*Em ca tiếp từ-dại-cảnh :*

Người người đâu, ai dám rẻ, ganh đua, gach đua người tài, ấy ai mà nay cam nhường ai vì ai, mà cam nhường vì ai. Tài tài ai sao mà kén, câu văn câu văn thử tài, có hay có hay chẳng nhẽ, rồi sẽ rồi sẽ tơ xe tơ, duyên đưa duyên đưa làm vầy, chừ đây gọi một ngày tìm bạn, chừ đây gọi một ngày tìm bạn.

*Nói :*

Đó là chị tôi kén bạn, xin ai hốp mặt đưa tài, nếu không dặng thì thôi, có đâu mà dám rẻ, thừa các ngài.

*Khóa 1 nói :*

Câu ra rằng : « Mảnh chông quan hơn đàn chông đàn » ; tôi xin đối với : « Một mắt lòi bằng đôi mắt hoàng ».

*Nói :*

Gớm câu đối của mình tả cảnh hay tuyệt !

*Khóa 2 nói :*

Câu ra rằng : « Mảnh chông quan hơn đàn chông đàn » ; tôi xin đối với : « Một tai đui bằng đôi tai điếc ».

*Nói :*

Gớm tôi đối tức-cảnh mới hay chứ !

*Khóa 3 nói :*

Câu ra rằng ; « Mảnh chông quan hơn đàn chông đàn » ; tôi xin đối rằng : « Một lễ sống bằng đồng lễ chết ».

*Nói :*

Cồng lưng mà người ta nói là lễ, nói mát thế văn-chương mới hay,

chứ của các anh nói thật quá, không được.

*Khóa 4 nói :*

Câu ra rằng : « Mảnh chông quan hơn đàn chông đàn » ; tôi đối rằng : « Miếng giữa làng bằng sàng xó bếp ».

*Nói :*

Câu tôi đối thật là có điển-tích, có khi-phách, hơn các anh nhiều, chắc là quan tràng chấm cho tôi được.

*Ba anh khóa trước hỏi :*

Chớ quan tràng là ai ?

*Khóa 4 nói :*

Quan tràng là bà Xuân-Hương chứ ai.

*Khóa 1 ngâm mắng :*

Anh sao rõ khéo học đòi,  
Học-trò lại muốn vượt đuôi quan-tràng!

*Khóa 2 ngâm mắng :*

Anh toan vin liễn dài Chương,  
Mà sao lại gọi Xuân-Hương là bà ?

*Khóa 3 ngâm mắng :*

Học đòi anh muốn vin hoa,  
Mà anh lại khăng-nặng bà Xuân-Hương.

*Cùng mắng bảo :*

Anh toan làm câu đối để lấy có Xuân-Hương, mà anh lại gọi Xuân-Hương là bà, và bảo là quan tràng, thì anh chỉ đáng là học-trò Xuân-Hương, còn lấy sao được.

*Khóa 4 ngâm đáp :*

Đã nên tài bộ Văn-chương,  
Học trò chơi xỏ quan trường cũng nên.

*Anh em nói :*

Anh gọi là bà, anh còn chơi xỏ thế nào được ?

*Khóa 4 nói :*

Người ta gọi bà vợ là thường, các anh ngu lắm.

*Bốn người cùng cãi đánh nhau.*

*Xuân-Hương thấy thế, ca kim-tiền mắng :*

Ấy ai những là ai, chưa bèn so chỉ  
bạc anh tài, mà so bạc anh tài, đối bằng ai, rõ mà con giới, hay khoe tài, hay

khoe mẽ, hay hơn trời, chớ trêu ghẹo  
mà chơi, khéo la trêu người.

*Nói lối :*

Các bác đối thì hay, song tôi nghe  
chẳng thuận, đừng cãi nhau thêm  
bạn, đành ngâm giận ra về, xin mời  
các bác ra chào.

*Em ca tiếp kim-tiền mắng :*

Chừ ai đối những sao đặng, nín  
lặng ra về, nín lặng ra về, thôi đừng  
cãi đánh mà ê, thôi thôi đừng cãi đánh  
mà ê, chớ mê chi vợ, muốn kén vợ kén  
vợ mà ê, chớ mê chi vợ kén vợ.

*Nói lối :*

Khéo các bác đi kén vợ mà không mẽ  
đáng làm chồng, còn đánh cãi lung-tung,  
thôi chẳng thả nín nhịn, a các bác.

*Bốn người cùng không nghe cứ cãi nhau.*

*Khóa 1 ca hành-vân :*

Hỡi cô nàng, hỡi cô nàng, hoa ngát  
ngát vì hương, lời câu đối, ăn nói văn-  
chương, của mình hay quá thiệt, chừ  
chưa biết, văn ra sao, có lẽ mà ra, nhà  
rộn nhà, cũng là xin đợi.

*Khóa 2 ca tiếp hành-vân :*

Cử anh đợi, nữa như tôi, hãy rung  
dùi, ngồi chờ xem đặng, hồng thì thôi  
thì thôi.

*Khóa 3 ca tiếp hành-vân :*

Này tôi đối, thiệt là hay, chưa số  
bằng chầy, hãy ngồi đây ngồi đây.

*Khóa 4 ca tiếp hành-vân :*

Bạn mặt dày, cứ nghĩ là hay, đối  
mình hơn nhất vin trắng dành tới  
cung mây.

*Cứ cãi nhau không ai chịu ra về.*

*Xuân-Hương ra mắng khóa 1, ngâm :*

Như anh đối đáp cũng tài,  
Song mà con mắt tỉnh đời chưa tỉnh.

*Khóa 1 ngâm đáp :*

Như mình thiên-tích thông manh,  
Mà cô không chuộng thì anh lần về.

(Hạ)

*Xuân-Hương mắng khóa 2, ngâm :*

Như anh cất bút tay đề,  
Mà văn nặng nhẹ tai nghe chưa nôi.

*Khóa 2 ngâm đáp :*

Trời sinh anh bậc tài loi,  
Mà cô không dụng anh lui về nhà.

(Hạ)

*Xuân-Hương mắng khóa 3, ngâm :*

Chữ anh viết đẹp như gà,  
Lưng còng bụng thót sao mà máu đẻ.

*Khóa 3 ngâm đáp :*

Chữ mình to đại hùng-kê,  
Máu đẻ không mận thì về chần trâu.

(Hạ)

*Xuân-Hương mắng khóa 4, ngâm :*

Chữ anh đẹp quá con hầu,  
Vai u thịt bắp về mau chần bò.

*Khóa 4 ngâm đáp :*

Chữ mình béo rứt cổ cò,  
Chần trâu chẳng đáng chần bò thì chần.

*Xuân-Hương ca hành-vân bảo em :*

Cảnh Tây-hồ, cảnh Tây-hồ, bóng  
nguyệt nguyệt vừa nhô, người tai mắt,  
chạm mặt ganh đua, bức gương thu  
đãi tổ, vì duyên số, song chưa ứng,  
khép cửa buồng thu, hồ Tây-hồ hện hồ  
vấn-sĩ. Chừ em chị, lựa tài-hoa, đặng  
ai mà hãy đành gặng đợi, đợi tài-hoa  
tài-hoa.

*Em ca tiếp hành-vân khuyên chị về nghĩ :*

Hồ Tây đó, nọ vườn hoa, sánh mặt  
trắng già, chọn tài-hoa tài-hoa, bức thư  
hồng chưa ai đề qua, cũng đành gặng  
đợi, chờ xuân khóa cửa vườn hoa.

*Nói lối :*

Thôi bây giờ kén chưa ra tài-tử,  
đành hãy đợi văn-nhân; vườn hoa xin  
hãy khóa xuân, hồ nước quản gì đợi  
nguyệt, a chị.

(Hạ mãn)

## CẢNH THỨ HAI

### Nhà giàu và đường

*Tổng Cóc ra nói lối:*

Quê ở làng Gầm, tên tôi tổng Cóc :  
 da dẫu sù-sì dổm mốc, mình tuy gai  
 góc diềm mỗi ; song mà tắc lưỡi động  
 phương trời, vả lại nghiêng răng lừng  
 góc bẻ ; người vẫn chịn gan bằng cóc  
 tía, ai cũng khen giàu kẻ cóc vàng ;  
 nhà đã giàu mà tiếng cũng sang, mình  
 dẫu xấu mà hang lăm cửa ; còn nhớ  
 tích Thạch Sùng say hoa cũng thú, lại  
 nghĩ công rạ-tràng xe cát mà hư. Ầ ồ !  
 hễ có của khôn như mai, không của  
 đại như lư ; vả sẵn tiền hãy mua tiên,  
 ít tiền liền ra cú ; nay mình giàu của  
 ú, dẫu gái nào chẳng yêu ; hay ngông  
 vẫn thích chơi trò, dù ngã kinh gì đổ  
 dựa, chớ, hà-hà-hà !

*Via hát nối niều :*

Via : Chờ mướp nào là mướp chẳng  
 xo, nhà giàu dù xấu mặt gái tơ kia liễu  
 mình.

Hát : Em nghĩ cái mình em dù đẹp  
 dù đẹp dù xinh, (Láy 3), vừa xinh tình-  
 chung vừa đẹp, vừa đẹp y ý y mẩy dễ  
 tình anh yêu ; dẫu sù-sì tình bằng mình  
 anh dẫu mốc meo. (Láy 3), song mà  
 gái hằng-nga ao-ước y ý y anh vẫn  
 muốn chơi trò lên cung trăng ; sáng  
 trắng suông con ênh-ương kêu mặt  
 nước vang-lừng. (Láy 3), hỡi các cô  
 vú trắng nước y ý y cầm bằng như  
 lấy ta ; nay nhà giàu tình bằng anh  
 quyết lâu con ghé hoa. (Láy 3), anh  
 Thạch Sùng lấy ả Lục-Châu cho sướng,  
 cho sướng y ý y chớ tắc lưỡi mà làm  
 chi, anh muốn bén duyên cùng một hai  
 ba bốn năm sáu bảy tám chín cô đi.  
 (Láy 3), ếch vồ hoa cho nó thích, nó  
 thích y ý y chớ hề gì bụng to ồ y ồ y ồ.

*Gọi dầy tớ nói lối :*

Ồ nào thằng Ương, ở nào thằng Ớp,  
 bay biết thầy hay chơi xộp, thầy  
 khuyên bay chớ láo xà, thầy nghe đồn

có gái đẹp như hoa, thầy chưa biết cậy  
 ai đi làm mối, chúng bay thử trông  
 thầy có khôi-ngô nhẵn-nhụi, hay coi  
 thầy còn xấu-xí sù-sì ? lấy gương thầy  
 thử soi đi, tướng mặt thầy nay cũng  
 khá, a chúng con.

*Cầm gương soi ngắm :*

Soi gương cũng đẹp cũng tròn,  
 Chỉ hiềm mặt mốc hãy còn diềm đen.  
 Chưa hay diềm phấn đánh phều,  
 Chi bằng hà - tiện để tiền bôi-vôi.

*Nói lối:*

A chúng mi đi lấy vôi, để thầy ngồi  
 diềm phấn, a chúng con.

*Thằng Ương nói tán thầy hát dịp cuối :*

Thầy đẹp lắm rồi, thầy ngồi cũng  
 lịch, con coi thật thích, da mỗi mốc  
 thếch, mình nghiêng mình lịch, kiểu  
 ông đồ ếch, tiếng hách lưng trời, tình  
 tình tình trời, qua lời nọ trời oi, (1 dịp)  
 Thầy ngắm thật tươi, thầy choai cũng  
 đẹp con coi rõ khiếp, cái ruồi đậu mép,  
 mắt tròn mắt đẹp, lưng gù cá chép,  
 tương đẹp hơn người, tình tình tình  
 người, qua lời nọ người ta (2 dịp).

*Nói lối :*

Đạ, thưa thầy, thầy thật đẹp, đẹp  
 hơn con tép, đẹp hơn con tôm, con  
 đưng con nom, quả sinh quả đẹp, đạ  
 thưa thầy.

*Thằng Ớp hỏi tán thầy, hát tiếp dịp cuối :*

Thầy đẹp như là, gái liếc mây hoa,  
 ai mà không thích, da thầy cục-kịch,  
 của thầy súc-tích, các cô được ích,  
 khúc - khích cười thâm, tình tình  
 tình thâm, qua lời nọ thâm yêu, (1 dịp),  
 Thầy nọ thềm trêu, gái bé hạt tiêu, cũng  
 xiêu lòng dục, da thầy dổm mốc, của  
 thầy như ốc, các cô toan xúc, lăn-lóc  
 vì tình, tình tình tình tình, qua lời nọ  
 tình khoeo. (2 dịp).

*Nói lối :*

Đạ thưa thầy, thầy đẹp lắm, con đã  
 ngắm, thầy thật xinh, chúng con chẳng

nói phô-danh, các chị trông là chết mệt, dạ thưa thầy.

*Tông Cóc nói lời :*

A này thằng Ôp. A này thằng Ương, nghe đồn có ả Xuân-Hương, thấy bảo kén chồng Hà-nội, nay thầy dốt không hay thơ hay đối, bảo chúng con đi tìm mỗi tìm manh, nếu hoa thơm may chấp nên ngành, thì bạc tối lấy dành đong thưởng, a chúng con.

*Ngâm :*

Bơm già vin dặng hoa non,  
Dù bao tiền thưởng ai còn tiếc bay.

*Thằng Ương ca hành-văn thưa lại :*

Dạ thưa thầy, dạ thưa thầy, rứa dặng dặng là may, thầy ao-tróc, trắng nước mưa mây, việc này âu dễ dặng, người quen biết, song từng vay, vẫn lại nhà đây, này bác này tên là xã-Nhái, thường qua lại, tại nhà vay, mỗi tờ vậy, ắt là xe dặng, vậy là may là may.

*Nói :*

Dạ thưa thầy, có bác xã Nhái, vẫn hay đến nhà ta vay nợ, thầy bảo bác ta làm mỗi có Xuân-Hương hẳn được. vì bác ta ăn nói giỏi lắm.

*Thằng Ôp ca tiếp hành-văn thưa lại :*

Người anh Nhái, đại là khôn, xếp việc vuông tròn, hẳn vào khuôn vào khuôn, thầy bơm già, vin dặng hoa non, chúng con càng thích, tha-hồ bác thưởng vợ luôn.

*Nói :*

Dạ, thưa thầy, thầy cậy bác xã Nhái làm mỗi là phải được, tha-hồ chúng con lấy bạc thưởng thưa thầy.

*Tông Cóc nói lời :*

À, nghe như bay nói cũng màu, vậy kíp sai đi tìm mỗi, xã Nhái là người nói giỏi, thằng ương nên phải tìm ngay, hề sang ta lại cho vay, được việc ban ngay tiền thưởng, đó chi.

*(Thằng Ương vâng lời đi tìm xã Nhái. Tông Cóc, thằng Ôp vào).*

## Buồng cảnh đường

*Xã Nhái ra nói lời :*

Tên tôi là xã Nhái, vốn quê tại làng Chàng, ngày bắt chân chữ ngoéo kèn-càng, từng quen giọng nói ương mách-nháp, vì đỡ như bộ ngoáp, hóa tệ như lông lươn, thường vay nhà tông Cóc khát lươn-khuơn, lo méo miệng lớn-bơn chưa trả dóc, à thôi nợ lo chi cóc, mình hãy khát ương, giờ ta lại thử sang, hãy hỏi vay chuyển nữa, đó sao.

*Ngâm :*

Trò đời cóc nhái ình-ương,  
Dẫu rằng công nợ chàng màng mà sao.

*Hát sa lệch :*

Cái con châu-chàng tình bằng mây cầm cố ra làm sao, chứ để tình chuộc song chẳng chuộc mây chắc óp ở bên ao mấy bên ao rau cần, y y cuộc cuộc sinh-nhai, cóc ai không công nợ đồng lần, chứ để tình kẻ nợ chồng, người nợ vợ, xã Nhái cũng một phần đa-mang, y y anh ơi, anh Thạch Sùng dẫu giàu chứa hang vàng, chứ để tình đến khi hết của cũng mất ếch ngồi dương làm gì, y y đi giới đi nước Lào ăn mắm ngoé mà chi, chứ để tình nợ như chúa Chôm cũng có khi sạch lẫu, y y trót ới trót ăn vay ta chẳng-chuộc với anh giàu.

*Thằng Ương ra nói lời :*

A thưa ông xã Nhái, tên tôi gọi thằng Ương, thầy tông Cóc cho sang, để cậy ông việc mỗi.

*Ca giao-duyên mời :*

Bồng gặp đây, bồng gặp đây, tôi mời thầy xã Nhái, mời thầy sang, mời thầy sang mỗi lái xe dây, thầy thầy ơi, qua gửi một lời, mỗi lái xe dây.

*Xã Nhái ca giao-duyên đáp :*

Sự là may, sự là may, anh người thầy tông Cóc, thầy mời tôi, thầy mời sang bạc súc trao tay, này này đây, qua gửi một lời, bạc súc trao tay.

Nói lời :

A này thầy muốn cậy ta làm mối, ta sang thầy phải cho vay, bạc trắng kia có từng súc trao tay, tờ hồng nợ mới xe dây buộc căng chớ.

*Thằng Ương nói lời đáp :*

Được được, ông hãy còn vay khối nợ, thầy toi sao nữ phụ công, ông cứ xe quân-quýt sợi tơ-hồng, thầy tôi hẳn tề-tung nhiều bạc trắng, đó chi.

*Xã Nhái nói lời tiếp :*

Vậy thì đi, chi có ngại, bạc chuyển này phải dong bằng vại, nợ ngày xưa chi kể mấy bô, vì thầy muốn lấy cò, ắt nay cần phải mối, đó chi.

*Thằng Ương nói lời đáp :*

Phải phải, xin mời ông hãy đi, muốn vay gì cũng được.

*(Cùng vào. — Tông Cóc ra đón chào mời ngồi thết trà, vân-vân)*

*Tông Cóc ngâm :*

Nghe đồn có ả Xuân-Hương,  
Cung thêm những muốn vấn-vương  
[tờ hồng.

Dám nhờ sứ điệp tin ông,  
Xe duyên xin hãy lậu vòng mối manh.

*Ca kim-tiền bảo :*

Ấy ai cậy nhờ ai, xin sớm xe tơ buộc duyên người, mà nay buộc duyên người, đặng vì tôi, ấy vì xe dôi, tôi xin cầu, tôi xin lụy, công xin bồi, việc duyên nợ vì tôi, sớm vì xe dôi.

*Xã Nhái ngâm :*

Chim khôn chết mệt vì mồi,  
Gái khôn vẫn muốn kết đôi nhà giàu.  
Chỉ hiềm chữ nghĩa không lâu,  
Mặt không phương-tượng khó màu  
[mối manh,

*Ca tiếp kim tiền :*

Chừ sao khéo chi thiên-hạ, chuộng lạ trêu người, chuộng lạ trêu người, sao bày thơ đối làm chi, sao sao bày thơ đối làm chi, mối đi nhưng sợ, khó mối vợ mối vợ chi xong, mối không xong vợ, mắc nợ.

Nói lời :

Tôi vẫn hay mối vợ, vì mắc nợ ông chồng, song Xuân-Hương hay kén phượng kén rồng, mà ông tổng đẹp hơn giới hơn cũ, chữ thì không có, việc khó có xong, chỉ lập cách lặn sòng, họa may ra mới được, a ông tổng.

*Ngâm :*

Dù toan bện sợi tơ hồng,  
Mượn người thay hạt lặn sòng mới nên.

*Tông Cóc vội cầm gương soi nói lời :*

Hừ kè trông mặt thì mình không xấu quá, mà bầm lòng thì chữ chả được hay, rõ như thế mới cay, nghĩ tới nay thật đắng, xin nhờ anh hãy gắng, họa nên việc là may, bay đi mời cậu Chiêu-Hồ đến đây, thầy thử cậy thay lối hằm để được, đó chi.

*Thằng Ương thằng Ôp dạ, đi mời cậu Chiêu.*

*Tông Cóc ngồi ngâm :*

Cũng là duyên nợ ly-ký,  
Thay oanh đổi en việc gì chẳng xong.

*Nói lời bảo xã Nhái :*

A này bác, như cậu Chiêu người tinh-hoa coi rất mỹ-miền, đờng chữ-nghĩa thật là sách-súc, tôi vẫn nuôi làm bạn học, nay từng chứa ở trong nhà, giờ mượn hẳn vin hoa, ai hay mình xô-lá, a bác.

*Xã Nhái nói lời đáp :*

Đó thật là may quá, hẳn việc ấy là xong, thử đem cậy thay hồng, ai biết hồng hay bướm, a bác.

*Cậu Chiêu-Hồ ra, tông Cóc mời ngồi thết trà, vân vân :*

*Cậu Chiêu-Hồ nói lời hỏi :*

Dạ thưa bác, chẳng hay bác có việc chi, tìm en nghe khẩn quá, thằng Ương vừa giục-giã, thằng Ôp lại mời luôn, thấy bảo việc thế-hôn, em lấy làm kỳ-sự, a bác.

*Ngâm :*

Trăm năm chút nghĩa đèo bòng,  
Có ai thay trám đổi hồng lạ sao.

*Tông Cốc nói lời:*

A cậu Chiêu, này bác xã, ở Xuân-Hương kén chồng ra màu sông-sã, thì mình đây kén vợ cũng phải lọc-lựa, bác là người đẹp mặt hay thơ, em nay chỉ nhiều tiền sẵn bạc, giờ bác sang đối chác, cứ nhận bảo là chồng, rồi em đánh lộn sông, cưới về sau nhận vợ, dù hết bao nhiêu của nữa, thì đây cũng chớ chi cần, mình vốn vạn thân, sự chi mà lạ, a bác.

*Ngâm:*

Anh em vốn bạn tông-bào,  
Dấu răng đôi mặt thay đào mà chi.

*Nói lời bảo xã Nhái:*

À bác xã, trông cậu Chiêu, người rõ đẹp đáng yêu, học lại nhiều hay chữ, vì mình toan sự, ắt việc phải xong hẳn chớ.

*Xã Nhái nói lời đáp:*

Phải phải, cậu Chiêu thật khôi-ngô vạm-vỡ, lại là người súc chữ hay thơ, dấu mình trông thấy cũng ưa, hẳn gái nom là chết mệt, ông tông nói lời đã hết, cậu Chiêu thôi cũng giúp đi.

*Ngâm:*

Việc này xin chớ hồ-nghi,  
Trở hươu là ngựa hiêm chi trò đời.

*Cậu Chiêu Hồ cười nói lời đáp:*

Vấn nghe nói, cũng nề lời, song bật cười về sự lạ, vì ai khéo kén canh chọn cá, để người đem dứ chả là chim.

*Ngâm:*

Đẽ lòe yếm thắm tròn kim,  
Làm chi bụng mắt bắt chim nực cười.

*Tông Cốc thấy cậu Chiêu ngẩn ngừ, ca hành-vân dõ:*

Cậu Chiêu hời, cậu Chiêu hời, hời bạn bạn mình ơi, hồ trắng tuyết tỏ nét hoa tươi, Xuân-Hương đã kén chọn, người quan-khách, tranh đề thơ, lựa mặt tài-hoa, song mà em đã xấu mặt, chừ cay ngắt, bắt đề thơ, mẹo toan lựa, bạn mình sang đối, chắc lòng ưa lòng ưa.

*Xã Nhái ca tiếp hành-vân:*

Tình chim cá, là chi ngờ, lựa nước như cò, sẽ tùy cơ tùy cơ, hết bao nhiêu ông tông xin đưa, liệu bài đối đáp, cưới về sẽ đôi dây tơ.

*Nói lời:*

Ông tông đã hết lòng, cậu Chiêu nên giúp sức, cậu ra tài học-thức, tôi lựa mực đon đưa, dù chưa bén sợi dây tơ, nên trước hãy đưa khối bạc, đó sao.

*Ngâm:*

Đã hay là nghĩa đồng-bào,  
Muốn thay chỉ thắm hãy trao tiền vàng.

*Tông Cốc nói lời tiếp:*

Được được, cậu Chiêu thật tích dẽ-dàng, bác xã cũng người mau-mẫn, cưới mấy nghìn đây tôi cũng dẫn, hãy rằm trăm đưa sẵn các ngài, xin giúp sức giúp tài, tiếc gì công gì của.

*Ngâm:*

Gọi là một chút dãi riêng,  
Nên công nao biết mấy khiêng hỏa hồng

*Cậu Chiêu-Hồ ca kim-tiền đáp:*

Đó ai nề vì ai, ông nguyệt xe dây buộc bầy người, mà sao buộc bầy người, nề vì ai khéo mà trêu ai, ai cần tài ai cần sắc, ai so người cũng trêu ghẹo mà chơi, biết mình trêu người, chừ ai kém chi thiên-hạ, sự lạ mua cười, sự lạ mua cười, ư thì sang đối mà chơi, ư ư thì sang đối mà chơi, chi ai mà sợ, thử lấy vợ lấy vợ cho ai, chi ai mà sợ lấy vợ.

*Nói lời:*

Ừ quan bác nặng tình, thì đây tôi giúp sức, còn như tiền thưởng-thức thì giao mặc mỗi manh, cốt sao nên việc tốt lành, sau phải dãi tôi cho tử-tử, a quan bác.

*Ngâm:*

Ông tơ không thiết hoa-hồng,  
Hãy cho con dện cuốn vòng tơ giăng

*Tổng Cóc nói lối đáp :*

Đây việc em mượn gió bẻ măng, mà lòng bác như trắng in nước, vậy xin sắm hành-trang tiên bước, hễ việc xong báo trước biết tin, dù họ thách cưới mấy nghìn, quyết không xin đồng kẽm, a quan bác.

*Ngâm :*

Việc này mượn gió bẻ măng,  
Có xong xin trước lựa chừng đưa tin.

*Xã Nhái thấy cậu Chiêu bảo tiền giao cho mỗi mình quá, vội cầm tiền bỏ vào, ngâm tiếp :*

Việc xong chưa biết, bao nhiêu,  
Năm trăm mỗi hũ bỏ liều vào bao.

*Tổng Cóc nói lối đáp :*

Được được, vậy thẳng Ớp thẳng Ương theo cậu Chiêu bác Xã, đến nơi bay hầu hạ, được việc trở về ngay, để báo trước cho thầy, liệu ngày thầy cưới vợ, a bay.

*Ương Ớp dạ, cùng mình hát dịp đãi :*

Dạ bẩm thưa thầy, thầy sai Ương Ớp, hai bầy - tớ « Xốp », ăn mặc rõ « bốp », lợp cộp đi hầu, tinh tinh-tinh hầu, qua lối nọ hầu theo (1). Hầu điều cậu Chiêu, đi theo bác Xã, đến nhà cô ả, giả danh hầu-hạ, xem ngã chiều nào,

tinh tinh tinh nào, qua lối nọ nào hay (2). Thầy dặn về ngay, để thầy liệu cưới, mượn bông thay bướm, chắc có con gái, nhấp phải hơi gừng, tinh tinh tinh gừng qua lối nọ gừng cay.

*Tổng Cóc mừng thét lối :*

Ủa những đứa mới hay, chi mà nói hổ, việc thầy cưới vợ, nhờ cậu làm chồng, phải kín đó.

(Ha)

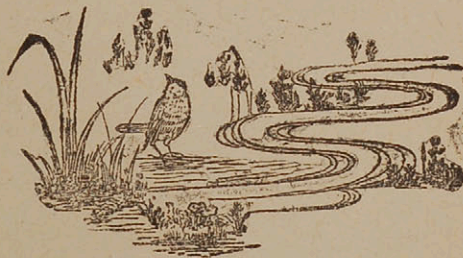
*Cậu Chiêu-Hồ xã Nhái và Ương Ớp cùng ra, hát đường trường đi :*

Cái con chim oanh học nói trên đầu ngành, hỏi ai song bên xe sợi y ối y mà dễ sợi tơ mảnh vương dây; ai ơi, song ai người buộc chỉ cổ tay. (Láy), chim đậu song bên thì bắt y ối y mà dễ có chim bay thời dừng, ai ơi, song ra tay thử bắt cái chim rừng. (Láy), bởi con chim khôn song bên mắc bối y ối y mà dễ bối cổ gừng vương tơ; ai ơi, song đường nào mà con chim mây bay hồng bay bơ. (Láy), con cá khôn song bên tránh dây y ối y mà dễ tránh lờ mây mắc phải dăng; ai ơi song cô đi mình tránh khỏi chúng anh chằng.

(Hạ màn)

(Lòn nũa)

NGUYỄN THỨC-KHIÊM



# MANH-TỬ QUỐC-VĂN GIẢI-THÍCH (1)

## 孟子國文解釋

XXV

V

下能天子有下堯萬  
與以子曰。諸。與以章  
人。天不否。孟舜。天曰。

Dịch-âm. — Vạn-Chương viết :  
« Nghiêu dĩ thiên-hạ dĩ Thuấn, hữu  
chư ? » Mạnh-tử viết : « Phủ, thiên-  
tử bất năng dĩ thiên-hạ dĩ nhân. »

Dịch - NGHĨA. — Vạn - Chương hỏi  
rằng : « Ông Nghiêu lấy thiên-hạ cho  
ông Thuấn, sự ấy có chăng ? » Thầy  
Mạnh nói rằng : « Không, đáng thiên-  
tử không thể được lấy thiên-hạ  
chuyên cho người. »

與曰。與也。天舜然  
之。天之。孰下有則

Dịch-âm. — « Nhiên tắc Thuấn hữu  
thiên-hạ dã thực dữ chi ? » Viết :  
« Thiên dữ chi. »

Dịch - NGHĨA. — Vạn - Chương hỏi  
rằng : « Thế thì ông Thuấn có thiên-  
hạ, ai cho đấy ? » Thầy Mạnh nói  
rằng : « Trời cho đấy. »

之然諄之天  
乎。命諄者。與

Dịch-âm. — « Thiên dữ chi giả,  
chuán-chuán nhiên mệnh chi hồ ? »

Dịch - NGHĨA. — Vạn - Chương hỏi  
rằng : « Bảo là trời cho đấy, thì trời  
bảo cho rõ-ràng đấy ư ? »

已之事行言。天曰。  
矣。而示與以不否。

Dịch-âm. — Viết : « Phủ, thiên bất  
ngôn, dĩ hạnh dữ sự thì chi nhi dĩ hĩ. »

Dịch - NGHĨA. — Thầy Mạnh nói  
rằng : « Không, trời không nói, trời  
chỉ nhân cái hạnh và sự làm của ông  
Thuấn, mà bảo lấy ý mà thôi. »

Chú-giải—Hạnh = Cái nết làm để sửa mình,  
Sự = cái công việc thi-thố ra thiên-hạ. Cái nết  
và việc làm của ông Thuấn mà không ngăn-trở  
gì, là ý trời bảo cho đấy.

事民於諸大夫天子天曰曰  
示受天侯與能之與天子能  
之之而而與之之使使使使  
而故天受之暴之於民而  
已日不言以行與

Dịch âm. — Viết : « Dĩ hạnh dữ sự  
thì chi giả, như chi hà ? » Viết :  
« Thiên-tử năng tiến nhân ư thiên, bất

(1) Xem tiếp N.-P. số 134

năng sử thiên dữ chi thiên-hạ ; chư-hầu năng tiến nhân w thiên-tử, bất năng sử thiên-tử, dữ chi chư-hầu ; đại-phu năng tiến nhân w chư-hầu, bất năng sử chư-hầu dữ chi đại-phu. Tịch-giả Nghiêu tiến Thuấn w thiên, nhi thiên thụ chi, bộc chi w dân, nhi dân thụ chi ; cổ viết thiên bất ngôn, dĩ hạnh dữ sự thị chi nhi dĩ hi. »

DỊCH - NGHĨA. — Vạn - Chương hỏi rằng : « Trời nhân cái hạnh và sự làm của ông Thuấn mà bảo lấy ý thì như thế nào ? » Thầy Mạnh nói rằng : « Đấng thiên-tử có thể tiến người tài đức lên trời, để sắp phó-thác cho thiên-hạ, nhưng không thể khiến trời tất phải cho người ấy thiên-hạ ; cũng như nước chư-hầu có thể tiến người lên đấng thiên-tử, nhưng không thể khiến đấng thiên-tử tất phải cho người ấy ngôi chư-hầu ; quan đại-phu có thể tiến người lên vua chư-hầu, nhưng không thể khiến vua chư-hầu tất phải cho người ấy chức đại-phu. Ngày xưa ông Nghiêu tiến cái đức ông Thuấn với trời mà trời thuận chịu, tổ giải cái đức ông Thuấn với dân mà dân thuận chịu ; cho nên bảo rằng trời không-nói, trời chỉ nhân cái hạnh và sự làm mà bảo lấy ý mà thôi ».

天。之。受。事。天。主。民。天。曰。  
下。故。之。治。受。祭。而。受。之。問。  
與。曰。也。百。之。而。之。之。暴。薦。  
人。天。天。姓。使。百。如。暴。之。之。  
子。與。安。之。神。何。之。於。於。  
不。之。之。主。享。曰。於。於。  
能。人。是。事。之。使。民。天。  
以。與。民。而。是。之。而。而。

Dịch-âm. — Viết : « Cảm vấn tiến chi w thiên nhi thiên thụ chi, bộc chi w dân nhi dân thụ chi, như hà ? » Viết :

« Sử chi chủ tế nhi bách thần hưởng chi, thị thiên thụ chi ; sử chi chủ sự nhi sự trị, bách linh an chi, thị dân thụ chi dã ; thiên dữ chi, nhân dữ chi, cổ viết thiên-tử bất năng dĩ thiên-hạ dữ nhân.

DỊCH-NGHĨA. — Vạn - Chương hỏi rằng : « Dám hỏi cái sự-thực tiến với trời mà trời thuận chịu, tổ giải với dân mà dân thuận chịu, như thế nào ? » Thầy Mạnh nói rằng : « Ông Nghiêu khiến ông Thuấn chủ việc tế mà trăm thần hâm-hưởng, thế là trời thuận chịu ; ông Nghiêu khiến ông Thuấn chủ mọi việc mà mọi việc trị, trăm họ yên, thế là dân thuận chịu ; trời cho đấy, dân cho đấy, cho nên bảo rằng đấng thiên-tử không thể được đem thiên-hạ chuyển cho người.

子。天。舜。謳。舜。諸。舜。能。舜。  
是。子。故。歌。訟。侯。避。為。舜。  
篡。位。曰。者。獄。朝。堯。也。堯。二。  
也。焉。天。不。者。觀。之。天。十。  
非。而。也。謳。不。者。子。也。有。  
天。居。夫。歌。之。不。於。堯。崩。八。  
與。堯。然。堯。堯。之。南。河。三。  
也。之。後。之。之。堯。河。年。非。  
宮。之。子。子。之。之。南。之。喪。人。  
逼。中。而。而。子。而。天。下。之。所。  
堯。踐。歌。舜。之。之。

Dịch-âm. — « Thuấn vương Nghiêu nhi thập hữu bát tải, phi nhân chi sở năng vi dã, thiên dã. Nghiêu băng, tam niên chi tang tất, Thuấn ty Nghiêu chi tử w Nam-hà chi nam, thiên-hạ chư-hầu, triều-cận giả bất chi Nghiêu chi tử nhi chi Thuấn, tụng ngục giả bất chi Nghiêu chi tử nhi chi Thuấn, ôu ca giả bất ôu-ca Nghiêu chi tử nhi ôu-ca Thuấn, cổ viết thiên dã, phù nhiên-hậu chi trung-quốc tiên thiên-tử vị yên. Nhi

ư Nghiêu chi cung, bực Nghiêu chi tử,  
thì thoán dã, phi thiên dữ dã.

Dịch-Nghĩa. — « Ông Thuấn làm  
trưởng giúp ông Nghiêu, lâu đến hai  
mươi tám năm, chẳng phải sức người  
có thể làm ra được, thực là trời làm  
ra vậy. Đến khi ông Nghiêu mất tang  
ba năm xong, ông Thuấn tránh con  
ông Nghiêu, ra ở mé nam đất Nam-  
hà; nước chư-hầu trong thiên-hạ, kẻ  
đi triều-yết chẳng đi triều-yết con ông  
Nghiêu mà đi triều-yết ông Thuấn,  
kể kiện việc ngục chẳng đi kiện về con  
ông Nghiêu mà đi kiện về ông Thuấn,  
kể ngợi hát chẳng ngợi hát con ông  
Nghiêu mà ngợi-hát ông Thuấn cho nên  
bảo rằng trời cho ông Thuấn vậy; rồi  
sau ông Thuấn mới đi về chốn trung-  
quốc lên ngôi thiên-tử. Nếu ông Thuấn  
thừa lúc ông Nghiêu mất, mà vào ở  
cung ông Nghiêu, cưỡng-bách con ông  
Nghiêu, thì là cướp ngôi vậy, không  
phải là trời cho vậy.

也。此 我 天 我 天 太  
之 民 聽 民 視 誓  
謂 聽。自 視。自 曰。

Dịch-âm. — « Thái-thê viết : « Thiên  
thị tự ngã dân thì, thiên thính tự ngã  
dân thính, » thử chi vị dã. »

Dịch-Nghĩa. — « Thiên Thái - thê  
trong kinh Thư có nói rằng : « Trời  
nom, theo ở dân ta nom; trời nghe,  
theo ở dân ta nghe. » tức là nghĩa ấy. »

Chú-giải. — Toàn chương này là nói ông  
Nghiêu truyền ngôi cho ông Thuấn, thực là  
chí-công, cứ theo mệnh trời mà truyền ngôi  
cho, mà mệnh trời thì nghiệm ở ý dân, vậy nên  
dẫn lời thiên Thái-thê để kết-thúc chương  
này, để rõ ra rằng đấng thiên-tử không thể tự  
đem thiên-hạ chuyên cho người được.

VI

而謳歌啓。曰吾君之子也。  
益避禹之子於箕山之陰。朝覲訟獄者不之  
從。舜也。禹薦益於天。七年。禹崩。三年之喪畢。  
天下之民從之。若堯崩之後。不從堯之子而  
七年。舜崩。三年之喪畢。禹避舜之子於陽城。  
與賢。天與子則與。昔者舜薦禹於天。十有  
而傳於子。有諸。孟子曰。否。不然也。天與賢則  
萬章問曰。人有言。至於禹而德衰。不傳於賢

Dịch-âm. — Vạn Chương vẫn viết :  
« Nhân hữu ngôn: Chi ư Vũ nhi đức suy,  
bất truyền ư hiền nhi truyền ư tử, hữu  
chư? » Mạnh-tử viết: « Phủ, bất-nhiên  
dã; thiên dữ hiền tắc dữ hiền, thiên  
dữ tử tắc dữ tử. Tích giả Thuấn tiến  
Vũ ư thiên, thập hữu thất niên, Thuấn  
băng, tam niên chi tang tất, Vũ tị  
Thuấn chi tử ư Dương-thành, thiên-hạ  
chi dân tông chi, nhược Nghiêu băng  
chi hậu, bất tông Nghiêu chi tử nhi  
tông Thuấn dã. Vũ tiến Ích ư thiên,  
thất niên, Vũ băng, tam niên chi tang  
tất, Ích tị Vũ chi tử ư Co-sơn chi âm,  
triều-cận tụng-ngục giả bất chi Ích  
nhi chi Khải, viết: Ngô-quân chi tử dã,  
âu-ca giả bất âu-ca Ích nhi âu-ca Khải:  
Viết: Ngô-quân chi tử dã.

Dịch-Nghĩa. — Vạn - Chương hỏi  
rằng : « Người ta có nói rằng : Đến  
ông Vũ mà đức suy, chẳng truyền  
thiên-hạ cho người hiền mà truyền  
cho con, có phải thế không? » Thầy  
Mạnh nói rằng : « Lời nói ấy không  
phải, thành-nhân làm việc gì cứ tùy theo  
mệnh trời; trời cho người hiền thì  
truyền cho người hiền, trời cho con  
thì truyền cho con. Ngày xưa ông

Thuấn tiền ông Vũ với trời, ông Vũ làm tướng mười bảy năm; kịp khi ông Thuấn mất, tang ba năm xong, ông Vũ tránh con ông Thuấn, ra ở đất Dương-trành; dân trong thiên-hạ theo ông Vũ, cũng như sau khi ông Nghiêu mất, dân chẳng theo con ông Nghiêu mà theo ông Thuấn vậy. Ông Vũ tiền ông Ích với trời, ông Ích lên làm tướng bảy năm; kịp khi ông Vũ mất, tang ba năm xong, ông Ích tránh con ông Vũ, ra ở chốn hang sâu núi Co-sơn; kẻ đi triều-yết, kẻ kiện việc ngục, chẳng về với ông Ích, mà về với con ông Vũ là ông Khải, nói rằng ông Khải là con vua ta vậy; kẻ ngợi hát chẳng ngợi hát ông Ích, mà ngợi hát con ông Vũ là ông Khải, nói rằng Khải là con vua ta vậy.

天也。莫之致而至者命也。所不能致而者。之賢不肖。皆天也。非人之子。久舜禹相去久遠。其未。禹也。歷年少。施澤於民。能敬承繼禹之道。益之相。歷年多。施澤於民。久。啓賢。肖舜之相堯禹之相舜也。丹朱之不肖。舜之子亦不。

Dịch-âm. — « Ban-Chu chi bất tiếu, Thuấn chi tử diệc bất tiếu, Thuấn chi tướng Nghiêu, Vũ chi tướng Thuấn dã, lịch niên đa, thi trạch v dân cửu; Khải hiền năng kính thừa kế Vũ chi đạo, Ích chi tướng Vũ dã lịch niên thiểu, thi trạch v dân vị cửu, Thuấn, Vũ, Ích tương khừ cửu viễn, kỳ tử chi hiền bất tiếu, giai thiên dã, phi nhân chi sở năng vi dã; mạc chi vi nhi vi giả thiên dã, mạc chi trí nhi chí giả mệnh dã.

DỊCH-NHĨA. — « Con ông Nghiêu là Ban-Chu là kẻ bất-tiểu, con ông Thuấn là Thương-Quân cũng là kẻ bất-tiểu; mà

ông Thuấn làm tướng giúp ông Nghiêu, ông Vũ làm tướng giúp ông Thuấn, thì trải năm nhiều, gia ơn-trạch cho dân lâu ngày; thiên-hạ chẳng về với con ông Nghiêu mà về với ông Thuấn, chẳng về với con ông Thuấn mà về với ông Vũ là vì thế. Ông Khải là kẻ hiền, biết đem cái đức cung-kính thừa-kế cái đạo ông Vũ, mà ông Ích làm tướng giúp ông Vũ, thì trải năm ít, gia ơn-trạch cho dân chừa lâu ngày; thiên-hạ về với con ông Vũ, mà chẳng về với ông Ích là vì thế. Ông Thuấn, ông Vũ, ông Ích đều làm tướng, mà lâu ngày ít ngày khác nhau xa; ông Nghiêu ông Thuấn ông Vũ đều có con, mà ông Vũ con hiền, ông Nghiêu ông Thuấn con bất-tiểu, những sự ấy đều là trời vậy, chẳng phải sức người làm ra được vậy; chẳng ai làm ra, mà có cái lẽ tự-nhiên làm ra đó, là trời vậy; chẳng ai với đến, mà có cái số nhất-định đến đó, là mệnh vậy.

Chú giải. — Bất-tiểu = Người con hư hèn, cái đức chẳng giống cha.

有仲之天。尼者。子又薦有禹。必下而。若舜德。匹夫而。者。天。又。有。禹。必。下。而。者。天。又。有。禹。必。下。而。

Dịch-âm. — « Sát-phu nhi hữu thiên-hạ giả, đức tất nhược Thuấn Vũ, nhi hựu hữu thiên-tử tiến chi giả, cổ Trọng-Ni bất hữu thiên-hạ.

DỊCH-NHĨA. — « Kẻ sát-phu mà có thiên-hạ, đức tất như ông Thuấn ông Vũ, mà lại có đảng thiên-tử tiến lên cho. Vậy nên ông Khổng-tử mà không có thiên-hạ, là vì đức tuy thánh mà chẳng có thiên-tử tiến cho.

Chú giải. — Tự đây trở xuống là thầy Mạnh nhân bản sự ông Vũ ông Ích, mà nói thêm ra sự ông Khổng-tử và sự ông Y-Doãn ông Châu-công, để rõ ra cái nghĩa thánh-nhân được thiên-hạ với chẳng được thiên-hạ, đều bởi ở trời.

天公伊也。桀廢。天有繼  
下。不尹故紂必之天世  
有周益者若所下。以

Dịch-âm. — « Kế thế dĩ hữu thiên-hạ, thiên chi sở phế, tất-nhược Kiệt Trụ giả dã ; cố Ích, Y-Doãn, Châu-Công bất hữu thiên-hạ.

DỊCH-NGHĨA. — « Nói-dối công-đức tổ-tôn để có thiên-hạ, trời mà ghét-bỏ tất là con cháu có đại-ác như ông Kiệt ông Trụ. Vậy nên ông Ích, ông Y-Doãn ông Châu-công chẳng có thiên-hạ, là vì đức dẫu thánh, thiên-tử dẫu tiên, mà kẻ nối đời làm vua khi ấy không đến nỗi như Kiệt Trụ.

歸聽桐。甲尹甲丙下。伊  
于伊處悔放頗二湯尹  
毫。尹仁過。之覆年。崩。相  
之遷自於湯仲太湯  
訓義。怨桐。之壬丁以  
已三自三典四未王  
也。年艾。年。刑。年。立。於  
復以於太伊太外天

Dịch-âm. — « Y Doãn tướng Thang dĩ vương ư thiên-hạ, Thang băng, Thái-Đình vị lập, Ngoại-Binh nhị niên, Trọng-Nhâm tứ niên, Thái-Giáp diên phúc Thang chi diên-hình, Y-Doãn phóng chi ư Đổng tam niên, Thái-Giáp hồi quá, tự oán tự nghệ, ư Đổng xử nhân thiện nghĩa, tam niên dĩ thánh Y-Doãn chi huấn kỹ dã, phục qui vu Bạc.

DỊCH-NGHĨA. — Ông Y-Doãn làm tướng giúp vua Thang, để trị trong thiên-hạ ; kịp khi vua Thang mất, con trưởng vua Thang là Thái-Đình chữa lên ngôi mà chết, con thứ là Ngoại-Binh lên ngôi hai năm, Trọng-Nhâm lên ngôi bốn năm, rồi đến cháu vua Thang là Thái-Giáp làm nghiêng đổ

phép-tắc vua Thang. Ông Y-Doãn đuổi Thái-Giáp ra đất Đổng ; được ba năm Thái-Giáp biết hối lại điều lỗi, tự trách mình tự trị mình, ở đất Đổng, ở theo điều nhân, dời theo điều nghĩa, trong ba năm chuyên nghe lời ông Y-Doãn dạy mình, ông Y-Doãn lại đem Thái-Giáp về đất Bạc.

Chú-giải. — Bạc = Nơi quốc-dô nhà Thương. Đây là kể ra sự ông Y-Doãn giúp vua Thang có công-nghiệp to như thế, mà cũng chẳng được có thiên-hạ.

殷之伊於益下。有之周也。於尹夏。之猶天不公

Dịch-âm. — « Châu-công chi bất-hữu thiên-hạ, do Ích chi ư Hạ. Y-Doãn chi ư Ân dã.

DỊCH-NGHĨA. — « Ông Châu-công sở dĩ chẳng có thiên-hạ, cũng như ông Ích ở về đời nhà Hạ, ông Y-Doãn ở về đời nhà Ân vậy.

也。義繼。殷夏虞曰。孔  
一其周后禪。唐子

Dịch-âm. — « Khổng-tử viết ; « Đường Ngu thiện, Hạ-hậu, Ân, Châu kể, kỳ nghĩa nhất dã. »

DỊCH-NGHĨA. — « Ông Khổng có nói rằng : « Nhà Đường nhà Ngu truyền ngôi cho người hiền, nhà Hạ nhà Ân nhà Châu để cho con nối ngôi, cái lẽ phải như nhau vậy. »

Chú-giải. — Thiện = Truyền ngôi. Kế = Nói ngôi.

Đây là dẫn lời ông Khổng mà nói rõ rằng truyền hiền truyền tử đều là theo mệnh trời mà hợp nghĩa cả, chớ không phải đến ông Vũ đức đã suy mà truyền cho con cháu.

(Còn-nữa)

TÙNG-VĂN VÀ ĐÔNG-CHÂU DỊCH

# NHẬT NỘ VI HỒNG-NHAN

— 怒 爲 紅 顏

(Lịch-sử tiểu-thuyết)

## V

### HỒI THƯ NĂM

Phẫn huyện-quan Lý-Nham theo  
đang loạn,

Phá Kinh-bắc Lý Sấm bắt nàng  
Viên.

Ngưu Kim-Tĩnh nói ra Lý-Nham là người có học-vấn thao-lược, có thể giúp được việc mình với Lý-Sấm. Lý-Sấm tuy là con người thô-mãnh, nhưng cũng từng nghe cồ-lai đế-vương thành-sự, tất có một người làm chức quân-sư để mưu mô mọi việc; cho nên nghe Kim-Tĩnh nói, rất lấy làm hoan-nghehnh, tức-khắc muốn đón Lý-Nham về làm mưu-chủ cho mình, liền thương-lượng với Kim-Tĩnh để đi đón Lý-Nham.

Nguyên lai Lý-Nham cũng là người tỉnh Thiềm-tây huyện Mễ-chi, thông-minh tự thừa nhỏ, rất có tài-năng, hai mươi tuổi thi đỗ tú-tài, rồi ở nhà không cần tiến-đạt nữa; làm người thi vốn có bụng nhân-từ, gia-tư lại phong-phú, phạm chốn lân-lý có kẻ già-yếu khốn-cùng, thường đem của ra chu-cấp cho. Vả lai Lý-Nham đối với trong hương-lý cũng là một kẻ thân-sĩ có phẩm-vọng, cho nên người trong hương-lý hết thấy rất kính mến Lý-Nham.

Năm ấy gặp phải năm mất mùa phụ-cận các hương-lý miền Lý-Nham ở, nắng dữ chẳng mưa, trăm loài sinh-vật đều khô-héo, dân đói lưu-ly, đầy ở ngoài đường. Lý-Nham trong tâm rất lấy làm thương-xót, tức-khắc làm tờ bầm, bầm lên huyện-quan, kêu tố tình-

hình nằng hại trong địa-phương, cư-dân cùng-khổ không có thức ăn, cầu với huyện-quan mở kho phát-chăn cho dân đói. Huyện-quan là Chu Giám-Ân xem tờ bầm của Lý-Nham, bỏ đi không xét. Lý-Nham chờ đợi lâu ngày, chẳng thấy huyện-quan phê-chuẩn ra làm sao, ngờ rằng tờ bầm của mình bị kẻ nha-dịch ngăn-trở, liền thân-hành cầu kiến huyện-quan, là ý muốn diện-thỉnh về việc chăn-tế. Huyện-quan là Giám-Ân biết rằng Lý-Nham chỉ đến làm phiền-nhiều mình, định đương-diện hiểu-trách Lý-Nham, khiến Lý-Nham đừng phiền-nhiều mình nữa, cho nên tức-khắc mời Lý-Nham vào. Lý-Nham vào đến huyện-đường tức khắc nói rằng: « Ngày trước hạt-hạ tiểu-sinh tôi từng có tiến-trình một tờ bầm, vì việc địa-phương nằng hại, cư-dân thiếu ăn, khẩn-cầu chăn-tế, chẳng biết ngài đã từng có xét qua cho đấy hay chưa? » Giám-Ân nói rằng: « Bản-chức đã từng xét rồi, thấy là người đọc sách biết lễ, hẳn đã biết cái chốn khó của người làm quan; mấy năm nay các tỉnh miền tây-bắc không chỗ nào là không mất mùa đói khốn, nếu hết thấy chỗ nào cũng chăn-tế thì lấy tiền gạo đâu mà chăn-tế. » Lý-Nham nói rằng: « Việc các địa-phương khác, do các quan lại khác liệu-lý, việc nằng hại ở bản-huyện do ngài liệu-lý, việc nằng hại ở bản-huyện trách-nhiệm ở địa-phương bản-huyện cho nên khẩn-cầu ngài chăn-tế cho dân. » Giám-Ân nói rằng: « Trong bản-

hạt còn có nhiều địa-phương; nếu chần-tế ngay cho địa-phương của thầy, sợ rằng địa-phương khác lại đến cầu-chần-tế, thì biết làm thế nào ? » Lý-Nham trong tâm lấy làm phân-hạn, liền nói rằng : « Vì thấy địa-phương cư-dân lưu-ly khổn-khò, mắt không nở trông, chắc rằng ngài tất cũng có lòng lân-tuất, cho nên lại thỉnh với ngài ; nếu ngài chẳng cho, cũng chẳng dám cưỡng. » Giám-Annói rằng : « Bản-chức há không có lòng lân-tuất, chẳng qua vì sự chần-cấp cho số nhiều thì thực khó lắm ; thầy là người thân-sĩ ở địa-phương, chỉ nên khuyên bảo dân rằng trời làm tai-va, hãng nên thuận-thụ, mong năm sau được mùa sẽ đền-bù cho năm đói mà thôi ; nếu nói sự chần-tế, thì chần-tế sao xiết mà thi-hành được. » Lý-Nham lúc ấy càng nổi giận, liền đáp rằng : « Ngài nói chần-tế sao xiết, mấy năm liền liền thủy-hạn, ngài đã từng chần-tế cho dân một thứ nào, ngài lại bảo tôi khuyên-dỗ dân đói đợi đến năm sau, sợ rằng dân đã chết đói cả rồi còn được trông thấy năm sau được mùa đâu nữa ; ngài chẳng chịu chần-tế cho dân thì chớ, ngài lại trách tôi những điều khuyên-dỗ dân đói, thì ra nghĩa-lý gì. » Giám-Annói rằng : « Thầy là kẻ bất-tự-lượng đến làm phiền-nhiều bản-nha ; bản-chức nói với thầy tử-tế, thầy lại nói ra lời thóa-mạ bản-chức, thử xem bản-chức có trị nổi tội thầy không. » Lý-Nham nói rằng : « Tôi sao từng có thóa-mạ ngài, vì ngài nói không hợp lẽ, cho nên tôi đem lời thành-thực đối với ngài ; nếu ngài chẳng hoan-nghênh, thì tha-hồ ngài đem cái danh-hiệu tú-tài của tôi tâu báo cách đi là cùng ; tôi chẳng có tội gì, thử xem ngài vô-cố mà có giết được nổi tôi không. » Giám-Annói lại càng phát giận nói rằng : « Thầy dám khinh-mạn quan-chức triều-dinh hay sao,

thầy biết phép thì lui ra ngay, bản-chức há lại không có phương-pháp để đối với thầy. » Lý-Nham khi ấy biết rằng Giám-Annói là kẻ lương-tâm táng-tận, không những chẳng có lòng thương dân, lại có ý hại mình, nói cũng vô-ích, mới chẳng làm lễ chào nữa mà ngảnh đầu đi ra. Giám-Annói lại trở theo Lý-Nham mà mắng rằng : « Thầy có hảo-tâm, thì thầy sao chẳng đem của nhà thầy ra mà chần-cấp cho dân. » Lý-Nham nghe nói, cũng chẳng ngảnh đầu đáp lại, thẳng đi ra khỏi huyện-nha.

Lý-Nham về đến nhà, liền nghĩ bụng rằng huyện-quan đã chẳng thương dân lại thách mình sao chẳng đem gia-tài ra mà chần-tế : từ thì hiện nay dân đói như thế, mình cũng chẳng tiếc gì chút của riêng, mà chẳng đem chần-tế để cứu vớt dân. Liền đem tài-sản trong nhà có những thức gì, tặn-số phát ra, để cung-cấp về việc chần-tế. Lúc ấy dân đói thì nhiều, chỉ có tài-sản của một nhà Lý-Nham, chần-tế cũng không thấm vào đâu, khác nào một gáo nước giội vào một xe củi đưng cháy. Liền có số nhiều dân đói kéo đến trước cửa nhà Lý-Nham kêu cầu chần-tế. Lý-Nham không biết làm thế nào, chỉ tự mình ra yên-úi các dân đói, và kể rằng tài-sản nhà mình đã hết sạch-sành-sanh, không còn lấy đâu mà chần-tế được nữa, lại kể ra cái sự-trạng huyện-quan đối với mình khi mình vào huyện bàm-thỉnh chần-tế. Rồi một người truyền đến mười người, mười người truyền đến trăm người, dân đói nhao-nhao cả lên không ai là chẳng phẫn-nộ về một người huyện-quan, liền đến hàng nghìn hàng trăm, thành lũ thành lượt, đồng-thanh kêu hò, đến cả trước cửa huyện-nha cầu phát-chần. Huyện-quan Giám-Annói khi ấy không biết đối-phó ra làm sao, chỉ sai lính huyện đóng chặt cửa huyện lại, mà xua đuổi dân đói đi mà thôi. Duy dân đói thì thanh-thế to-lớn

dữ-mạnh, cho rằng chết đói đã sắp-sửa đến nơi, thì dẫu giết chết cũng không quân, định toan đánh phá cửa huyện, liền ở ngoài cửa huyện cả kêu lên rằng : « Thầy Lý tú-tài đã từng bầm cầu chầu - tế với huyện - quan mây, huyện - quan mây làm chức cha mẹ dân, lại để cho dân chúng ta chết đói, chúng ta nếu chết đói, quyết không để cho huyện-quan mây một mình được sống. » Kể kêu người nói âm-ỹ một hồi. Giám-Ân nghe dân nói, liền ngờ rằng sự này tất là tự Lý-Nham xui-khiến, trong tâm càng phẫn-hận Lý-Nham, đợi dân đói huyện-náo một hồi kéo đi xong, tức-khắc thảo giấy trưng-bầm với quan trên, kể rằng Lý-Nham nay giống với cái giặc họ Trần nước Tề đời Chiến-quốc, tan của riêng để kết lòng người chỉ ở mưu-loạn, lại tụ-tập nhiều người, nào-động nhà-môn, định kích-biến cử-sự, vân-vân. Tờ bầm đến quan tỉnh Thiểm-tây, quan-tỉnh cho rằng tên tội phạm ấy không phải là tầm-thường nhỏ nhặt, tức-khắc phê-chuẩn huyện-quan nã-bắt cho được tên Lý-Nham lên trị-tội.

Lý Nham bình-nhật giao-du vốn rộng, sớm đã có kẻ làm việc trên tỉnh Thiểm-tây đem tin ấy kịp về báo cho Lý-Nham biết. Lý-Nham được tin kinh hãi khôn xiết, nhưng tự nghĩ rằng người quân-tử đọc sách thánh-hiền gặp sự nguy-nạn thì thuận chịu mệnh trời, vốn không có điều gì khó xử. Lý-Nham liền đem sự ấy thung-dung báo cho các bè-bạn thân biết. Sự ấy dần-dần truyền khắp mọi nơi, người này người khác đều biết. Lý-Nham gặp phải tai-va tự-nhiên ấy, đều thương cho Lý-Nham, không thể nhịn được. Cho nên khi lính huyện lần thứ nhất đến nhà Lý-Nham định bắt Lý-Nham thì bọn dân đói chỉ đều bảo nhau rằng chúng ta đã từng chịu ơn Lý tú-tài, phen này chúng ta phải báo ơn dân đói kịp-kịp lũ lụt đi lên cứu nạn, đến cả

trước cửa nhà Lý-Nham, trông thấy bọn lính huyện sắp-sửa trời bắt Lý-Nham, người nào người ấy đều máu giận ở trong tâm phát ra, ùa cả lại đem lính huyện đánh đập như thể vụn cây vụn rã. Lý-Nham khi ấy khốn-khở khuyên-can các người không nên làm như thế, nhưng khuyên-can cũng không được, bọn lính huyện chỉ ôm đầu chạy thoát về huyện.

Lý-Nham liệu biết rằng sự này đã xảy ra thế, không vãn-hồi được, sau này tất có vạ to. Quả-nhiên bọn lính huyện về đến huyện-nha, bảo rằng trong nhà Lý-Nham hiện đã tụ-tập hàng trăm hàng nghìn người, đuổi đánh lính huyện. Huyện-quan Giám-Ân nghe xong, tức-khắc lại tường - bầm với quan trên kể rằng Lý-Nham hiện đã họp người đuổi đánh lính huyện, chỉ ở mưu-loạn, đích-xác không còn phải ngờ ; nay hẳn đã tụ-tập nhiều người, lính huyện không thể bắt nổi, xin bản-tỉnh kịp khởi đại-binh, mới bắt nổi Lý-Nham để trừ mối loạn, vân-vân... Quan tỉnh Thiểm-tây thấy lời bầm, cả phát giận, tức-khắc chuyển-phát số quân số ngựa trong năm dinh, đem đi nã bắt Lý-Nham. Khi đó lại có người kịp đem tin ấy về báo Lý-Nham, Lý-Nham nghe được tin ấy, còn đương trừ-trừ không biết tinh ra sao, đã toan đóng cửa thất cổ tự-vãn. Chợt người nhà báo rằng có người là Ngưu Kim-Tinh lại hỏi thăm. Lý-Nham với Kim-Tinh vốn là bạn quen biết mặt nhau một lần mà thôi. Khi ấy Lý-Nham cái chí tự-vãn đã quyết, không muốn tiếp-kiến Kim-Tinh nữa, chẳng hay Kim-Tinh cứ sùng-sục tiến vào, Lý-Nham bất-dắc-dĩ phải ra tiếp-kiến. Hai người cùng tạm ngồi. Kim-Tinh đã biết Lý-Nham đương bị quan bức-bách, thoát-tiên đem lời yên-ủi Lý-Nham. Lý-Nham than rằng : « Tiều-đệ chẳng ngờ có cái tai-va tự-nhiên, ngày nay được cùng đại-huynh tiếp-kiến, sau này thì không

được trông thấy đại - huynh nữa.» Kim-Tinh hỏi rằng : « Lý-huynh sao lại nói ra lời ấy ? » Lý-Nham liền đem sự-tình đầu đuôi thuật qua cho Kim-Tinh nghe, và nói ra rằng tự mình định tìm lấy một sự chết. Kim-Tinh kinh-ngạc nói rằng : « Lý tú-tài là người cả một địa-phương sở cây trồng, sao nên vô cớ mà tự mình tới chốn chết ! » Lý-Nham nói rằng : « Hiện nay quan-lại họ khởi-động đại-binh, định nã bắt tiêu-đệ, tiêu-đệ muốn trốn chẳng nữa, họ tất tú-xú đi tằm-nã, trốn đâu cho thoát được, kẻ trưng-phu cứ điều nghĩa mà làm, sống chết cũng bởi mệnh trời, sự-thể tiêu-đệ ngày nay, chẳng gì bằng tự mình tìm lấy một cái chết, khỏi bị bọn quan-lại họ làm nhục, rồi sau cũng đến chết mà thôi. » Kim-Tinh nói rằng : « Lý tú-tài chẳng vi như người khác, nếu Lý-huynh nhất-đán chết đi, bọn bần-dân tất cho rằng Lý tú-tài bị quan bức-tử, khỏi lên làm tai-nạn với địa-phương-quan, khi đó chẳng những một nhà Lý-huynh khó giữ được vẹn-toàn mà thực lại làm cái hại lớn cho một phương dân. Nay vì Lý-huynh bày kế, nếu còn có đường sống được, cũng nên lưu lại cái thân mình, để đợi gỡ nạn rửa rủa về sau ». Lý-Nham nói rằng : « Tiêu-đệ không phải là không biết kế ấy, nhưng hiện nay va lớn đến nơi, ai dám chừa mình, mà tìm nơi ẩn náu, cho nên chẳng gì bằng một sự chết. » Kim - Tinh nói rằng : « Lý-huynh hăng cứ yên tâm, tiêu - đệ có một người bạn tốt, hay làm điều nghĩa cứu người nguy-khốn ; nay Lý-huynh hăng tạm náu sang đây, rồi sau ta sẽ bàn tính. » Lý-Nham nói rằng : « Như thế cũng hay, nhưng bỏ người nhà ở lại, thì sao nỡ sống lấy một mình. » Kim-Tinh nói rằng : « Nên cùng với người nhà nhất loạt cùng tránh đi ». Lý-Nham nói rằng : « Như thế thì lại làm phiền-lụy cho qui-hữu lắm. » Kim-Tinh nghe

xong, cố sức nói ra ý chẳng hại gì, nhất - vị thúc - giục Lý - Nham. Lý-Nham chẳng biết làm thế nào, tức-khắc bảo người nhà mau mau thu-thập mọi đồ tế - nhuyên, cùng lia nhà lia cửa, cùng theo Kim-Tinh đảo bước ra đi. Kim-Tinh dẫn thẳng Lý-Nham với gia-quyển Lý-Nham đến chỗ Lý-Sấm ở, chỗ Lý-Sấm với nhà Lý-Nham cách nhau chỉ có vài mươi dặm, chẳng bao lâu sớm đã tới nơi.

Kịp quân-binh của quan đến, thấy trong nhà Lý-Nham không có một người nào, chỉ có đồ-vật làm-lụng ngổn-ngang bỏ lại, biết rằng Lý-Nham đã trốn đi trước rồi. Lúc đó các bần-dân phần nhiều chưa biết Lý-Nham đã trốn đi, chỉ sợ rằng Lý-Nham bị quan-binh bắt đi, người nào người ấy đều chẳng hẹn mà lại, nhất-tề đến cả ngoài cửa nhà Lý-Nham ; thấy quan-binh không bắt được một người nào của nhà Lý-Nham, trong tâm trộm lấy làm hoan-hỉ. Duy trong đám bần-dân cũng có kẻ biết rằng Lý-Nham đã trốn chạy ra nơi « Đả-thiết-diêm » của Lý Sấm, thì-thảo bàn với nhau, kẻ nọ nói một lời, người kia nói một câu, sớm đã bị lọt đến tai quan binh, quan binh liền chuyên đi kéo đến chỗ Lý-Sấm Đả-thiết-diêm. Bọn bần-dân vẫn y-nhiên không lia bỏ, theo sát ở đằng sau đợi quan-binh mà đi, định xem Lý-Nham có bị quan-binh bắt được hay không thế nào mới đành lòng. Lúc ấy một nhà Lý-Nham kẻ già người trẻ hiện đã theo Ngưu Kim-linh đến chỗ Lý-Sấm, đang tiếp-kiến nhau, kẻ này người khác đều giới-thiệu qua họ tên khiến cho nhau biết, các người trong thiết-diêm, đương đối với Lý-Nham ngỏ lời yên-ủi.

Lúc đó, quan binh có hai ba trăm người do viên huyện-quan là Chu Giám-Ân suất-lĩnh, âm-âm kéo lại. Bọn bần-dân theo sau, cũng không kém ba bốn trăm người, bần-dân đã có kẻ chạy

mau đến chỗ Lý-Sấm báo tin trước. Lý-Nham nghe được tin, tức-khắc khóc mà nói rằng: « Ngày nay vì có tiêu-dê một người, mà làm đà-lục đến cả chư-huynh, trong tâm tiêu-dê đối với chư-huynh, thật là bất-nhân; chẳng gì bằng tiêu-dê xin ra tiếp-kiến quan-binh, phó mặc cho họ bắt giết, để khỏi cả lũ cùng bị nan. » Lý-Sấm nói rằng: « Sao có lẽ thế, Lý tú-tài bị bắt thì bọn hồ-lang quan-lại kia sao chịu dung-thứ cho chúng ta, tất cho chúng ta là đồng-đảng oa-tàng mà tận-số nã bắt cho đến kỳ được; vả-lại Lý tú-tài đã đến đây, há có lẽ lại để cho thầy ấy chịu bắt một mình; đây đó đều là nghĩa anh em, sống cùng sống với nhau một ngày, chết cùng chết với nhau một chốn. » Các người nghe nói, đều cho Lý Sấm là nghĩa-khí, người nào người ấy đều phẩn-phát xin bỏ mình để kháng-cự với quan-binh. Lý-Nham nói rằng: « Quan-binh có hai ba trăm người, chúng ta chỉ hơn mười người, đối-dịch thế nào nổi họ. » Lý-Sấm nói rằng: « Chúng ta phẩn-dũng, một người nên địch nổi muôn người, mô này tự có phương-pháp. » Lý-Sấm tức-khắc sai đóng chặt cửa điểm lại dặn bảo các người chia giữ, cố sức chống đánh. Lý-Sấm tay cầm nỏ vai đeo tên một mình trèo lên ngòi ở trên nóc nhà. Chia bảo nhau vừa xong đã thấy đội quan-binh âm-âm kéo đến. Lý-Sấm ngồi cao trông ra, thấy có số nhiều bản-dân theo sau đội quan-binh, kíp lên tiếng cả hò lên rằng: « Hỡi các người dân đói, từng chịu ân nặng của Lý tú-tài, sao chẳng cùng với quan-binh đối-dịch, để cứu giúp cho Lý tú-tài, khỏi bị quan-binh nã bắt. » Lý-Sấm nói xong liền rút tên giương nỏ thừa lúc quan-binh sắp-sửa tới cửa điểm, tức-khắc hướng vào một viên cuội ngựa đi tiên-phong phát tên bắn ra. Chẳng hay viên ấy tức là viên huyện quan Giám-Ân, Giám-Ân bị tên bắn

trúng giữa vai, tự trên mình ngựa ngã lăn xuống, quan-binh kinh-hoảng. Lũ bản-dân khi ấy một là vì nghe được lời kêu hò của Lý-Sấm, hai là vì thấy huyện-quan trúng tên ngã ngựa, người nào người nấy đều reo hò để trợ-oi. Quan-binh thấy bản-dân số nhiều, toan tìm lối tháo-lui. Bản-dân khi ấy có kẻ giơ chân tay không xắn vào đầu-đuôi quan-binh, có kẻ thừa-cơ cướp lấy binh-khí của quan-binh đánh giết quan-binh. Lý-Sấm nhất-diện bắn tên ra, nhất-diện hò kêu người trong điểm mở cửa điểm ra trợ-chiến. Quan-binh đối-dịch không nổi, đều trốn chạy. huyện-quan Giám-Ân cũng mang dấu thương mà thoát chạy.

Bọn Ngưu Kim-Tinh các người, tự lúc quan-binh đã đi rồi, đều có ý dương-dương tự-đắc. Lý-Nham nói rằng: « Chư-huynh chớ vội hoan-hỷ, Chu huyện-viên tuy-vân thua chạy, song họ báo-cáo thượng-quan, tất nhiên tái-khởi đại-binh lại đây, lúc ấy lấy gì để cự-dịch. » Lý-Sấm nói rằng: « Sự đã làm, thì quyết chẳng dờ chùng mà lại thôi, chẳng gì bằng thừa-cơ khởi-nghĩa, để mưu toan sự lớn. » Lý-Nham nói rằng: « Không lương thì chẳng tự được binh, khởi-nghĩa là sự lớn, biết trừ-lương vào đâu cho được? » Ngưu Kim-Tinh nói rằng: « Ở đây không phải là chỗ dung-thân, chẳng bằng trốn đi nơi khác là hơn; nên truyền-bảo cho bọn dân đói rằng chúng ta bị quan-lai bức-bách, cùng sướng-khỏi nghĩa lớn để trừ-bỏ bọn quan-tham lại-ác; kẻ nào tình-nguyện theo thì nên tức-khắc họp lại, kẻ nào chẳng tình-nguyện theo thì nên tùy-tiện tan đi; nếu có nhiều người theo, thì tức-khắc thừa-thế đánh thành cướp đất, khi đó chẳng lo gì chẳng có lương. » Lý-Nham nói rằng: « Khi-giới lại định trừ-biện ở đâu mà ra? » Lý-Sấm nói rằng: « Nếu như khi-giới, thì dự-bị đã lâu. » Lý-Sấm liền đem cái sự tự-

tao quân-khi ngày trước, nói rõ cho Lý-Nham hay. Lý-Nham nói rằng : « Tiêu-đệ ngày nay bị chư-huynh khiên-dẫn lại đây, sự đã đến thế, cũng không biết làm thế nào, tự nay về sau, xin theo ý-kiến chư-huynh. » Lý-Sấm cả mừng.

Lúc ấy bần-dân đói khổ đã lâu, đương không có chỗ kiếm ăn, chẳng ai là chẳng tình-nguyện theo, tức-thời tụ-tập hơn một nghìn người. Lý-Sấm tức-khắc đem những quân-giới tự-tạo ngày trước chia cấp cho các người, các người đều hoan-hỉ tình-nguyện đi. Lý-Sấm liền cùng Lý-Nham thương nghị, định do ven tỉnh Thiềm-tây khởi-trình, thẳng trở tỉnh Sơn-tây tiến-hành.

Chợt đi qua một dãy núi lớn, Ngưu-Kim Tinh nói rằng : « Vùng núi này trước vẫn có một bọn cường-đồ lớn tụ-tập ở trong, chẳng gì bằng ta trước hằng thu-hợp lấy bọn nhân-mã ấy, cộng-đồng khởi-sự là hơn. » Lý-Sấm rất lấy làm phải. Vừa bàn nói xong, chợt nghe có tiếng to quát lên, đã thấy vài mươi kẻ cường-đồ ở trong đám rừng cây nhớ ra, cả thét nói rằng : « Bọn kia tụ-tập nhiều người toan định đi đâu ? » Lý-Sấm đáp rằng : « Chẳng phải nói nhiều, chúng ta đây người ngựa đông nhiều, khi-giới tinh dũng, chắc vài mươi tên các người cũng không đủ làm địch-thủ được, mau mau mời vị chủ-vương trong núi ra đây, ta sẽ có lời tiếp-kiến. Bọn cường-đồ ấy nhất-diện ngăn-trở quân Lý-Sấm, nhất-diện sai người về báo sơn-vương. Phút chốc đã thấy một người diện-mạo hung-tợn, sức lực mạnh-lớn, cưỡi một con tuấn-mã, tay cầm cái giáo dài, từ trên núi bay ngựa xuống tiến lại, đằng sau lại có vài mươi tên cường-đồ nữa đi theo. Lý-Sấm liệu biết rằng địch là kẻ sơn-vương, tức khắc ra tiếp-kiến, bắt đầu nói rằng : « Lại đó phải là vị sơn-thượng đại-vương đây chăng ? Chúng ta bị bọn quan-lại tham-tàn bức-bách,

lại thấy thiên-hạ nhiễu-loạn, cho nên đồng-mưu khởi-nghĩa ; bọn các người nằm ở trong núi, còn biết đến ngày nào xuất-đầu, chẳng gì bằng cùng lũ chúng ta cộng-đồng khởi-nghĩa là hơn. » Kẻ sơn-vương nghe nói, liền xuống ngựa đáp rằng : « Chúng tôi bấy lâu ở trong núi, mười phần khoái-hoạt, đã chẳng thiếu gì ; nay nghe tức-hạ nói cũng hơi có lẽ, xin thỉnh các vị đi lên núi, tạm nghỉ ngựa một chút, để cùng thương-lượng. » Lý-Sấm cả mừng, cũng liền xuống ngựa, cùng với các người nhất-tề đi lên núi.

Nguyên-lai bọn sơn-tặc ấy tức là Trương Hiến-Trung. Khi ấy Hiến-Trung cùng bọn Lý-Sấm các người cùng lên núi, nhất-nhất chia hàng tăn-chủ mà ngồi. Lý-Nham nghĩ bụng rằng người này làm nghề ăn cướp đã lâu, của-cải tích-tụ, tất cũng đã nhiều, nếu được người này tương-trợ, chẳng lo về sự nhân-tiền không có lương, vậy bắt đầu tiến nói rằng : « Tức-hạ hùng-bá một phương, không ai dám địch, thực đủ tự-bào ; duy náu ở trong núi, túng-nhiên một ngày một thịnh, tóm lại chẳng qua là một kẻ giặc cỏ mà thôi, kẻ đại-trượng-phu nên tung-hoành thiên-hạ, há nên tự-phí đi mất cái tư-cách anh-hùng, hiện nay quốc-gia đa-sự, vận Minh sắp tàn, kẻ hào-kiết nên phấn-khởi, lớn thì sẽ quân-lâm thiên-hạ, nhỏ thì cũng cát-cử nhất-phương, muôn-vạn chớ làm mất cơ-hội ấy, xin tức-hạ nghĩ kỹ xem. » Hiến-Trung nghe Lý-Nham nói vỗ đùi cả mừng nói rằng : « Lời của tiên-sinh, rất hợp lòng mô, mô xin kính nghe. » Nói xong Lý-Sấm tức-khắc cùng với Hiến-Trung đem họ tên các người trong đồ-dảng cùng nhau giới-thiệu. Hiến-Trung liền sai mổ trâu giết ngựa, khoản-dãi đồ-dảng Lý-Sấm, đồ-dảng Lý-Sấm vì thêm-thượng đối khổn đã lâu, khi ấy cả ăn cả uống mặc sức yến-âm, khi-lực một đã lên mười. Yến-

âm xong các người đều uống máu ăn thề, hiệp-lực đồng-tâm cùng mưu đại-sự. Các người đều nhường Lý-Sấm làm đầu, còn tự Trương Hiến-Trung trở xuống cũng đều có danh-hiệu riêng, kể có vài mươi danh-hiệu.

Đệ-nhất là Sấm-vương Lý-Tự-thành (tức Lý-Sấm), đệ-nhi là Bát-dại-vương Trương Hiến-Trung, đệ-tam là Ân-thân-bảo Ngưu - Kim-Tinh, đệ-tứ là Quân-sư Lý-Nham, đệ-ngũ là Xung-thiên-băng Phương-Dã-Tiên, đệ-lục là Hồn-thiên-long Mã-Nguyên-Long, đệ-thất là Nhất-chi-Hoa Phương-Thiên-Tử, đệ-bát là Mai-thiết-hồn Mai-Ngô-Xuân, vân-vân. . . . Các đồ-dạng minh-thệ xong, trong vài ngày tức - khắc suất-linh các đội nhân-mã, thẳng trở tỉnh Sơn-tây tiến-phát. Lúc ấy tứ-xứ mất mùa, dân đói chỗ nào cũng nhiều, quân Sấm đi đến đâu có người theo đến đấy, phứt chóc mà đã chẳng kém vài mươi vạn người. Trong quân chỉ có Lý-Nham là người đọc sách hiểu lẽ, còn kỳ-dư đều là loài thô-bạo bất-khâm cả, đi đến đâu lấy sự giết người làm đặc-chí. Lý-Nham rất lấy làm đau lòng, mắt không nở trông, nhưng ngăn-cấm cũng không được. Vì số người quá nhiều, mà lương ăn không có, cho nên đi qua đến châu huyện nào, thì nhất-khải đều cướp-phá lấy sạch sành-sanh. Lý-Nham cũng không biết làm thế nào, đã từng đối với Lý-Sấm khấn-khổ can-ngăn mấy thứ. Hiến-Trung nói rằng nếu không thế, thì lấy đầu tiếp-tế cho quân-lương. Lý-Sấm lại cho lời Hiến-Trung nói là phải, cho nên lúc ấy binh-lửa làm-than mười phần thảm-khốc, thực là cồ-lai chứa từng có.

Quân Sấm đã tiến sang cõi tỉnh Sơn-tây, tức-khắc chia quân, Trương Hiến-Trung chuyên xuống đánh mặt Hà-nam, Lý-Sấm noi tỉnh Sơn-tây trở nẻo Bắc-kinh tiến-phát. Khi ấy tỉnh Sơn-tây có

chân Đại-dồng là nơi xung-yếu nhất, chẳng hay viên Đại-dồng tổng-binh là Khương-Trung thấy thế giặc to lớn, đã sợ-hãi ra hàng giặc, cho nên quân Sấm đi đến đâu, không ại ngăn-trở cả. Vì khi ấy sự phòng-bị ở mặt đồng đưng khần-yếu, việc thủ-vệ ở nội-địa đều không-hư, cho nên giặc Sấm qua thành-ấp nào thế như phá trúc đến đấy. Triều-dinh nhà Minh vì các đạo cáo-cấp, đã từng phái mấy viên đại-thần ra đốc-quân; duy chỗ này tuy đánh được, chỗ kia lại bị thua. Gia-đi giặc Sấm tụ-tập dân đói số người đã đến trăm vạn, kể nào kể ấy đều cho rằng chiến-thắng thì được ăn, chiến-bại thì chết đói; cho nên mỗi khi lâm-trận chiến-đấu, phẫn-dũng đương-tiền, quan-quân địch lại không nổi. Và-lại quân Sấm đi đến đâu thì cướp-bóc lấy lương-thực đến đấy, quan-quân thì còn phải chờ đợi vận-tải, lương-thực thiếu-thốn, quân đều chán-nản ngã lòng. Vì thế giặc Sấm phá-hãm ngay được toàn tỉnh Sơn-tây, thẳng nẻo kéo sang Trực-lệ. Lúc ấy các lĩnh miền Giang-nam có tiếng là phong-phú, gấm vóc ngọc lụa và con gái đẹp nữa, đều hơn các tỉnh miền bắc, cho nên các tướng trong quân giặc đều khuyên Lý-Sấm bắt đầu trước hăng hạ lấy các tỉnh miền Giang-nam. Duy Lý-Nham can rằng: « Nay ta đại-binh đã đấy, bản-chí ở về cùng với nhà Minh tranh thiên-hạ; nếu phá được Bắc-kinh, thì toàn-quốc đều là của ta, hưởng-chỉ quân ta là quân hôn-hợp, không có tiết-chế đã lâu, chuyên-sự phá - cướp giết hại, phải liệu có ngày tiết-chế, không thể làm như thế mãi được; nếu để lâu ngày, nhân-tâm ly-tán, thì đại-thế tất nguy; chẳng gì bằng bắt đầu trước hăng lấy Bắc-kinh. » Lý-Sấm cũng cho lời Lý-Nham nói là phải, liền đem mấy mươi vạn quân tràn sang tỉnh Trực-lệ, tiến đánh Bắc-kinh. Quan-

quân vì cờ bèn nhiều bèn ít không  
dịch nổi, hết thấy đều trông bóng nghe  
gió mà tan vỡ. Một phen ấy làm cho  
Bắc-kinh vỡ, nhà Minh mất, ả Trần  
Viên-Viên hăm-lạc vào trong tay giặc.

Quả là thuở trời đất nổi cơn gió bụi,  
khách má hồng nhiều nổi truân-chiến.

(Còn nữa)

TÙNG VÂN DỊCH

## VĂN-UYÊN

### VĂN CÔ

Văn tế sống hai người con gái  
làng Trường-lưu.

(Thị-Uy và Thị-Sạ)

Than rằng : Chửa phở-cừ trắng  
dịu gió dặt, ngỡ một ngày nên nghĩa  
trăm năm ; doành đào-nguyên nước  
chảy hoa trôi, bỗng nửa bước chia  
đường đôi ngã.

Chữ chung tình nghĩ lại ngậm-ngùi ;  
câu vĩnh-quyết đọc càng buồn-bã.

Nhớ hai ả xưa : Tinh khí dịu-dàng ;  
hình-dung ẻo lả.

Sáng lâu-lâu gương đan-quế vừa  
tròn ; non môn-mởn đá hải-đường  
chưa nở.

Sắc lông mày, sẵn môi sáp, ai ché  
rằng xấu mó-mở ; thấp mái tóc, cao  
đường ngôi, ta xem đã đẹp cha-chả.

Tiếng cười tiếng nói, xem cũng hữu-  
tình ; nước bước nước đi, thực là vô-giá.

Tiết dầy mây trong năm mười bảy,  
nghề thú què dự mực chán xa ; cuộc  
lâm vui vừa cũ giếng hai, bàn cờ tướng  
kén vào con mã.

Khồ vượt-ve đà lời mực hân-hoi ;  
nghề làm ăn chẳng đến điều hèn-hạ.

Khép song gấm nửa thềm hoa rụng,  
giao thái vưng dẹt bực hồi-vấn ; buông  
rèm song bốn chái trắng thâu, nấn  
quai sắt kéo dây nhân-quả.

Rủ-rì năm chị bảy em ; cru-cóp ba  
làng bốn xã.

Con người ta được một thì con gái,  
được thì ăn được thì chơi ; ở đất này  
há hiếm chi đàn ông, chẳng nề quen  
chẳng nề lạ.

Đêm đêm thường ví hát xôn-xao ;  
Ai ai cũng trầu cau dãi-đọa.

Ả nọ o này đông đúc, gái một thì  
chơi cho gặp mùa xuân ; anh kia chú  
nọ rình mò, trai ba phủ quyết đi chơi  
mãn hạ.

Bướm ong khuất-nẻo, thôi quan thì  
dân ; oanh yến ra vào, rộng đường  
quang sá.

Rất lịch-lâm là quân phùng chế,  
cũng vút ra túi thuốc bình hoa ;  
đội thể thân quan họ trong làng, cũng  
đưa đến cân gù quả đá.

Hì về thường nhiều kẻ hân-hoi ; vào  
ra cũng lắm người chẳng chạ.

Trước chái thì tàng-hình thủy-phủ,  
đứng lăm lăm ai liết mô - mở ; trong  
nhà thì thiết-phục long - vương, nằm  
trập-trập hình như đồng mã.

Trai trong làng rình bốn mặt chan  
chan ; chó hàng xóm xưa năm canh rả  
rả.

Biết đủ những ngày trong trứng, vui  
chỉ hơn liều cợt hoa cười ; vị gì một  
chút ngoài da, công đầu lại then cài  
cửa khóa.

Ngán đầu lời nói mà lo ; được thể  
hãy chơi cho thỏa.

Buồng bè chèo giữa dòng nước chảy, mặc dù ai chống ngược chống xuôi ; thả lá ngó trước trận gió nổi, đã nhiều kẻ bỏ nghiêng bỏ ngã.

Hợp chợ xuân nhiều khách vãng-lai ; dạo điểm nguyệt phải khi kinh-quá.

Theo chúng ban cũng ra điều bất ý, ai dám đâu vác chuông đánh đất Đại-minh ; gặp chi em chẳng có lẽ vô-tình, ta cũng phải gánh ngói rao làng Bùi-ngoã.

Yếm nhuộm đào che trước ngực đỏ lôm-lôm ; câu hoa tình dọc bên tai xả-xả.

Quây ngoài sân thì trong làng chín mươi ả : ả ví, ả hát, ả kéo sợi, ả đưa thoi, lại có ả bưng trầu tận miệng, mĩ-nữ như hoa ; léo trên giòng thì quan họ năm bảy ông : ông nói, ông cười, ông ngậm thơ ông đọc truyện, lại có ông đắp áo trùm đầu, cao bằng mấn tọa.

Thoắt đến đây buổi mới lạ-lùng ; xem chẳng khác người quen sông-sã.

Thết đãi mấy đêm một mực, lòng bõ-đề hỉ-xả từ-bi ; xôn-xao nửa khắc ngàn vàng, đàn chân-tế ba-la bát-nhã.

Ba-sinh đành một thú hẹn hò ; một năm được mấy lần chung chạ.

Sừng chuốt lược cũng trong đồng-đạo, trai khôn thầy gái khôn bà nàng ; đá tạc bia ai ở dị-tâm, đất có thổ-công sống có hà-bá.

Đến vườn mong bẻ một cành cam ; dài lòng đã chẻ hai thanh ná.

Quả chanh chén rượu, dãi-dùng khi chơi cửa chơi nhà ; túi vốc khăn the, dạn-dò lúc buồn mảnh buồn già.

Ấn-cần nhiều nỗi thư-từ ; hầu hạ đã từng diều lửa.

Phụt ngọn đèn trước mặt, dẽch sự đời chẳng phải đưa liêu-tám ; dùng tiếng lối sav nhà, dèo mẹ kiếp bông có thằng đại-phá.

Ta đã đành rút cổ như rùa ; ả cũng chớ vật mình như sả.

Giải-kết cho chi, mới đến đây ai dám đoạt gia-tài ; hử ví nhà tôi, một chút nữa sinh ra ăn-đã.

Cửa thập phương mắc khách thừa lưa ; tội nhất xá xin người xử-xả.

Như có phải quýt làm cam chịu, đã trót thì trót, sợ chi điều nói lời nói hành ; song cũng là cú kêu ma ăn, đi không về không, chi đến nỗi gieo ta gieo va.

Ta đã đành mắc tiếng thầy-lay ; chi cũng hóa ra người đi-thỏa.

Mấy kẻ biết người biết của gấm mặc đêm nghĩ lại cũng hoài ; một chốc ra giận ra hờn, bạc gần sáng thổ nào dám gá.

Khoán ước làng cưng nhắc rõ ràng nhân nghĩa cũ nát tươm chó nhả.

Cửa là cửa chó treo mèo dạy, phải giữ gìn cho lắm, làng hôm chiều nửa lòng lơn ; công tiếc công cò mò cò ăn, đi chơi nhón làm chi, tay trắng phải tro mắt nạ.

Tiếng tầm chi đó mặc ai ; ngày tháng còn dài đó đã.

Những ngỡ năm năm trước, hen hồ đã chắc, dễ phụ tình ba chốn bốn nơi ; bao ngờ tháng sáu này, lệ lậu làm sao, bông tống táng một tuần hai ả.

Ồ sao mà quên ta được cho đành nói thể mà lấy chồng thực ru ta.

Công lênh ấy ai còn nhớ đến, cũng cầm bằng ruổi ngựa đường dài ; mới manh kia ta đã biết rồi, thôi cũng chó giầu voi ruộng rạ.

Thế thời mếch chúng ta thực vậy ru ; ừ thôi kinh hai ả cho rồi cả.

Tiếc người ấy gieo mình vào đồng lúa, túc túc gà ; gấm thặng kia là tương giữ nương dưa, dùng dùng qua.

Hãy xem những cửa lạ-lùng ; chẳng trách chi ai mệt mã.

Một đũa thì dặt mũi trâu từ thừa bé, tấc tấc hò-ri ; một đũa thì cắt cổ ngựa đến tận già, từng từng dạ á.

Ồ làm chi một năm thêm một tuổi càng cao ; khéo góm cho hai chi được hai chồng cũng khá !

Thương chắc lấy nó được chắc, làng nước hực-hực lấy nó được chắc.

chúng bạn ta như ghé sỏ rần ; chẻ tôm lại phải ăn tôm, chẻ rau muống luộc lại om rau dứa, lời nói trước như mèo liếm mỡ.

Cha kiếp mình đã ra kiếp lãng-nhãng ; thiết lòng ta cũng ra lòng ruộng-xã.

Hùn hà ngôn tai, đã sao thì vậy, lấy ai cũng đã lấy rồi ; như tư nhi dĩ, đã thế thì thôi, nói mãi ra điều nói chạ.

Mình ở bạc đã ra dương-tổ-chi-gian ; ta cũng đen chẳng biết quan-kiệt-chi-trá.

Bầu-bạn cũ rủ đi hoảy-hoảy, những nhớ câu bất-diệc-lạc-hồ ; nợ nần xưa vô sạch-sành-sanh, quên mất chữ vi-chiều-dung-giả.

Đã biết trước yên-túc quái tai ; xem về sau như chi-hà-dã.

Được đó hãy hay rằng đó, móm son bát sứ mà ăn chan với nước cà ; biết đâu đã hẳn hơn đâu, chần tằm hái dâu vẫn mặc quần nâu áo vá.

Bồng bạc-tinh theo thói o Uy ; chẳng nhân-nghĩa ai bằng ả Sạ.

Những ngõ dứt vòng nẩy xuống giường bịch cái, chẳng lấy năm thời cũng lấy ba ; nào ngờ treo cao sa xuống đất ôi cha, ngõ mất một hóa ra mất cả.

Đã làm chi thế vội-vàng ; thôi chẳng lo gì thông-thả.

Chi những thói cần-cần lửa khắc, chó cậy nhà gà cậy chuồng ; tới khi nhà hỏi hỏi bên mùi, trâu ăn ló bò ăn má.

Lời thề nguyện dĩ-trục thủy-lưu, bức thư văn dụng bằng hỏa hỏa.

Người đến gốc mong bông quả bưởi, há phải đều chúng bạn vô tình ; con sãi chùa thì quét lá đa, thói mặc kiếp nhà bay bất khả.

Gỗ trôi sông khôn trở lại lương-da ; mười đồ bề cũng thiết công lô-xá.

Á về đó bên duyên phải kiếp, cũng chẳng nề mặt mũi đầu gio ; ta bây giờ quá lứa lỡ đôi, chẳng khác chi mình trần trôn chạ.

Ôi nước sông Giang-dinh ; nương khoai Phan-xá.

Giương công chưa phá tan từ trước, làm chi những nổi tá-ơ-m ; nhịp ngọc liêu dành để lại sau, khôn ước những điều hủ-họa.

Dải sông Kỳ vắt-vắt nước trong ; dặm ngàn Hồng đùn đùn mây tỏa.

Nương song cúc rắp hỏi-han ả Tổ, vì đâu mà phận hãm duyên hỏi ; đạo đường hoè dầu gặp gỡ chàng Tiên, từ đây đã người dựng nước lã.

Giận nổi xưa mờ hôi muối dầm-dề ; tưởng nghĩa cũ nước mắt gừng lã-chẽ.

Buồn vì nổi mưa dầm rúc rúc, giận chắc với con trâu đực, ả cầm đèn, ả đi trước dẫn đường ; đau vì khi lửa cháy bằng bằng, ltm gan cha cái gà toi, ả vác búa ả đội lên sập sạ

Tưởng công phu mà chưa đáng đồng tiền ; nhớ nhân-duyên muốn đi cầu ông tá.

Tưởng những lúc tắt đèn dạy truyện, dứt câu này nối câu khác, trăng ngoài hiên khi tỏ khi mờ ; nhớ đến khi đánh đuợc chơi đêm, ở nhà ngoài vào nhà trong, giọt bên chái như tầm như tã.

Rầu-rỉ thay điều thuốc trao tay ; gần bó bầy hạt cơm đình má.

Xây nhớ đến lời ăn lời nói, cảm buồn mặt lợn, tóc trên đầu đếm chẳng hay cùng ; sực tưởng khi đưa sức đưa tài, trơ tráo đầu trâu, gan trong bụng gãi khôn đỡ ngựa.

Có công kể mấy nhật-trình ; lúc ấy chép vào niên-phả.

Nói sao được đường xa dặm ngái bắt chim trời chỉ những sự éo-le ; cực chẳng kể được người xuôi, về cò đất khi vẫn ra điều đôi giá.

Hay chi điều con gái chẻ chông ; chẳng có ai đàn ông ở góa.

Á sang đó bông con cho sớm, mẹ nằm võng cha nằm giường ; ta về đây kiếm chút kéo già, bà ăn thịt ông ăn chả.

Cái đất này lắm chông lắm gai, con chim đã mắc dò mắc nhạ.

Sang chợ Vĩnh rắp than cùng ở Út, đờng đông ấp ấp, thấy mà kinh khấn nhiều quần đảo ; lên chùa Giàng toan tu với sư Viên, rũ sạch lung lung, mua chửa được mũ ni áo vá.

Ở nhà lâu nghĩ cũng bản-thần ; viếng cảnh cũ mượn làm khuấy-khỏa.

Đường cửa hiềm một ngày một ngái, bóng cây tiếng suối, núi giăng giăng con mắt đã mòn ; điểm trên làng càng ngắm càng buồn, ngọn khói hoa mưa, trời thăm thăm mắt người đã lóa.

Hiất-hiu gió trúc mưa mai ; quạnh-quẽ bóng chim tăm cá.

Vì quan họ nên chúng ta mộ dức, bạn hữu quen còn đến rủ bao nhiêu ; vào trong làng hỏi đôi ở úy-uy, lứa tác cũ hãy còn bao ná.

Thăm tận nhà thì chẳng thấy người quen người thuộc, chua cay thay ăn khế với gừng ; nói đến tên thì đã gọi mụ nọ mụ kia, may-mắn bấy trồng-bông ra vả.

Cửa nhà mình đã bưng kín như buồng ; tiếng tăm ta cũng sạch như hoa đá.

Nghĩ cũng phải ăn hơn hờn thiệt, có con có cái, ai nói chi những sự nguyệt hoa ; toan kiếm nơi dứt nỗi tối năm, lạ mặt lạ mày, ai chẳng biết lại chề cổ rạ.

Đầu có ai trẻ mỗ mới lên ; là những chốn xưa nay chẳng bạ.

Thói ngu mà chú xuôi anh ngược, khăn đi Sàng trâu thuốc đến đầu phần ;

vườn yển anh cảnh đó người đầu, cửa ông Hầu gió trăng còn đóng khóa.

Nhân duyên xưa bề ngộ là nghìn, phong-cảnh cũ vàng cây léo lá.

Tim những chốn tre già măng mọc, hàng thịt nguyệt hàng cá, dễ mấy ai cho đáng cải kim , dốc một bài xỉ bỏ thủ cầm, trâu cột ghét trâu ăn, sợ hàng xóm lại kêu thủy hỏa.

Bê-bàng mong hỏi ở Kiều ; thương hại sẽ lira con sá.

Đầu song cho đến cuối song, ở chẳng bằng lòng, vua mây đánh chết, grom thư-hùng tuy rẽ đôi nơi ; dứt dây thì lại nối dây, thế nào tát được giếng này mới thôi, hoa tử muội hãy còn một đóa.

Áo đơn đã lầy dấu hoa thơm, bình không hãy ngát mùi hương xa.

Vào đất văn-vật, mang hư-danh thì phải dư-phòng ; nổi phép vũ-thung, cử bản-tộc âu là truy-nữ.

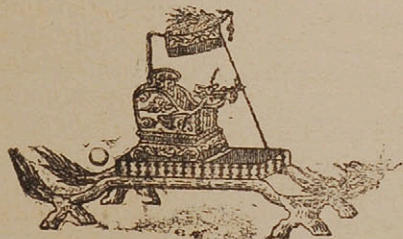
Tiếng tăm kia từ trước đã mang, duyên nợ ấy về sau khôn trả.

Nếu trước những trồng bông trồng đậu, hết truyện trò chó chết thì thôi ; từ rày đừng yêu trái yêu hoa, mắt công ấy voi đầu mà tạ.

Nay, một nén hương thừa ; ba tuần rượu hã.

Kể chi những đờng kia nổi nọ, đi thì đi cho thoát, kẻ đã về kiếp ấy thì thôi ; dù chẳng nên nghĩa trước tình sau, chó thì chó cho xong, ai còn có con hoai mà gả.

VÔ-DANH



# THỜI-ĐÀM

## Việc thế-giới

**Thời-cục nước Tàu.** — Nước Tàu gần đây về việc ngoại-giao tuy cũng có nhiều điều khó-khăn, nhưng cũng thấy dần dần giao-thiệp thỏa-tễ; việc nội-chính thì theo như các điện-tư cũng thấy dần-dà tiến hành, có vẻ lạc-quan.

**Bình-chính.** — Việc bình-chính thì Chính-phủ Quốc-dân đã mở hội biên-khiển, là thu-biên quân công-trang, khiển-tán quân già yếu, để tổ-chức lại. Các ủy-viên, trừ bọn ủy-viên trung-ương Tưởng Giới-Tạch. Hồ Hán-Dân, Trương Tinh-Giang bảy người ra, còn cử các bộ-trưởng và các chủ-tịch các tỉnh sung vào, tất cả là 23 người. Lý Tế-Thâm ở Quảng-châu cũng lên Nam-kinh để dự hội ấy.

Các nhà linh-lự quán-sự cũng đều tán-thành việc quân-quyền tập-trung, có thể khỏi được cuộc nội-loạn; quyền tài-chính thực-hành việc thống-nhất. Đã quyết-định chia cả nước làm năm khu biên-khiển là:

Năm tỉnh đông-nam làm khu thứ nhất;

Hai tỉnh Hồ, hai tỉnh Quảng, Vân-nam, Qut-châu, Tứ-xuyên làm khu thứ hai;

Sơn-tây, Sát-cáp-nhĩ và Tuy-viễn làm khu thứ ba;

Hà-nam, Thiểm-tây, Cam-lúc, Sơn-dông làm khu thứ tư;

Bốn tỉnh đông-bắc làm khu thứ năm;

Quốc-dân-quân tất cả đều thuộc về quyền hội Biên-khiển. Từ chức sự-trưởng trở xuống đều do chính-phủ bổ dùng.

Quyết-nghị giảm số binh-linh thường-trực xuống làm 65 sư-đoàn, nghĩa là 800 nghìn người, bằng nửa binh-số bảy giờ.

Lại quyết-định số quân quốc-phòng cả nước là 70 vạn người, cứ coi cái tình-hình chính trị và tài-chính ở các tỉnh

mà định. Số quân-phí hằng năm theo như số dự-toán của bộ tài-chính đã định là 192.000.000 đồng.

Các binh-sĩ bị thải thì tổ-chức dùng làm việc khẩn đất và làm đường-sá.

Nghe đầu Hội-đồng lại quyết-nghị cử một viên cố vấn chuyên-môn người Đức tổ-chức hẳn lại binh-gia cùng các binh-khí.

**Biru-chính.** — Chính-phủ Nam-kinh cử một người Na-uy vào chức tổng-quản-đốc Biru-điện, thế chân cho M. PICARD DESTELAN là người Pháp từ-chức, thế là Chính-phủ Nam-kinh không chiều một bản giao-uớc năm 1922 bắt-buộc chính-phủ Trung-hoa phải hỏi ý-kiến nước Pháp về việc bỏ các viên-chức biru-điện.

**Thu-hồi Tô-giới.** — Các tô-giới cũ của Nga và cửa Đức ở Hán-khâu bắt đầu từ năm 1929 thì thu-hồi giao về quyền hội-đồng thành-phố Vũ-Hán.

Bộ ngoại-giao Nam-kinh lại định thực-hành việc thu-hồi tô-giới Tỉ ở Thiên-tân, đã phái Hoàng Du-Pháp chuyên coi về việc ấy. Hiện hai bên đương giao-thiệp.

Vương Chính-Đình tổng-trưởng ngoại giao có nói rằng trong năm 1929, liệt-quốc sẽ trả lại Trung-hoa máy tô-giới, và sẽ bắt đầu điều-đinh việc bãi cải quyền linh-sự tài-phần.

**Đặt đường hỏa-xa.** — Quan Tổng-trưởng bộ hỏa-xa là Tôn Khoa sắp đặt một ban hội-đồng quốc-dân để dự thảo chương-trình đường hỏa xa khắp các miền. Hội-đồng sẽ soạn một cái chương-trình có những việc sau này là quan-trọng:

Việc trừ tiền đề chi vào các công việc;  
Dùng thái-bình vào việc làm hỏa-xa;  
Đặt các cơ-quan trông nom công việc.

Người ta nói Tôn Khoa định mỗi năm làm 1.600 cây-lô-mét hỏa-xa, và nay mai sẽ đặt các đường hỏa-xa Nam-kinh-Quảng-châu, và Nam-kinh-Tường-sa. Đường thứ hai này có lẽ sẽ nối cho đến tỉnh Vân-nam.

Ngoại-giao. — Trung-hoa đối với Nhật-bản đòi bên vẫn chưa điều-định giao ước xong, Q.ốc-dân Chính-phủ định rằng nếu quân Nhật ở Sơn-dông không rút về, thì việc giao thiệp Trung-Nhật không bao giờ mở cuộc đàm phán.

Nghe đâu lại định rằng nếu đến mùng một tháng hai 1929, Nhật-bản không lập giao-ước quan-thuế với Trung-hoa thì Nhật-bản sẽ phải coi là một nước vô-ước.

Nhưng người Nhật thì định rằng cứ để trú-binh ở Sơn-dông, cho đến khi nào Nhật được đủ các khoản bảo-chứng về sự bảo-an của kiều-dân, mới rút trú-binh về. Vì thế Trung Nhật hai bên vẫn găng nhau chưa điều-định xong. Nên cái phong trào đề-chế Nhật-hóa vẫn càng ngày càng lan rộng. Mới rồi ở Hán-khẩu lại khởi lên cái phong-trào phản Nhật rất dữ-dội. Nguyên vì đoàn thủy-binh Nhật-bản diễn tập chiến-thuật, có năm chiếc xe súng trái-phá qua một con đường nhỏ hẹp, lại cùng hàng cùng đi, đề phải một người Trung-hoa là T. hũy Hạnh-Lâm, được một hôm thì người ấy chết. Toà giao-thiệp Hán-khẩu phải người đến tòa lãnh-sự Nhật kháng-nghị về việc ấy, yêu-cầu trừng-trị kẻ gây nên và phải bồi-thường cho gia-quyển người chết, và yêu-cầu theo như án nghị-quyết Hoa-tĩnh-đồn rút hết thủy-binh Nhật ở Hán-khẩu về nước. Nhưng lãnh-sự Nhật không chịu nhận lỗi. Các đoàn-thể dân-chúng Trung-hoa ở Hán-khẩu lấy làm căm tức lắm. Hội phản-Nhật lập tức mở hội bàn mở rộng việc phản-Nhật, hạ lệnh cho các người Trung-hoa làm ở các tiệm buôn và các nhà riêng người Nhật đều phải bỏ việc cả, và ngăn-cấm không

cho chở lương-thực vào Tô-giới Nhật. Vì thế những người Trung-hoa làm công với Nhật đều bỏ việc ra khỏi Tô-giới. Đến cả bọn cu-li và bọn bồi ở Tô-giới Nhật cũng đình-công đến hàng vạn người.

Người Trung-hoa có đặt ra đội công-nhân cũ-sát để coi xét người Trung-hoa và duy-trì trật-tự.

Còn đối với người Nhật thì giữ theo một cái kỷ-luật văn-minh chỉ chọn về đường kinh-tế, chứ không sinh ra việc gì bạo-động.

Vì thế kiều-dân Nhật ở Tô-giới Hán-khẩu bị khó-khăn về đường lương-thực, những nhà thương-diểm Nhật ở ngoài Tô-giới đều phải nhất-luật đình-nghiệp.

Nhà máy điện của Nhật ở Hán-khẩu, bao nhiêu thợ Trung-hoa cũng đều đình-công cả, người Nhật phải phải linh thúy vào làm thay mới đủ điện dùng.

Viên lãnh-sự Nhật ở Hán-khẩu đến yết-kiến viên giao thiệp Trung-hoa là Hồ Tôn-Đặc yêu-cầu giải-tán đội công-nhân cũ-sát, Hồ nói việc bãi-công hệ do ở ý dân, chưa tiện can-thiệp. Tô-giới Nhật phải giới-bị rất nghiêm, hạm đội Nhật đến Hán-khẩu đã có mười chiếc, quân thủy đều lên bộ chia phòng-bị các nơi đội tiện-y thỉnh-thoảng lại qua sang nội-địa Trung-hoa để khai-hán.

Chính-p'ủ Quốc-dân đối với cái phong-trào Hán-khẩu đã hạ-lệnh cho các nhà đương cục hết sức duy-trì trật-tự. Sau có tin ở đó đã dần-dần khôi-phục nguyên-tạng.

Quan sứ-thần Nhật có gửi giấy phản-kháng kịch-liệt với Chánh-phủ quốc-dân về việc đề-chế Nhật bản và việc phong-tỏa Tô-giới Nhật ở Hán-Khẩu. Quan ngoại-giao tổng-trưởng Trung-hoa trả lời không thể dẹp những việc lời-thôi ấy được, vì cái trách-nhiệm nguyên-do tại Nhật-bản đem quân đến Sơn-dông.

Nước-Nhật đối với việc Đông tam tỉnh. — Sau khi Đông tam tỉnh đổi cơ,

đư-luận Nhật-bản chưa có tỏ ý ra thế nào, chỉ có hai tờ báo Triều-Nhật Tân-văn và báo Tri-tân-văn hơi có ý công-kích thủ-tướng Điền - trung đối với Trung-hoa thật là thất-sách, nên đến nỗi bị thất-bại như ngày nay. Phương-diện chính-giới cũng chưa có tỏ ý ra làm sao, có lẽ chính-phủ Nhật cho là cái quyền lợi của người Nhật ở Trung-hoa nếu không có ảnh-hưởng gì, thì quyết giữ cái thái-độ lãnh-tĩnh vậy.

Chợt đầu ở Phụng-thiên lại khởi ra việc chính-biến rất lớn là việc Trương Học-Lương bắt giết Dương Vũ-Đình và Thường Ấm-Hòe là phái thân Nhật mà lại là người phản-đối việc đổi cơ.

Có tin ở Thâm-dương (tỉnh-thành Phụng-thiên) nói rằng sau khi Trương Học-Lương bắt Dương Vũ-Đình và Thường Ấm Hòe rồi liền mở tòa án quân-sự đặc-biệt để xét xử, chỉ trong năm giờ đồng-hồ là tuyên-bổ tội-trang giải ra sân chết ngay.

Trương Học-Lương mà bỗng dưng bắt giết Dương, Thường hai người một cách quả-quyết như thế, là vì đã xét rõ được cái âm-mưu bạn nghịch của hai người về tội phản-đối cái chánh-sách mới của Phụng-thiên thân-thiện với Nam kinh, nhất là ngăn-cản việc chuyển giao cho Nam-kinh tất cả các vấn-đề ngoại-giao quan-hệ về Mãn-châu và dự vào các việc âm-mưu hại chánh-phủ.

Trong một bài tuyên-bổ kỳ tên Trương Học-Lương và các quan về chánh-phủ Phụng thiên, có kể các duyên-cớ về việc xử tử Dương Vũ-Đình và Thường Ấm-Hòe. Trong bài ấy nói: « Hai người ấy gây nên cái nạn chiến-tranh trong sáu năm trời, hai người trợ-lực cho việc khởi-nghịch với Phụng - thiên trong buổi Nam bắc phân-tranh về năm 1924 từ khi bắc-quân bỏ Bắc-kinh, hai người dùng hết sức để ngăn-cản việc thi-hành các phương-sách đã ấn-định với chính-phủ Quốc-dân để rút bắc-quân ở Long châu về, và đem các dụng-cụ hỏa-xa

trở về; các chức quan-trọng, hai người ấy đem cho các người thân-thuộc và lạm-dụng cái thế-lực của mình mà đòi rất nhiều tiền. Nay Trung-hoa đã thống nhất, mà hai người ấy cứ phản-đối chánh-sách mới của Trung-hoa, thì cái thế phải trừ hai người ấy đi »

Cứ như lời của các viên-chức của Phụng-thiên thì số tiền của mấy viên tướng bị xử, lấy đi cộng tới 200 nghìn dollars.

Viên lãnh-sự Nhật ở Phụng-thiên có vàng lệnh chính-phủ Nhật chất-vấn Trương Học-Lương vì có gì bắt giết Dương Vũ-Đình, và có chắc giữ được khỏi vì việc ấy mà sinh ra rối loạn chăng. Trương Học-Lương chưa đáp ra làm sao cả.

Người ta bảo rằng Dương mà chết đi rất hại cho việc điều-đinh của Nhật, và có hại lớn cho quyền-lợi của người Nhật. Vì Dương là một người chủ-trương việc thân Nhật.

Có tin ở Thiên-lân rằng việc Dương Vũ-Đình và Thường Ấm-Hòe bị giết có quan hệ về cái án Trương Tác-Lâm bị ném « bom » ở đồn Hoàng-cổ.

Trương Học-Lương vừa cấp cho hai nhà Dương Vũ-Đình và Thường Ấm-Hòe mỗi nhà một vạn đồng để làm phí-trị-tang. Hối với các thân-thuộc và bộ-thuộc của hai người, những phần-tử tru-tù đều lưu dùng cả, không trị tội những người bị hiếp theo.

Xét ra người Nhật muốn lợi-dụng việc nội loạn ở Đông-tam lĩnh để lấy cơ tiến binh. Sau khi Trương Tác-Lâm bị ném « bom » chết, Trương Học-Lương vẫn duy-trì được toàn-cục trật-tự không biến, đó là một sự thất-bại về cái kế hoạch thứ nhất của nước Nhật định đem quân đến Đông-tam-lĩnh. Lần này đảng An-phúc (đảng Đoàn Kỳ-Thụy) mở cuộc hội-nghị ở Đại-liên kế-hoạch là liên-hợp Dương Vũ-Đình để đánh đổ Trương Học-Lương. Đại-liên ở dưới quyền quân-trị của Nhật-bản, đảng An-

phục mở cuộc hội nghị ngay ở đó. thì ai là người đứng sau giúp sức cho đảng ấy, không hỏi cũng đủ biết vậy. Kết quả Dương, Thường bị giết, chính-cục Phụng-thiên vẫn yên-tĩnh như thường, cái kế-hoạch thứ hai về việc tiến-binh của Nhật lại bị thất-bại.

Trương Học-Lương và đảng quốc-dân. — Trương Học-Lương vào đảng Quốc-dân do Tưởng Giới-Thạch, Đàm Diên-Khải làm người giới-thiệu. Từ chừng-thư đã giao cho Phương Bản-Nhân chuyển-giao cho Trương Học-Lương. Trương Học-Lương sẽ làm lễ phát-thệ với viên đại-biêu của chánh-phủ Quốc-dân, về việc ưng theo các tôn-chỉ Quốc-dân-dãng. Trong lời phát-thệ cam-doan không thiên vị với thân-thích của mình và khôn lợi-dụng cái địa-vị của mình để ăn lỗ.

Đông-tam-tỉnh đã phục-tòng Chính-phủ Quốc-dân. — Phụng-thiên, Cát-lâm, Hắc-long-giang, Nhiệt-hà và Cát-nhĩ-tân đều đã cùng thời đổi treo cờ thanh-thiên bạch-nhật và đổi hội bảo-an ở Đông-tam-tỉnh làm hội đồng-bắc-chính-trị ủy-viên. Trương Học-Lương có điện cho Tưởng Giới-Thạch nói từ đây xin phục-tòng chính-phủ Quốc-dân, chịu quyền chỉ-huy và xin lấy ngày 29 Décembre làm ngày kỷ-niệm đảng quốc-dân thống-nhất Trung-quốc.

Trương Học-Lương đã thông lệnh cho các quân từ đây bỏ cái danh-ngữ bảo-an tổng-tư-lệnh, nhận chức đồng-bắc biên-phòng-quân tư-lệnh, do chính-phủ Quốc-dân ủy cho.

Thang Ngọc-Lân đã điện đến chính-phủ Nam-kinh nói rằng đã tuân-lệnh nhận chức chủ-tịch tỉnh Nhiệt-hà.

Chính-phủ Nam-kinh nhận được tin ở Phụng-thiên nói rằng: Trương Học-Lương luôn mấy ngày triệu-tập Hội Đồng-bắc chính-vụ ủy-viên quyết-nghị rằng:

1) Thông-lệnh cho chính-phủ bốn tỉnh Phụng-thiên, Cát-lâm, Hắc-long-

giang, Nhiệt-hà hạn trong bảy ngày phải chính-thức thành-lập, nếu còn thiếu ủy-viên thì xin chính-phủ trung-ương bổ thêm cho;

2) Phái-viên xếp đặt việc cho nhà Dương Vũ-Đình và Thường Âm-Hoè cùng việc trị-lang của hai người ấy;

3) Điện giục Phương Bản-Nhân mau lên miền bắc nhận chức;

4) Cử định các ủy-viên lập-pháp phái đến Nam-kinh;

5) Quân-đội ở ngoài cửa quan nếu không có lệnh chính-phủ trung-ương thì không được vào cửa quan;

6) Hết thảy các việc ngoại-giao đều nghe theo quyền chỉ-huy của chính-phủ trung-ương.

Chính-sách đối với Trung-hoa của thủ-tướng Đền-trung nước Nhật bị thất-bại. — Ông Vinh-Bảo là công-sứ ở nước Nhật có điện về chính-phủ Nam-kinh nói rằng chính-phủ Nhật đem quân đến ở Sơn-đông, phí tổn một số tiền năm nghìn vạn yên, bị phải nguyên-lão ở viện Khu-mật công-kích, đảng dân-chính ở trong nghị-hội cũng lấy cái chính-sách đối với Trung-hoa của thủ-tướng Diên-trung bị thất-bại hẳn nên hết sức công-kích, Diên-trung lấy làm nguy lắm, sắp sai Phương-trạch sang Trung-hoa, và giục lĩnh-sự Thủ-điền ở Thượng-hải mau mau cùng chính-phủ Trung-hoa hiệp-thương, và nói nước Nhật sẽ lập-tức rút quân-đội Sơn-đông về.

Chính-đảng Nhật-bản mới lập thành do Tokonami chủ-trương có tuyên-bổ một bài xin công-nhận chánh-phủ Quốc-dân, lập với Trung-hoa các giao-ước bình-dẳng và kíp triệt trú-binh ở Sơn-đông.

Bộ ngoại-giao ở Nam-kinh nói nếu chính-phủ Nhật-bản hứa triệt trú-binh ở Sơn-đông, thì chính-phủ sẽ thi-hành các phương-sách riêng để bảo-hộ kiều-dân Nhật-bản. Chánh-phủ Nhật ưng việc ấy.

Chánh-phủ Nam-kinh đã thi-hành các phương-sách riêng để bảo-hộ kiều-dân Nhật-bản ở Sơn-dông.

Lời truyền-ngôn đối-ngoại của chính-phủ Quốc-dân — Vương Chính-Bình là ngoại-giao tổng trưởng chính-phủ quốc dân có phát-biểu lời tuyên-ngôn, đại-ý nói rằng : Chính-phủ Quốc-dân đã thiết-thực bảo-hộ sinh-mệnh và tài-sản của người ngoại-quốc ở Trung-hoa và chính-phủ Quốc-dân vì cái ý kiến cố làm cho được cái chính-sách ấy, đã hết lòng kế-hoạch, chăm cầu sự an-toàn của kiều-dân ngoại-quốc ở Trung-hoa không có thiên-vị một người nào.

Nếu chính-phủ Nhật có thể tỏ ý xin tùy-thời rút hết quân Nhật ở trong tỉnh Sơn-dông về, chính-phủ Quốc-dân sẽ lại lấy cái phương pháp chu-mật để bảo-hộ kiều-dân Nhật ở Sơn-dông, cốt khiến cho chính-phủ Nhật không còn ngờ sợ gì nữa.

Các giao-ước về Đông-Pháp. — Quan sứ-thần DE MARTEL đã đi Nam-kinh với M. GARNEAU ủy-viên tại sứ bộ để điều-định các giao-ước về Đông-dương.

Các báo Trung-hoa có kể những khoản của Trung-hoa yêu-cầu về bản giao-ước với Đông-dương đương soạn. Các khoản ấy như sau này :

1) Trung-hoa lấy lại đường hỏa-xa Vân-nam ;

2) Nước Pháp bãi các luật-lệ mà người Trung-hoa cho là phiền nhiễu cho người Hoa-kiều ở Đông-dương ;

3) Bãi thuế thân ;

4) Cải-lương các phương-sách xem-xét người Trung-hoa khi vào Đông-dương.

5) Bãi cái lệ lấy dấu đầu ngón tay ;

6) Cải-lương mọi việc lợi cho hàng-hóa Trung-hoa nhập-cảng Đông-dương ;

7) Lập lĩnh-sự Trung-hoa.

Về các tin của các báo Trung-hoa đã gửi đến Paris, mà các báo Anh cũng đăng, nói rằng người Trung-hoa yêu-cầu lấy lại đường hỏa-xa Vân-nam, thì ở chính-điểm của công-ti, có nói công-ti không thấy nói gì về việc ấy cả.

Bản hiệp-ước về quan-thuế của nước Pháp với Trung-hoa. — Vô-tuyên-diện vừa báo cho ta biết nguyên-vấn bản hiệp-ước về quan-thuế của nước Pháp và Trung-hoa vừa ký xong, như sau này :

« Chính-phủ Dân-quốc Đại-Pháp và chính-phủ Dân-quốc Trung-hoa vì nhiệt thành muốn cho cái tình thân-ái của hai nước với nhau càng thêm bền chặt, muốn mở-mang việc giao-thiệp thương-mại của hai nước với nhau, vậy cùng nhau ấn-định lập một bản hiệp-ước, cử những vị sau này làm đại-biểu mỗi nước để lập bản hiệp-ước ấy.

Đại-biểu cho quan Giám-quốc nước Pháp :

Bá-tước DE MARTEL, sứ-thần nước Pháp tại Trung-hoa, đệ-tam-đẳng Bắc-đầu-bội-tinh.

Đại-biểu cho quan Thống-linh chính-phủ Dân-quốc Trung-hoa.

Bác-sĩ Vương Chính-Bình, ngoại-giao bộ tổng-trưởng của chính-phủ Dân-quốc Trung-hoa.

Hai bên đã trao đổi cùng nhau biết cái quyền-hạn hợp-phép của mình rồi, bên cùng nhau ấn-định như sau này :

Điều I. — Phạm các thuế-lệ trong các hiệp-ước từ trước của nước Pháp với Trung-hoa mà hiện nay hãy còn thi-hành về giá thuế các hàng-hóa nhập-cảng và xuất-cảng, giá quan-thuế, giá thuế giao-dịch, và trọng-lãi ở Trung-hoa đều tiêu-hủy hết và không thi-hành nữa ; từ nay trở đi sẽ thực-hành cái tôn-chỉ hoàn-toàn-tự-chủ về giá các thuế thương-chính và các vấn-đề phụ-thuộc ; thế nhưng mỗi bên trong lưỡng-phương ở các địa-giới, tô-giới, xứ thuộc-địa, xứ bảo-hộ của bên kia, về những vấn-đề đã ấn-định trên này cùng những vấn-đề phụ-thuộc đều được đối-đãi không kém gì các cường-quốc khác được hưởng.

Điều II. — Phạm nhân-dân của mỗi bên trong lưỡng-phương ở trong địa-giới, tô-giới, xứ thuộc-địa, xứ bảo-hộ của bên kia không thể vin có gì mà phải chịu nộp một thứ thuế-má gì, hay thứ thuế gì định ở trong xứ về các hàng

nhập - cảng, xuất - cảng cao hơn hay khác với nhân-dân ở xứ ấy hay nhân-dân các cường-quốc khác.

Điều III. — Bản hiệp-ước này làm bằng chữ Pháp và chữ Trung-hoa, hai bên đều đã so-sánh rất cẩn-thận, nhưng nếu gặp trường-hợp hai bên có chỗ khác nghĩa nhau, thì phải dùng bên chữ Pháp hơn.

Bản hiệp-ước này sẽ duyệt y ngay và trao đổi sự duyệt-y ở Paris. Hễ khi nào hai chính-phủ đã báo cho nhau biết rằng bản hiệp-ước đã duyệt-y rồi, thì sẽ lập-tức thi-hành.

Vì các lẽ ấy, các đại-biểu hai nước đã ký hiệp-ước làm hai bản và đóng ấn vào.

Làm tại Nam-kinh, ngày hai-mươi-hai tháng chạp năm 1928 tức là ngày hai mươi hai tháng chạp năm Trung-hoa Dân-quốc thứ 17. »

Chính-phủ Quốc-dân đối với việc

### Việc trong nước

☐ **Lược-thuật các việc.** — Sau khi quan Toàn-quyền PASQUIER nhận chức ở Phủ Toàn-quyền rồi, thời các đoàn-thể lần-lượt làm lễ nghênh-tiếp ngài: viện Nhân-dân đại-biểu Bắc-kỳ, hội Thương-mại, hội Canh-nông Bắc-kỳ v.v. Các cuộc nghênh-tiếp ấy đều tỏ ra cái ý các đoàn-thể có lòng tin-cậy ở quan Toàn-quyền lắm.

Nghe đầu vào khoảng tết An-Nam thì quan Toàn-quyền cùng với quan Thống-sứ Bắc-kỳ sẽ đi kinh-lý các tỉnh biên-thùy giáp Tàu.

Chức Tài-chính-cục-trưởng Đông-dương nguyên trước là quan LAVIT lĩnh, nay ngài được bổ khâm-sứ Cao-miên thì chức ấy khuyết. Vậy chính-phủ Pháp mới bổ một quan tổng-thanh-tra tài-chính bên Pháp, là quan DIETHELM sang sung chức ấy. Quan DIETHELM còn trẻ lắm, năm nay mới có 32 tuổi, nguyên tốt-nghiệp ở trường Cao-đẳng-sư-phạm ra, không đầy mười năm làm đến chức « tổng-thanh-tra » (*inspecteur général des Finances*), lại đã từng làm cố-vấn tài-chính cho chính-phủ nước Tchero-slovaquie, có công lắm.

Từ-xuyên. — Chính-phủ Quốc-dân trung-ương đố. với việc chiến-tranh ở Từ-xuyên đại-ý như sau này :

- 1) Do chính-phủ Quốc-dân phải đại-viên đến tỉnh ấy dùng cách tiêu-phủ.
- 2) Trách cứ Đặng Tích-Hầu, Điền Tụng Nghiêu chịu trách-nhiệm dẹp loạn.

Việc chiến-tranh ở tỉnh ấy nghe dân vì sự tranh nhau thuế thuộc phiện và thuế muối.

Lưu Tương ở Từ xuyên có điện về Nam-kinh trình rằng hiện đã đánh tan được quân Dương Xâm, việc chiến-tranh đã kết-thúc, xin chính-phủ phái đại-viên đến tra xét.

Chính-phủ Quốc-dân đã hạ-lệnh cách Dương Xâm và giao cho Lưu Văn Hựu Lưu Tương, Đặng Tích Hầu, Điền Trung Nghiêu cùng chịu trách-nhiệm duy-trì cuộc trị-an tỉnh ấy.

Ở Nam-kỳ thì quan nguyên Thống-đốc BLANCHARD DE LA Brosse đã sang Tàu để hội-thương với quan Chánh-sứ DE MARTEL về việc tu-ước với Chính-phủ Tàu. Đợi quan Thống-đốc mới KRAUTHEIMER ở Pháp sang thời chức Thống-đốc Nam-kỳ giao quan thanh-tra EUTROPE quyền lĩnh.

Trong khoảng tháng giêng tây có mấy quý-khách qua Đông-dương: ông ALBERT THOMAS nghị-viên Pháp, lĩnh chức « Quốc-tế Lao-động-cục-cục-trưởng » (*Directeur du bureau international du travail*): KAUFFMANN, công-sứ Đan-mạch ở Bangkok, tướng Nhật-bản MATSUI.

Trong quan-giới ta thì quan Thiếu Hoàng Trọng-Phu, tổng-đốc Hà-dông mới được thăng-thưởng đệ-nhi-đẳng Bắc-đầu-bội-tinh (*Grand officier de la Légion d'honneur*), thật xứng đáng lắm.

### Nam-Phong Tùng-Thư

Mời xuất-bản :

Chính-trị nước Pháp, quyển II, có tự-vựng các danh-từ về Pháp-chính Quyền này dày hơn các quyển khác (158 trang), giá bán 5 hào.